



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 146

Địa chỉ: 146 Đỗ Xuân Hợp, P.Phước Long A, Tp. Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại : 08.37282801 – 0903 622 996 Web: diachat146.vn

-----o0o-----

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT

CÔNG TRÌNH:

**DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION
(ĐỊA ĐIỂM 3+4)**

ĐỊA ĐIỂM:

**LÔ D1, D2, D3, D4, D5 KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ TÂN, PHƯỜNG HÒA PHÚ,
TP. THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**



TP.HCM, 01-2024



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 146

Địa chỉ: 146 Đỗ Xuân Hợp, P.Phước Long A, Tp. Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh

-----o0o-----

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT

CÔNG TRÌNH:

**DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION
(ĐỊA ĐIỂM 3+4)**

ĐỊA ĐIỂM:

**LÔ D1, D2, D3, D4, D5 KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ TÂN, PHƯỜNG HÒA PHÚ,
TP. THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*** CHỦ TRÌ ĐỊA CHẤT**

KỸ SƯ:

PHẠM TRUNG KHOA

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 146

GIÁM ĐỐC

KS. NGUYỄN CẨM TÚ

MỤC LỤC

I. PHẦN CHUNG:	2
1. Mục đích yêu cầu và nhiệm vụ của công tác khảo sát:	2
2. Các căn cứ phục vụ công tác khảo sát:	2
3. Khái quát điều kiện mặt bằng:	3
4. Khối lượng, tiến độ công việc khảo sát:	3
II. CÔNG TÁC HIỆN TRƯỜNG:	4
1. Công tác khoan:	4
2. Công tác lấy mẫu:	4
3. Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT):.....	4
III. THÍ NGHIỆM TRONG PHÒNG:.....	5
IV. NHỮNG VẤN ĐỀ KỸ THUẬT KHÁC.....	6
V- ĐIỀU KIỆN ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH	7
VI. TÍNH TOÁN THAM KHẢO	14
VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	14
1. Kết luận:	14
2. Kiến nghị:	14



BÁO CÁO ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH

**CÔNG TRÌNH: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION
(ĐỊA ĐIỂM 3+4)**

**ĐỊA ĐIỂM: LÔ D1, D2, D3, D4, D5 KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ TÂN, PHƯỜNG HÒA PHÚ,
TP. THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

I. PHẦN CHUNG:

1. Mục đích yêu cầu và nhiệm vụ của công tác khảo sát:

*** Mục đích khảo sát:**

- Xác định các chỉ tiêu cơ lý của các lớp đất cấu tạo nên mặt cắt địa chất.
- Xác định rõ mặt cắt địa chất dựa trên cơ sở đặc điểm địa chất và các tính chất cơ lý của đất đá tại công trình khảo sát, sự phân bố của các lớp đất đá theo chiều rộng, chiều sâu trong khu vực khảo sát.

*** Nhiệm vụ khảo sát:**

Công tác khảo sát phải giải quyết các nhiệm vụ sau:

- Sự phân bố của các lớp đất đá theo chiều rộng, chiều sâu trong khu vực khảo sát.
- Thu thập, xác định được các chỉ tiêu cơ lý của đất nền, tính đồng nhất, độ bền của đất tại hiện trường và trong phòng thí nghiệm, sức chịu tải của các lớp đất trong khu vực khảo sát để từ đó người thiết kế có số liệu thiết kế, lựa chọn giải pháp móng, kích thước móng và độ sâu chọn móng an toàn và hợp lý cho từng hạng mục công trình có tải trọng khác nhau.
- Xác định đặc điểm, cao độ mực nước ngầm trong khu vực khảo sát ảnh hưởng đến điều kiện thi công, sử dụng công trình.

2. Các căn cứ phục vụ công tác khảo sát:

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ theo khả năng của Công ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng 146.
- Căn cứ vào các tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành:



Khảo sát hiện trường:

Khảo sát cho xây dựng – nguyên tắc cơ bản	: TCVN 4419-1987
Tiêu chuẩn thiết kế nhà và công trình	: TCVN 9362-2012
Khảo sát địa kỹ thuật cho nhà cao tầng	: TCVN 9363-2012
Phương pháp lấy mẫu, bao gói, vận chuyển mẫu	: TCVN 2683 -2012
Phương pháp thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT	: TCVN 9351-2012

Thí nghiệm trong phòng:

Phương pháp xác định khối lượng riêng	: TCVN 4195 -2012
Phương pháp xác định độ ẩm	: TCVN 4196 -2012
Phương pháp xác định giới hạn Atterberg	: TCVN 4197 -2012
Các phương pháp xác định thành phần hạt	: TCVN 4198 -2014
Phương pháp xác định sức chống cắt ở máy cắt phẳng	: TCVN 4199 -1995
Phương pháp xác định tính nén lún	: TCVN 4200 -2012
Phương pháp xác định khối lượng thể tích	: TCVN 4202 -2012
Chỉnh lý thống kê các kết quả thí nghiệm	: TCVN 9153 -2012

3. Khái quát điều kiện mặt bằng:

Vị trí khảo sát công trình “Dự án Công Ty TNHH Công Nghiệp New Motion (Địa Điểm 3+4) ” Tại địa điểm Lô D1, D2, D3, D4, D5 Khu Công Nghiệp Phú Tân, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, gần đường giao thông nên điều kiện mặt bằng tương đối thuận lợi cho công tác khoan khảo sát địa chất.

4. Khối lượng, tiến độ công việc khảo sát:

Khối lượng khoan: 12 hố khoan sâu 25m.

Công tác khảo sát địa chất được tiến hành thời gian từ ngày 18/12/2023 đến ngày 22/12/2023.

Công tác khoan: 18/12 22/12/2023

TN trong phòng: 23/12/2023 04/01/2024

Lập báo cáo: 29/12/2023 04/01/2024

THÀNH PHẦN THAM GIA:

1. *Thí nghiệm trong phòng: KS. Sú Phóng Vành*
2. *Chủ trì địa chất: KS. Phạm Trung Khoa*



II. CÔNG TÁC HIỆN TRƯỜNG:

Khối lượng khảo sát bao gồm những công việc chính sau đây:

1. Công tác khoan:

Bộ dụng cụ khoan gồm:

- 1 máy khoan của Trung Quốc và các trang thiết bị.
- Máy bơm piston.
- Ống thép mở lỗ đường kính trong 110mm.
- Ống lấy mẫu là m
- ột ống vách mỏng miệng vạt bên từ ngoài vào có đường kính trong 74mm, dài 600mm.
- **Khối lượng khoan: 12 hố khoan sâu 25m. Ký hiệu: HK1, HK2, ... , HK12.**

2. Công tác lấy mẫu:

- *Đất dính:* Mẫu nguyên dạng được lấy bằng cách ép hoặc đóng ống mẫu thành mỏng, $\phi = 75\text{mm}$ vào đáy hố khoan đã được làm sạch, mẫu được lưu giữ trong ống nhựa PVC có chiều dài 20cm được bọc kín parafin, dán nhãn và đặt vào nơi mát mẻ.
- *Đất rời:* Mẫu đất rời được lấy trong ống mẫu SPT và được lưu giữ trong bao plastic có dán nhãn.
- Mẫu đất nguyên dạng lấy theo độ sâu dự kiến của mỗi hố khoan, đơn vị khảo sát tiến hành lấy 2 mét 1 mẫu thí nghiệm cho đến hết chiều sâu hố khoan.

3. Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT):

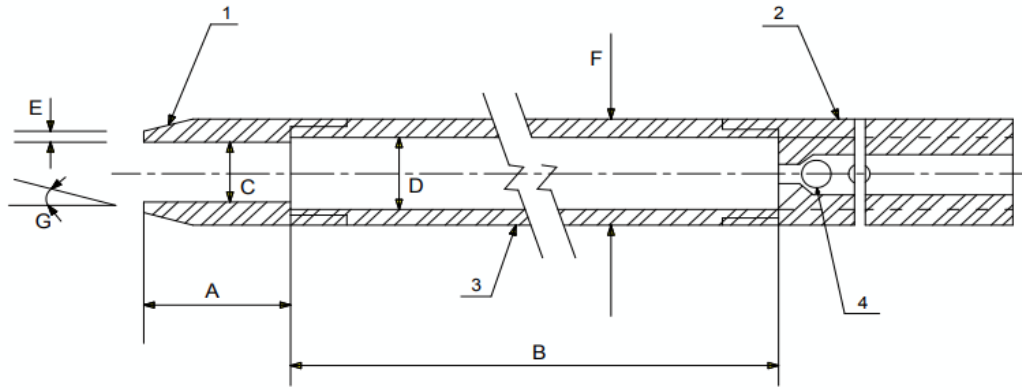
** Mục đích:*

Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn được tiến hành cùng với công tác khoan thăm dò, để xác định địa tầng, độ chặt của cát, trạng thái của đất sét. Thí nghiệm này còn dùng để xác định chiều sâu dừng khoan khảo sát.

** Nguyên tắc thí nghiệm:*

Thí nghiệm SPT được tiến hành thí nghiệm trong tất cả các lỗ khoan, mỗi 2 mét khoan sâu sẽ tiến hành 1 thí nghiệm SPT đến hết chiều sâu hố khoan.

** Thông số kỹ thuật thiết bị thí nghiệm:*



A (mm)	B (mm)	C (mm)	D (mm)	E (mm)	F (mm)	G (°)
(25 ± 75)	(450 ± 750)	(35,00 ± 0,15)	(38,0 ± 1,5)	(2,50 ± 0,25)	(51,0 ± 1,5)	(16 ± 23)

1 Mũi xuyên 2 Phần đầu nối 3 Phần thân 4 Viên bi

Hình Đầu xuyên

Mũi xuyên, ống mẫu chẻ đôi, đầu có ren nối, các thông số kỹ thuật.

- Chiều dài ống : 813 mm
- + Buồng lấy mẫu: 635 mm,
- + Đường kính trong: ϕ 35mm, đường kính ngoài ϕ 52 mm.
- Tựa tiêu chuẩn:
- + Trọng lượng: 63,5 Kg,
- + Chiều cao rơi tự do: 76cm.

Hiệp đóng: 3 lần x 15cm (N là tổng số của 2 lần đóng về sau).

ĐẤT DÍNH			ĐẤT HẠT RỜI	
SỐ N	SỨC CHỊU NÉN ĐƠN KG/cm ²	TRẠNG THÁI	SỐ N	ĐỘ CHẶT
< 2	< 0.25	Chảy	< 4	Rất bở rời
2 - 4	0.25 - 0.50	Dẻo chảy	4 - 10	Rời
5 - 8	0.50 - 1.00	Dẻo mềm	11 - 30	Chặt vừa
9 - 15	1.00-2.00	Dẻo cứng	31 - 50	Chặt
16 - 30	2.00 - 4.00	Nửa cứng	> 50	Rất chặt
> 30	> 4.00	Cứng		

III. THÍ NGHIỆM TRONG PHÒNG:

Các thí nghiệm sau đây được tiến hành tại Phòng thí nghiệm Cơ Lý Đất Đá & Vật Liệu Xây Dựng LAS-XD1425 tại Phường Phước Long B, Tp. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Thành phần hạt.
- Độ ẩm.
- Dung trọng tự nhiên.

- Tỷ trọng.
- Giới hạn Atterberg.
- Thí nghiệm nén một trục.
- Thí nghiệm xác định góc nghỉ và hệ số rỗng (của cát).
- Nén nhanh.
- Cắt trực tiếp.

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT.

TT	Công việc	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	Khoan trên cạn	Mét	25m x 12hố	$\Sigma = 300m$
2	Thí nghiệm mẫu nguyên dạng	Mẫu	150	
3	Thí nghiệm SPT	Lần	150	
4	Quan trắc nước ngầm sau 24h khoan	Vị trí	12	
5	Thí nghiệm nén cố kết	Mẫu	09	
6	Thí nghiệm mẫu nén ba trục CU	Mẫu	03	
7	Thí nghiệm mẫu hóa nước	Mẫu	03	

IV. NHỮNG VẤN ĐỀ KỸ THUẬT KHÁC

Báo cáo này được lập tuân thủ theo các quy trình hiện hành của Việt Nam.

Đất dính được phân loại theo chỉ số dẻo như sau:

<i>Chỉ số dẻo I_p</i>	<i>Tên Đất</i>
$I_p < 7$	Cát pha
$7 < I_p < 17$	Sét pha
$I_p > 17$	Sét

Đất rời được phân loại theo % thành phần hạt.

Tên đất	Hàm lượng hạt sét 0.005mm (%)
Sét	60 – 30
Sét pha nặng	30 - 20
Sét pha nhẹ	20 - 10
Cát pha nặng	10 - 6
Cát pha nhẹ	6 - 3
Cát	< 3

Trạng thái của đất được phân loại theo độ sệt như sau:

<i>Độ sệt B</i>	<i>Trạng thái</i>
$B > 1$	Chảy
$1 > B > 0,75$	Dẻo chảy
$0,75 > B > 0,5$	Dẻo mềm
$0,5 > B > 0,25$	Dẻo cứng
$0,25 > B > 0$	Nửa cứng
$B < 0$	Cứng

V- ĐIỀU KIỆN ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH

Căn cứ vào kết quả khảo sát hiện trường & kết quả thí nghiệm trong phòng, địa tầng tại công trình: **DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)** có thể chia làm các lớp đất chính như sau:

- 1- Lớp k: Lớp đất san lấp.
- 2- Lớp 1: Á Sét, màu xám vàng - nâu vàng, trạng thái dẻo cứng.
- 3- Lớp 1a: Á Sét, màu xám vàng - xám đen - xám tro - xám nâu, trạng thái dẻo mềm.
- 4- Lớp 2: Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu nâu đỏ - xám trắng - xám tro, trạng thái nửa cứng.
- 5- Lớp 3: Á Sét đôi chỗ lẫn sỏi sạn Laterite, màu xám vàng - nâu đỏ - xám trắng - xám nâu, trạng thái dẻo cứng.
- 6- Lớp 4: Cát pha, màu xám vàng - xám nâu - nâu vàng - xám hồng.
- 7- Lớp 5: Sét, màu xám nâu - xám xanh - xám tro, trạng thái nửa cứng.

Chỉ tiêu của các lớp đất như sau:

Lớp k:

Lớp này gặp tại hồ khoan HK1, HK4, HK5, HK7, và nằm phía trên cùng trong phạm vi khảo sát. Thành phần là Lớp đất san lấp. Bề dày lớp biến đổi từ 0,5m đến 1,5m, trung bình 0,46m.

Lớp 1:

Á Sét, màu xám vàng - nâu vàng, trạng thái dẻo cứng.

Chỉ tiêu cơ lý của lớp này như sau :

- Thành phần hạt :
 - + Hàm lượng % hạt sỏi : 0,7
 - + Hàm lượng % hạt cát : 52,6
 - + Hàm lượng % hạt bụi : 21,5

+ Hàm lượng % hạt sét	: 25,3
- Độ ẩm tự nhiên (W %)	: 20,13
- Dung trọng ướt (γ g/cm ³)	: 1,99
- Dung trọng khô (γ_k g/cm ³)	: 1,65
- Dung trọng đẩy nổi (γ_{dn})	: 1,04
- Tỷ trọng (Δ)	: 2,71
- Độ bão hòa (G)	: 85
- Độ rỗng (n)	: 39
- Hệ số rỗng (e_0)	: 0,642
- Giới hạn chảy (W_L %)	: 30,0
- Giới hạn dẻo (W_p %)	: 15,7
- Chỉ số dẻo (I_p)	: 14,2
- Độ sệt (B)	: 0,31
- Góc ma sát trong (φ°)	: 12°28'
- Lực dính (C kG/cm ²)	: 0,252
- SPT	: 6-11

Nhận xét:

Lớp này gặp tại hồ khoan HK1, HK2, HK3, HK4, HK6, HK7, HK8 và nằm dưới lớp (k). Thành phần là Á Sét, màu xám vàng - nâu vàng, trạng thái dẻo cứng. Độ sâu gặp lớp biến đổi từ 0,0m đến 1,5m. Độ sâu kết thúc lớp biến đổi từ 2,5m đến 3,6m. Bề dày lớp trung bình 2,49m. Giá trị xuyên tiêu chuẩn N30 nhỏ nhất là 6, lớn nhất là 11, trung bình là 8.

Lớp 1a:

Á Sét, màu xám vàng - xám đen - xám tro - xám nâu, trạng thái dẻo mềm.

Chỉ tiêu cơ lý của lớp này như sau :

- Thành phần hạt :	
+ Hàm lượng % hạt sỏi	: 3,7
+ Hàm lượng % hạt cát	: 63,0
+ Hàm lượng % hạt bụi	: 13,2
+ Hàm lượng % hạt sét	: 20,1
- Độ ẩm tự nhiên (W %)	: 18,73
- Dung trọng ướt (γ g/cm ³)	: 2,04
- Dung trọng khô (γ_k g/cm ³)	: 1,72
- Dung trọng đẩy nổi (γ_{dn})	: 1,08
- Tỷ trọng (Δ)	: 2,70

- Độ bão hòa (G)	: 89
- Độ rỗng (n)	: 36
- Hệ số rỗng (e ₀)	: 0,568
- Giới hạn chảy (W _L %)	: 23,4
- Giới hạn dẻo (W _p %)	: 12,8
- Chỉ số dẻo (I _p)	: 10,6
- Độ sệt (B)	: 0,56
- Góc ma sát trong (φ°)	: 9°52'
- Lực dính (C kG/cm ²)	: 0,180
- SPT	: 4-7

Nhận xét:

Lớp này gặp tại hố khoan HK5, HK9, HK10, HK11, HK12 và nằm dưới lớp (1). Thành phần là Á Sét, màu xám vàng - xám đen - xám tro - xám nâu, trạng thái dẻo mềm. Độ sâu gặp lớp biến đổi từ 0,0m đến 0,6m. Độ sâu kết thúc lớp biến đổi từ 2,0m đến 5,5m. Bề dày lớp trung bình 3,12m. Giá trị xuyên tiêu chuẩn N30 nhỏ nhất là 4, lớn nhất là 7, trung bình là 5.

Lớp 2:

Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu nâu đỏ - xám trắng - xám tro, trạng thái nửa cứng.

Chỉ tiêu cơ lý của lớp này như sau :

- Thành phần hạt :	
+ Hàm lượng % hạt sỏi	: 37,7
+ Hàm lượng % hạt cát	: 24,8
+ Hàm lượng % hạt bụi	: 12,1
+ Hàm lượng % hạt sét	: 25,4
- Độ ẩm tự nhiên (W %)	: 19,67
- Dung trọng ướt (γ g/cm ³)	: 2,03
- Dung trọng khô (γ _k g/cm ³)	: 1,70
- Dung trọng đẩy nổi (γ _{dn})	: 1,08
- Tỷ trọng (Δ)	: 2,75
- Độ bão hòa (G)	: 87
- Độ rỗng (n)	: 38
- Hệ số rỗng (e ₀)	: 0,620
- Giới hạn chảy (W _L %)	: 33,4
- Giới hạn dẻo (W _p %)	: 18,4

- Chỉ số dẻo (I_p)	: 15,1
- Độ sệt (B)	: 0,09
- Góc ma sát trong (φ°)	: -
- Lực dính (C kG/cm ²)	: -
- SPT	: 7-23

Nhận xét:

Lớp này gặp tại hố khoan HK1, HK2, HK3, HK4, HK6, HK7, HK8, HK9, HK10, HK11, HK12 và nằm dưới lớp (1 và 1a). Thành phần là Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu nâu đỏ - xám trắng - xám tro, trạng thái nửa cứng. Độ sâu gặp lớp biến đổi từ 2,0m đến 4,5m. Độ sâu kết thúc lớp biến đổi từ 4,7m đến 8,5m. Bề dày trung bình 3,16m. Giá trị xuyên tiêu chuẩn N30 nhỏ nhất là 7, lớn nhất là 23, trung bình là 14.

Lớp 3:

Á Sét đôi chỗ lẫn sỏi sạn Laterite, màu xám vàng - nâu đỏ - xám trắng - xám nâu, trạng thái dẻo cứng.

Chỉ tiêu cơ lý của lớp này như sau :

- Thành phần hạt :	
+ Hàm lượng % hạt sỏi	: 7,0
+ Hàm lượng % hạt cát	: 58,8
+ Hàm lượng % hạt bụi	: 13,2
+ Hàm lượng % hạt sét	: 21,0
- Độ ẩm tự nhiên (W %)	: 19,64
- Dung trọng ướt (γ g/cm ³)	: 2,01
- Dung trọng khô (γ_k g/cm ³)	: 1,68
- Dung trọng đẩy nổi (γ_{dn})	: 1,06
- Tỷ trọng (Δ)	: 2,70
- Độ bão hòa (G)	: 87
- Độ rỗng (n)	: 38
- Hệ số rỗng (e_0)	: 0,610
- Giới hạn chảy (W_L %)	: 28,8
- Giới hạn dẻo (W_p %)	: 16,2
- Chỉ số dẻo (I_p)	: 12,7
- Độ sệt (B)	: 0,28
- Góc ma sát trong (φ°)	: 13°49'
- Lực dính (C kG/cm ²)	: 0,212
- SPT	: 7-19

Nhận xét:

Lớp này gặp tại hố khoan HK1, HK2, HK3, HK4, HK5, HK6, HK7, HK8, HK9, HK11, HK12 và nằm dưới lớp (2). Thành phần là Á Sét đôi chỗ lẫn sỏi sạn Laterite, màu xám vàng - nâu đỏ - xám trắng - xám nâu, trạng thái dẻo cứng. Độ sâu gặp lớp biến đổi từ 4,7m đến 7,5m. Độ sâu kết thúc lớp biến đổi từ 8,2m đến 16,3m. Bề dày lớp trung bình 6,00m. Giá trị xuyên tiêu chuẩn N30 nhỏ nhất là 7, lớn nhất là 19, trung bình là 12.

Lớp 4:

Cát pha, màu xám vàng - xám nâu - nâu vàng - xám hồng.

Chỉ tiêu cơ lý của lớp này như sau :

- Thành phần hạt :	
+ Hàm lượng % hạt sỏi	: 2,8
+ Hàm lượng % hạt cát	: 77,9
+ Hàm lượng % hạt bụi	: 10,6
+ Hàm lượng % hạt sét	: 8,7
- Độ ẩm tự nhiên (W %)	: 18,62
- Dung trọng ướt (γ g/cm ³)	: 2,02
- Dung trọng khô (γ_k g/cm ³)	: 1,70
- Dung trọng đẩy nổi (γ_{dn})	: 1,06
- Tỷ trọng (Δ)	: 2,67
- Độ bão hòa (G)	: 87
- Độ rỗng (n)	: 36
- Hệ số rỗng (e_0)	: 0,569
- Giới hạn chảy (W_L %)	: -
- Giới hạn dẻo (W_p %)	: -
- Chỉ số dẻo (I_p)	: -
- Độ sệt (B)	: -
- Góc ma sát trong (φ°)	: 23°53'
- Lực dính (C kG/cm ²)	: 0,058
- SPT	: 7-27

Nhận xét:

Lớp này gặp ở toàn bộ hố khoan và nằm dưới lớp (3). Thành phần là Cát pha, màu xám vàng - xám nâu - nâu vàng - xám hồng. Độ sâu gặp lớp biến đổi từ 8,2m đến 16,3m. Độ sâu kết thúc lớp biến đổi từ 21,7m (HK10) đến 25,0m (các hố khoan HK1, HK2, HK3, HK4, HK5, HK6 chưa khoan xuyên qua lớp đất này). Bề dày lớp trung bình 12,42m. Giá trị xuyên tiêu chuẩn N30 nhỏ nhất là 7, lớn nhất là 27, trung bình là 15.

Lớp 5:

Sét, màu xám nâu -xám xanh - xám tro, trạng thái nửa cứng.

Chỉ tiêu cơ lý của lớp này như sau :

- Thành phần hạt :
 - + Hàm lượng % hạt sỏi : 0,5
 - + Hàm lượng % hạt cát : 14,9
 - + Hàm lượng % hạt bụi : 32,8
 - + Hàm lượng % hạt sét : 51,8
- Độ ẩm tự nhiên (W %) : 21,84
- Dung trọng ướt (γ g/cm³) : 2,02
- Dung trọng khô (γ_k g/cm³) : 1,66
- Dung trọng đẩy nổi (γ_{dn}) : 1,05
- Tỷ trọng (Δ) : 2,74
- Độ bão hòa (G) : 92
- Độ rỗng (n) : 39
- Hệ số rỗng (e_0) : 0,651
- Giới hạn chảy (W_L %) : 44,6
- Giới hạn dẻo (W_p %) : 20,9
- Chỉ số dẻo (I_p) : 23,7
- Độ sệt (B) : 0,04
- Góc ma sát trong (φ°) : 14°02'
- Lực dính (C kG/cm²) : 0,347
- SPT : 21-42

Nhận xét:

Lớp này gặp tại hố khoan HK7, HK8, HK9, HK10, HK11, HK12 và nằm dưới lớp (4). Đây là lớp cuối cùng trong phạm vi khảo sát. Thành phần là Sét, màu xám nâu -xám xanh - xám tro, trạng thái nửa cứng. Độ sâu gặp lớp biến đổi từ 21,7m đến 24,3m. Độ sâu kết thúc hố khoan 25,0m (HK7, HK8, HK9, HK10, HK11, HK12 trong lớp này. Bề dày lớp đã khoan được trung bình 2,25m. Giá trị xuyên tiêu chuẩn N30 nhỏ nhất là 21, lớn nhất là 42, trung bình là 33. Chưa khoan xuyên qua lớp đất này.

Chỉ tiêu cơ lý của các lớp đất được trình bày tóm tắt trong bảng sau:

Lớp đất	1	1a	2	3	4	5
Chỉ tiêu						
Hạt sỏi%	0,7	3,7	37,7	7,0	2,8	0,5
Hạt cát%	52,6	63,0	24,8	58,8	77,9	14,9
Hạt bụi%	21,5	13,2	12,1	13,2	10,6	32,8
Hạt sét%	25,3	20,1	25,4	21,0	8,7	51,8
Độ ẩm tự nhiên W%	20,13	18,73	19,67	19,64	18,62	21,84
Dung trọng ướt γ T/m ³	1,99	2,04	2,03	2,01	2,02	2,02
Dung trọng khô γ_k T/m ³	1,65	1,72	1,70	1,68	1,70	1,66
Dung trọng đẩy nổi $\gamma_{đn}$ T/m ³	1,04	1,08	1,08	1,06	1,06	1,05
Tỷ trọng Δ T/m ³	2,71	2,70	2,75	2,70	2,67	2,74
Độ bão hòa G%	85	89	87	87	87	92
Độ rỗng n%	39	36	38	38	36	39
Hệ số rỗng ϵ_0	0,642	0,568	0,620	0,610	0,569	0,651
Giới hạn chảy W_L %	30,0	23,4	33,4	28,8	-	44,6
Giới hạn dẻo W_p %	15,7	12,8	18,4	16,2	-	20,9
Chỉ số dẻo I_p	14,2	10,6	15,1	12,7	-	23,7
Độ sệt B	0,31	0,56	0,09	0,28	-	0,04
Góc ma sát trong φ^0	12°28'	9°52'	-	13°49'	23°53'	14°02'
Lực dính C KG/cm ²	0,252	0,180	-	0,212	0,058	0,347
SPT	6-11	4-7	7-23	7-19	7-27	21-42

VI. TÍNH TOÁN THAM KHẢO

Công trình: Dự Án Công Ty TNHH Công Nghiệp New Motion (Địa Điểm 3+4) khảo sát từ trên mặt đất trở xuống độ sâu **25m** gồm các lớp đất theo thứ tự từ trên xuống là: Lớp k, lớp 1, lớp 1a, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5.

Nếu đặt móng nằm ở lớp 1, ở độ sâu 1.2m tính từ mặt lớp 1, cường độ chịu tải của lớp đất này như sau:

$$R^{tc} = (Ab + Bh) \gamma_w + DC^{tc} \quad (1)$$

h: là chiều sâu đặt móng = 1.2m

b: là chiều rộng móng lấy = 1.0m

γ_w : là dung trọng tự nhiên = 1.99 T/m³

C^{tc} : là lực dính tiêu chuẩn = 2.52 T/m²

A, B, D là các trị số phụ thuộc vào góc ma sát trong φ^0

$\varphi^0 = 12^0 28'$. Tra bảng ta có :

$$A = 0.24$$

$$B = 1.98$$

$$D = 4.49$$

Thay giá trị vào (1). Ta có kết quả sau:

$$R^{tc} = (0.24 \times 1.0 + 1.98 \times 1.2) \times 1.99 + 4.49 \times 2.52 = 16.5 \text{ T/m}^2$$

$$R^{tc} = 1.65 \text{ KG/cm}^2$$

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận:

Kết quả khảo sát địa chất tại công trình Dự Án Công Ty TNHH Công Nghiệp New Motion (Địa Điểm 3+4) gồm các lớp đất theo thứ tự từ trên xuống : Lớp k, lớp 1, lớp 1a, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5. Trong đó:

- 1- **Lớp k:** Lớp đất san lấp.
- 2- **Lớp 1:** Á Sét, màu xám vàng - nâu vàng, trạng thái dẻo cứng.
- 3- **Lớp 1a:** Á Sét, màu xám vàng - xám đen - xám tro - xám nâu, trạng thái dẻo mềm.
- 4- **Lớp 2:** Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu nâu đỏ - xám trắng - xám tro, trạng thái nửa cứng.
- 5- **Lớp 3:** Á Sét đôi chỗ lẫn sỏi sạn Laterite, màu xám vàng - nâu đỏ - xám trắng - xám nâu, trạng thái dẻo cứng.
- 6- **Lớp 4:** Cát pha, màu xám vàng - xám nâu - nâu vàng - xám hồng.
- 7- **Lớp 5:** Sét, màu xám nâu -xám xanh - xám tro, trạng thái nửa cứng.

2. Kiến nghị:

Công trình Dự Án Công Ty TNHH Công Nghiệp New Motion (Địa Điểm 3+4), có lớp 1 và lớp 1a có đường độ chịu tải trung bình, từ Lớp 2 trở xuống, trong phạm vi khảo sát đất có cường độ chịu tải từ trung bình đến tốt.

Tùy theo quy mô và tải trọng công trình mà nhà thiết kế chọn loại móng và độ sâu đặt móng thích hợp để đảm bảo độ ổn định cho công trình.

Tháng 01 năm 2024

PHỤ LỤC (*APPENDICES*)

PHỤ LỤC (*APPENDICES*):

SỐ TỜ (No)

BÁO CÁO ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH (*SOIL INVESTIGATION REPORT*)

PHỤ LỤC 1: BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT04

APPENDIX 1: TABLE STATISTIC DATA OF TEST RESULTS

PHỤ LỤC 2: BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT02

APPENDIX 13: SUMMARY OF TEST RESULTS

PHỤ LỤC 3: HÌNH TRỤ HỐ KHOAN12

APPENDIX 2: BOREHOLE LOGS + PHOTOS

PHỤ LỤC 4: MẶT CẮT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH05

APPENDIX 3: GEOLOGICAL SOIL PROFILE

PHỤ LỤC 5: BÌNH ĐỒ BỐ TRÍ HỐ KHOAN01

APPENDIX 4: BOREHOLE LAYOUT

PHỤ LỤC 6: KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN CỐ KẾT36

APPENDIX 7: CONSOLIDATION TEST C_v

PHỤ LỤC 7: KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN BA TRỤC CU15

APPENDIX 9: TRIAXIAL COMPRESSION TEST UU

PHỤ LỤC 8: KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM MẪU NƯỚC ĂN MÒN BÊ TÔNG03

APPENDIX 10: WATER TEST FOR CORROSIVE TO CONCRETE

PHỤ LỤC 9: KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT150

APPENDIX 12: SOIL SAMPLE TEST

PHỤ LỤC (APPENDIX) 1

**BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM
CHỈ TIÊU CƠ LÝ CÁC LỚP ĐẤT**

TABLE STATISTIC DATA OF TEST RESULTS



BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CHỈ TIÊU CƠ LÝ CÁC LỚP ĐẤT

Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

Địa điểm: LÔ D1,D2,D3,D4,D5 KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ TÂN, PHƯỜNG HÒA PHÚ, TP. THỦ ĐẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số TT	Tên hố khoan	Số hiệu mẫu	Độ sâu mẫu	Thành phần hạt %											Độ ẩm W %	Dung trọng γ g/cm ³	Dung tích γ_k g/cm ³	Dung trọng khô γ_{dn} g/cm ³	Khối lượng riêng Δ g/cm ³	Độ hòa hòa G %	Độ rỗng n %	Hệ số rỗng e_0	Atterberg				THÍ NGHIỆM NỀN NHANH														THÍ NGHIỆM CẮT TRỰC TIẾP																	
				Sỏi sạn			Cát					Bột		Sét									Giới hạn chảy W _L %	Giới hạn dẻo W _p %	Chỉ số dẻo I _p	Độ sét B	Hệ số rỗng ứng với từng cấp áp lực, e_c							Hệ số nền lún ứng với từng cấp áp lực, a_c							Mô đun Tổng biến dạng với từng cấp áp lực, E_t							Cường độ kháng cắt ứng với từng cấp áp lực P (kg/cm ²)								Góc ma sát φ Độ	Lực dính C kG/cm ²	
				>10	10.0 đến 5.0	5.0 đến 2.0	2.0 đến 1.0	1.0 đến 0.50	0.50 đến 0.25	0.25 đến 0.1	0.1 đến 0.05	0.05 đến 0.01	0.01 đến 0.005	<													$e_{0.0.125}$	$e_{0.0.25}$	$e_{0.0.5}$	$e_{0.1.0}$	$e_{0.2.0}$	$e_{0.4.0}$	$e_{0.8.0}$	$a_{0.0.125}$	$a_{0.125.0.25}$	$a_{0.25.0.5}$	$a_{0.5.1.0}$	$a_{1.0.2.0}$	$a_{2.0.4.0}$	$a_{4.0.8.0}$	$E_{0.0.125}$	$E_{0.125.0.25}$	$E_{0.25.0.5}$	$E_{0.5.1.0}$	$E_{1.0.2.0}$	$E_{2.0.4.0}$	$E_{4.0.8.0}$	0.25	0.5	0.75	1.0	1.5	2.0	3.0	4.0			
				(mm)																							$e_{0.0.125}$	$e_{0.0.25}$	$e_{0.0.5}$	$e_{0.1.0}$	$e_{0.2.0}$	$e_{0.4.0}$	$e_{0.8.0}$	$a_{0.0.125}$	$a_{0.0.25}$	$a_{0.25.0.5}$	$a_{0.5.1.0}$	$a_{1.0.2.0}$	$a_{2.0.4.0}$	$a_{4.0.8.0}$	$E_{0.0.125}$	$E_{0.125.0.25}$	$E_{0.25.0.5}$	$E_{0.5.1.0}$	$E_{1.0.2.0}$	$E_{2.0.4.0}$	$E_{4.0.8.0}$	0.25	0.5	0.75	1.0	1.5	2.0	3.0	4.0			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	43	57	58	
HK1	HK1-6	11.8 - 12						1.3	5.1	35.9	24.0	3.9	10.5	5.6	13.5	18.48	1.96	1.65	1.04	2.69	79	39	0.630	24.7	16.1	8.6	0.28	0.611	0.598	0.582	0.556	0.530			0.076	0.052	0.032	0.026	0.013		21.4	31.0	49.9	60.8	119.7		0.438	0.680	0.932	13 ° 52'	0.189							
"	HK1-7	13.8 - 14		3.3	5.5	1.6	4.8	24.2	19.1			8.1	8.5	5.4	19.4	18.00	2.08	1.76	1.11	2.70	91	35	0.534	26.0	14.9	11.1	0.28	0.520	0.508	0.487	0.458	0.437			0.056	0.048	0.042	0.029	0.011		27.4	31.7	35.9	51.3	138.9		0.461	0.696	0.978	14 ° 31'	0.194							
HK2	HK2-3	5.8 - 6	6.5	8.6	3.9	1.0	2.1	0.7	10.1	15.5	15.4	8.2	28.0	19.76	1.90	1.59	1.01	2.72	76	42	0.711	32.3	17.9	14.4	0.13	0.693	0.682	0.661	0.631	0.606			0.072	0.044	0.042	0.030	0.013		23.8	38.5	40.0	55.4	130.5		0.463	0.728	0.963	14 ° 02'	0.218									
"	HK2-4	7.8 - 8	8.8	7.2	3.9	1.9	6.4	18.6	13.5	3.1	5.8	2.4	28.5	21.01	1.95	1.61	1.02	2.73	82	41	0.696	35.3	18.6	16.7	0.14	0.678	0.665	0.644	0.616	0.586			0.072	0.052	0.042	0.028	0.015		23.6	32.3	39.6	58.7	107.7		0.492	0.728	1.000	14 ° 15'	0.232									
"	HK2-5	9.8 - 10		3.3	18.6	10.5	25.5	5.8	8.2	2.5	5.9	2.0	17.9	15.33	2.05	1.78	1.12	2.71	80	34	0.522	25.3	13.9	11.4	0.13	0.507	0.493	0.476	0.452	0.425			0.060	0.056	0.034	0.024	0.014		25.4	26.9	43.9	61.5	107.6		0.508	0.775	1.041	14 ° 54'	0.242									
HK3	HK3-4	7.8 - 8	5.9	8.5	7.0	3.5	17.8	7.6	7.5	5.9	8.6	4.1	23.7	16.16	1.98	1.70	1.07	2.71	74	37	0.594	26.4	13.0	13.4	0.24	0.582	0.571	0.555	0.527	0.487			0.048	0.044	0.032	0.028	0.020		33.2	36.0	49.1	55.5	76.3		0.477	0.711	1.024	15 ° 19'	0.190									
"	HK3-5	9.8 - 10				1.0	11.4	32.0	12.2	4.7	7.9	6.4	24.4	21.76	1.92	1.58	1.00	2.71	82	42	0.715	34.1	18.1	16.0	0.23	0.701	0.688	0.668	0.639	0.594			0.056	0.052	0.040	0.029	0.023		30.6	32.7	42.2	57.5	72.8		0.472	0.713	1.039	15 ° 51'	0.174									
HK4	HK4-4	7.8 - 8			2.2	5.1	30.6	24.3	8.2	2.9	6.3	3.6	16.7	18.85	2.07	1.74	1.09	2.69	93	35	0.546	25.2	14.7	10.5	0.40	0.532	0.521	0.502	0.480	0.454			0.056	0.044	0.038	0.022	0.013		27.6	34.8	40.0	68.3	113.8		0.414	0.664	0.932	14 ° 31'	0.153									
"	HK4-5	9.8 - 10		6.4	11.3	7.4	16.9	12.0	10.8	4.2	7.3	4.7	19.1	14.88	2.10	1.83	1.15	2.69	85	32	0.470	23.1	12.0	11.1	0.26	0.457	0.445	0.423	0.396	0.362			0.052	0.048	0.044	0.027	0.017		28.3	30.4	32.8	52.7	82.1		0.430	0.680	0.950	14 ° 34'	0.166									
HK5	HK5-3	5.8 - 6		0.6	2.1	10.0	16.5	28.8	9.5	11.2	3.8	17.5	17.58	2.08	1.77	1.11	2.70	90	34	0.525	25.3	14.2	11.1	0.30	0.506	0.491	0.469	0.446	0.414			0.076	0.060	0.044	0.023	0.016		20.1	25.1	33.9	63.9	90.4		0.441	0.696	0.885	12 ° 31'	0.230										
"	HK5-4	7.8 - 8		1.2	1.7	8.0	15.0	32.1	11.8	11.0	3.1	16.2	18.32	2.01	1.70	1.07	2.69	85	37	0.582	26.5	15.0	11.5	0.29	0.561	0.549	0.529	0.505	0.472			0.084	0.080	0.040	0.024	0.017		18.8	32.5	38.7	63.7	91.2		0.445	0.680	0.932	13 ° 39'	0.200										
"	HK5-5	9.8 - 10		4.4	10.4	13.2	14.8	9.5	17.2	3.6	7.5	4.0	15.6	16.97	2.05	1.75	1.10	2.69	85	35	0.537	24.7	13.7	11.0	0.30	0.514	0.503	0.483	0.464	0.437			0.092	0.044	0.040	0.019	0.014		16.7	34.4	37.6	78.1	108.4		0.445	0.680	0.947	14 ° 05'	0.189									
HK6	HK6-3	5.8 - 6				2.8	8.5	11.4	24.6	12.2	7.5	4.0	28.9	18.30	2.06	1.74	1.10	2.71	89	36	0.557	28.7	14.5	14.2	0.27	0.547	0.539	0.519	0.493	0.463			0.040	0.032	0.040	0.026	0.015		38.9	48.3	38.5	58.4	99.5		0.445	0.681	0.891	12 ° 34'	0.227									
"	HK6-4	7.8 - 8		2.4	2.5	0.7	3.0	9.0	38.1	8.7	14.3	4.1	17.2	21.33	1.96	1.62	1.02	2.69	87	40	0.660	28.5	17.0	11.5	0.38	0.640	0.623	0.599	0.566	0.532			0.080	0.068	0.048	0.033	0.017		20.8	24.1	33.8	48.5	92.1		0.445	0.680	0.922	13 ° 23'	0.206									
"	HK6-5	9.8 - 10		2.5	1.1	0.9	5.0	11.1	36.3	9.0	11.1	5.1	18.0	21.83	1.97	1.62	1.02	2.69	89	40	0.660	30.0	18.3	11.7	0.30	0.631	0.613	0.585	0.555	0.523			0.116	0.072	0.056	0.030	0.016		14.3	22.7	28.8	52.8	97.2		0.445	0.680	0.947	14 ° 05'	0.189									
HK7	HK7-3	5.8 - 6		6.6	4.2	4.9	14.5	5.9	10.5	10.2	10.2	4.0	29.0	20.70	2.05	1.70	1.08	2.74	93	38	0.612	34.7	18.0	16.7	0.16	0.600	0.589	0.571	0.547	0.520			0.048	0.044	0.036	0.024	0.014		33.6	36.4	44.1	65.5	114.6		0.450	0.711	0.938	13 ° 43'	0.212									
"	HK7-4	7.8 - 8		3.9	0.6	0.6	3.8	12.4	29.3	5.9	9.8	7.6	26.0	20.19	1.90	1.58	1.00	2.71	77	42	0.715	30.5	16.5	14.0	0.26	0.700	0.686	0.663	0.637	0.604			0.060	0.056	0.046	0.026	0.017		28.6	30.4	36.7	64.0	99.2		0.477	0.711	0.914	12 ° 21'	0.263									
"	HK7-5	9.8 - 10		2.5	0.5	0.6	5.0	16.7	30.4	8.3	6.4	3.4	26.1	21.09	1.99	1.64	1.03	2.70	88	39	0.646	32.7	16.4	16.3	0.29	0.630	0.616	0.593	0.567	0.534			0.064	0.056	0.046	0.026	0.017		25.7	29.1	35.1	61.3	95.0		0.472	0.713	0.947	13 ° 23'	0.235									
HK8	HK8-3	5.8 - 6		8.1	2.4	6.6	15.5	7.9	15.5	2.3	7.4	5.9	28.3	20.93	1.95	1.61	1.02	2.73	82	41	0.696	32.4	16.3	16.1	0.29	0.681	0.668	0.647	0.613	0.570			0.060	0.052	0.042	0.034	0.022		28.3	32.3	39.7	48.4	75.0		0.461	0.664	0.932	13 ° 13'	0.215									
"	HK8-4	7.8 - 8			5.1	8.1	16.9	9.0	16.0	10.2	10.7	4.6	19.3	19.62	1.96	1.64	1.04	2.71	82	39	0.652	26.2	15.5	10.7	0.39	0.641	0.631	0.613	0.588	0.558			0.044	0.040	0.036	0.025	0.015		37.5	41.0	45.3	64.5	105.9		0.447	0.649	0.916	13 ° 10'	0.202									
HK9	HK9-4	7.8 - 8	5.1	2.9	9.4	17.3	19.4	7.1	10.2	6.0	6.6</																																															



BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CHỈ TIÊU CƠ LÝ CÁC LỚP ĐẤT

Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

Địa điểm: LÔ D1,D2,D3,D4,D5 KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ TÂN, PHƯỜNG HÒA PHÚ, TP. THỦ ĐẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

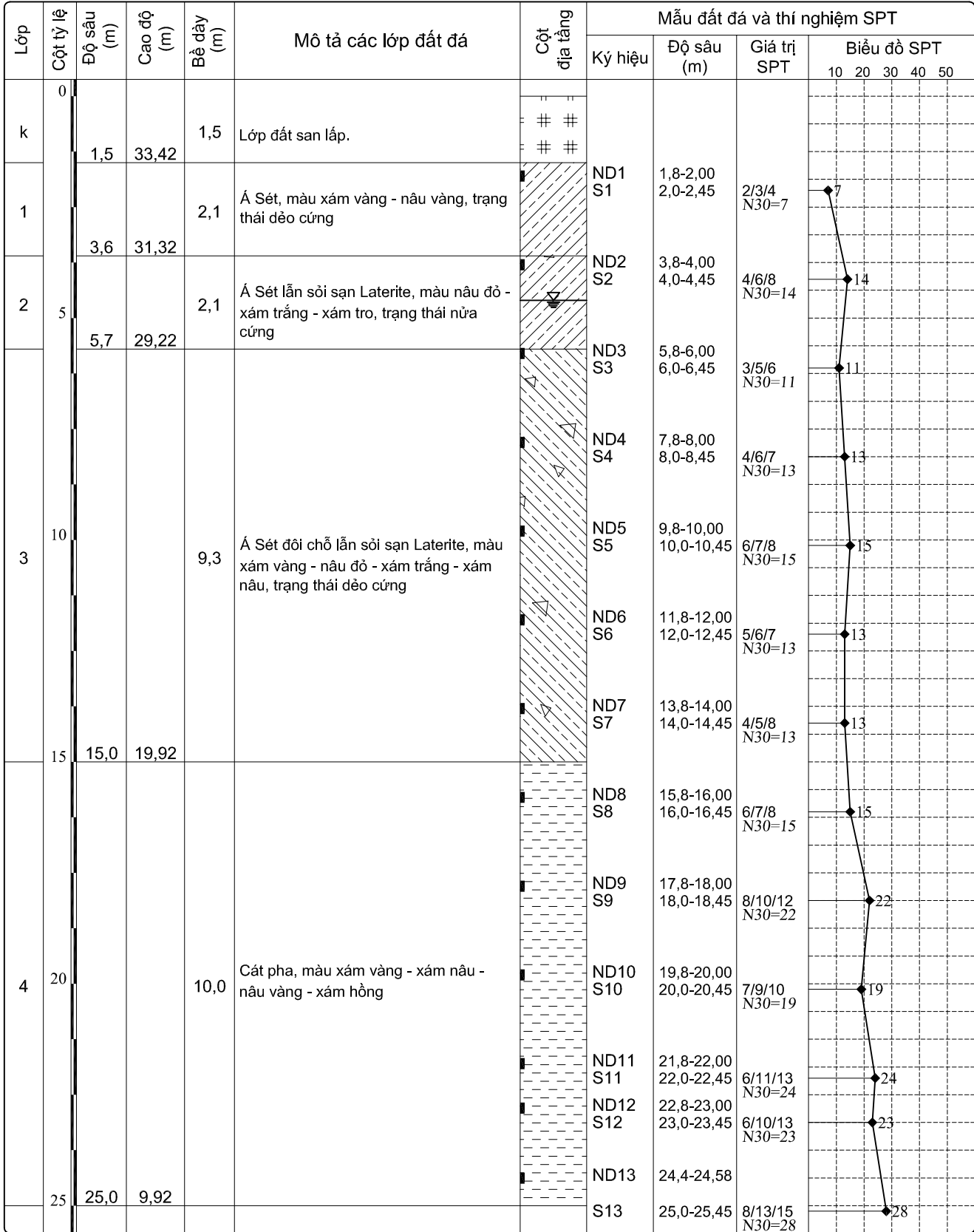
Số TT	Tên hố khoan	Số hiệu mẫu	Độ sâu mẫu	Thành phần hạt %												Độ ẩm %	Dung trọng γ _d g/cm ³	Dung trọng khô γ _k g/cm ³	Dung trọng nổi γ _n g/cm ³	Khối lượng riêng Δ g/cm ³	Độ bão hòa G %	Độ rỗng n %	Hệ số rỗng ε ₀	Atterberg				THÍ NGHIỆM NÉN NHANH												THÍ NGHIỆM CẮT TRỰC TIẾP																		
				Sỏi sạn		Cát				Bột		Sét	Giới hạn chảy W _L %	Giới hạn dẻo W _P %	Chỉ số dẻo I _p									Độ sét B	Hệ số rỗng ứng với từng cấp áp lực, e _i						Hệ số nén lún ứng với từng cấp áp lực, a _i						Mô duyn Tổng biến dạng với từng cấp áp lực, E _i						Cường độ kháng cắt ứng với từng cấp áp lực P (kg/cm ²)				Góc ma sát φ Độ	Lực dính C kG/cm ²										
				>10	10.0 đến 5.0	5.0 đến 2.0	2.0 đến 1.0	1.0 đến 0.50	0.50 đến 0.25	0.25 đến 0.1	0.1 đến 0.05	0.05 đến 0.01													0.01 đến 0.005	< 0.005	ε _{0,0.125}	ε _{0,0.25}	ε _{0,0.5}	ε _{0,1.0}	ε _{0,2.0}	ε _{0,4.0}	ε _{0,8.0}	a _{0,0.125}	a _{0,0.25}	a _{0,0.5}	a _{0,1.0}	a _{0,2.0}	a _{0,4.0}	a _{0,8.0}	E _{0,0.125}	E _{0,0.25}	E _{0,0.5}	E _{0,1.0}	E _{0,2.0}	E _{0,4.0}			E _{0,8.0}	P _{0.25}	P _{0.5}	P _{0.75}	P _{1.0}	P _{1.5}	P _{2.0}	P _{3.0}	P _{4.0}	
				(mm)																																																						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	
HK8	HK8-9	17.8 - 18					3.9	27.0	31.7	16.3	3.7	5.2	2.8	9.5	16.03	2.04	1.76	1.10	2.67	83	34	0.517	NP	NP				0.674	0.657	0.643	0.626	0.607				0.076	0.034	0.014	0.009	0.005			22.5	49.2	118.4	193.3	342.3			0.508		0.914	1.400			24 ° 02'	0.048	
"	HK8-10	19.8 - 20					3.9	27.0	31.7	16.3	3.7	5.2	2.8	9.5	16.03	2.04	1.76	1.10	2.67	83	34	0.517	NP	NP				0.483	0.467	0.455	0.440	0.420				0.068	0.032	0.012	0.008	0.005			22.3	46.3	122.3	194.0	288.0			0.524		0.932	1.432			24 ° 25'	0.054	
"	HK8-11	21.8 - 22				30.4	18.2	20.4	11.7	8.1	2.6	2.5	1.3	4.7	17.57	2.05	1.74	1.08	2.65	89	34	0.523	NP	NP				0.489	0.474	0.462	0.447	0.430				0.068	0.030	0.012	0.008	0.004			22.4	49.6	122.8	194.9	340.5			0.539		0.963	1.494			25 ° 30'	0.044	
HK9	HK9-5	9.8 - 10				1.4	44.7	22.2	11.0	3.3	5.0	2.8	9.5	13.76	2.12	1.86	1.16	2.67	84	30	0.435	NP	NP				0.403	0.387	0.375	0.362	0.344				0.064	0.032	0.012	0.007	0.005			22.4	43.8	115.6	211.5	302.7			0.477		0.885	1.274			21 ° 45'	0.081		
"	HK9-6	11.8 - 12		3.2	9.5	8.6	36.2	11.1	7.1	4.1	7.2	4.2	8.5	13.08	2.16	1.91	1.19	2.67	88	28	0.398	NP	NP				0.367	0.355	0.344	0.331	0.316				0.062	0.024	0.011	0.006	0.004			22.5	57.0	123.2	206.8	354.9			0.492		0.916	1.329			22 ° 41'	0.076		
"	HK9-7	13.8 - 14					1.2	11.5	39.6	19.4	11.0	8.2	9.2	24.19	1.92	1.55	0.97	2.67	89	42	0.723	NP	NP				0.684	0.667	0.653	0.637	0.616				0.078	0.034	0.014	0.008	0.005			22.1	49.5	119.1	206.6	311.8			0.508		0.947	1.375			23 ° 28'	0.076		
"	HK9-8	15.8 - 16		3.3	2.9	1.8	14.4	27.4	22.0	6.4	6.0	6.7	8.9	17.87	2.01	1.71	1.07	2.66	85	36	0.556	NP	NP				0.522	0.505	0.492	0.480	0.463				0.068	0.034	0.013	0.006	0.004			22.9	44.8	115.8	248.7	348.2			0.492		0.947	1.391			24 ° 11'	0.045		
"	HK9-9	17.8 - 18		0.7	2.3	4.1	26.2	23.5	18.4	4.9	5.5	6.1	8.2	17.01	2.07	1.77	1.11	2.67	89	34	0.508	NP	NP				0.476	0.460	0.447	0.434	0.417				0.064	0.032	0.013	0.007	0.004			23.6	46.1	112.3	222.6	337.4			0.508		0.978	1.430			24 ° 45'	0.050		
"	HK9-10	19.8 - 20				0.4	7.4	34.0	30.6	7.5	5.6	6.2	8.3	20.00	2.03	1.69	1.06	2.67	92	37	0.580	NP	NP				0.544	0.528	0.515	0.500	0.483				0.072	0.032	0.013	0.008	0.004			21.9	48.3	117.5	202.0	352.9			0.508		0.932	1.400			24 ° 02'	0.054		
"	HK9-11	21.8 - 22					1.3	6.8	31.4	27.4	16.1	5.5	2.9	8.5	21.16	1.98	1.63	1.02	2.66	89	39	0.632	NP	NP				0.596	0.579	0.567	0.552	0.533				0.072	0.034	0.012	0.007	0.005			22.7	46.9	131.6	208.9	326.7			0.517		0.963	1.432			24 ° 34'	0.056	
HK10	HK10-5	9.8 - 10				1.1	3.1	25.7	35.5	13.0	5.5	5.2	2.8	8.1	16.67	2.01	1.72	1.08	2.67	81	36	0.552	NP	NP				0.517	0.501	0.489	0.475	0.457				0.070	0.032	0.012	0.007	0.004			22.2	47.4	125.1	212.7	327.8			0.477		0.821	1.258			21 ° 21'	0.070	
"	HK10-6	11.8 - 12				1.2	3.2	26.2	36.1	13.3	3.7	5.3	2.8	8.2	18.81	2.05	1.73	1.08	2.67	92	35	0.543	NP	NP				0.509	0.494	0.481	0.469	0.450				0.068	0.030	0.013	0.006	0.005			22.7	50.3	114.9	246.8	309.3			0.492		0.836	1.307			22 ° 09'	0.064	
"	HK10-7	13.8 - 14		2.3	1.3	1.8	20.7	30.2	18.4	7.1	5.8	2.9	9.7	18.26	2.05	1.73	1.08	2.66	90	35	0.538	NP	NP				0.503	0.489	0.477	0.464	0.445				0.070	0.028	0.012	0.006	0.005			22.0	53.7	124.1	227.2	308.2			0.508		0.916	1.369			23 ° 19'	0.070		
"	HK10-8	15.8 - 16				1.6	0.7	5.3	11.8	48.9	13.0	5.9	2.9	9.8	21.45	1.98	1.63	1.02	2.67	90	39	0.638	NP	NP				0.603	0.585	0.572	0.558	0.537				0.070	0.036	0.013	0.007	0.005			23.4	44.5	121.9	224.6	296.8			0.524		0.932	1.416			24 ° 02'	0.065	
"	HK10-9	17.8 - 18				0.3	0.8	9.8	14.9	44.8	10.8	5.9	2.9	9.8	20.23	2.01	1.67	1.04	2.67	90	37	0.599	NP	NP				0.564	0.548	0.534	0.520	0.501				0.070	0.032	0.014	0.007	0.005			22.8	48.9	110.6	219.1	320.0			0.539		0.947	1.447			24 ° 25'	0.070	
"	HK10-10	19.8 - 20				0.4	0.9	14.1	35.2	25.6	6.1	5.3	2.8	9.6	18.13	2.05	1.74	1.09	2.67	91	35	0.534	NP	NP				0.500	0.484	0.471	0.457	0.435				0.068	0.032	0.013	0.007	0.006			22.6	46.9	114.2	210.1	264.9			0.556		0.963	1.494			25 ° 08'	0.067	
HK11	HK11-9	17.8 - 18							62.3	16.8	3.2	5.3	3.2	9.2	18.00	2.04	1.73	1.08	2.67	89	35	0.543	NP	NP				0.510	0.494	0.480	0.465	0.447				0.066	0.032	0.014	0.007	0.005			23.4	47.2	106.7	197.3	325.6			0.492		0.916	1.354			23 ° 19'	0.059	
"	HK11-10	19.8 - 20							16.8	41.5	18.9	5.9	4.4	2.9	9.7	18.66	2.02	1.70	1.06	2.67	87	36	0.571	NP	NP				0.535	0.519	0.506	0.491	0.474				0.072	0.032	0.013	0.008	0.004			21.8	48.0	116.8	200.8	350.8			0.492		0.916	1.371			23 ° 42'	0.048
"	HK11-11	21.8 - 22							17.6	39.7	18.0	9.7	4.2	2.5	8.3	19.52	2.02	1.69	1.05	2.66	90	36	0.574	NP	NP				0.539	0.523	0.511	0.496	0.480				0.070	0.032	0.012	0.008	0.004			22.5	48.1	126.9	201.5	374.0			0.524		0.947	1.457			25 ° 02'	0.042
HK12	HK12-8	15.8 - 16				6.1	8.4	35.0	19.4	12.4	2.5	4.2	2.5	9.5	14.48	2.13	1.86	1.16	2.67	89	30	0.435	NP	NP				0.403	0.389	0.376	0.364	0.345				0.064	0.028	0.013	0.006	0.005			22.4	50.1	106.8	229.3	287.2			0.492		0.916	1.354			23 ° 19'	0.059	
"	HK12-9	17.8 - 18		1.9	1.0	2.1	25.2	32.3	17.4	3.7	5.3	2.4	8.7	17.50	2.01	1.71	1.07	2.67	83	36	0.561	NP	NP				0.527	0.511	0.498	0.485	0.465				0.068	0.032	0.013	0.007	0.005			23.0	47.7	116.2	230.5	297.0			0.508		0.932	1.400			24 ° 02'	0.054		
"	HK12-10	19.8 - 20				5.4	3.7	28.5	33.1	15.5	3.3	3.4	1.4	5.7	16.12	2.09	1.80	1.13	2.67	89	33	0.483	NP	NP				0.450	0.435	0.423	0.408	0.392				0.066	0.030	0.012	0.008	0.004			22.5	48.3	119.6	189.7	352.0			0.539		0.963	1.463			24 ° 48'	0.065	
Trung Bình	A	0.2	0.7	1.9	3.5	14.9	27.5	24.2	7.8	6.9	3.7	8.7	18.62	2.02	1.70	1.06	2.67	87	36	0.569							0.539	0.523	0.510	0.496	0.477				0.070	0.032	0.013	0.007																				

PHỤ LỤC (APPENDIX) 2

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM
CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA ĐẤT
SUMMARY OF TEST RESULTS**

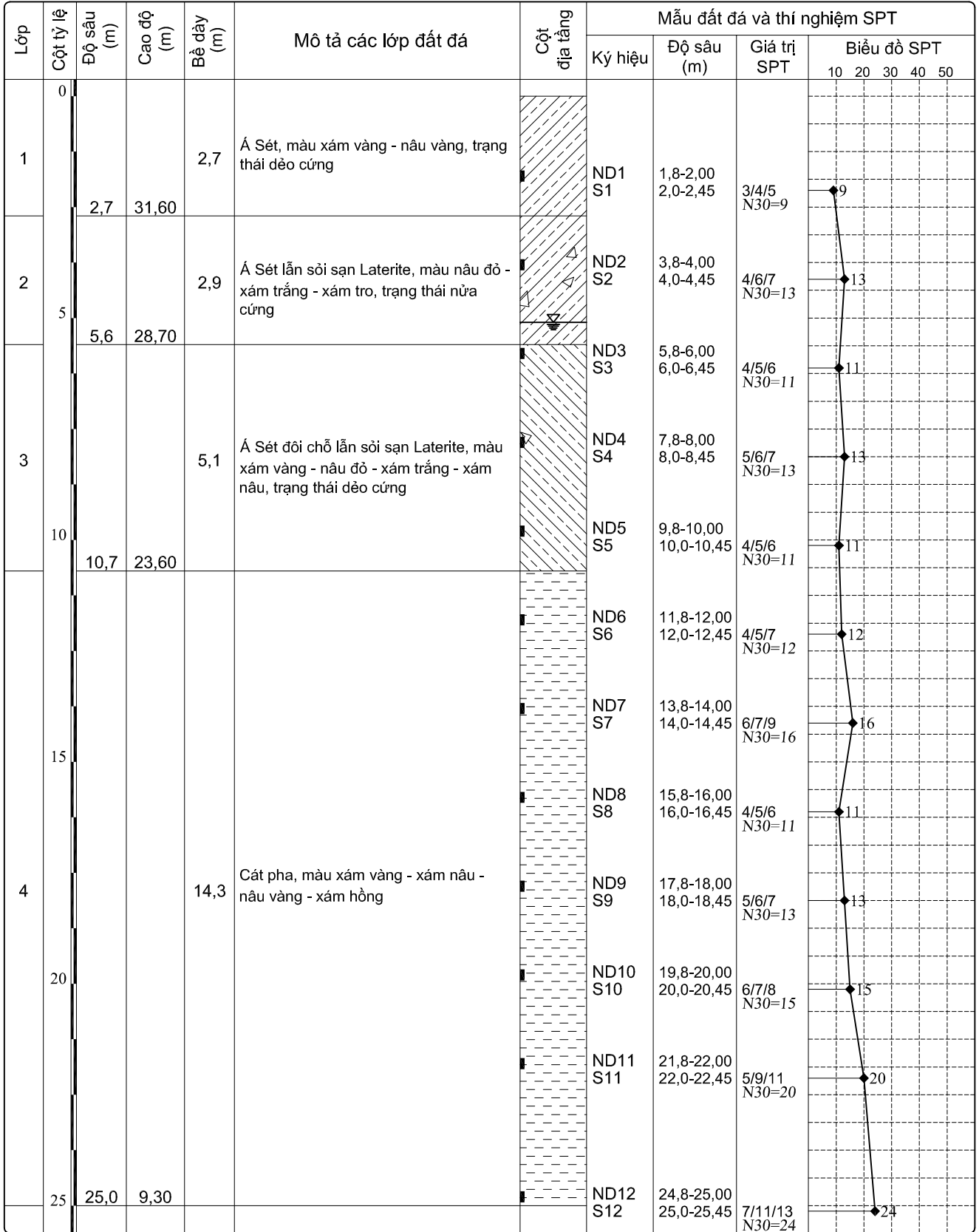
PHỤ LỤC (APPENDIX) 3
HÌNH TRỤ HỐ KHOAN
BOREHOLE LOGS

ĐƠN VỊ KHẢO SÁT CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 146	HÌNH TRỤ HỒ KHOAN Tờ số: 1/1	HK1
Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4) Địa điểm: LÔ D1,D2,D3,D4,D5 KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ TÂN, PHƯỜNG HÒA PHÚ, TP. THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG Người lập: _____ Ngày bắt đầu: 20/12/2023 Cao độ (m): 34,92 Máy khoan: XY-1 Ngày kết thúc: 21/12/2023 Tọa độ X = 1227587,9416 Độ sâu (m): 25,0 Khoan xoay bằng dung dịch sét bentonit. Mục n.d.đ (m): 4,6 Tọa độ Y = 601526,6788 Lý trình: _____		



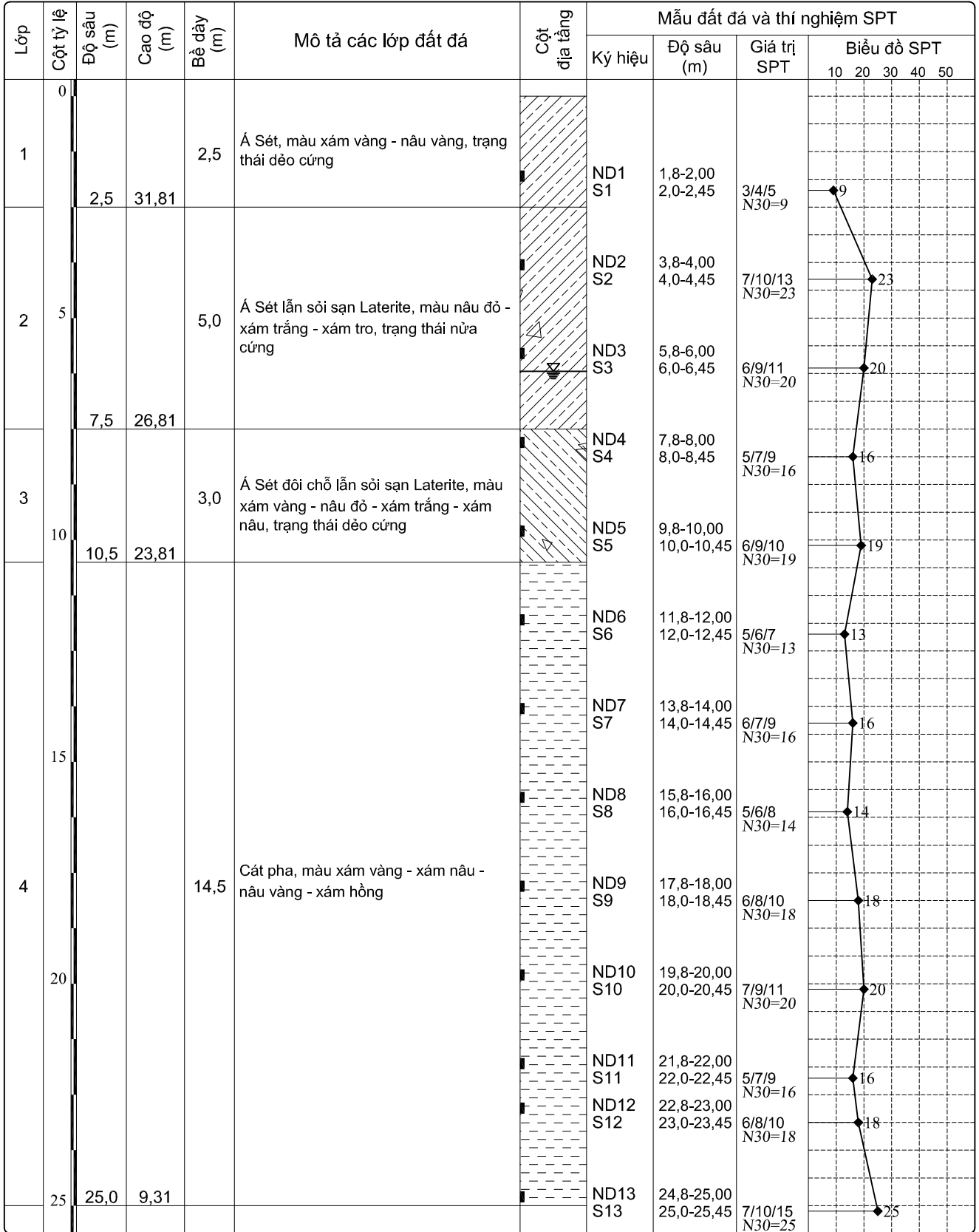
GHI CHÚ: ▨ Mẫu nguyên dạng ● Mẫu phá hủy ▨ Mẫu đá ▽ Mục n.d.đất (m)

ĐƠN VỊ KHẢO SÁT CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 146	HÌNH TRỤ HỒ KHOAN Tờ số: 1/1	HK2
Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐIỂM 3+4) Địa điểm: LÔ D1,D2,D3,D4,D5 KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ TÂN, PHƯỜNG HÒA PHÚ, TP. THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG Người lập: _____ Ngày bắt đầu: 21/12/2023 Cao độ (m): 34,30 Máy khoan: XY-1 Ngày kết thúc: 21/12/2023 Tọa độ X = 1227603,6739 Độ sâu (m): 25,0 Khoan xoay bằng dung dịch sét bentonit. Mục n.d.đ (m): 5,1 Tọa độ Y = 601595,2764 Lý trình: _____		



GHI CHÚ: ■ Mẫu nguyên dạng ● Mẫu phá hủy ■ Mẫu đá — ▽ Mục n.d.đất (m)

ĐƠN VỊ KHẢO SÁT CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 146	HÌNH TRỤ HỒ KHOAN Tờ số: 1/1	HK3
Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐIỂM 3+4) Địa điểm: LÔ D1,D2,D3,D4,D5 KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ TÂN, PHƯỜNG HÒA PHÚ, TP. THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG Người lập: _____ Ngày bắt đầu: 22/12/2023 Cao độ (m): 34,31 Máy khoan: XY-1 Ngày kết thúc: 22/12/2023 Tọa độ X = 1227529,5543 Độ sâu (m): 25,0 Khoan xoay bằng dung dịch sét bentonit. Mục n.d.đ (m): 6,2 Tọa độ Y = 601540,5025 Lý trình: _____		



GHI CHÚ: ■ Mẫu nguyên dạng ● Mẫu phá hủy ■ Mẫu đá — ▽ — Mục n.d.đất (m)

ĐƠN VỊ KHẢO SÁT CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 146		HÌNH TRỤ HỐ KHOAN Tờ số: 1/1 HK4	
Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐIỂM 3+4) Địa điểm: LÔ D1,D2,D3,D4,D5 KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ TÂN, PHƯỜNG HÒA PHÚ, TP. THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG Người lập: _____ Ngày bắt đầu: 21/12/2023 Cao độ (m): 34,64 Máy khoan: XY-1 Ngày kết thúc: 21/12/2023 Tọa độ X = 1227545,2141 Độ sâu (m): 25,0 Khoan xoay bằng dung dịch sét bentonit. Mục n.d.đ (m): 6,5 Tọa độ Y = 601608,7844 Lý trình: _____			

Lớp	Cột tỷ lệ	Độ sâu (m)	Cao độ (m)	Bề dày (m)	Mô tả các lớp đất đá	Cột địa tầng	Mẫu đất đá và thí nghiệm SPT							
							Ký hiệu	Độ sâu (m)	Giá trị SPT	Biểu đồ SPT				
k	0	0,7	33,94	0,7	Lớp đất san lấp.	# #								
1		2,5	32,14	1,8	Á Sét, màu xám vàng - nâu vàng, trạng thái dẻo cứng	▨	ND1 S1	1,8-2,00 2,0-2,45	3/3/4 N30=7	7				
2	5	7,0	27,64	4,5	Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu nâu đỏ - xám trắng - xám tro, trạng thái nửa cứng	▨ ▨ ▨	ND2 S2	3,8-4,00 4,0-4,45	5/6/8 N30=14	14				
							ND3 S3	5,8-6,00 6,0-6,45	3/4/5 N30=9	9				
							ND4 S4	7,8-8,00 8,0-8,45	4/5/7 N30=12	12				
3	10	11,0	23,64	4,0	Á Sét đôi chỗ lẫn sỏi sạn Laterite, màu xám vàng - nâu đỏ - xám trắng - xám nâu, trạng thái dẻo cứng	▨ ▨ ▨	ND5 S5	9,8-10,00 10,0-10,45	3/4/6 N30=10	10				
							ND6 S6	11,8-12,00 12,0-12,45	4/6/7 N30=13	13				
4	15			14,0	Cát pha, màu xám vàng - xám nâu - nâu vàng - xám hồng	▨ ▨ ▨ ▨ ▨ ▨	ND7 S7	13,8-14,00 14,0-14,45	6/7/9 N30=16	16				
							ND8 S8	15,8-16,00 16,0-16,45	5/6/7 N30=13	13				
							ND9 S9	17,8-18,00 18,0-18,45	6/7/10 N30=17	17				
							ND10 S10	19,8-20,00 20,0-20,45	5/6/9 N30=15	15				
							ND11 S11	21,8-22,00 22,0-22,45	6/9/12 N30=21	21				
							ND12 S12	23,8-24,00 24,0-24,45	8/11/16 N30=27	27				
	25	25,0	9,64											

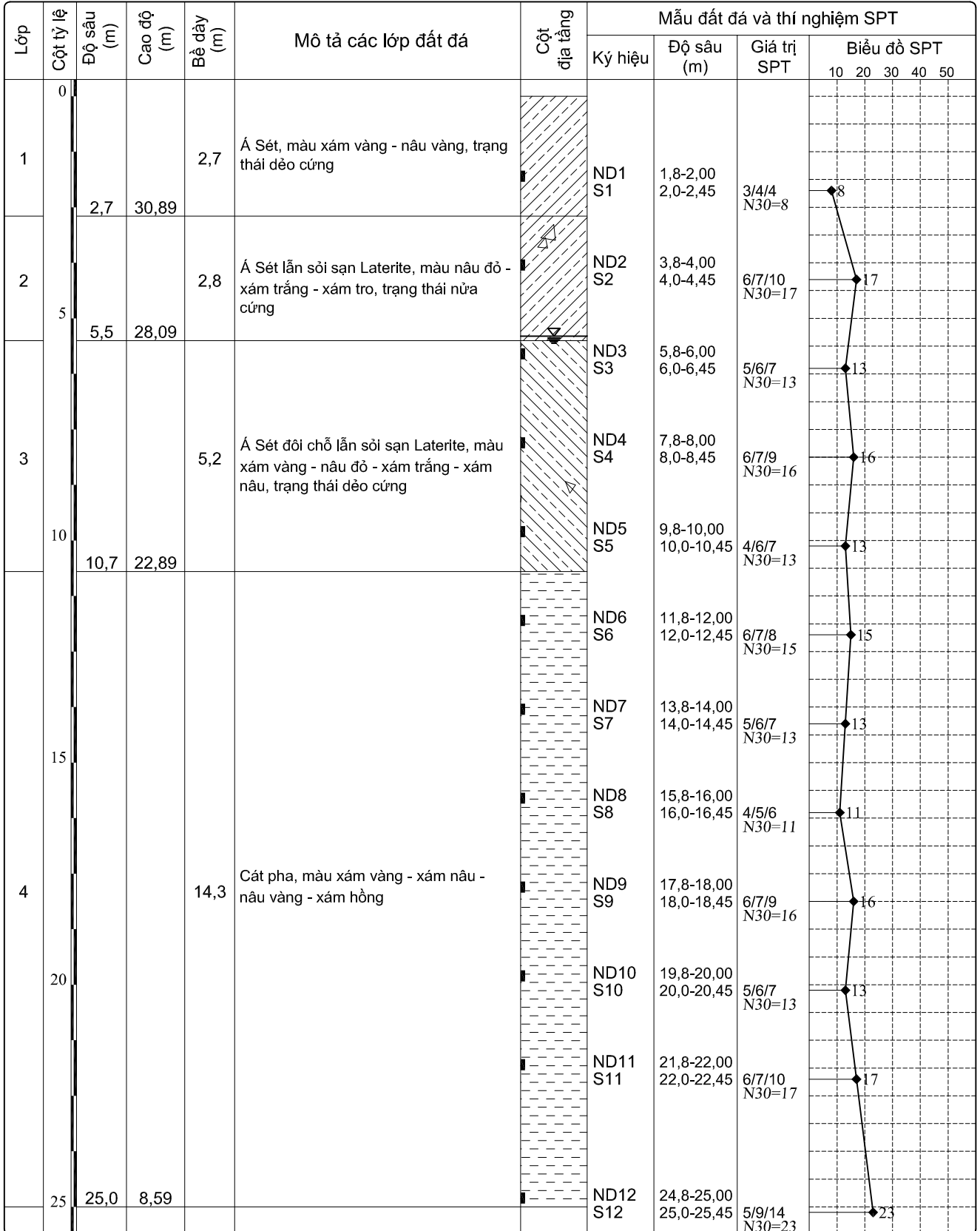
GHI CHÚ: ▨ Mẫu nguyên dạng • Mẫu phá hủy ▣ Mẫu đá ▨ Mục n.d.đất (m)

ĐƠN VỊ KHẢO SÁT CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 146	HÌNH TRỤ HỒ KHOAN Tờ số: 1/1	HK5
Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐIỂM 3+4) Địa điểm: LÔ D1,D2,D3,D4,D5 KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ TÂN, PHƯỜNG HÒA PHÚ, TP. THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG Người lập: _____ Ngày bắt đầu: 18/12/2023 Cao độ (m): 34,77 Máy khoan: XY-1 Ngày kết thúc: 19/12/2023 Tọa độ X = 1227471,1875 Độ sâu (m): 25,0 Khoan xoay bằng dung dịch sét bentonit. Mục n.d.đ (m): 8,2 Tọa độ Y = 601553,8313 Lý trình: _____		

Lớp	Cột tỷ lệ	Độ sâu (m)	Cao độ (m)	Bề dày (m)	Mô tả các lớp đất đá	Cột địa tầng	Mẫu đất đá và thí nghiệm SPT																	
							Ký hiệu	Độ sâu (m)	Giá trị SPT	Biểu đồ SPT														
k	0	0,6	34,17	0,6	Lớp đất san lấp.	# #																		
1a	5	5,5	29,27	4,9	Á Sét, màu xám vàng - xám đen - xám tro - xám nâu, trạng thái dẻo mềm	# #	ND1 S1	1,8-2,00 2,0-2,45	2/2/3 N30=5	5														
							ND2 S2	3,8-4,00 4,0-4,45	2/3/4 N30=7	7														
							ND3 S3	5,8-6,00 6,0-6,45	5/5/7 N30=12	12														
3	10	11,5	23,27	6,0	Á Sét đôi chỗ lẫn sỏi sạn Laterite, màu xám vàng - nâu đỏ - xám trắng - xám nâu, trạng thái dẻo cứng	# #	ND4 S4	7,8-8,00 8,0-8,45	6/7/9 N30=16	16														
							ND5 S5	9,8-10,00 10,0-10,45	4/6/8 N30=14	14														
							ND6 S6	11,8-12,00 12,0-12,45	3/5/6 N30=11	11														
4	15			13,5	Cát pha, màu xám vàng - xám nâu - nâu vàng - xám hồng	# #	ND7 S7	13,8-14,00 14,0-14,45	4/5/6 N30=11	11														
							ND8 S8	15,8-16,00 16,0-16,45	3/5/5 N30=10	10														
							ND9 S9	17,8-18,00 18,0-18,45	4/6/6 N30=12	12														
							ND10 S10	19,8-20,00 20,0-20,45	5/6/7 N30=13	13														
							ND11 S11	21,8-22,00 22,0-22,45	5/8/10 N30=18	18														
	20					# #	ND12 S12	22,8-23,00 23,0-23,45	6/7/11 N30=18	18														
ND13 S13							24,8-25,00 25,0-25,45	10/20/28 N30=48	48															
	25	25,0	9,77																					

GHI CHÚ: ■ Mẫu nguyên dạng ● Mẫu phá hủy ■ Mẫu đá — ▽ — Mục n.d.đất (m)

ĐƠN VỊ KHẢO SÁT CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 146	HÌNH TRỤ HỒ KHOAN Tờ số: 1/1	HK6
Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐIỂM 3+4) Địa điểm: LÔ D1,D2,D3,D4,D5 KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ TÂN, PHƯỜNG HÒA PHÚ, TP. THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG Người lập: _____ Ngày bắt đầu: 22/12/2023 Cao độ (m): 33,59 Máy khoan: XY-1 Ngày kết thúc: 22/12/2023 Tọa độ X = 1227486,6843 Độ sâu (m): 25,0 Khoan xoay bằng dung dịch sét bentonit. Mục n.d.đ (m): 5,4 Tọa độ Y = 601621,9869 Lý trình: _____		



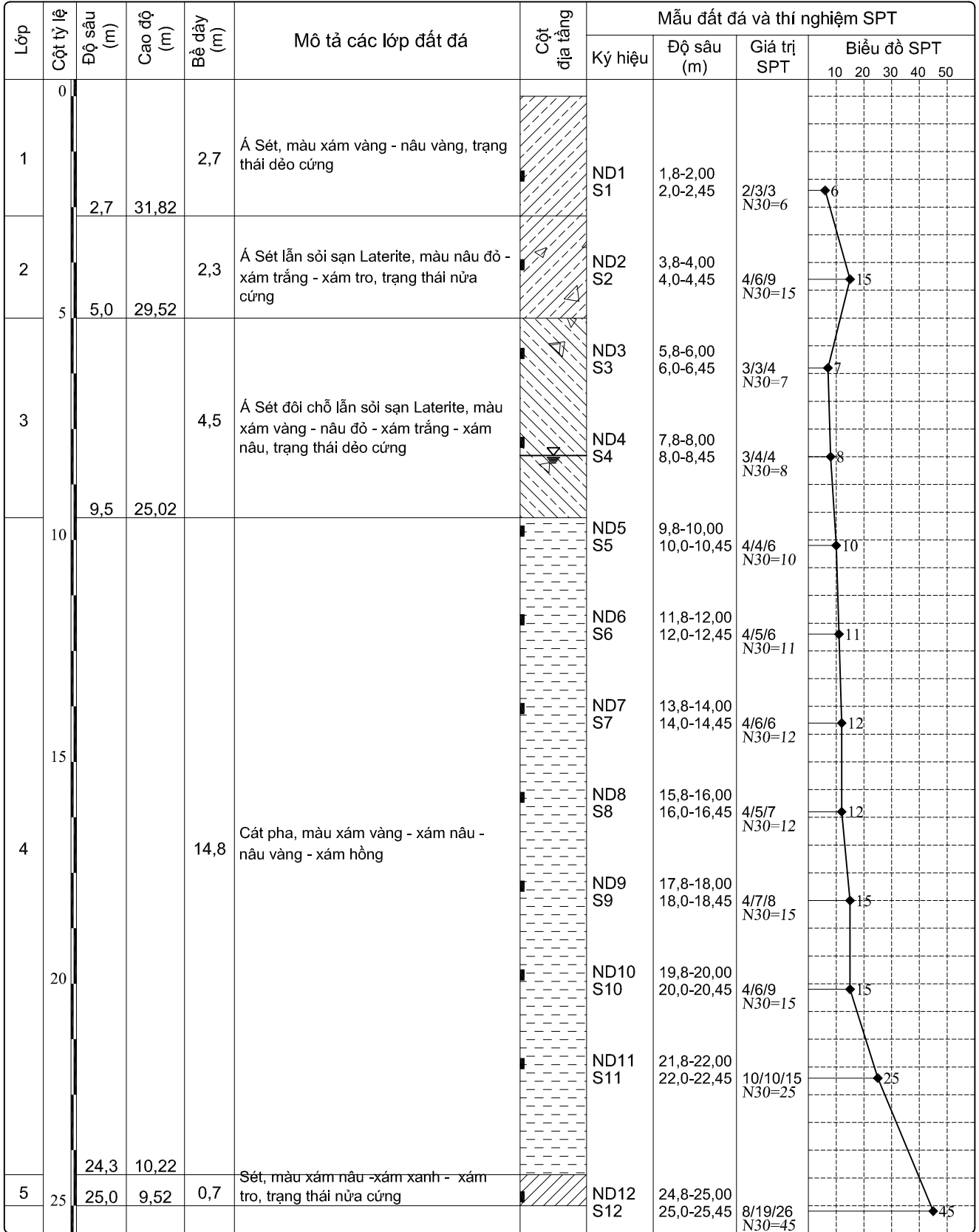
GHI CHÚ: ■ Mẫu nguyên dạng ● Mẫu phá hủy ■ Mẫu đá — ▽ — Mục n.d.đất (m)

ĐƠN VỊ KHẢO SÁT CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 146	HÌNH TRỤ HỒ KHOAN Tờ số: 1/1	HK7
Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐIỂM 3+4) Địa điểm: LÔ D1,D2,D3,D4,D5 KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ TÂN, PHƯỜNG HÒA PHÚ, TP. THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG Người lập: _____ Ngày bắt đầu: 19/12/2023 Cao độ (m): 34,68 Máy khoan: XY-1 Ngày kết thúc: 19/12/2023 Tọa độ X = 1227402,7815 Độ sâu (m): 25,0 Khoan xoay bằng dung dịch sét bentonit. Mục n.d.đ (m): 8,1 Tọa độ Y = 601569,471 Lý trình: _____		

Lớp	Cột tỷ lệ	Độ sâu (m)	Cao độ (m)	Bề dày (m)	Mô tả các lớp đất đá	Cột địa tầng	Mẫu đất đá và thí nghiệm SPT												
							Ký hiệu	Độ sâu (m)	Giá trị SPT	Biểu đồ SPT									
k	0	0,5	34,18	0,5	Lớp đất san lấp.														
1				2,9	Á Sét, màu xám vàng - nâu vàng, trạng thái dẻo cứng		ND1 S1	1,8-2,00	4/5/6 N30=11	11									
		2,0-2,45																	
2		3,4	31,28	1,4	Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu nâu đỏ - xám trắng - xám tro, trạng thái nửa cứng		ND2 S2	3,8-4,00	5/7/9 N30=16	16									
		4,0-4,45																	
3	5	4,8	29,88	5,8	Á Sét đôi chỗ lẫn sỏi sạn Laterite, màu xám vàng - nâu đỏ - xám trắng - xám nâu, trạng thái dẻo cứng		ND3 S3	5,8-6,00	3/4/5 N30=9	9									
		6,0-6,45																	
		ND4 S4	7,8-8,00					3/3/5 N30=8							8				
			8,0-8,45																
		ND5 S5	9,8-10,00					3/4/6 N30=10							10				
10,0-10,45																			
4	10	10,6	24,08	13,6	Cát pha, màu xám vàng - xám nâu - nâu vàng - xám hồng		ND6 S6	11,8-12,00	3/5/5 N30=10	10									
		12,0-12,45																	
		ND7 S7	13,8-14,00					4/5/6 N30=11							11				
			14,0-14,45																
		ND8 S8	15,8-16,00					4/6/6 N30=12							12				
			16,0-16,45																
		ND9 S9	17,8-18,00					4/5/7 N30=12							12				
			18,0-18,45																
		ND10 S10	19,8-20,00					4/5/6 N30=11							11				
			20,0-20,45																
		ND11 S11	21,8-22,00					5/8/9 N30=17							17				
22,0-22,45																			
ND12 S12	22,8-23,00	5/8/10 N30=18	18																
	23,0-23,45																		
5	25	24,2	10,48	0,8	Sét, màu xám nâu - xám xanh - xám tro, trạng thái nửa cứng		ND13 S13	24,8-25,00	9/19/26 N30=45	45									
		25,0-25,45																	

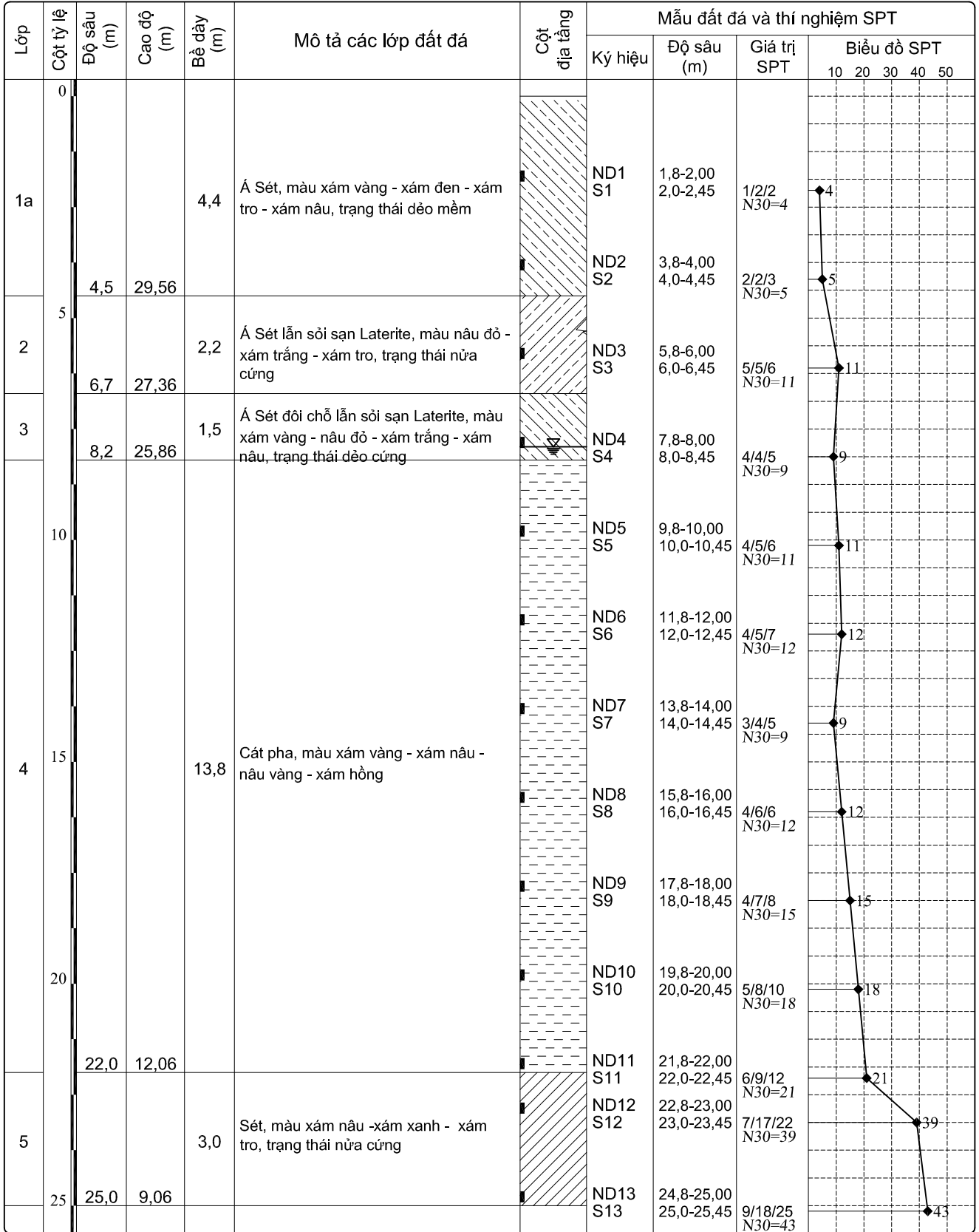
GHI CHÚ: ■ Mẫu nguyên dạng ● Mẫu phá hủy ■ Mẫu đá — ▽ — Mục n.d.đất (m)

ĐƠN VỊ KHẢO SÁT CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 146	HÌNH TRỤ HỐ KHOAN Tờ số: 1/1	HK8
Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐIỂM 3+4) Địa điểm: LÔ D1,D2,D3,D4,D5 KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ TÂN, PHƯỜNG HÒA PHÚ, TP. THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG Người lập: _____ Ngày bắt đầu: 19/12/2023 Cao độ (m): 34,52 Máy khoan: XY-1 Ngày kết thúc: 20/12/2023 Tọa độ X = 1227418,4388 Độ sâu (m): 25,0 Khoan xoay bằng dung dịch sét bentonit. Mục n.d.đ (m): 8,1 Tọa độ Y = 601637,7239 Lý trình: _____		



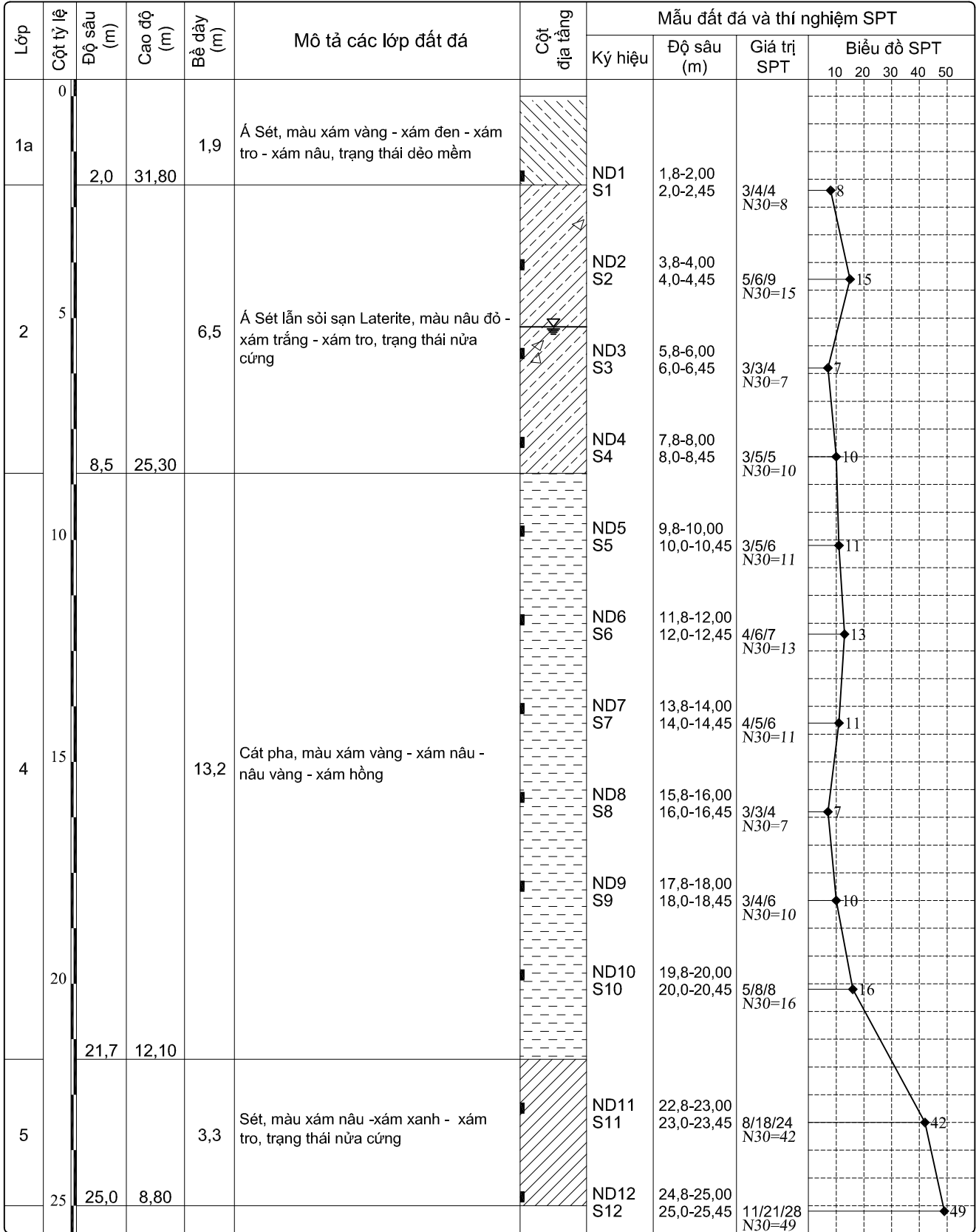
GHI CHÚ: ■ Mẫu nguyên dạng ● Mẫu phá hủy ■ Mẫu đá — ▽ — Mục n.d.đất (m)

ĐƠN VỊ KHẢO SÁT CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 146	HÌNH TRỤ HỐ KHOAN Tờ số: 1/1	HK9
Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐIỂM 3+4) Địa điểm: LÔ D1,D2,D3,D4,D5 KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ TÂN, PHƯỜNG HÒA PHÚ, TP. THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG Người lập: _____ Ngày bắt đầu: 20/12/2023 Cao độ (m): 34,06 Máy khoan: XY-1 Ngày kết thúc: 21/12/2023 Tọa độ X = 1227625,8613 Độ sâu (m): 25,0 Khoan xoay bằng dung dịch sét bentonit. Mục n.d.đ (m): 7,9 Tọa độ Y = 601712,1623 Lý trình: _____		



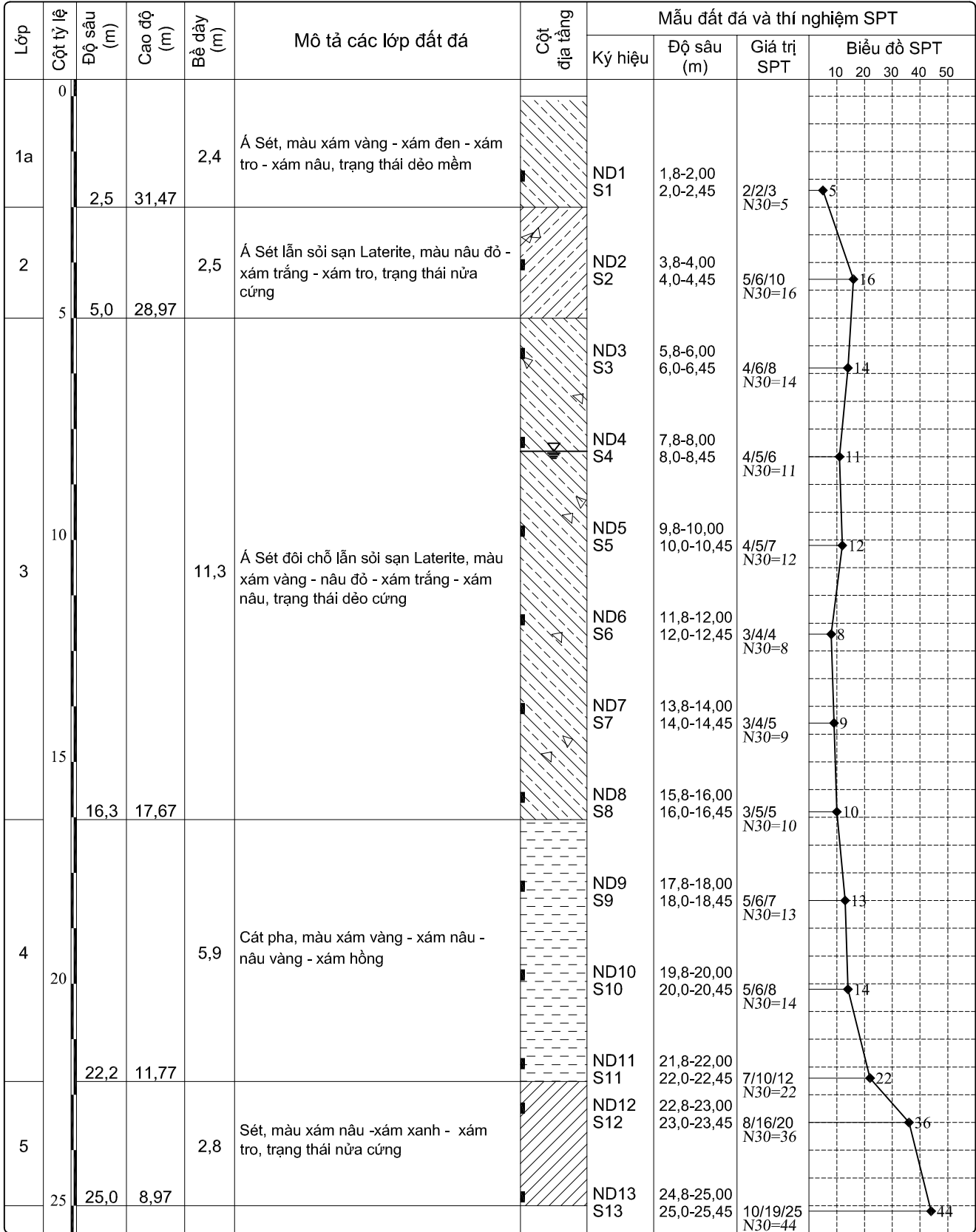
GHI CHÚ: ■ Mẫu nguyên dạng ● Mẫu phá hủy ■ Mẫu đá — ▽ — Mục n.d.đất (m)

ĐƠN VỊ KHẢO SÁT CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 146	HÌNH TRỤ HỒ KHOAN Tờ số: 1/1
HK10	
Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐIỂM 3+4) Địa điểm: LÔ D1,D2,D3,D4,D5 KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ TÂN, PHƯỜNG HÒA PHÚ, TP. THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG Người lập: _____ Ngày bắt đầu: 21/12/2023 Cao độ (m): 33,80 Máy khoan: XY-1 Ngày kết thúc: 21/12/2023 Tọa độ X = 1227641,5556 Độ sâu (m): 25,0 Khoan xoay bằng dung dịch sét bentonit. Mục n.d.đ (m): 5,2 Tọa độ Y = 601780,5162 Lý trình: _____	



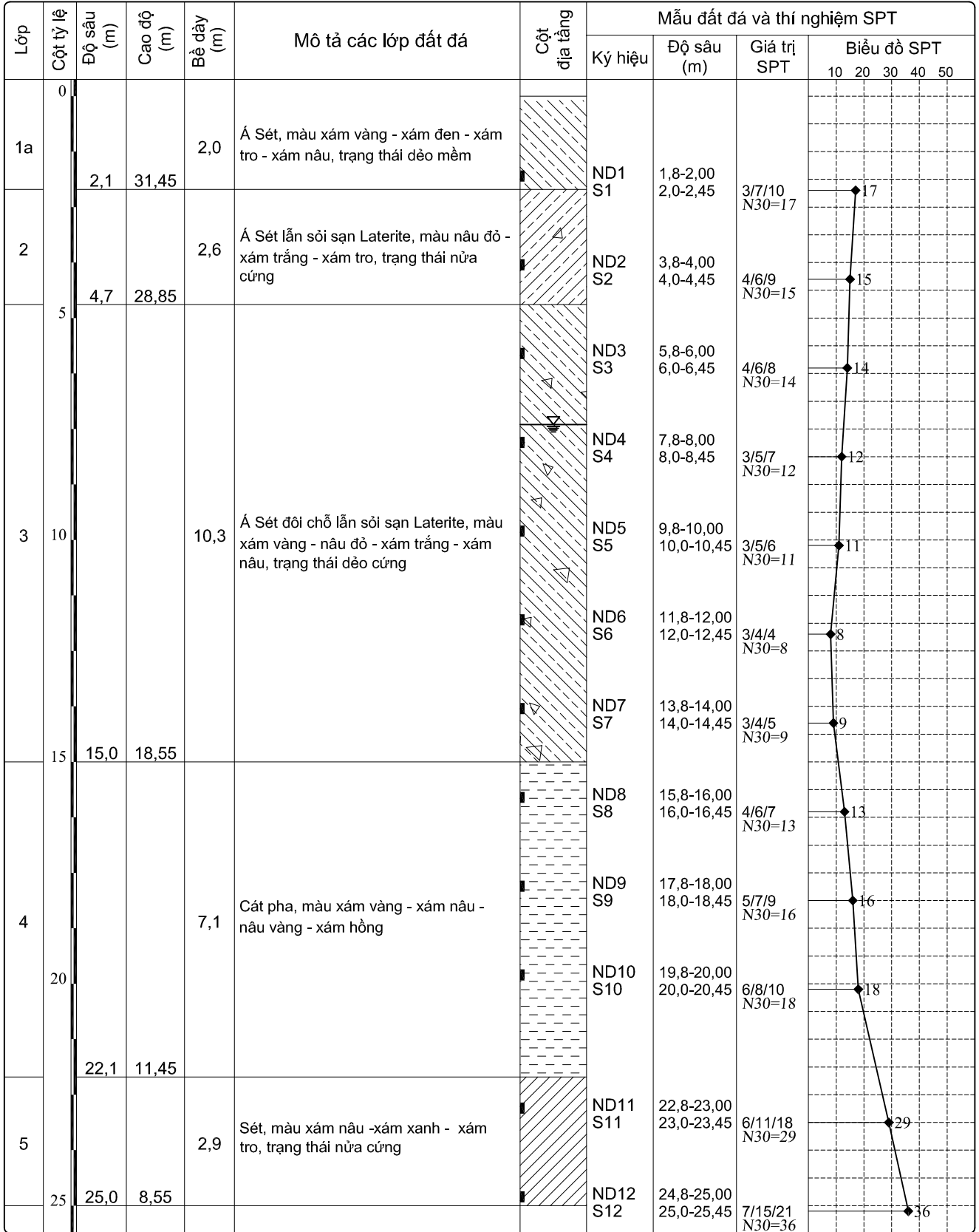
GHI CHÚ: ■ Mẫu nguyên dạng ● Mẫu phá hủy ■ Mẫu đá — ▽ — Mục n.d.đất (m)

ĐƠN VỊ KHẢO SÁT CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 146	HÌNH TRỤ HỐ KHOAN Từ số: 1/1 HK11
Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐIỂM 3+4) Địa điểm: LÔ D1,D2,D3,D4,D5 KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ TÂN, PHƯỜNG HÒA PHÚ, TP. THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG Người lập: _____ Ngày bắt đầu: 21/12/2023 Cao độ (m): 33,97 Máy khoan: XY-1 Ngày kết thúc: 22/12/2023 Tọa độ X = 1227557,6712 Độ sâu (m): 25,0 Khoan xoay bằng dung dịch sét bentonit. Mục n.d.đ (m): 8,0 Tọa độ Y = 601727,9022 Lý trình: _____	



GHI CHÚ: ■ Mẫu nguyên dạng ● Mẫu phá hủy ■ Mẫu đá — ▽ — Mục n.d.đất (m)

ĐƠN VỊ KHẢO SÁT CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG 146	HÌNH TRỤ HỐ KHOAN Tờ số: 1/1
HK12	
Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐIỂM 3+4) Địa điểm: LÔ D1,D2,D3,D4,D5 KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ TÂN, PHƯỜNG HÒA PHÚ, TP. THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG Người lập: _____ Ngày bắt đầu: 21/12/2023 Cao độ (m): 33,55 Máy khoan: XY-1 Ngày kết thúc: 21/12/2023 Tọa độ X = 1227573,2838 Độ sâu (m): 25,0 Khoan xoay bằng dung dịch sét bentonit. Mục n.d.đ (m): 7,4 Tọa độ Y = 601796,0542 Lý trình: _____	



GHI CHÚ: ■ Mẫu nguyên dạng ● Mẫu phá hủy ■ Mẫu đá — ▽ — Mục n.d.đất (m)

PHỤ LỤC (APPENDIX) 4

MẶT CẮT ĐỊA CHẤT

GEOLOGICAL SOIL PROFILE

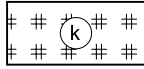

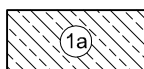


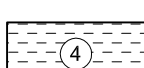

MẶT CẮT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH 1-1

Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐIỂM 3+4)
 Địa điểm: LÔ D1,D2,D3,D4,D5 KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ TÂN, PHƯỜNG HÒA PHÚ, TP. THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

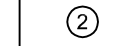


Tỷ lệ đứng: 1/125

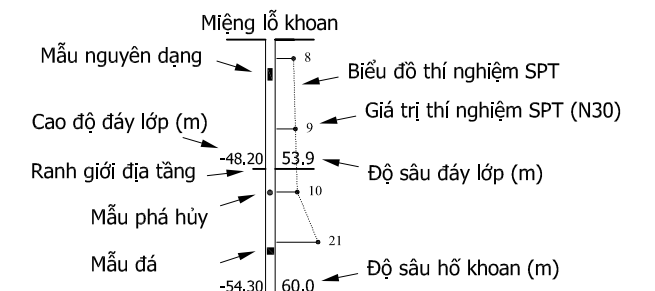
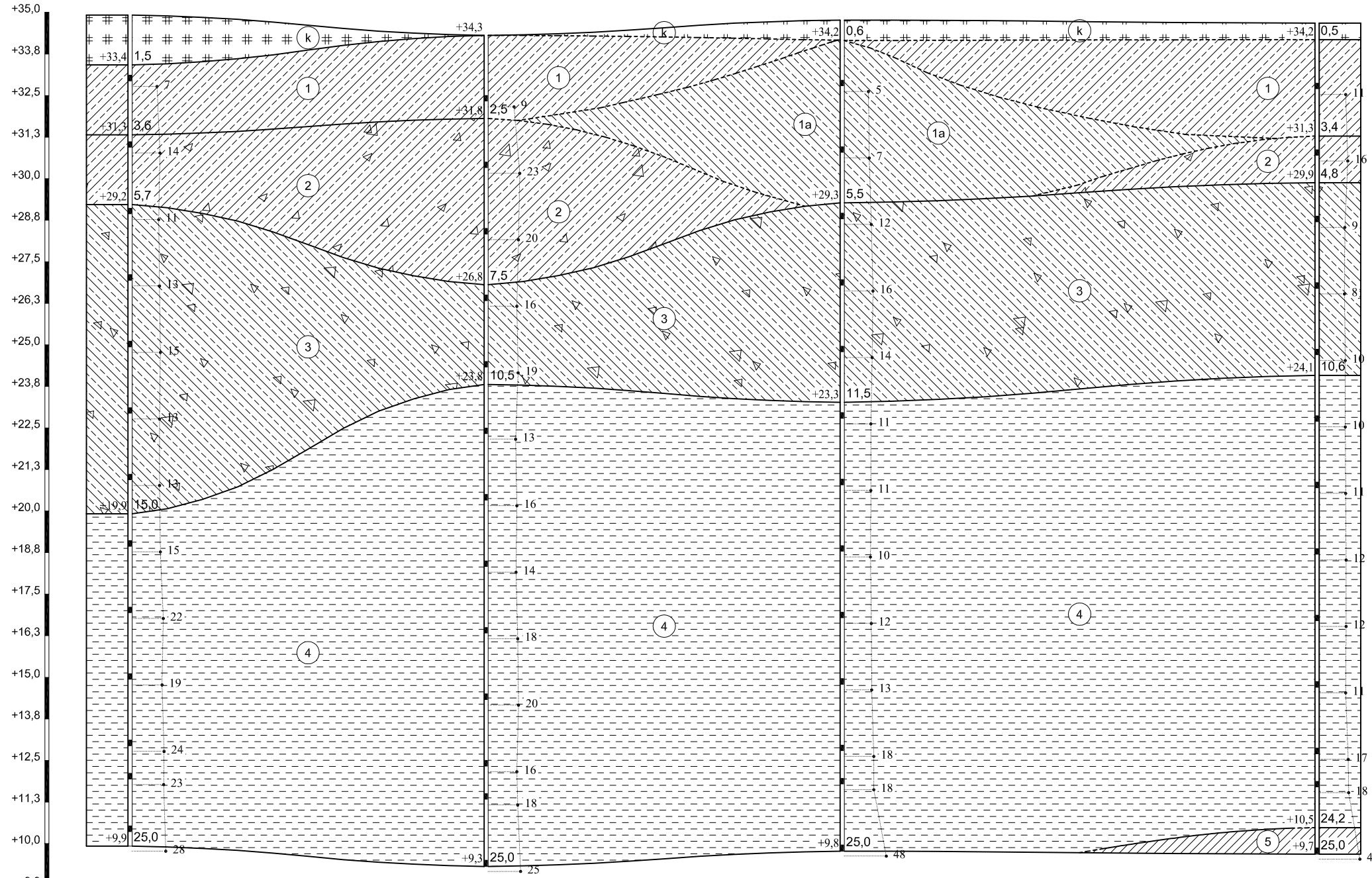
Tỷ lệ ngang: 1/175

DẤU HIỆU QUY ƯỚC

-  Lốp đất san lấp.
-  Á Sét, màu xám vàng - nâu vàng, trạng thái dẻo cứng
-  Á Sét, màu xám vàng - xám đen - xám tro - xám nâu, trạng thái dẻo mềm
-  Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu nâu đỏ - xám trắng - xám tro, trạng thái nửa cứng
-  Á Sét đôi chỗ lẫn sỏi sạn Laterite, màu xám vàng - nâu đỏ - xám trắng - xám nâu, trạng thái dẻo cứng
-  Cát pha, màu xám vàng - xám nâu - nâu vàng - xám hồng
-  Sét, màu xám nâu - xám xanh - xám tro, trạng thái nửa cứng

KÝ HIỆU

-  Tên lớp
-  Ranh giới xác định
-  Ranh giới giả định



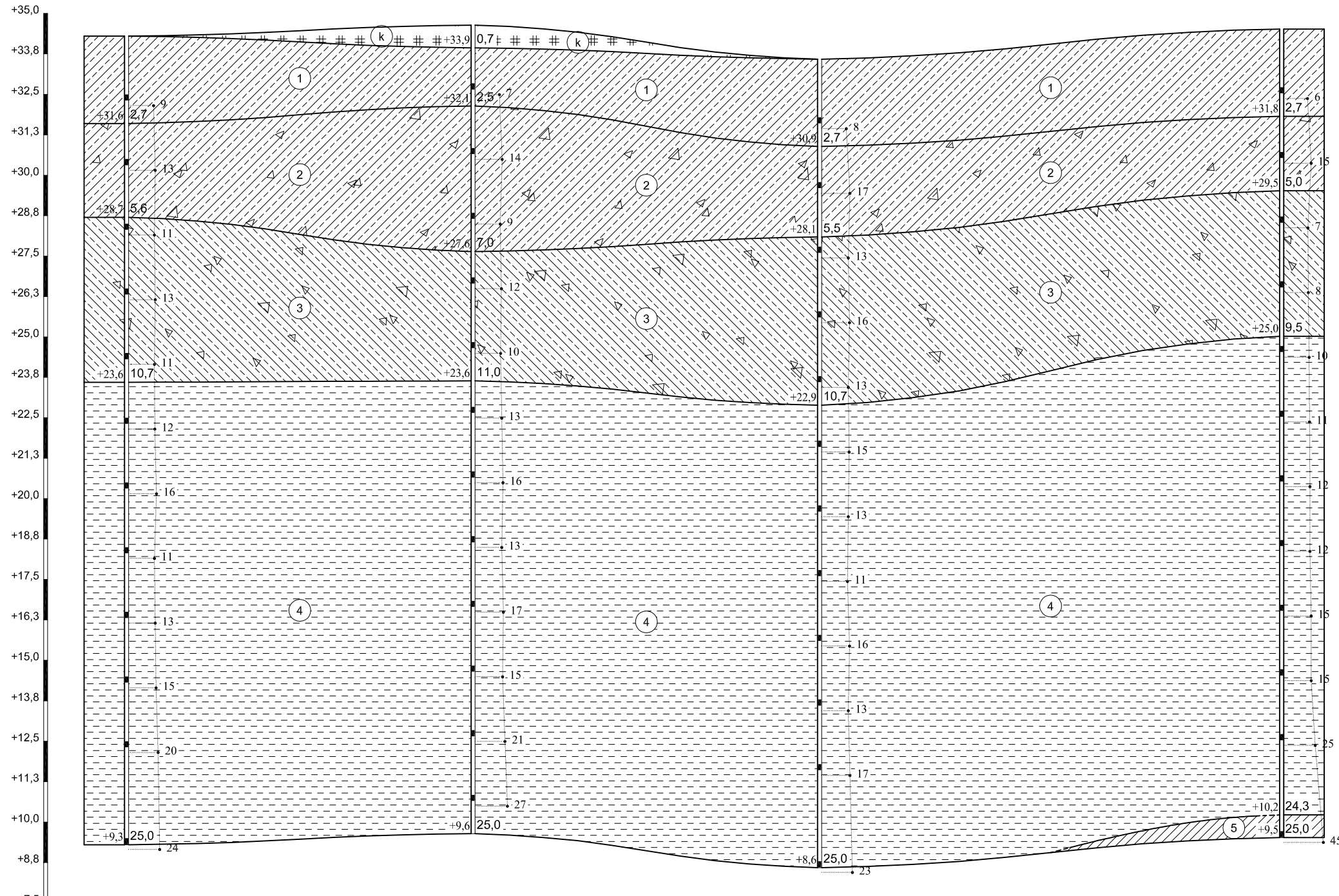
Tên hố khoan	HK1	HK3	HK5	HK7
Cao độ HK (m)	+34,92	+34,31	+34,77	+34,68
Khoảng cách (m)				

MẶT CẮT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH 2-2

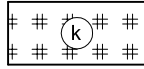
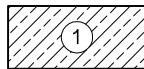


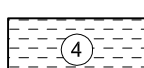
Tỷ lệ đứng: 1/125

Tỷ lệ ngang: 1/175

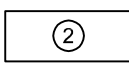

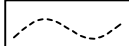
Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 Địa điểm: LÔ D1,D2,D3,D4,D5 KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ TÂN, PHƯỜNG HÒA PHÚ, TP. THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

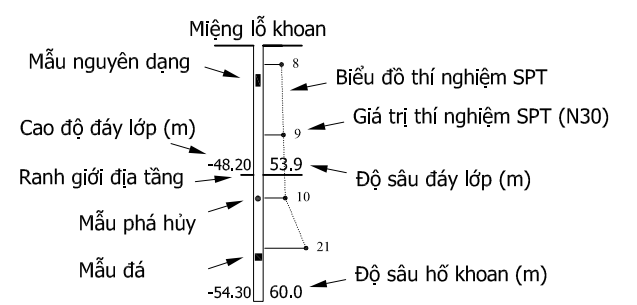


DẤU HIỆU QUY ƯỚC

-  Lớp đất san lấp.
-  Á Sét, màu xám vàng - nâu vàng, trạng thái dẻo cứng
-  Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu nâu đỏ - xám trắng - xám tro, trạng thái nửa cứng
-  Á Sét đôi chỗ lẫn sỏi sạn Laterite, màu xám vàng - nâu đỏ - xám trắng - xám nâu, trạng thái dẻo cứng
-  Cát pha, màu xám vàng - xám nâu - nâu vàng - xám hồng

KÝ HIỆU

-  Tên lớp
-  Ranh giới xác định
-  Ranh giới giả định






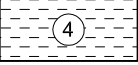

Tên hố khoan	HK2	HK4	HK6	HK8
Cao độ HK (m)	+34,30	+34,64	+33,59	+34,52
Khoảng cách (m)				

MẶT CẮT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH H3-3




Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐIỂM 3+4)

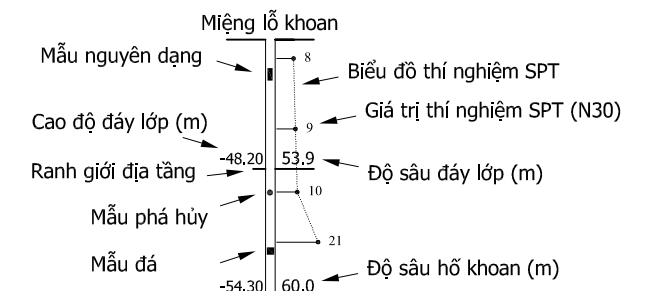
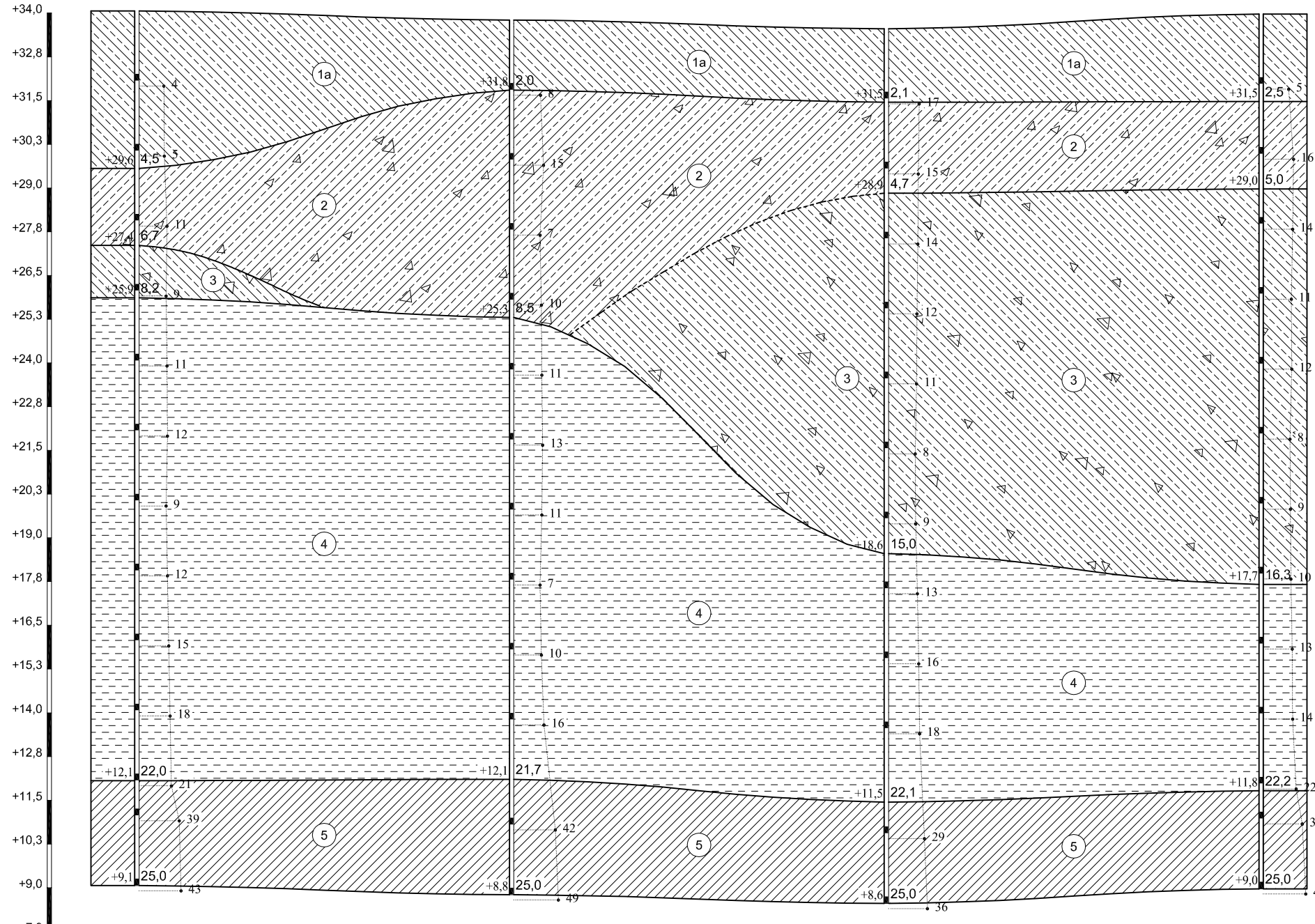
Địa điểm: LÔ D1,D2,D3,D4,D5 KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ TÂN, PHƯỜNG HÒA PHÚ, TP. THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

DẤU HIỆU QUY ƯỚC

-  1a) Á Sét, màu xám vàng - xám đen - xám tro - xám nâu, trạng thái dẻo mềm
-  2) Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu nâu đỏ - xám trắng - xám tro, trạng thái nửa cứng
-  3) Á Sét đôi chỗ lẫn sỏi sạn Laterite, màu xám vàng - nâu đỏ - xám trắng - xám nâu, trạng thái dẻo cứng
-  4) Cát pha, màu xám vàng - xám nâu - nâu vàng - xám hồng
-  5) Sét, màu xám nâu - xám xanh - xám tro, trạng thái nửa cứng

KÝ HIỆU

-  2) Tên lớp
-  Ranh giới xác định
-  Ranh giới giả định



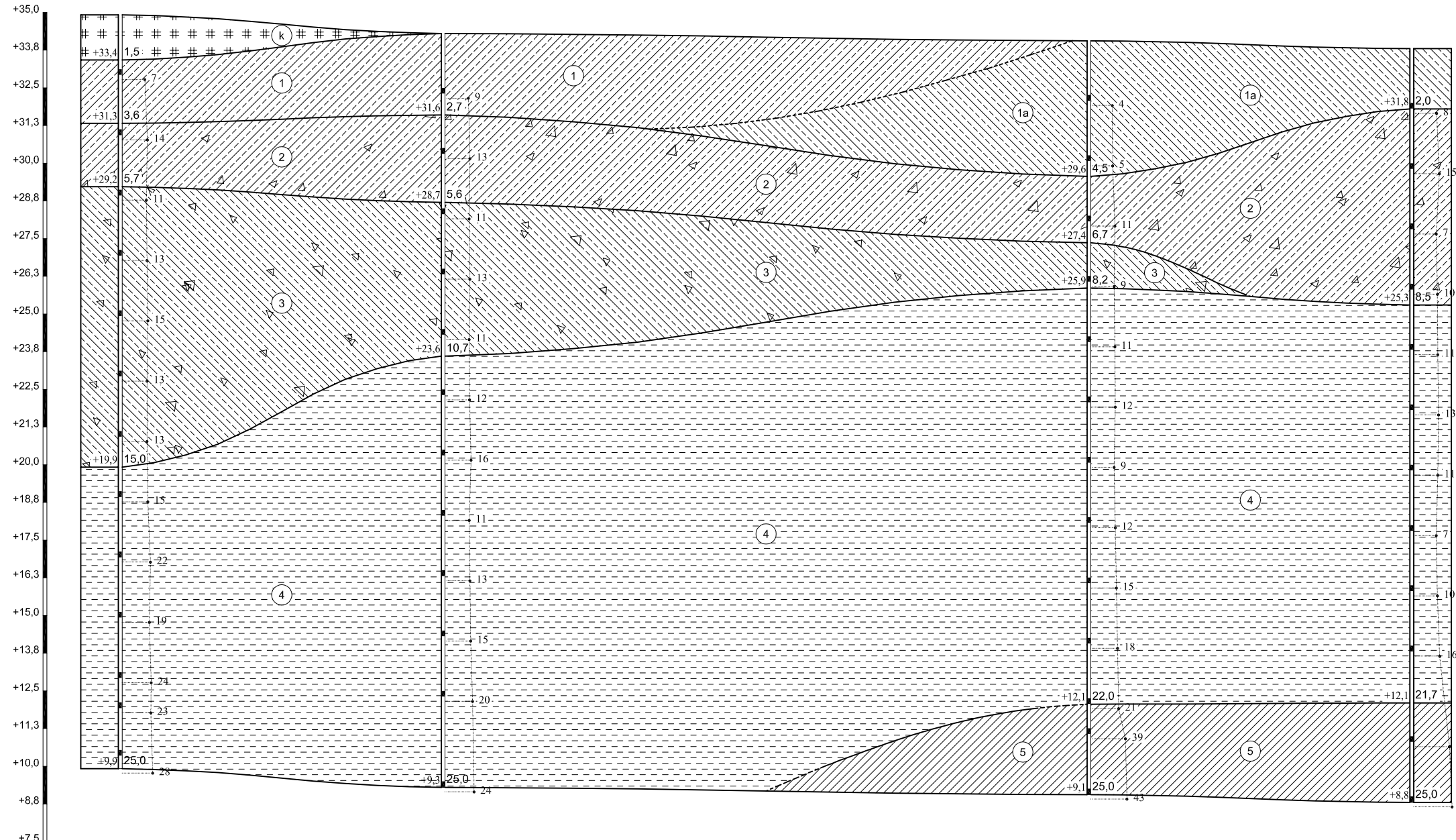
Tên hố khoan	HK9	HK10	HK12	HK11
Cao độ HK (m)	+34,06	+33,80	+33,55	+33,97
Khoảng cách (m)				

MẶT CẮT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH 4-4

Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐIỂM 3+4)
 Địa điểm: LÔ D1,D2,D3,D4,D5 KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ TÂN, PHƯỜNG HÒA PHÚ, TP. THỦ ĐAU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Tỷ lệ đứng: 1/125

Tỷ lệ ngang: 1/175

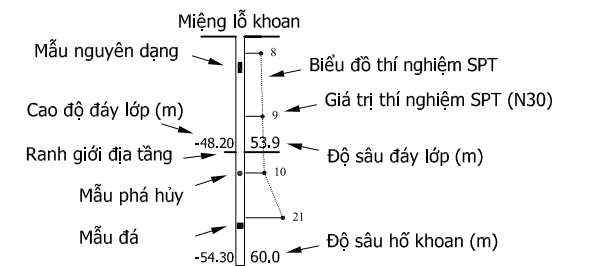


DẤU HIỆU QUY ƯỚC

- Lớp đất san lấp.
- Á Sét, màu xám vàng - nâu vàng, trạng thái dẻo cứng
- Á Sét, màu xám vàng - xám đen - xám tro - xám nâu, trạng thái dẻo mềm
- Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu nâu đỏ - xám trắng - xám tro, trạng thái nửa cứng
- Á Sét đôi chỗ lẫn sỏi sạn Laterite, màu xám vàng - nâu đỏ - xám trắng - xám nâu, trạng thái dẻo cứng
- Cát pha, màu xám vàng - xám nâu - nâu vàng - xám hồng
- Sét, màu xám nâu - xám xanh - xám tro, trạng thái nửa cứng

KÝ HIỆU

- Tên lớp
- Ranh giới xác định
- Ranh giới giả định



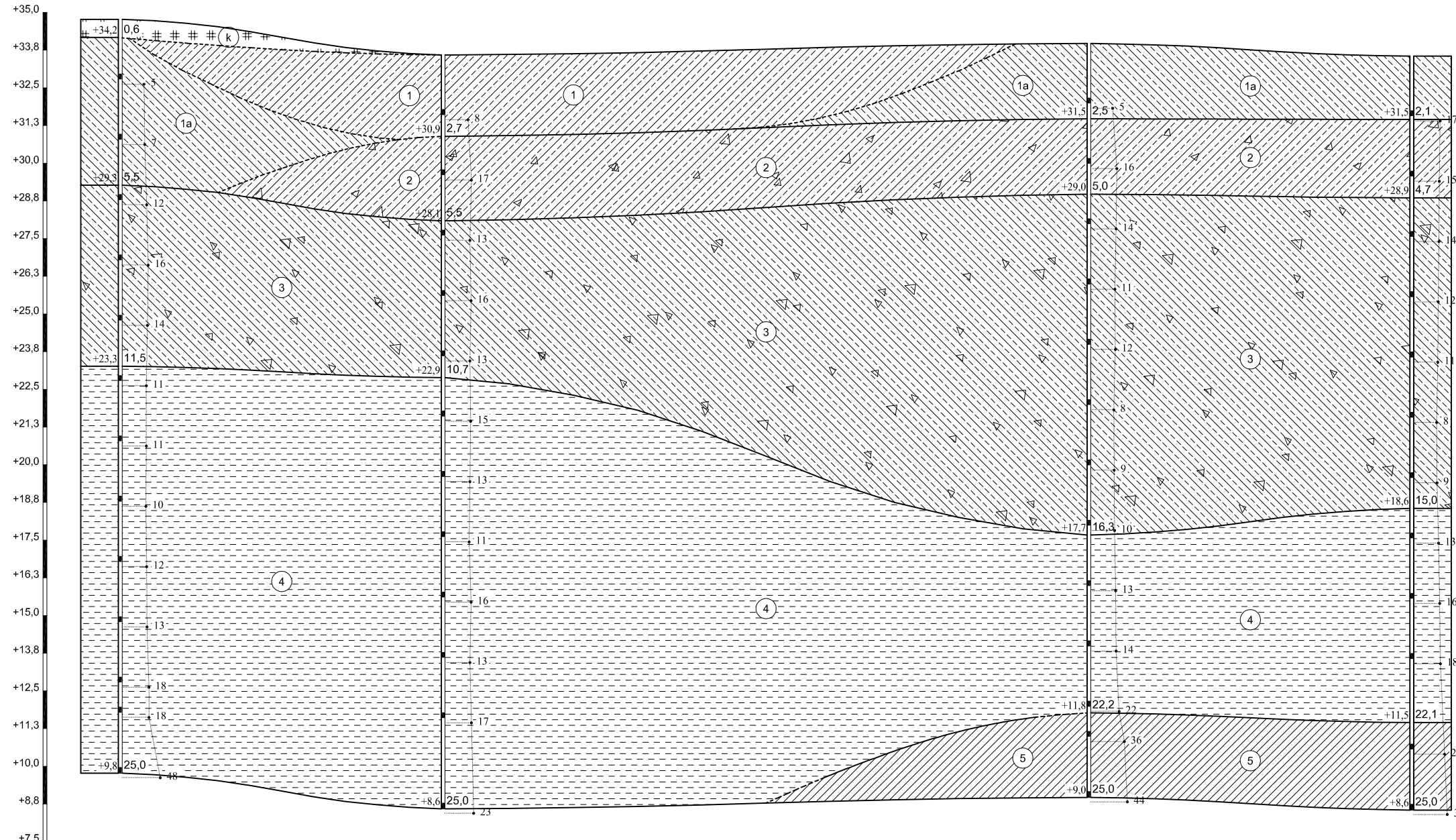
Tên hố khoan	HK1	HK2	HK9	HK10
Cao độ HK (m)	+34,92	+34,30	+34,06	+33,80
Khoảng cách (m)				

MẶT CẮT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH 5-5

Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 Địa điểm: LÔ D1,D2,D3,D4,D5 KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ TÂN, PHƯỜNG HÒA PHÚ, TP. THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Tỷ lệ đứng: 1/125

Tỷ lệ ngang: 1/175

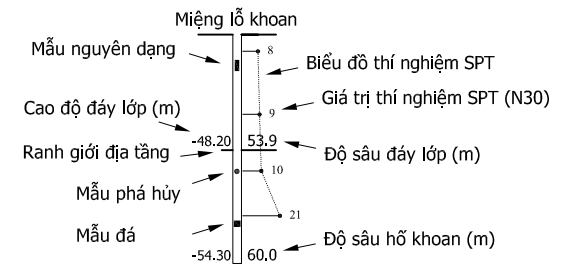


ĐẤU HIỆU QUY ƯỚC

- Lớp đất san lấp.
- Á Sét, màu xám vàng - nâu vàng, trạng thái dẻo cứng
- Á Sét, màu xám vàng - xám đen - xám tro - xám nâu, trạng thái dẻo mềm
- Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu nâu đỏ - xám trắng - xám tro, trạng thái nửa cứng
- Á Sét đôi chỗ lẫn sỏi sạn Laterite, màu xám vàng - nâu đỏ - xám trắng - xám nâu, trạng thái dẻo cứng
- Cát pha, màu xám vàng - xám nâu - nâu vàng - xám hồng
- Sét, màu xám nâu - xám xanh - xám tro, trạng thái nửa cứng

KÝ HIỆU

- Tên lớp
- Ranh giới xác định
- Ranh giới giả định

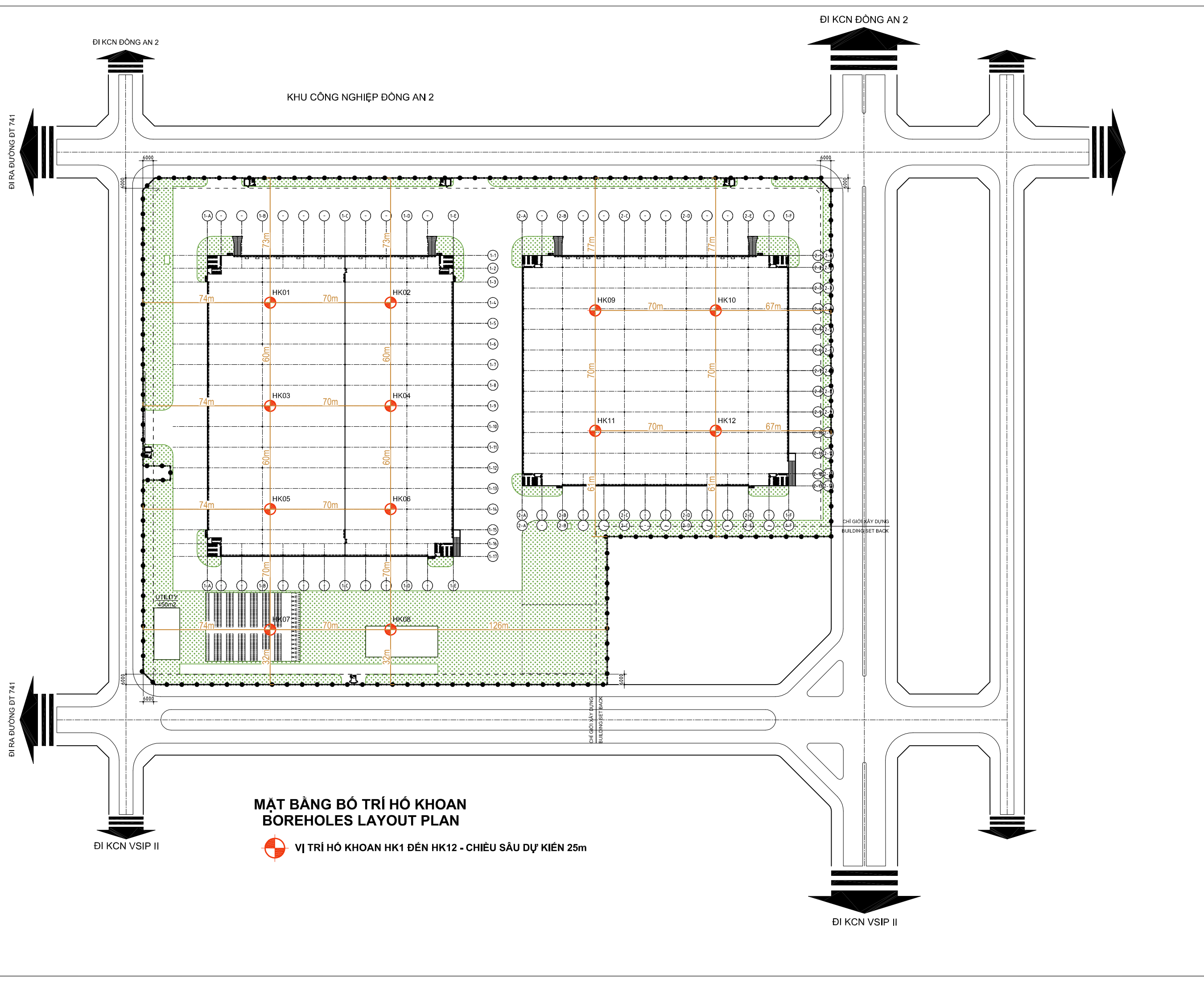


Tên hố khoan	HK5	HK6	HK11	HK12
Cao độ HK (m)	+34,77	+33,59	+33,97	+33,55
Khoảng cách (m)				

PHỤ LỤC (APPENDIX) 5

BÌNH ĐỒ BỐ TRÍ HỐ KHOAN

BOREHOLE LAYOUT



**MẶT BẰNG BỐ TRÍ HỐ KHOAN
BOREHOLES LAYOUT PLAN**

VỊ TRÍ HỐ KHOAN HK1 ĐẾN HK12 - CHIỀU SÂU DỰ KIẾN 25m

PHÁT HÀNH | ISSUED
CHO PHÊ DUYỆT | FOR APPROVAL
 NGÀY PHÁT HÀNH | ISSUED DATE:
 12-2023

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ & GHI CHÚ | KEYPLAN & NOTES:

CHỦ ĐẦU TƯ | OWNER
**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP
NEW MOTION**

 Địa chỉ: Số 2 đường Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1,
 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Add: No.2 Ngo Duc Ke Street, Ben Nghé Ward, District 1,
 Ho Chi Minh City, Vietnam

DUYỆT BỞI | APPROVED BY
 TỔNG GIÁM ĐỐC | GENERAL DIRECTOR

TƯ VẤN THIẾT KẾ | DESIGN CONSULTANT:

 SAV 2.01.01 Tower 2, The Sun Avenue Residence Address
 28 Mai Chí Thọ Boulevard, An Phú Ward, District 2
 Thủ Đức City, Hồ Chí Minh City, Vietnam
 +84 28 22537294 Telephone
 info@infinitydesign.vn Email
 http://infinitydesign.vn/ Internet

GIÁM ĐỐC | DIRECTOR
TRẦN HỮU HOÀNG
 CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ | DESIGN MANAGER
TRẦN HOÀNG ANH
 CHỦ TRÌ THIẾT KẾ | PRINCIPAL DESIGN
TRƯƠNG ĐÌNH NGUYỄN KHÔI
 VẼ | DRAWN
NGUYỄN HUỆ CƯƠNG

TÊN DỰ ÁN | PROJECT TITLE
**DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP
NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 1D)**
 Địa điểm 1D: Lô đất D106, Khu Công Nghiệp Phú Tân, Phường Hòa Phú,
 Thành Phố Thủ Đức Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

HẠNG MỤC | ITEM
00 TỔNG THỂ | GENERAL
 TÊN BẢN VẼ | DRAWING TITLE
**MẶT BẰNG BỐ TRÍ HỐ KHOAN
BOREHOLES LAYOUT PLAN**

GIẢI ĐOẠN | STAGE
THIẾT KẾ CƠ SỞ | BASIC DESIGN

SỐ DỰ ÁN SPX	BỘ PHẬN THIẾT KẾ KẾT CẤU STRUCTURE
TỶ LỆ SCALE 1:1000	KHỔ GIẤY SHEET SIZE [841x594] A1
SỐ BẢN VẼ DRAWING NUMBER GARNET1-00-S-00	HIỆU CHỈNH REVISION R0

PHỤ LỤC (APPENDIX) 6

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN CỐ KẾT
CONSOLIDATION TEST Cv

PHỤ LỤC (APPENDIX) 7

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN BA TRỤC CU
TRIAXIAL COMPRESSION TEST CU

PHỤ LỤC (APPENDIX) 8

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM MẪU NƯỚC

WATER TEST FOR CORROSIVE TO CONCRETE



TỔNG HỘI ĐỊA CHẤT VIỆT NAM
LIÊN HIỆP ĐỊA KỸ THUẬT
NỀN MÓNG CÔNG TRÌNH
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS XD 291
Số...003../KQTN-2023...

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HÓA HỌC NƯỚC VÀ ĐÁNH GIÁ ĂN MÒN

Tel: 09 033 51 033 Fax:(08)37112627 E-mail1: lienhiepcmt@gmail.com E-mail2: lienhiepcmt@gmail.com

CÔNG TRÌNH: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (Địa điểm 3+4)

ĐỊA ĐIỂM: LÔ D1, D2, D3, D4, D5 KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ TÂN, PHƯỜNG HÒA PHÚ, TP. THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Yêu cầu TN: hóa lý đánh giá

Tên mẫu: **HK1**

khả năng ăn mòn bê tông

TÍNH CHẤT VẬT LÝ

Màu: vàng nhạt

Mùi: nhẹ

Ngày lấy mẫu: 20/12/2023

Ngày nhận mẫu: 21/12/2023

Nhiệt độ trong phòng: 28°C

Ngày mở mẫu: 22/12/2023

Ngày báo cáo: 26/12/2023

Nhiệt độ mẫu: 28°C

PHÂN TÍCH HOÁ HỌC

HẠNG MỤC PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ TÍNH RA			HẠNG MỤC PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ TÍNH RA				
	mg/l	mgdl/l	%mgdl/l		mg/l	mgdl/l	%mgdl/l		
CATION	Ca ²⁺	8,86	0,443	22,56	ANION	Cl ⁻	16,02	0,452	23,01
	Mg ²⁺	7,50	0,625	31,82		SO ₄ ²⁻	10,99	0,229	11,66
	Fe	0,44	0,016	0,80		HCO ₃ ⁻	78,26	1,283	65,33
	Na ⁺	19,08	0,830	42,25		CO ₃ ²⁻	0,00	0,000	0,00
	NH ₄ ⁺	0,91	0,051	2,57		OH ⁻	0,00	0,000	0,00
TỔNG CỘNG	36,79	1,964	100,00	TỔNG CỘNG	105,28	1,964	100,00		

HẠNG MỤC PHÂN TÍCH ĐẶC BIỆT

HẠNG MỤC PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ mgdl/l	HẠNG MỤC PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ mg/l	HẠNG MỤC PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ (độ)
Tổng độ cứng	1,07	CO ₂ tự do	21,87	Độ pH	7,10
Độ cứng vĩnh viễn	0,00	CO ₂ ăn mòn	6,14		
Độ cứng tạm thời	1,07	Độ tổng khoáng hóa	142,07		
Độ kiềm	1,28				

Công thức Curlov :

$$M_{0.142} \text{ g/l} \frac{\text{HCO}_3^-(65), \text{Cl}^-(23), \text{SO}_4^{2-}(12)}{\text{Na}^+(42), \text{Mg}^{2+}(32), \text{Ca}^{2+}(23)} \text{ pH } 7.10$$

Theo công thức Curlov tên nước là: **BICACBONAT - NATRI - MAGIẾ**

Tiêu chuẩn áp dụng :

TCVN 6200:1996 TCVN 6194:1996

NHÂN XÉT: Theo TCVN 312041:2017,

đánh giá mức độ ăn mòn của nước tới móng

công trình nước không có tính ăn mòn

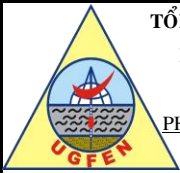
đối với bê tông và kim loại.

Mức độ ăn mòn	pH	CO ₂ xt mg/l	Mg ²⁺ mg/l	SO ₄ ²⁻ mg/l	TCVN 12041:2017
Yếu	5.5 - 6.5	15-40	300-1000	200-600	
Trung bình	5.5-4.5	40-100	1000-3000	600-3000	
Mạnh	4.5-4	>100	>30000	3000-6000	

PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS XD 291

Người thí nghiệm

KS.Đông Văn Hương



TỔNG HỘI ĐỊA CHẤT VIỆT NAM
LIÊN HIỆP ĐỊA KỸ THUẬT
NỀN MÓNG CÔNG TRÌNH
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS XD 291
Số...004../KQTN-2023...

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HÓA HỌC NƯỚC VÀ ĐÁNH GIÁ ĂN MÒN

Tel: 09 033 51 033 Fax: (08)37112627 E-mail1: lienhiepcmt@gmail.com E-mail2: lienhiepcmt@gmail.com

CÔNG TRÌNH: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (Địa điểm 3+4)

ĐỊA ĐIỂM: LÔ D1, D2, D3, D4, D5 KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ TÂN, PHƯỜNG HÒA PHÚ, TP. THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

TÍNH CHẤT VẬT LÝ

Màu: vàng nhạt

Mùi: nhẹ

Tên mẫu: **HK7**

Ngày lấy mẫu: 20/12/2023

Ngày nhận mẫu: 21/12/2023

Nhiệt độ trong phòng: 28°C

Yêu cầu TN: hóa lý đánh giá

khả năng ăn mòn bê tông

Ngày mở mẫu: 22/12/2023

Ngày báo cáo: 26/12/2023

Nhiệt độ mẫu: 28°C

PHÂN TÍCH HOÁ HỌC

HẠNG MỤC PHÂN TÍCH		KẾT QUẢ TÍNH RA			HẠNG MỤC PHÂN TÍCH		KẾT QUẢ TÍNH RA		
		mg/l	mgdl/l	%mgdl/l			mg/l	mgdl/l	%mgdl/l
CATION	Ca ²⁺	8,54	0,427	21,69	ANION	Cl ⁻	15,56	0,439	22,30
	Mg ²⁺	7,62	0,635	32,25		SO ₄ ²⁻	11,09	0,231	11,73
	Fe	0,51	0,018	0,93		HCO ₃ ⁻	79,24	1,299	65,97
	Na ⁺	19,32	0,840	42,66		CO ₃ ²⁻	0,00	0,000	0,00
	NH ₄ ⁺	0,88	0,049	2,48		OH ⁻	0,00	0,000	0,00
TỔNG CỘNG		36,87	1,969	100,00	TỔNG CỘNG		105,89	1,969	100,00

HẠNG MỤC PHÂN TÍCH ĐẶC BIỆT

HẠNG MỤC PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ mgdl/l	HẠNG MỤC PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ mg/l	HẠNG MỤC PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ (độ)
Tổng độ cứng	1,06	CO ₂ tự do	20,96	Độ pH	7,45
Độ cứng vĩnh viễn	0,00	CO ₂ ăn mòn	5,93		
Độ cứng tạm thời	1,06	Độ tổng khoáng hóa	142,76		
Độ kiềm	1,30				

Công thức Curlov :

$$M_{0.143} \text{ g/l} \frac{\text{HCO}_3^- (66), \text{Cl}^- (22), \text{SO}_4^{2-} (12)}{\text{Na}^+ (43), \text{Mg}^{2+} (32), \text{Ca}^{2+} (22)} \text{ pH } 7.45$$

Theo công thức Curlov tên nước là: BICACBONAT - NATRI - MAGIÊ

Tiêu chuẩn áp dụng :

TCVN 6200:1996 TCVN 6194:1996

NHÂN XÉT: Theo TCVN 312041:2017,

đánh giá mức độ ăn mòn của nước tới móng

công trình nước không có tính ăn mòn

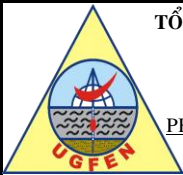
đối với bê tông và kim loại.

Mức độ ăn mòn	pH	CO ₂ xt mg/l	Mg ²⁺ mg/l	SO ₄ ²⁻ mg/l	TCVN 12041:2017
Yếu	5.5 - 6.5	15-40	300-1000	200-600	
Trung bình	5.5-4.5	40-100	1000-3000	600-3000	
Mạnh	4.5-4	>100	>30000	3000-6000	

PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS XD 291

Người thí nghiệm

KS.Đông Văn Hương



TỔNG HỘI ĐỊA CHẤT VIỆT NAM
 LIÊN HIỆP ĐỊA KỸ THUẬT
 NỀN MÓNG CÔNG TRÌNH
 PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS XD 291
 Số...005../KQTN-2023...

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HÓA HỌC NƯỚC VÀ ĐÁNH GIÁ ĂN MÒN

Tel: **09 033 51 033** Fax:(08)37112627 E-mail1: lienhiepcmt@gmail.com E-mail2: lienhiepcmt@gmail.com

CÔNG TRÌNH: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (Địa điểm 3+4)

ĐỊA ĐIỂM: LÔ D1, D2, D3, D4, D5 KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ TÂN, PHƯỜNG HÒA PHÚ, TP. THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

TÍNH CHẤT VẬT LÝ

Màu: vàng nhạt
 Mùi: nhẹ

Tên mẫu: **HK11**

Ngày lấy mẫu: 20/12/2023
 Ngày nhận mẫu: 21/12/2023
 Nhiệt độ trong phòng: 28°C

Yêu cầu TN: hóa lý đánh giá

khả năng ăn mòn bê tông

Ngày mở mẫu: 22/12/2023
 Ngày báo cáo: 26/12/2023
 Nhiệt độ mẫu: 28°C

PHÂN TÍCH HOÁ HỌC

HẠNG MỤC PHÂN TÍCH		KẾT QUẢ TÍNH RA			HẠNG MỤC PHÂN TÍCH		KẾT QUẢ TÍNH RA		
		mg/l	mgdl/l	%mgdl/l			mg/l	mgdl/l	%mgdl/l
CATION	Ca ²⁺	9,10	0,455	23,24	ANION	Cl ⁻	15,74	0,444	22,68
	Mg ²⁺	7,58	0,632	32,28		SO ₄ ²⁻	10,27	0,214	10,93
	Fe	0,42	0,015	0,77		HCO ₃ ⁻	79,30	1,300	66,39
	Na ⁺	18,69	0,813	41,51		CO ₃ ²⁻	0,00	0,000	0,00
	NH ₄ ⁺	0,78	0,043	2,21		OH ⁻	0,00	0,000	0,00
TỔNG CỘNG		36,58	1,958	100,00	TỔNG CỘNG		105,31	1,958	100,00

HẠNG MỤC PHÂN TÍCH ĐẶC BIỆT

HẠNG MỤC PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ mgdl/l	HẠNG MỤC PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ mg/l	HẠNG MỤC PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ (độ)
Tổng độ cứng	1,09	CO ₂ tự do	22,01	Độ pH	7,00
Độ cứng vĩnh viễn	0,00	CO ₂ ăn mòn	6,35		
Độ cứng tạm thời	1,09	Độ tổng khoáng hóa	141,89		
Độ kiềm	1,30				

Công thức Curlov :

$$M_{0.142 \text{ g/l}} \frac{\text{HCO}_3^- (66), \text{Cl}^- (23), \text{SO}_4^{2-} (11)}{\text{Na}^+ (42), \text{Mg}^{2+} (32), \text{Ca}^{2+} (23)} \text{ pH } 7.00$$

Theo công thức Curlov tên nước là: **BICACBONAT - NATRI - MAGIÉ**

Tiêu chuẩn áp dụng :

TCVN 6200:1996 TCVN 6194:1996

NHẬN XÉT: Theo TCVN 312041:2017,

đánh giá mức độ ăn mòn của nước tới móng

công trình nước không có tính ăn mòn

đối với bê tông và kim loại.

Mức độ ăn mòn	pH	CO ₂ xt mg/l	Mg ²⁺ mg/l	SO ₄ ²⁻ mg/l	TCVN 12041:2017
Yếu	5.5 - 6.5	15-40	300-1000	200-600	
Trung bình	5.5-4.5	40-100	1000-3000	600-3000	
Mạnh	4.5-4	>100	>30000	3000-6000	

PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS XD 291

Người thí nghiệm

KS.Đông Văn Hương

PHỤ LỤC (APPENDIX) 9
KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT
SOIL SAMPLE TEST

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK1-1 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 1.5 - 2.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu xám vàng, trạng thái dẻo cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	19.46	1.89	1.58	74	2.71	28.4	15.9	12.5	0.28

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

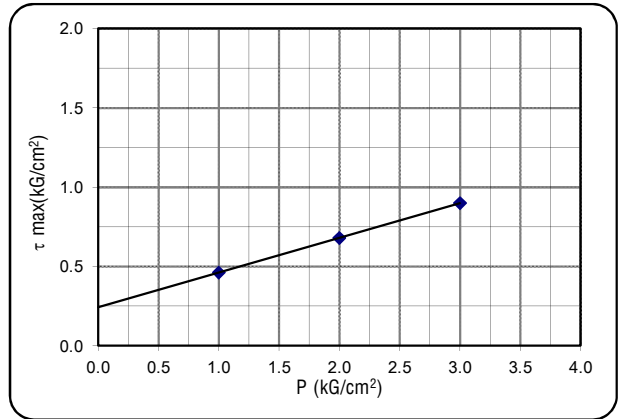
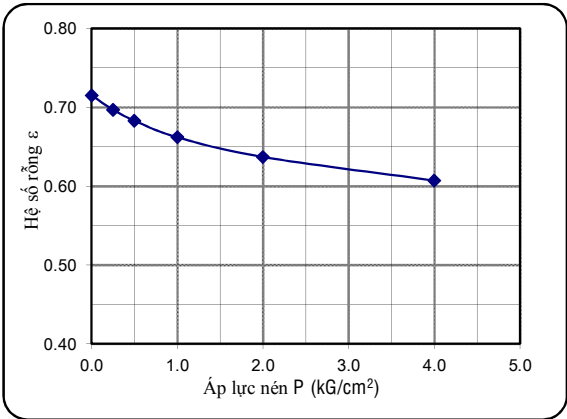
-Số hiệu máy: 1 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 143

P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	26.6	43.5	69.5	102.0	142.0
Δh_m (0.01mm)	5.5	7.0	8.5	12.0	17.0
Δe_n	0.018	0.032	0.053	0.078	0.108
e_n	0.715	0.697	0.683	0.662	0.637
a (cm ² /kG)	0.072	0.056	0.042	0.025	0.015
E_i (kG/cm ²)	23.8	30.3	40.1	66.5	109.1

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh, bão hòa nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

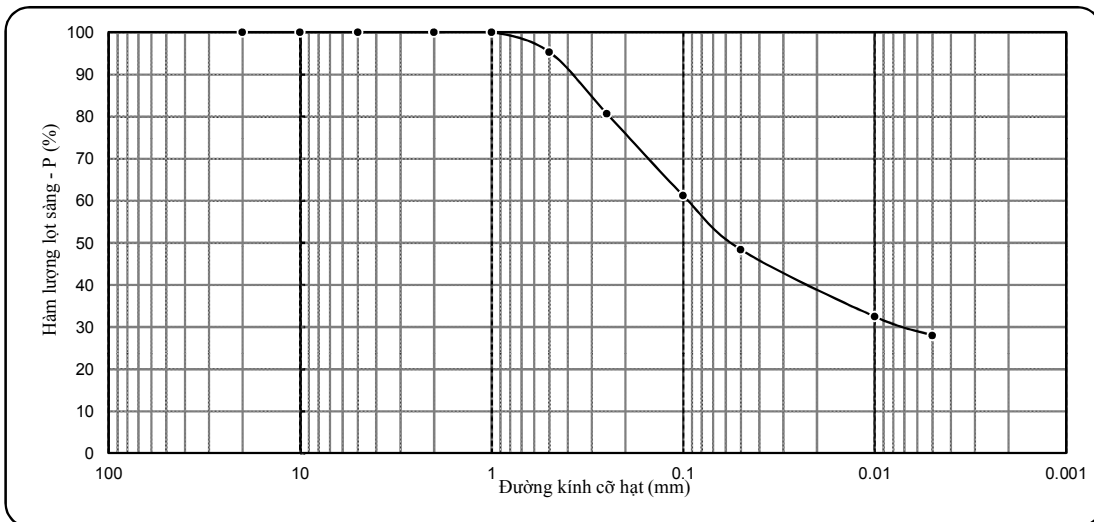
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.219$ $\phi = 12\text{o}21'$ $C = 0.242$ (kG/cm ²)
1.00	29.5	0.461	
2.00	43.5	0.680	
3.00	57.5	0.899	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 35.5 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)						1.7	5.2	6.9			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT				BỤI		SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)					4.7	14.6	19.5	12.8	15.9	4.5	27.9
P hạt tích lũy lọt sàng (%)					100.0	95.3	80.7	61.2	48.4	32.4	27.9



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK1-2 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 3.8 - 4.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu nâu đỏ - xám tro, trạng thái nửa cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	18.60	2.08	1.75	89	2.76	32.4	17.3	15.1	0.09

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

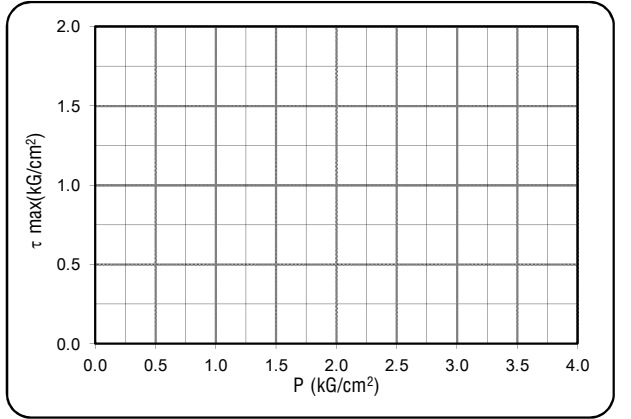
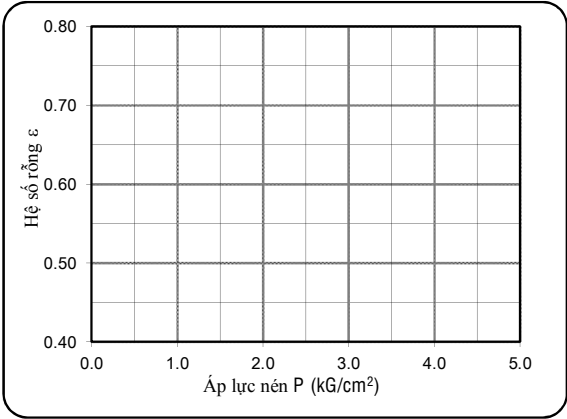
-Số hiệu máy: -Chiều cao mẫu h_0 :
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh:
 -Số đọc sau 24h:

P_n	(kG/cm ²)				
Δh_n	(0.01mm)				
Δh_m	(0.01mm)				
Δe_n	-				
e_n					
a	(cm ² /kG)				
E_i	(kG/cm ²)				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

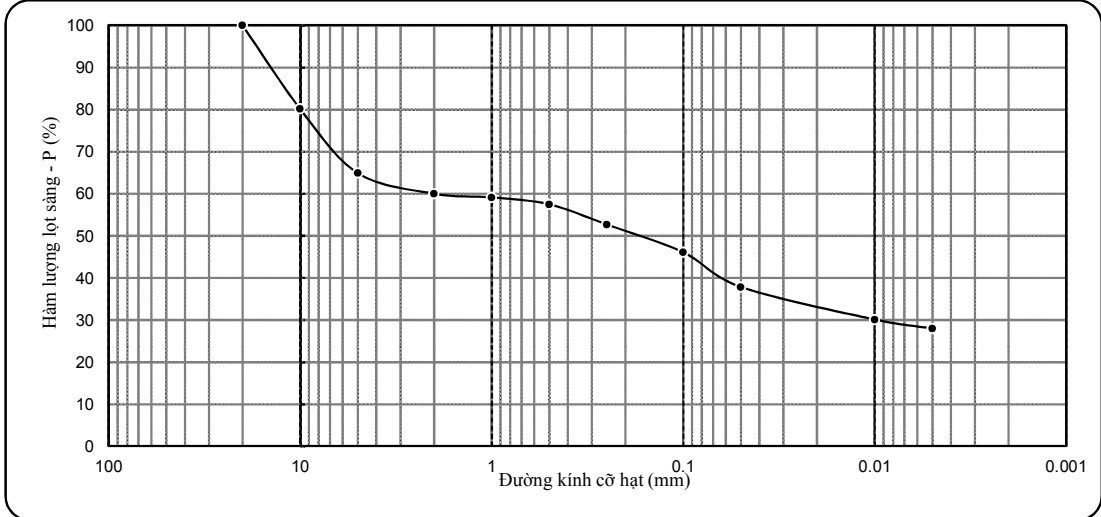
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi =$
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
			$\phi =$
			C = (kG/cm ²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 75.0 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)		14.9	11.5	3.7	0.7	1.2	3.6	4.9			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)	19.8	15.3	4.9	0.9	1.6	4.8	6.6	8.2	7.7	2.1	28.0
P hạt tích lũy lọt sàng (%)	100	80.2	64.9	60.0	59.1	57.4	52.6	46.1	37.8	30.1	28.0



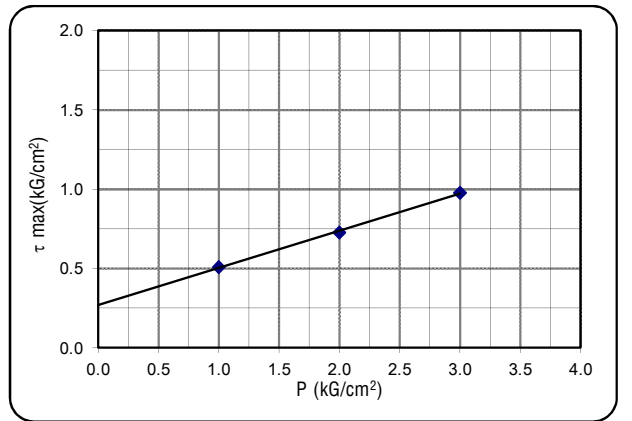
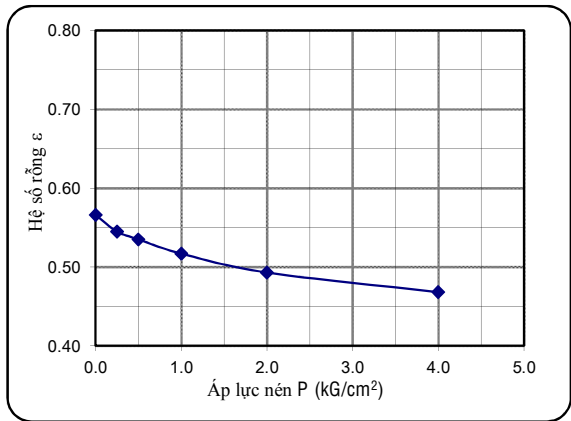
KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK1-3 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 5.8 - 6.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét lẫn sạn Laterite, màu nâu đỏ - xám tro, trạng thái nửa cứng

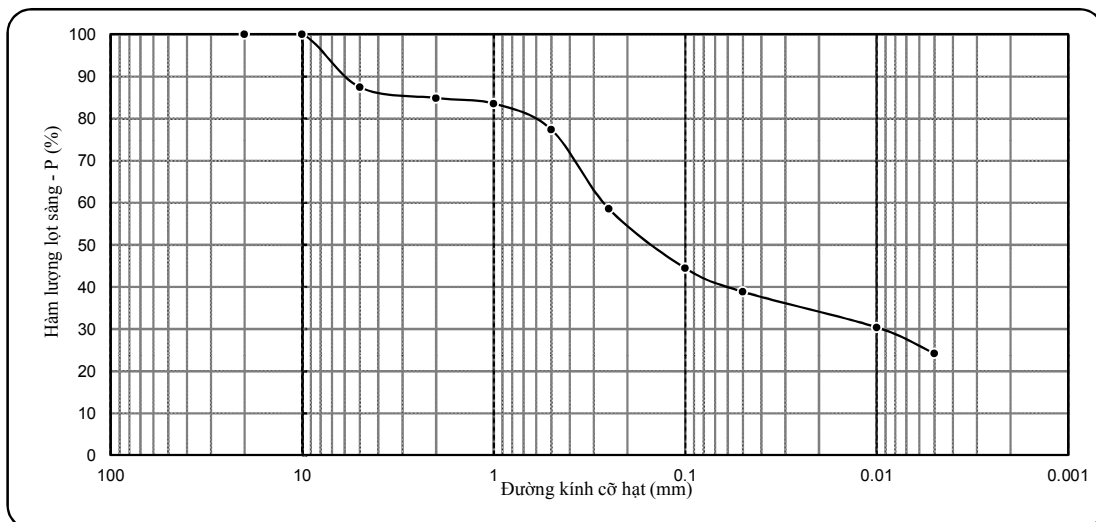
Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	16.89	2.05	1.75	82	2.74	32.4	15.8	16.6	0.07

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN						
-Số hiệu máy: 3		-Chiều cao mẫu h_0 : 20mm				
-Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa		-Hệ số hiệu chỉnh: 1.007				
		-Số đọc sau 24h: 143				
P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00	
Δh_n (0.01mm)	32.2	46.5	71.2	105.0	142.0	
Δh_m (0.01mm)	5.5	7.0	8.5	13.0	18.0	
Δe_n	0.021	0.031	0.049	0.073	0.098	
e_n	0.566	0.545	0.535	0.517	0.493	
a (cm ² /kG)	0.084	0.040	0.036	0.024	0.013	
E_i (kG/cm ²)	18.6	38.6	42.6	63.2	119.4	

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG			
-Kiểu cắt: Ứng biến			
-Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước			
-Hệ số vòng ứng biến: 0.01563			
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	
1.00	32.5	0.508	$\tan \phi = 0.234$
2.00	46.5	0.727	$\phi = 13\text{ o }10'$
3.00	62.5	0.977	$C = 0.268$ (kG/cm ²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT		- Khối lượng đất dùng TN: 52.4 (g)							- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)			
* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)		-Đường kính mặt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
		-Khối lượng trên từng sàng (g)		6.6	1.4	0.7	3.2	9.9	7.4			
Cấp hạt		SỎI SẠN	CÁT				BỤI		SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)		> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)			12.6	2.6	1.3	6.1	18.8	14.1	5.6	8.5	6.2	24.2
P hạt tích lũy lọt sàng (%)			100.0	87.4	84.8	83.5	77.4	58.5	44.4	38.8	30.4	24.2



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK1-4 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 7.8 - 8.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét lẫn sạn Laterite, màu xám vàng - nâu đỏ, trạng thái dẻo cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	20.51	2.00	1.66	89	2.69	26.4	17.0	9.4	0.37

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

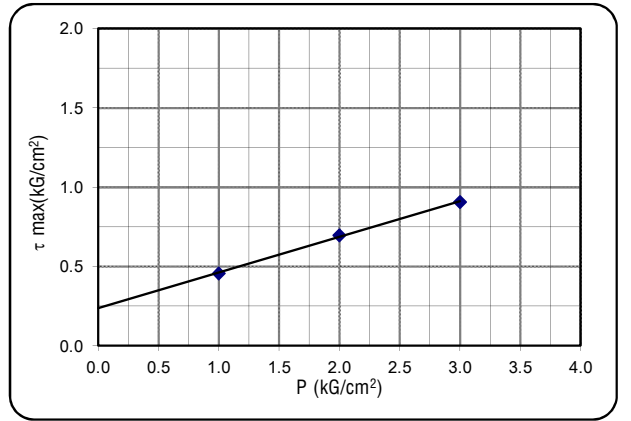
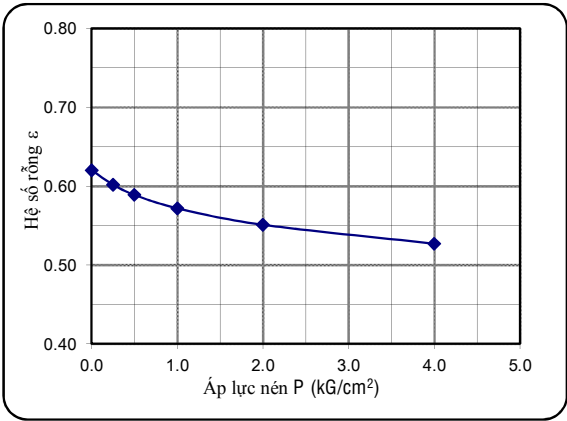
-Số hiệu máy: 4 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.015
 -Số đọc sau 24h: 132

P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	27.0	44.0	67.0	96.0	130.0
Δh_m (0.01mm)	5.0	6.5	8.5	12.5	17.0
Δe_n	0.018	0.031	0.048	0.069	0.093
e_n	0.620	0.602	0.589	0.572	0.551
a (cm ² /kG)	0.072	0.052	0.034	0.021	0.012
E_i (kG/cm ²)	22.5	30.8	46.7	74.9	129.3

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

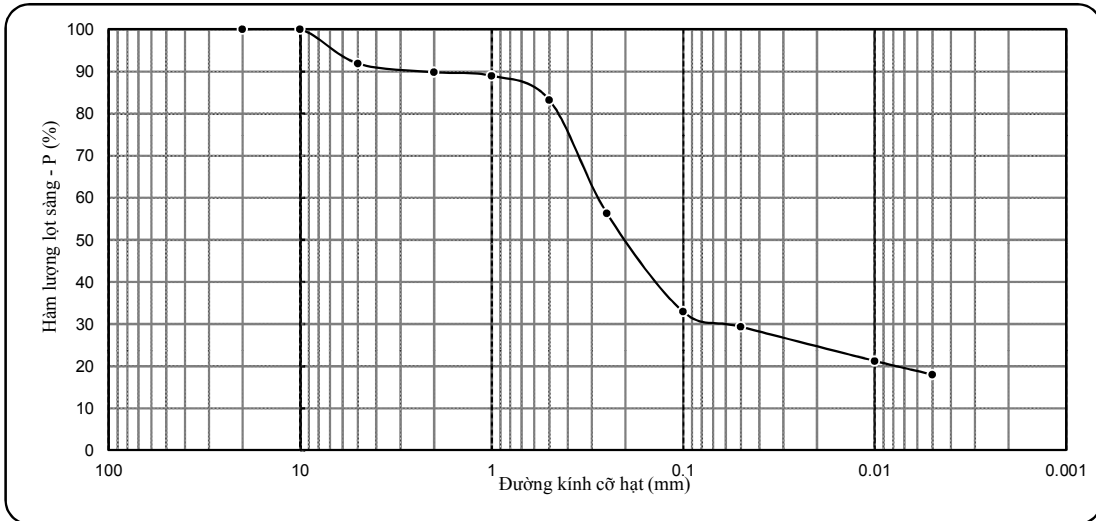
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.225$ $\phi = 12^{\circ}41'$ $C = 0.236$ (kG/cm ²)
1.00	29.2	0.456	
2.00	44.5	0.696	
3.00	58.0	0.907	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 75.6 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)		6.2	1.6	0.7	4.3	20.3	17.7			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)		8.1	2.1	0.9	5.7	26.9	23.4	3.6	8.1	3.2	18.0
P hạt tích lũy lọt sàng (%)		100.0	91.9	89.8	88.9	83.2	56.3	32.9	29.3	21.2	18.0



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK1-5 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 9.8 - 10.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu xám vàng - nâu đỏ, trạng thái dẻo cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	19.55	2.08	1.74	96	2.69	27.4	15.1	12.3	0.36

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

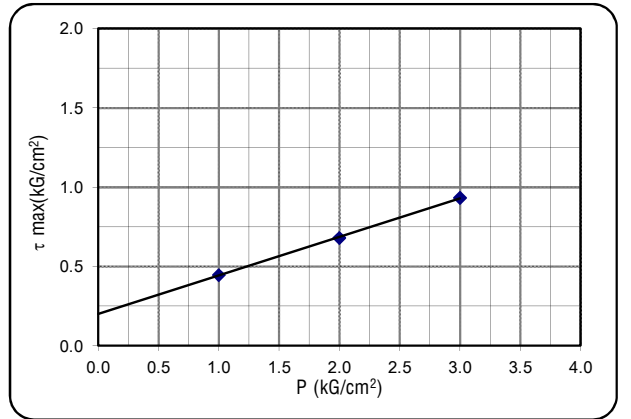
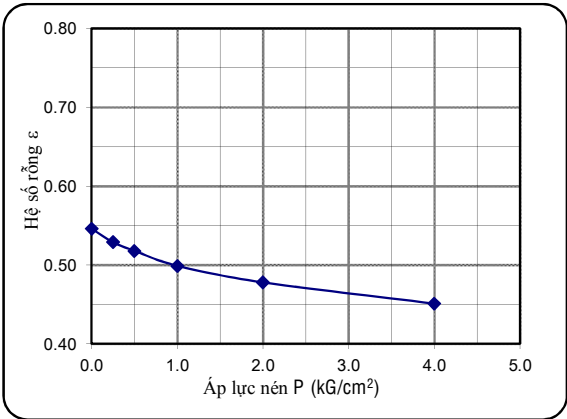
-Số hiệu máy: 5 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.015
 -Số đọc sau 24h: 138

P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	26.0	42.0	66.0	97.0	136.0
Δh_m (0.01mm)	4.5	6.0	6.0	10.5	15.0
Δe_n	0.017	0.028	0.047	0.068	0.095
e_n	0.546	0.529	0.518	0.499	0.478
a (cm ² /kG)	0.068	0.044	0.038	0.021	0.014
E_i (kG/cm ²)	22.7	34.8	39.9	71.4	109.5

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

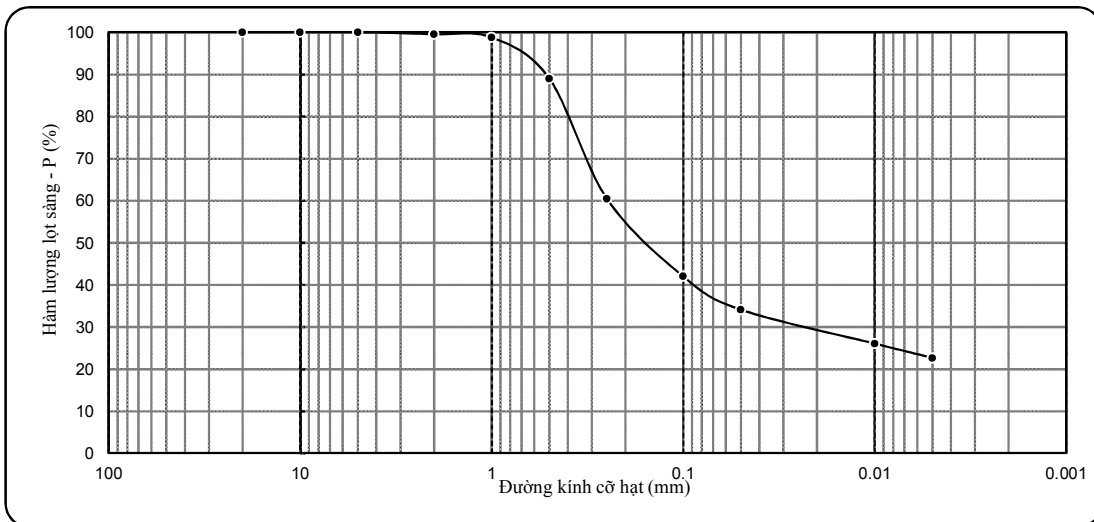
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.243$ $\phi = 13^{\circ}39'$ $C = 0.200$ (kG/cm ²)
1.00	28.5	0.445	
2.00	43.5	0.680	
3.00	59.6	0.932	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 47.5 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mặt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)				0.2	0.4	4.6	13.6	8.8			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)			0.5	0.7	9.8	28.6	18.4	7.9	8.0	3.4	22.6
P hạt tích lũy lọt sàng (%)			100.0	99.5	98.8	89.0	60.5	42.0	34.1	26.0	22.6



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK1-6 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 11.8 - 12.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu xám vàng - nâu đỏ, trạng thái dẻo cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	18.48	1.96	1.65	79	2.69	24.7	16.1	8.6	0.28

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

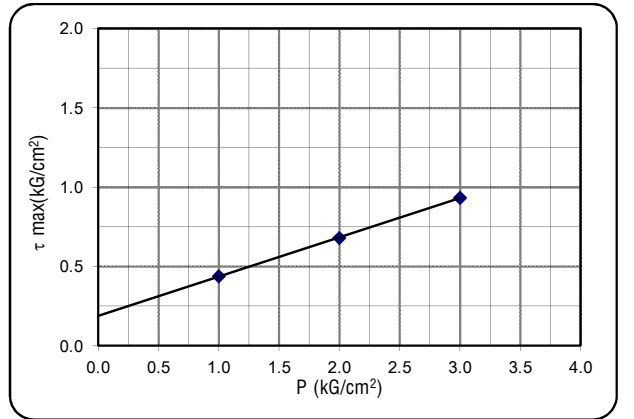
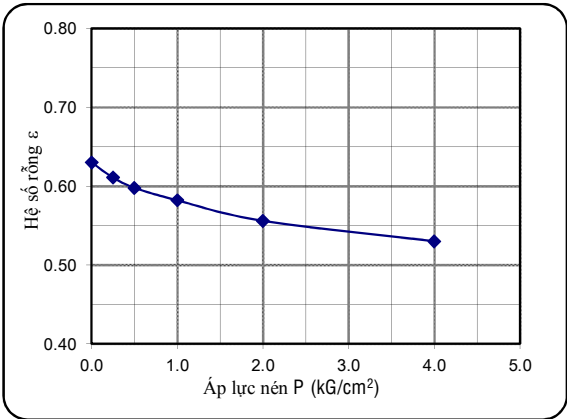
-Số hiệu máy: 6 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 143

P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	28.5	45.5	68.5	105.0	142.0
Δh_m (0.01mm)	5.5	7.0	9.5	14.5	20.0
Δe_n	0.019	0.032	0.048	0.074	0.100
e_n	0.630	0.611	0.598	0.582	0.530
a (cm ² /kG)	0.076	0.052	0.032	0.026	0.013
E_i (kG/cm ²)	21.4	31.0	49.9	60.8	119.7

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

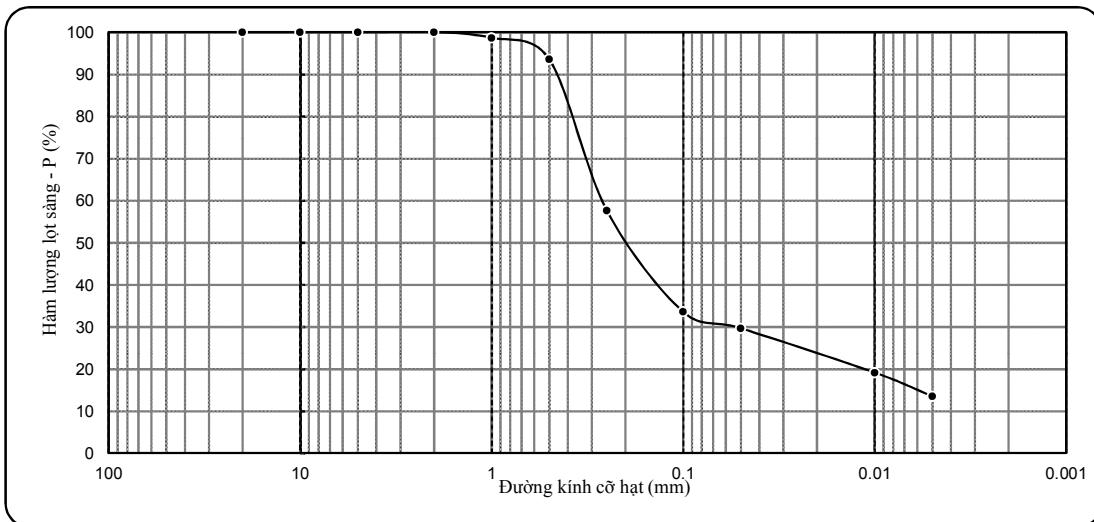
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.247$ $\phi = 13^{\circ}52'$ $C = 0.189$ (kG/cm ²)
1.00	28.0	0.438	
2.00	43.5	0.680	
3.00	59.6	0.932	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 58.1 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)					0.8	3.0	20.9	14.0			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				1.3	5.1	35.9	24.0	3.9	10.5	5.6	13.5
P hạt tích lũy lọt sàng (%)				100.0	98.7	93.6	57.6	33.6	29.7	19.1	13.5



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK1-7 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 13.8 - 14.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu xám nâu, trạng thái dẻo cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	18.00	2.08	1.76	91	2.70	26.0	14.9	11.1	0.28

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

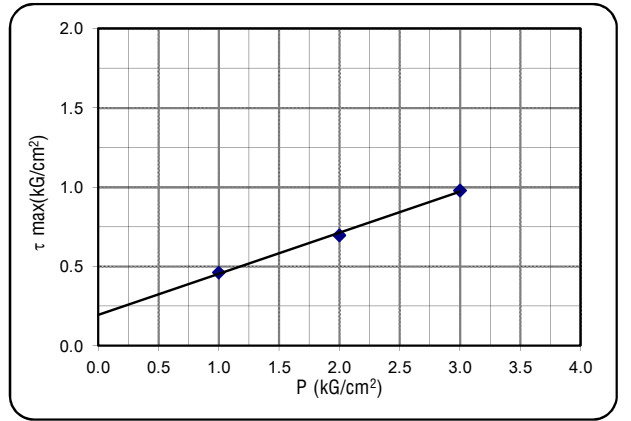
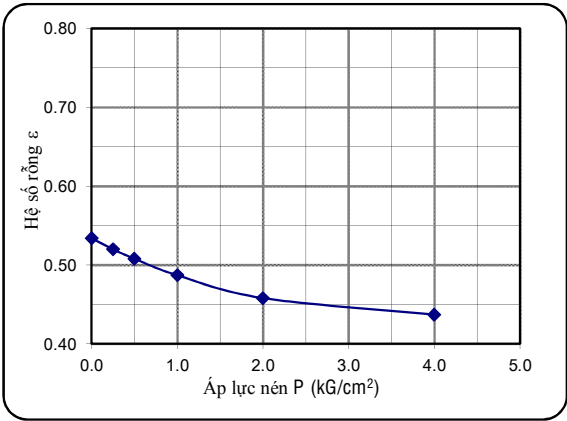
-Số hiệu máy: 7 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.014
 -Số đọc sau 24h: 144

P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	22.0	39.5	69.0	110.0	142.0
Δh_m (0.01mm)	4.5	6.0	8.0	12.0	17.0
Δe_n	0.014	0.026	0.047	0.076	0.097
e_n	0.534	0.520	0.508	0.487	0.437
a (cm ² /kG)	0.056	0.048	0.042	0.029	0.011
E_i (kG/cm ²)	27.4	31.7	35.9	51.3	138.9

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

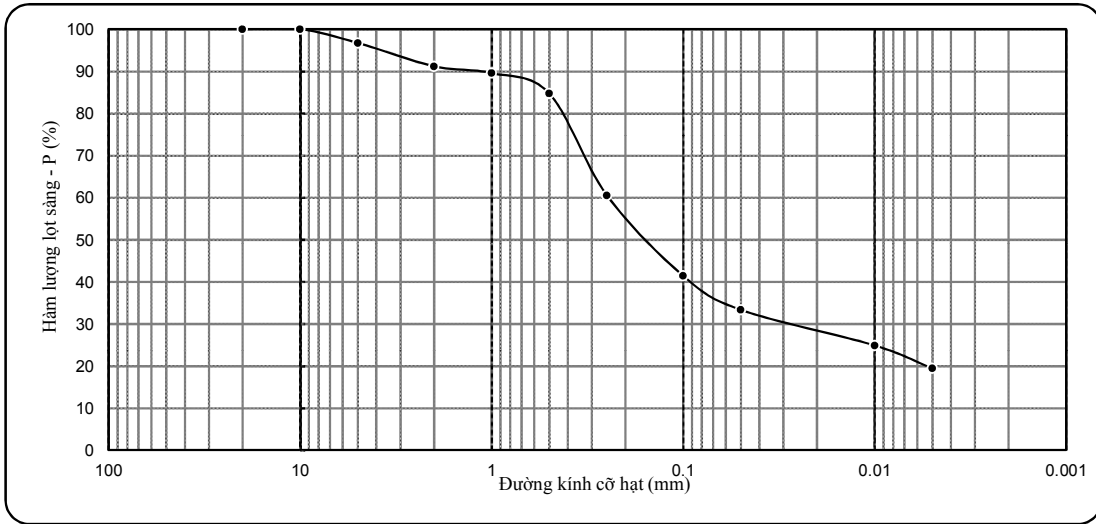
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.259$ $\phi = 14^{\circ}31'$ $C = 0.194$ (kG/cm ²)
1.00	29.5	0.461	
2.00	44.5	0.696	
3.00	62.6	0.978	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 76.1 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mặt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)		2.5	4.2	1.2	3.7	18.4	14.6			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)		3.3	5.5	1.6	4.8	24.2	19.1	8.1	8.5	5.4	19.4
P hạt tích lũy lọt sàng (%)		100.0	96.7	91.2	89.6	84.7	60.5	41.4	33.3	24.9	19.4



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK1-8 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 15.8 - 16.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng - xám nâu

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	11.46	2.17	1.95	83	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 8 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 147

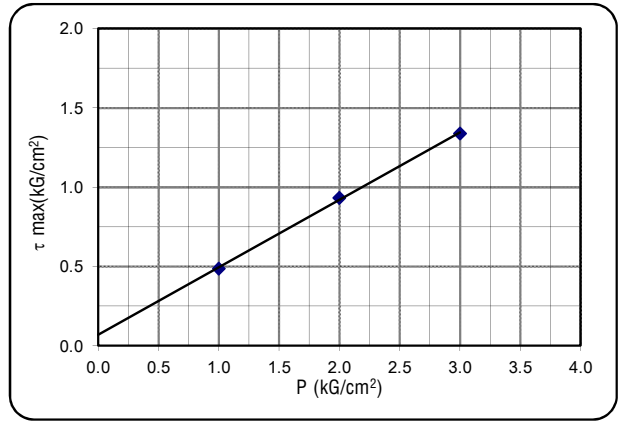
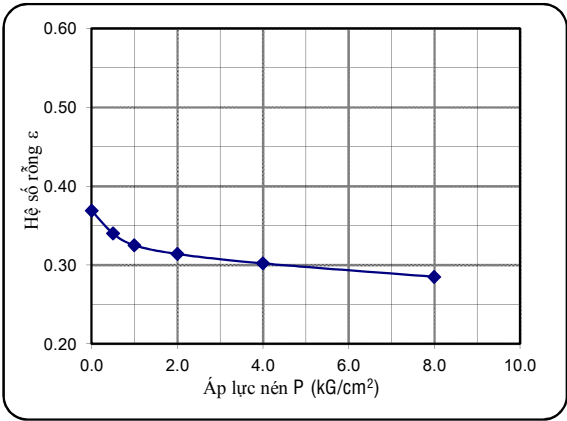
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.1	71.3	92.2	115.0	146.0
Δh_m	(0.01mm)	7.5	8.0	12.5	18.0	23.5
Δe_n	-	0.029	0.044	0.055	0.067	0.084
e_n		0.369	0.340	0.325	0.314	0.302
a	(cm ² /kG)	0.058	0.030	0.011	0.006	0.004
E_o	(kG/cm ²)	23.6	44.7	120.5	219.0	306.4

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)
1.00	31.2	0.488			
2.00	59.6	0.932			
3.00	85.6	1.338			

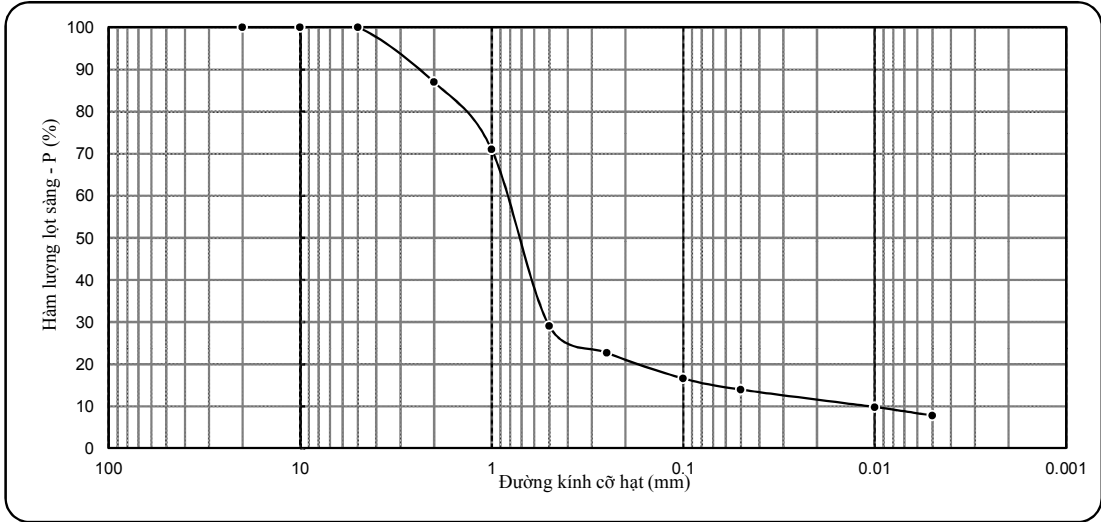
$\tan \phi = 0.425$
 $\phi = 23^{\circ}02'$
 $C = 0.069$ (kG/cm²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 122.5 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)			15.9	19.6	51.4	7.9	7.4			
Cấp hạt	SÔI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)			13.0	16.0	41.9	6.4	6.1	2.7	4.2	2.0	7.7
P hạt tích lũy lọt sàng(%)			100.0	87.0	71.0	29.0	22.6	16.6	13.9	9.8	7.7



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK1-9 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 17.8 - 18.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng - xám nâu

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	15.62	2.10	1.82	91	2.65				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 9 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 143

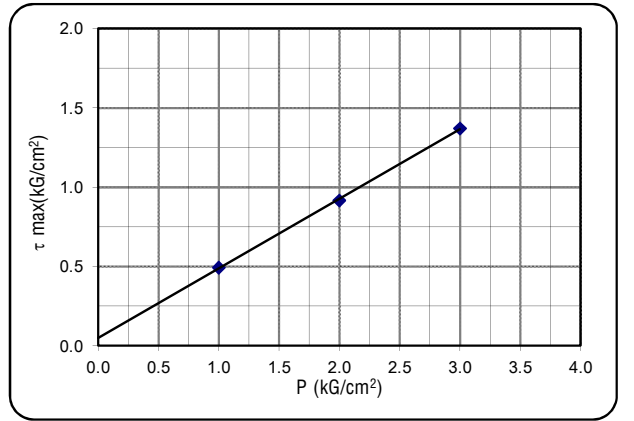
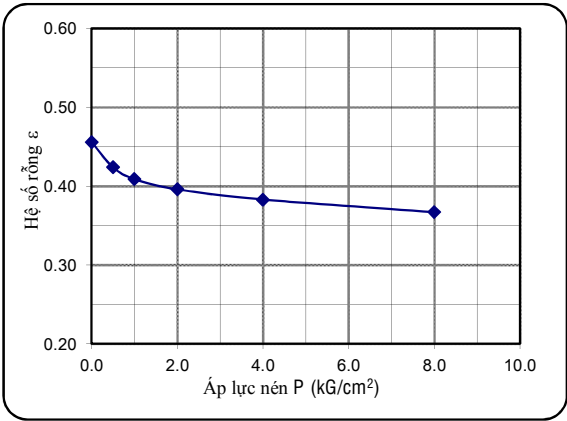
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	72.2	92.6	115.0	142.0
Δh_m	(0.01mm)	7.5	7.5	11.0	15.5	20.0
Δe_n	-	0.032	0.047	0.060	0.073	0.089
e_n	0.456	0.424	0.409	0.396	0.383	0.367
a	(cm ² /kG)	0.064	0.030	0.013	0.007	0.004
E_o	(kG/cm ²)	22.8	47.5	108.4	214.8	345.8

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	(kG/cm ²) (vạch) (kG/cm ²)
1.00	31.5	0.492	
2.00	58.6	0.916	
3.00	87.6	1.369	

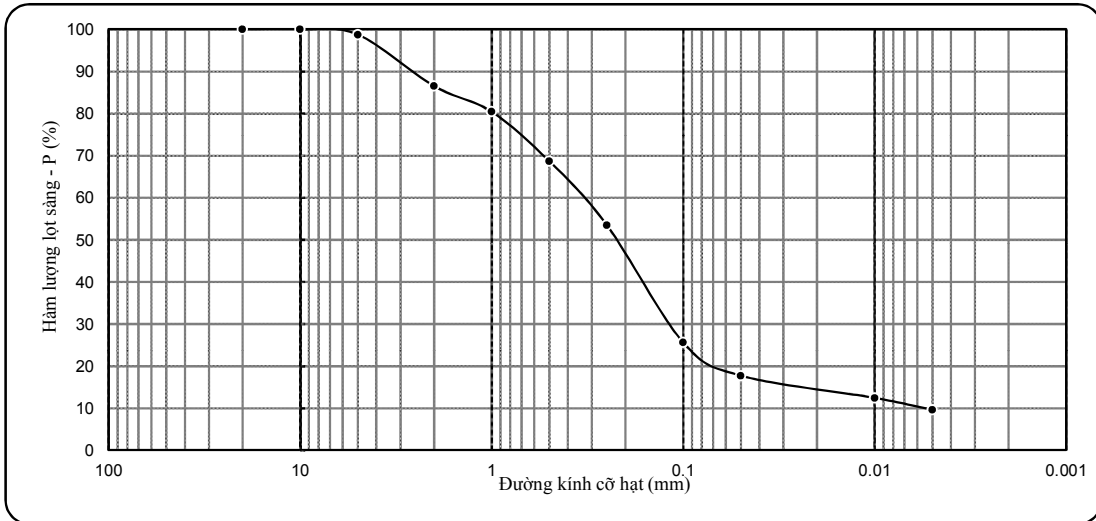
$\tan \phi = 0.438$
 $\phi = 23^{\circ}39'$
 $C = 0.049$ (kG/cm²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 116.5 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	- Đường kính mắt sàng(mm)										
		10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)										
		1.5	14.2	7.1	13.7	17.7	32.4				
Cấp hạt	SỎI SẠN			CÁT				BỤI		SÉT	
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)		1.3	12.2	6.1	11.7	15.2	27.9	7.9	5.3	2.8	9.6
P hạt tích lũy lọt sàng(%)		100.0	98.7	86.5	80.4	68.7	53.5	25.6	17.7	12.4	9.6



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK1-10 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 19.8 - 20.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng - xám nâu

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	13.41	2.10	1.85	81	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 10 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.014
 -Số đọc sau 24h: 147

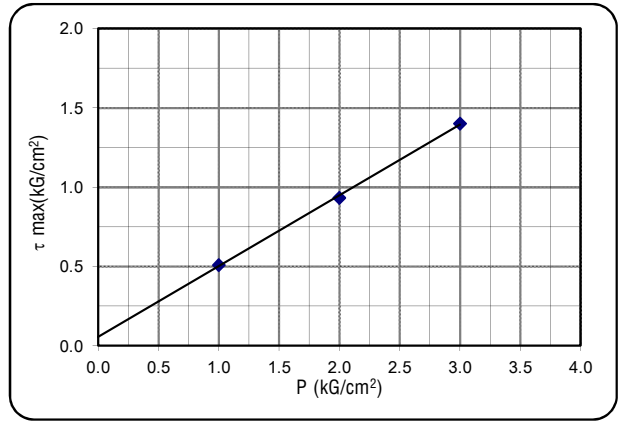
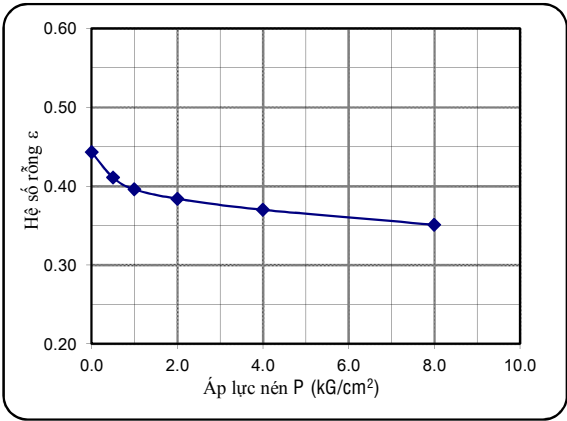
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.1	71.2	91.2	115.0	145.0
Δh_m	(0.01mm)	6.0	7.0	11.0	15.0	19.5
Δe_n	-	0.032	0.047	0.059	0.073	0.092
e_n		0.443	0.411	0.396	0.384	0.370
a	(cm ² /kG)	0.064	0.030	0.012	0.007	0.005
E_o	(kG/cm ²)	22.5	47.0	116.3	197.7	288.4

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)
1.00	32.5	0.508	
2.00	59.6	0.932	
3.00	89.6	1.400	

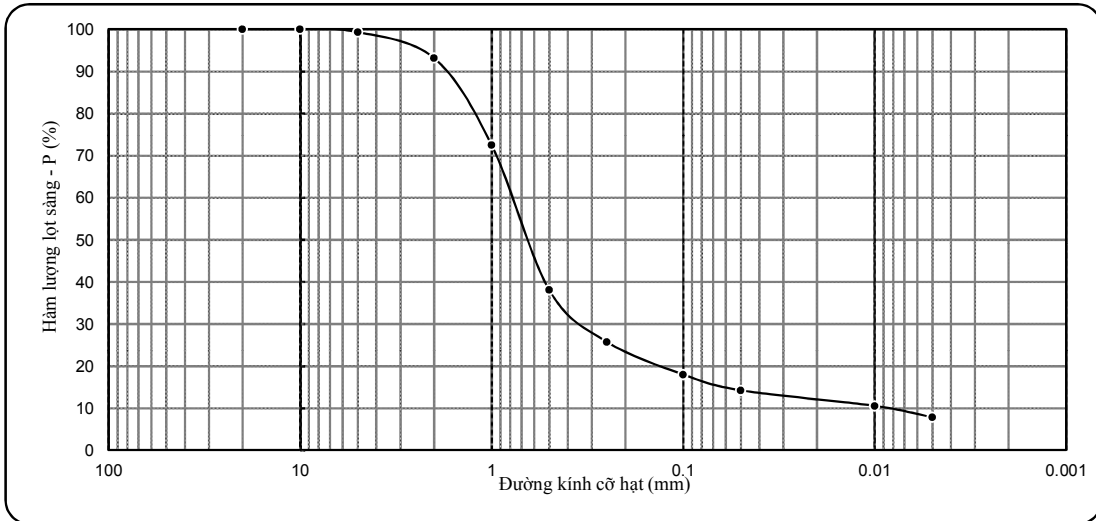
$\tan \phi = 0.446$
 $\phi = 24^{\circ}02'$
 $C = 0.054$ (kG/cm²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 121.5 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)		0.8	7.5	25.1	41.8	15.0	9.4			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)		0.7	6.2	20.6	34.4	12.4	7.7	3.8	3.7	2.7	7.8
P hạt tích lũy lọt sàng(%)		100.0	99.3	93.2	72.5	38.1	25.7	18.0	14.2	10.5	7.8



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK1-11 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 21.8 - 22.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng - xám nâu

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	19.06	2.02	1.70	89	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 11 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 149

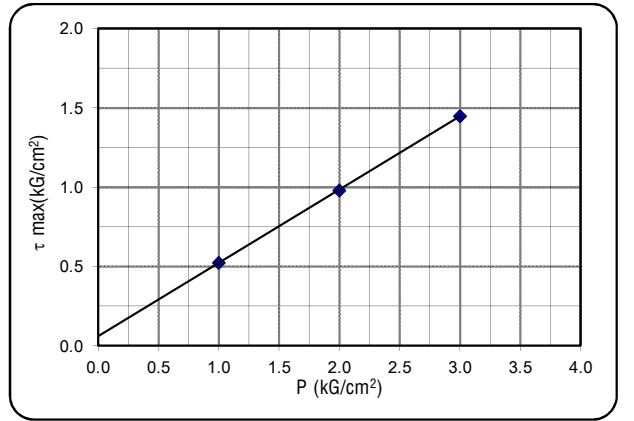
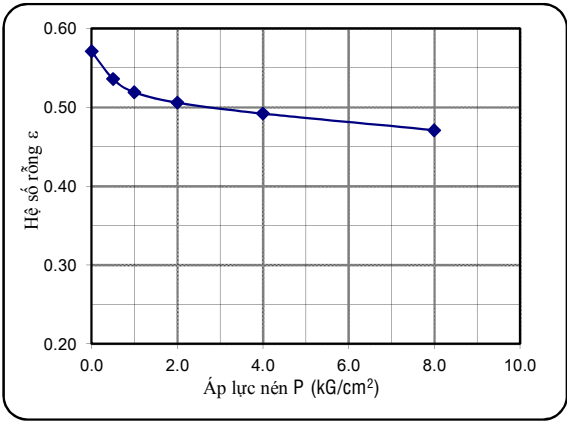
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	72.2	94.6	116.0	148.0
Δh_m	(0.01mm)	6.5	7.0	12.0	16.0	21.0
Δe_n	-	0.035	0.052	0.065	0.079	0.100
e_n	-	0.571	0.536	0.519	0.506	0.492
a	(cm ² /kG)	0.070	0.034	0.013	0.007	0.005
E_o	(kG/cm ²)	22.4	45.2	116.8	215.1	284.2

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)
1.00	33.5	0.524	
2.00	62.6	0.978	
3.00	92.6	1.447	

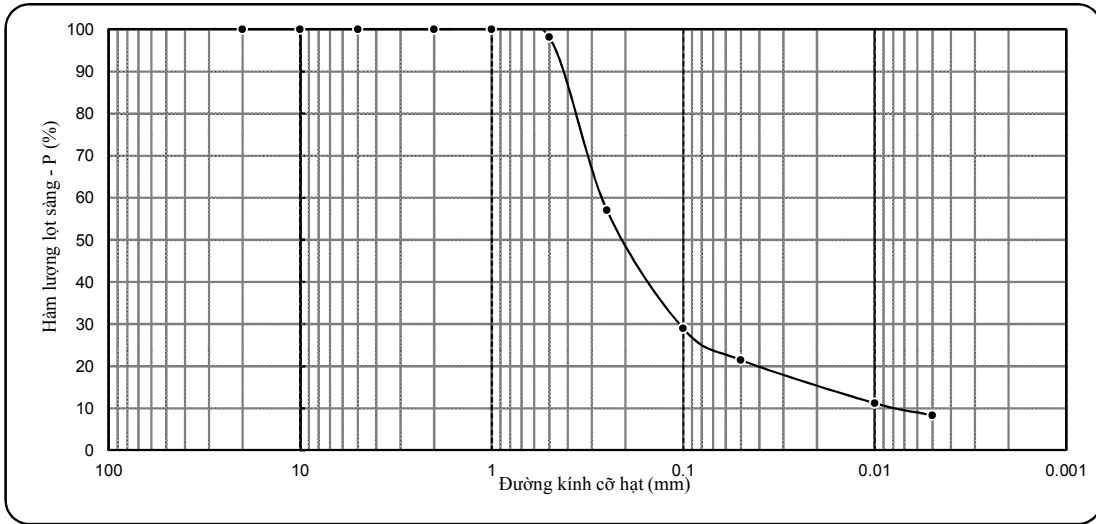
$\tan \phi = 0.462$
 $\phi = 24^{\circ}48'$
 $C = 0.059$ (kG/cm²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 114.5 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)					2.1	47.1	32.2			
Cấp hạt	SÔI SẠN	CÁT				BỤI			SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)					1.9	41.1	28.1	7.5	10.3	2.9	8.3
P hạt tích lũy lọt sàng(%)					100.0	98.1	57.0	29.0	21.4	11.2	8.3



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK1-12 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 22.8 - 23.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng - xám nâu

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	20.06	1.98	1.65	87	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

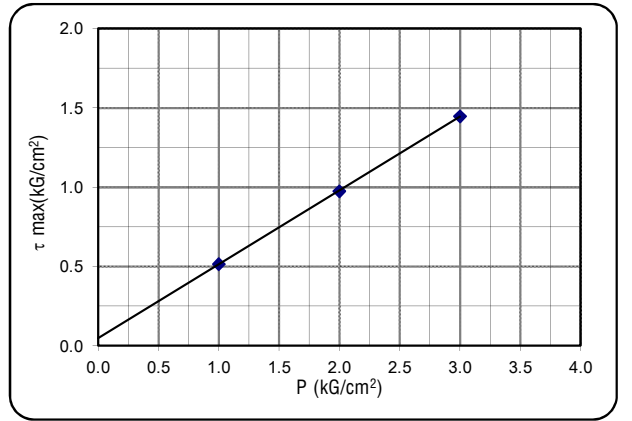
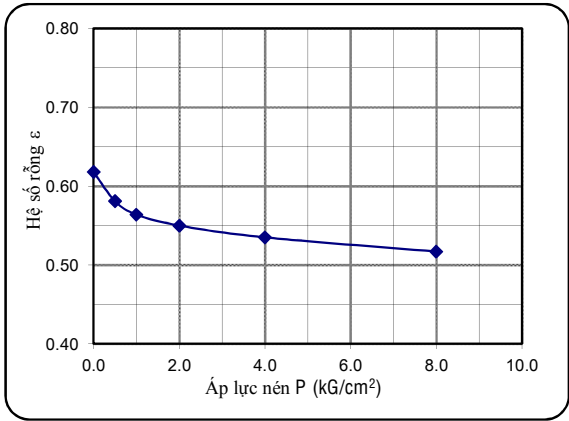
-Số hiệu máy: 12 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 143

P_n (kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n (0.01mm)	50.1	71.2	92.2	115.0	142.0
Δh_m (0.01mm)	5.0	5.5	9.0	13.5	18.5
Δe_n	0.037	0.054	0.068	0.083	0.101
e_n	0.618	0.581	0.564	0.550	0.517
a (cm ² /kG)	0.074	0.034	0.014	0.008	0.005
E_o (kG/cm ²)	21.9	46.5	111.7	206.7	341.1

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

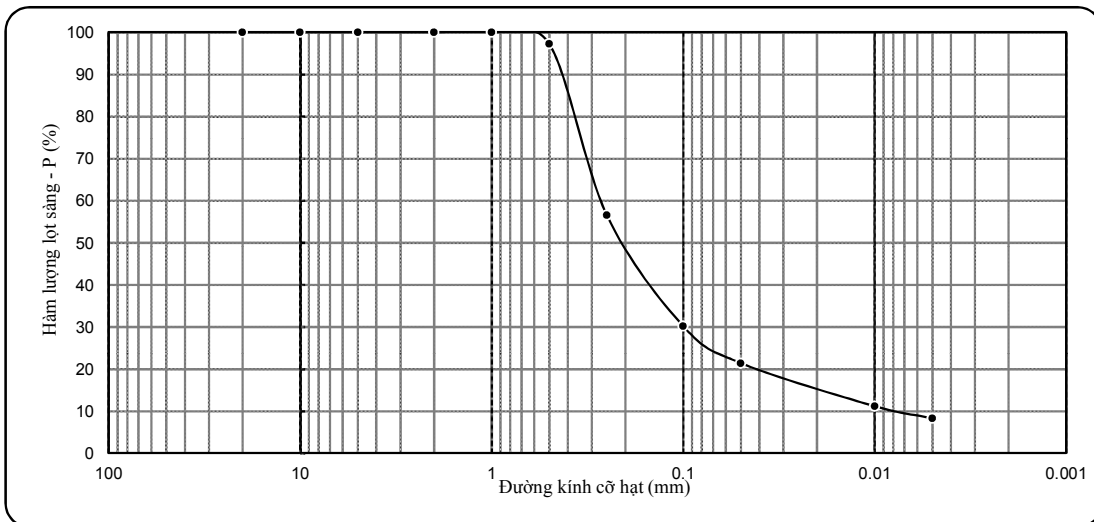
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.466$ $\phi = 24^{\circ}59'$ $C = 0.046$ (kG/cm ²)
1.00	32.9	0.514	
2.00	62.3	0.974	
3.00	92.5	1.446	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 114.5 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)					3.2	46.6	30.2			
Cấp hạt	SÔI SẠN			CÁT				BỤI		SÉT	
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)					2.8	40.7	26.3	8.8	10.2	2.9	8.3
P hạt tích lũy lọt sàng(%)					100.0	97.2	56.5	30.2	21.4	11.2	8.3



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK1-13

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 24.8 - 25.0 m

- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng - xám nâu

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W _L	W _p	I _p	B
Mẫu nguyên dạng	15.76	2.05	1.77	83	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

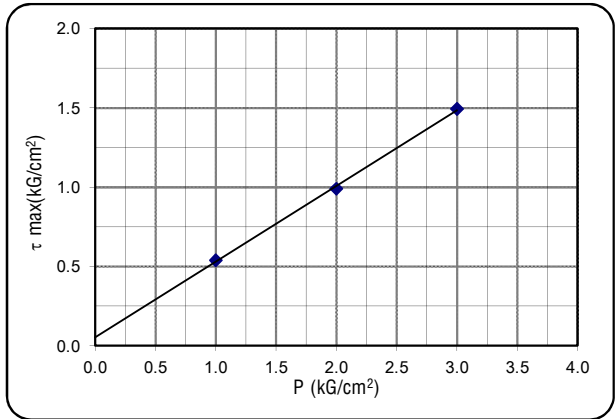
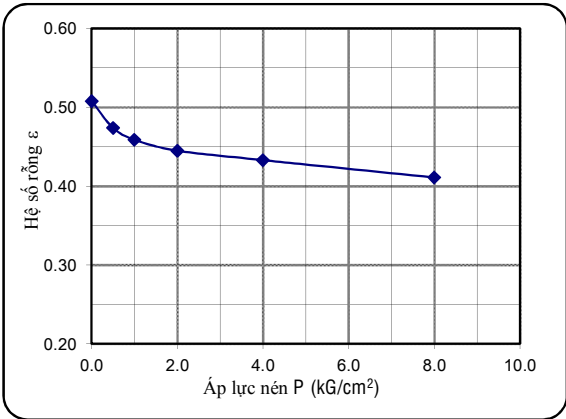
-Số hiệu máy: 13 -Chiều cao mẫu h₀: 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh: 1.014
 -Số đọc sau 24h: 147

P _n (kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n (0.01mm)	50.1	71.2	92.6	113.0	145.0
Δh_m (0.01mm)	5.5	6.5	10.5	14.5	17.5
Δe_n	0.034	0.049	0.063	0.075	0.097
e _n	0.508	0.474	0.459	0.445	0.411
a (cm ² /kG)	0.068	0.030	0.014	0.006	0.006
E _o (kG/cm ²)	22.2	49.1	104.2	240.8	260.5

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P _n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t _{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.477$ $\phi = 25^\circ 30'$ $C = 0.054 \text{ (kG/cm}^2\text{)}$
1.00	34.5	0.539	
2.00	63.3	0.989	
3.00	95.5	1.493	

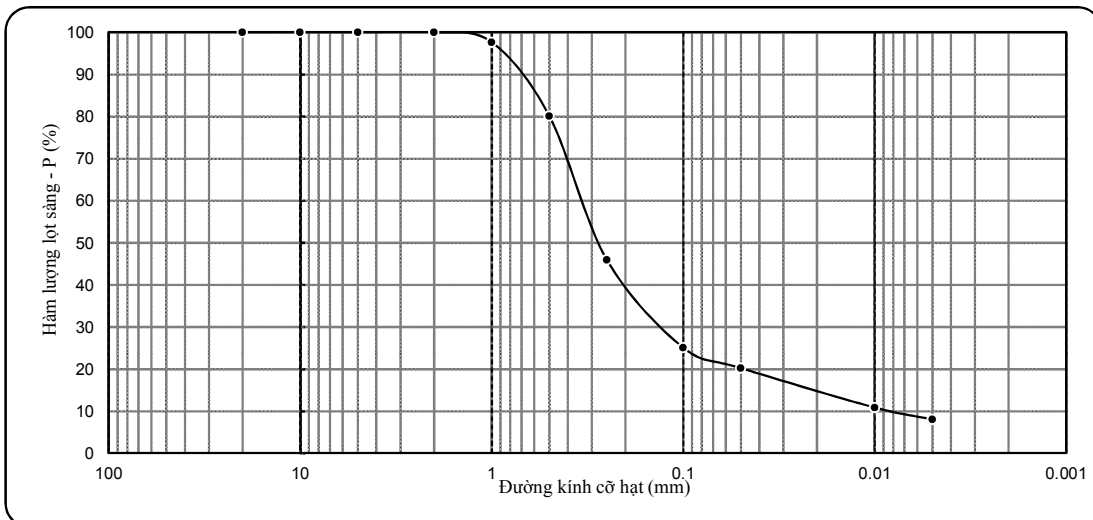


KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 118.0 (g)

- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	- Đường kính mắt sàng(mm)								- Khối lượng trên từng sàng (g)		
	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1				
				2.8	20.7	40.3	24.6				
Cấp hạt	SỎI SẠN			CÁT				BỤI		SÉT	
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				2.4	17.5	34.2	20.8	4.9	9.4	2.8	8.0
P hạt tích lũy lọt sàng(%)				100.0	97.6	80.1	45.9	25.1	20.2	10.8	8.0



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK2-1 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 1.8 - 2.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu xám vàng - nâu vàng, trạng thái dẻo cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	18.64	2.03	1.71	86	2.71	28.0	14.2	13.8	0.32

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

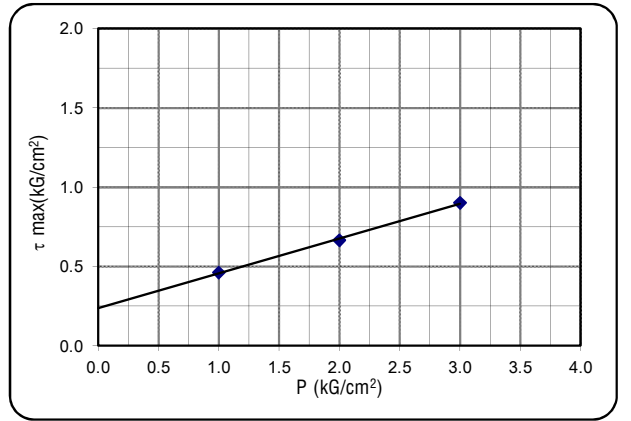
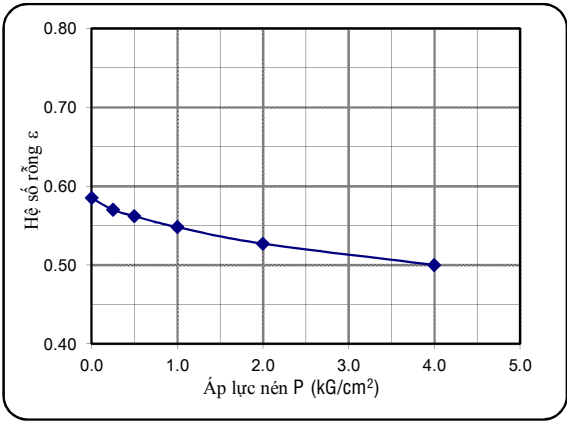
-Số hiệu máy: 1 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.016
 -Số đọc sau 24h: 125

P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	24.0	36.0	54.0	84.0	123.0
Δh_m (0.01mm)	5.5	7.0	8.5	12.0	17.0
Δe_n	0.015	0.023	0.037	0.058	0.085
e_n	0.585	0.570	0.562	0.548	0.500
a (cm ² /kG)	0.060	0.032	0.028	0.021	0.014
E_i (kG/cm ²)	26.4	49.1	55.8	73.7	113.1

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh, bão hòa nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

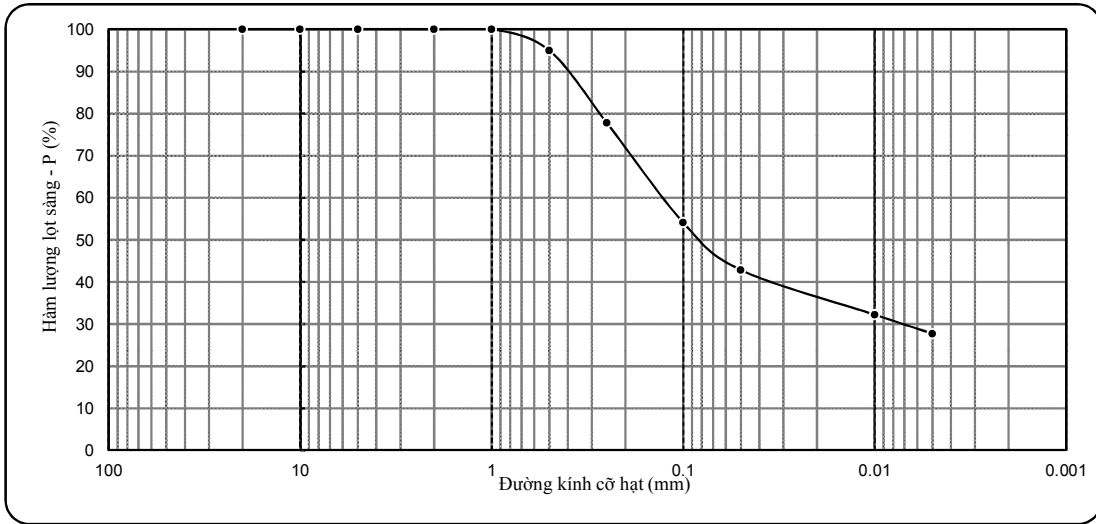
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.22$ $\phi = 12\text{o}24'$ $C = 0.236$ (kG/cm ²)
1.00	29.5	0.461	
2.00	42.5	0.664	
3.00	57.6	0.900	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 35.8 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)					1.8	6.2	8.5			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT				BỤI			SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)					5.1	17.2	23.7	11.3	10.6	4.5	27.7
P hạt tích lũy lọt sàng (%)					100.0	94.9	77.7	54.1	42.8	32.2	27.7



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
- Tên mẫu: HK2-2 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
- Độ sâu: 3.8 - 4.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
- Mô tả đất: Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu nâu đỏ, trạng thái nửa cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	21.29	1.91	1.57	78	2.75	42.6	20.4	22.2	0.04

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: -Chiều cao mẫu h_0 :

-Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh:

-Số đọc sau 24h:

P_n	(kG/cm ²)				
Δh_n	(0.01mm)				
Δh_m	(0.01mm)				
Δe_n	-				
e_n					
a	(cm ² /kG)				
E_i	(kG/cm ²)				

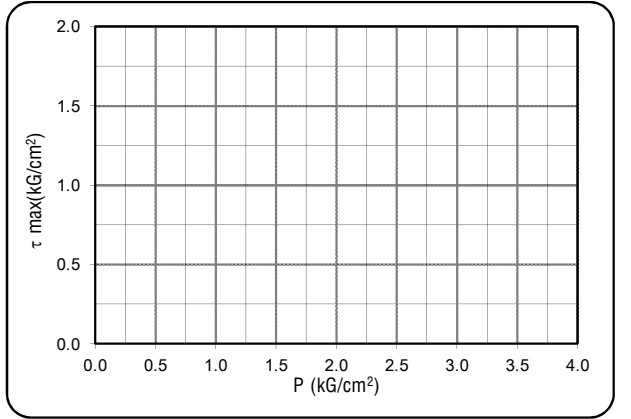
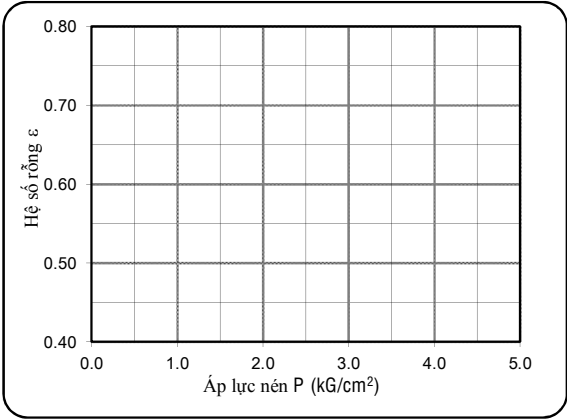
KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến

-Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước

-Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi =$
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
			$\phi =$
			C = (kG/cm ²)

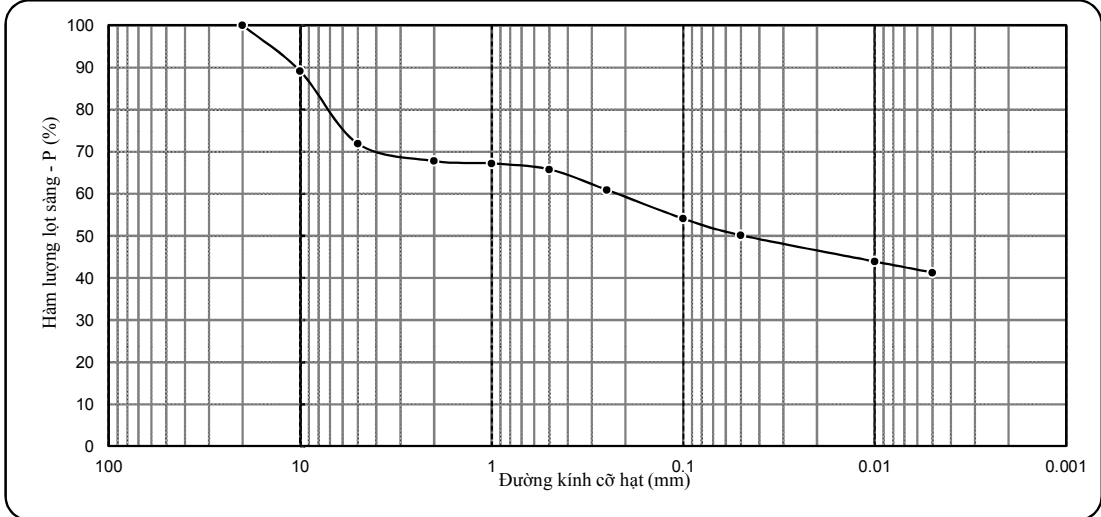


KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 60.6 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1
-Khối lượng trên từng sàng (g)		6.6	10.4	2.5	0.4	0.9	2.9	4.1

Cấp hạt	SỎI SẠN				CÁT				BỤI		SÉT
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)	10.9	17.2	4.1	0.6	1.4	4.9	6.8	4.0	6.2	2.6	41.2
P hạt tích lũy lọt sàng(%)	100	89.1	71.9	67.7	67.1	65.7	60.9	54.1	50.1	43.9	41.2



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
- Tên mẫu: HK2-3 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
- Độ sâu: 5.8 - 6.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
- Mô tả đất: Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu nâu đỏ - xám trắng, trạng thái nửa cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	19.76	1.90	1.59	76	2.72	32.3	17.9	14.4	0.13

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 3 -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm

-Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh: 1.007

-Số đọc sau 24h: 141

P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	26.0	41.0	67.0	106.0	140.0
Δh_m (0.01mm)	5.5	7.0	8.5	13.0	18.0
Δe_n	0.018	0.029	0.050	0.080	0.105
e_n	0.711	0.693	0.682	0.661	0.631
a (cm ² /kG)	0.072	0.044	0.042	0.030	0.013
E_i (kG/cm ²)	23.8	38.5	40.0	55.4	130.5

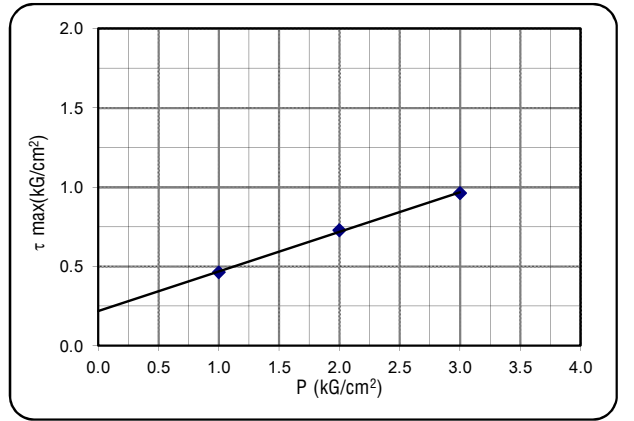
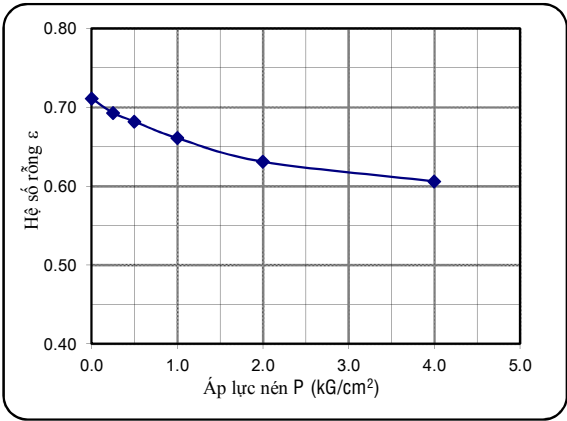
KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến

-Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước

-Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

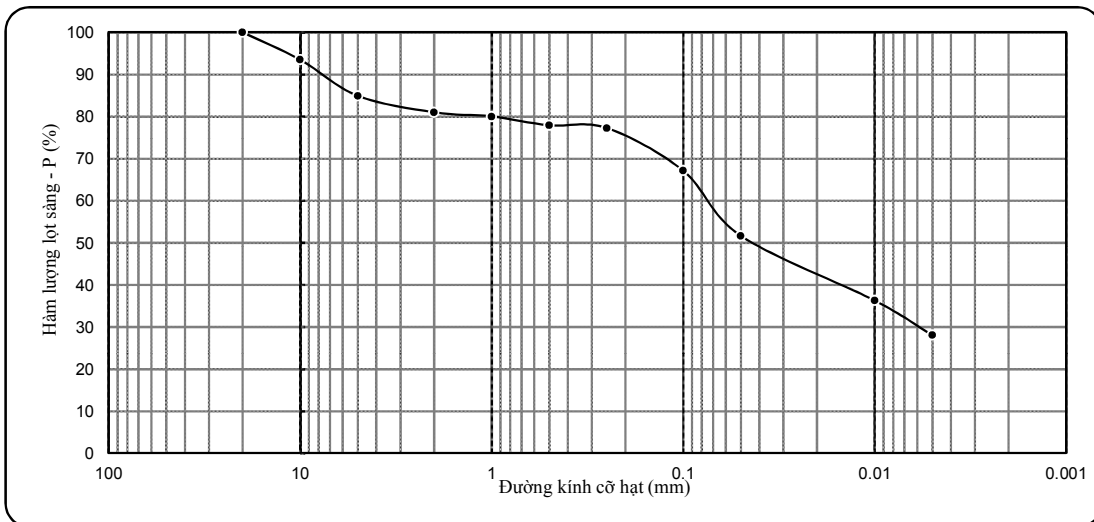
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.25$ $\phi = 14^{\circ}02'$ $C = 0.218$ (kG/cm ²)
1.00	29.6	0.463	
2.00	46.6	0.728	
3.00	61.6	0.963	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 39.5 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	Đường kính mặt sàng (mm)										
	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1				
-Đường kính mặt sàng (mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1				
-Khối lượng trên từng sàng (g)	2.6	3.4	1.6	0.4	0.8	0.3	4.0				
Cấp hạt	SỎI SẠN			CÁT				BỤI		SÉT	
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)	6.5	8.6	3.9	1.0	2.1	0.7	10.1	15.5	15.4	8.2	28.0
P hạt tích lũy lọt sàng (%)	100	93.5	84.9	81.0	80.0	77.9	77.2	67.1	51.6	36.3	28.0



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK2-4 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 7.8 - 8.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu nâu đỏ - xám trắng, trạng thái nửa cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	21.01	1.95	1.61	82	2.73	35.3	18.6	16.7	0.14

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

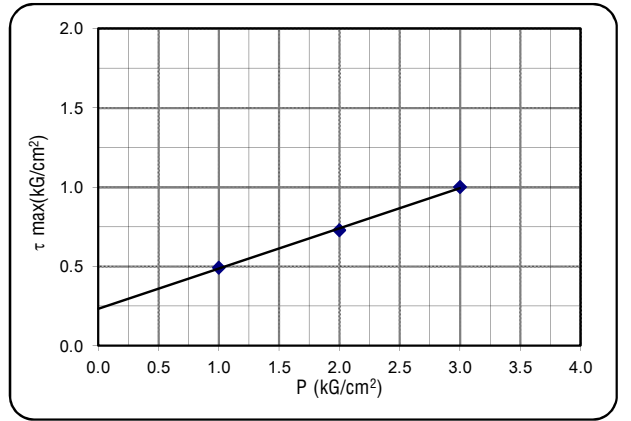
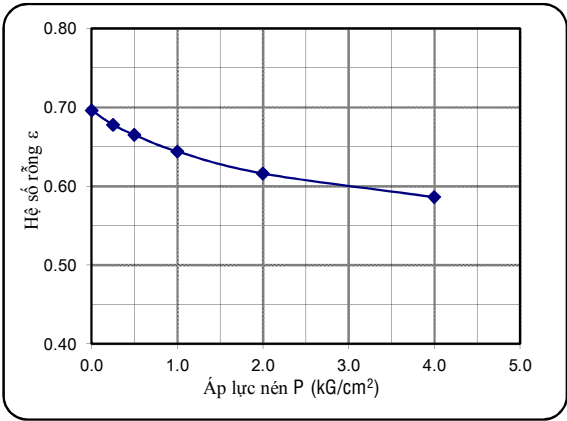
-Số hiệu máy: 4 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.014
 -Số đọc sau 24h: 147

P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	25.5	42.5	68.5	105.0	145.0
Δh_m (0.01mm)	5.0	6.5	8.5	12.5	17.0
Δe_n	0.018	0.031	0.052	0.080	0.110
e_n	0.696	0.678	0.665	0.644	0.616
a (cm ² /kG)	0.072	0.052	0.042	0.028	0.015
E_i (kG/cm ²)	23.6	32.3	39.6	58.7	107.7

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

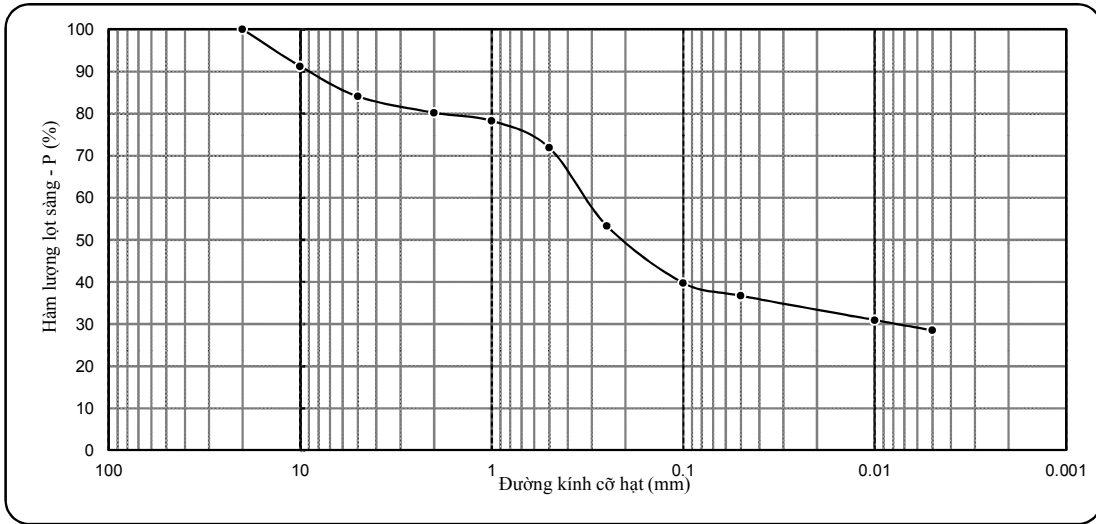
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.254$ $\phi = 14^{\circ}15'$ $C = 0.232$ (kG/cm ²)
1.00	31.5	0.492	
2.00	46.6	0.728	
3.00	64.0	1.000	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 65.6 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	- Đường kính mắt sàng (mm)										
	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1				
-Đường kính mắt sàng (mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1				
-Khối lượng trên từng sàng (g)	5.8	4.7	2.6	1.3	4.2	12.2	8.9				
Cấp hạt	SỎI SẠN			CÁT				BỤI		SÉT	
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)	8.8	7.2	3.9	1.9	6.4	18.6	13.5	3.1	5.8	2.4	28.5
P hạt tích lũy lọt sàng (%)	100	91.2	84.0	80.1	78.2	71.8	53.3	39.7	36.7	30.9	28.5



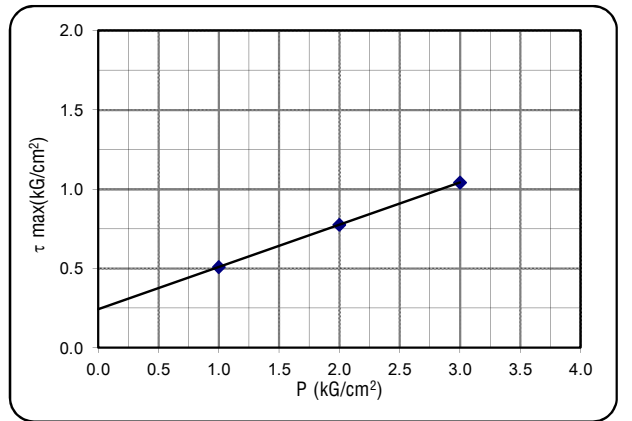
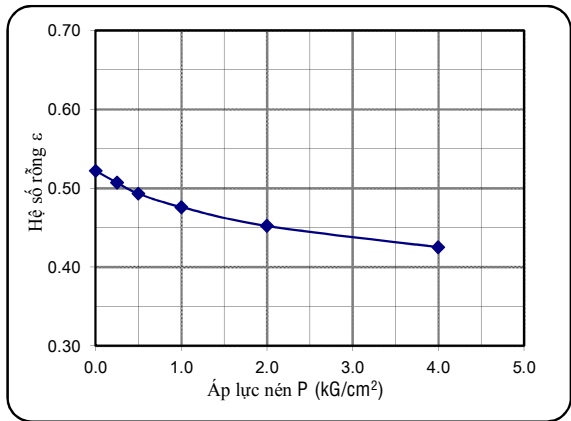
KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
- Tên mẫu: HK2-5 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
- Độ sâu: 9.8 - 10.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
- Mô tả đất: Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu nâu đỏ - xám trắng, trạng thái nửa cứng

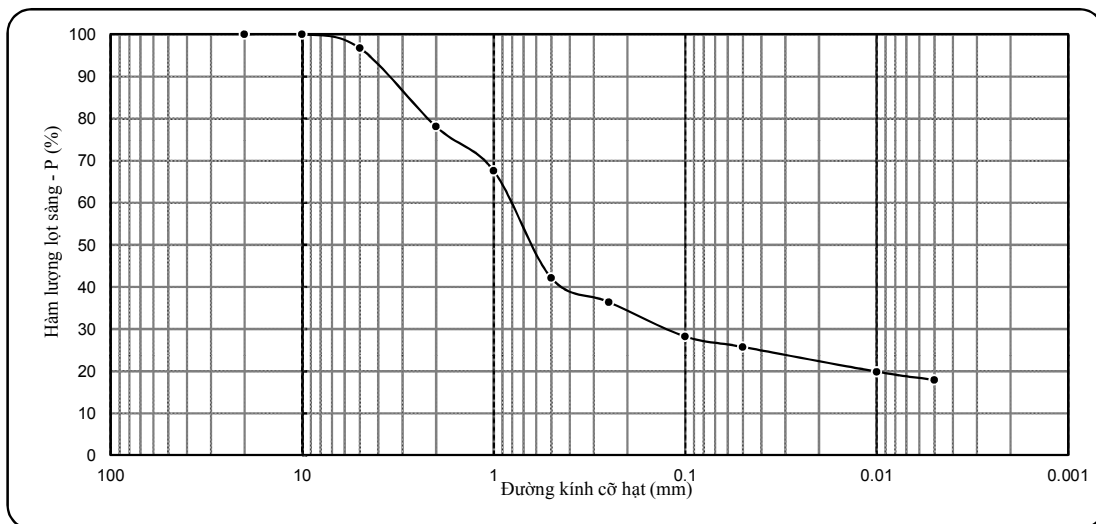
Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	15.33	2.05	1.78	80	2.71	25.3	13.9	11.4	0.13

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN						
-Số hiệu máy: 5		-Chiều cao mẫu h_0 : 20mm				
-Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa		-Hệ số hiệu chỉnh: 1.007				
		-Số đọc sau 24h: 143				
P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00	
Δh_n (0.01mm)	23.5	43.5	65.5	102.0	142.0	
Δh_m (0.01mm)	4.5	6.0	6.0	10.5	15.0	
Δe_n	0.015	0.029	0.046	0.070	0.097	
e_n	0.522	0.507	0.493	0.476	0.452	
a (cm ² /kG)	0.060	0.056	0.034	0.024	0.014	
E_i (kG/cm ²)	25.4	26.9	43.9	61.5	107.6	

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG			
-Kiểu cắt: Ứng biến			
-Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước			
-Hệ số vòng ứng biến: 0.01563			
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	
1.00	32.5	0.508	$\tan \phi = 0.266$ $\phi = 14^{\circ}54'$ $C = 0.242 \text{ (kG/cm}^2\text{)}$
2.00	49.6	0.775	
3.00	66.6	1.041	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT		- Khối lượng đất dùng TN: 98.6 (g)	- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)
* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)		-Đường kính mặt sàng(mm)	10.0 5.0 2.0 1.0 0.5 0.25 0.1
		-Khối lượng trên từng sàng (g)	3.2 18.4 10.3 25.1 5.7 8.1
Cấp hạt	SỎI SẠN		CÁT
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5 5-2 2-1 1-0.5	0.5-0.25 0.25-0.1 0.1-0.05 0.05-0.01 0.01-0.005 <0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)		3.3 18.6 10.5 25.5	5.8 8.2 2.5 5.9 2.0 17.9
P hạt tích lũy lọt sàng (%)		100.0 96.7 78.1 67.6	42.1 36.4 28.2 25.7 19.8 17.9



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK2-6 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 11.8 - 12.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu nâu vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	21.10	1.98	1.64	90	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 6 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 147

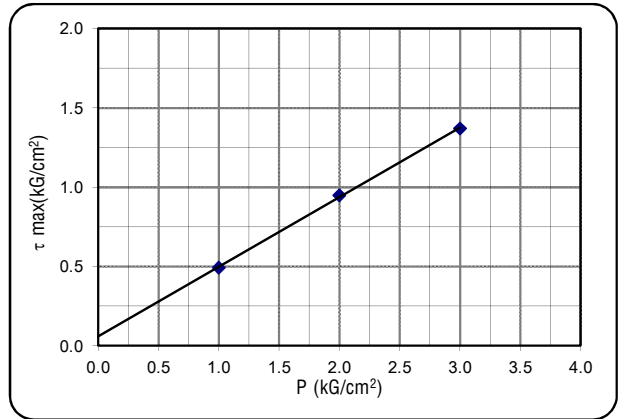
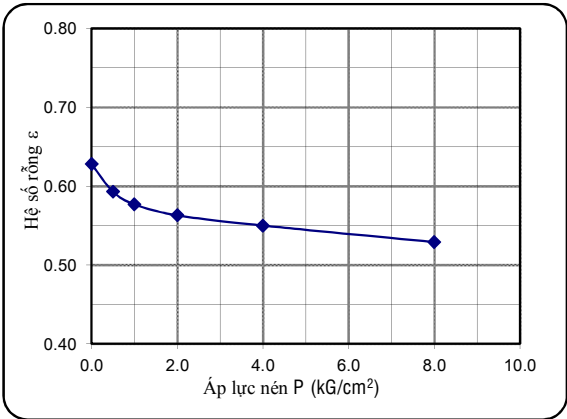
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.1	72.2	93.6	115.0	146.0
Δh_m	(0.01mm)	7.0	9.5	14.5	20.0	25.0
Δe_n	-	0.035	0.051	0.065	0.078	0.099
e_n	-	0.628	0.593	0.577	0.563	0.529
a	(cm ² /kG)	0.070	0.032	0.014	0.006	0.005
E_o	(kG/cm ²)	23.3	49.8	112.6	240.5	295.2

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)
1.00	31.5	0.492			
2.00	60.6	0.947			
3.00	87.6	1.369			

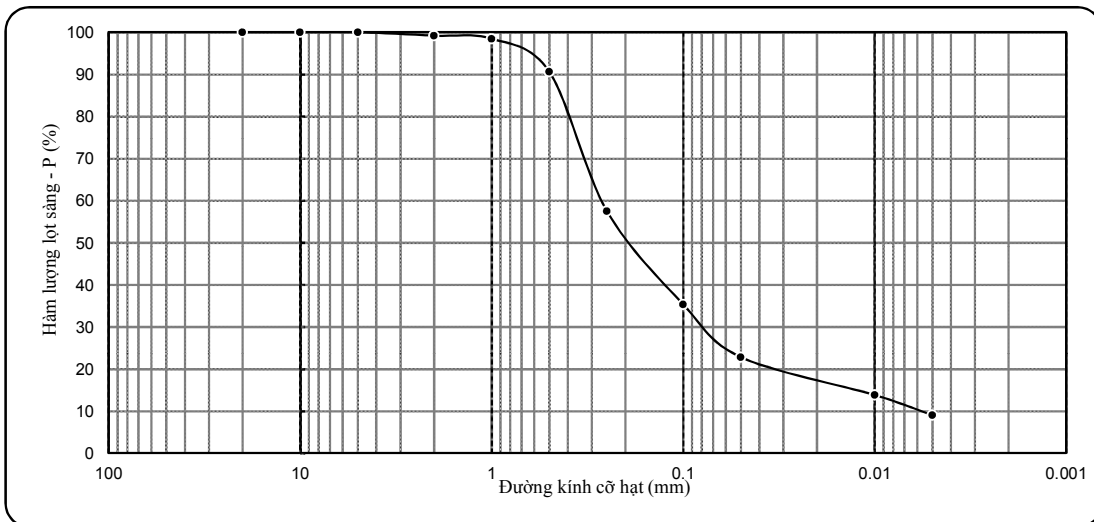
$\tan \phi = 0.438$
 $\phi = 23^{\circ}39'$
 $C = 0.059$ (kG/cm²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 92.5 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)			0.8	0.7	7.2	30.6	20.5			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)			0.8	0.7	7.8	33.1	22.2	12.5	9.0	4.8	9.0
P hạt tích lũy lọt sàng(%)			100.0	99.2	98.4	90.6	57.5	35.4	22.8	13.8	9.0



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK2-7

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 13.8 - 14.0 m

- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á cát, màu nâu vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	19.72	1.99	1.66	87	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 7
 -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa
 -Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 143

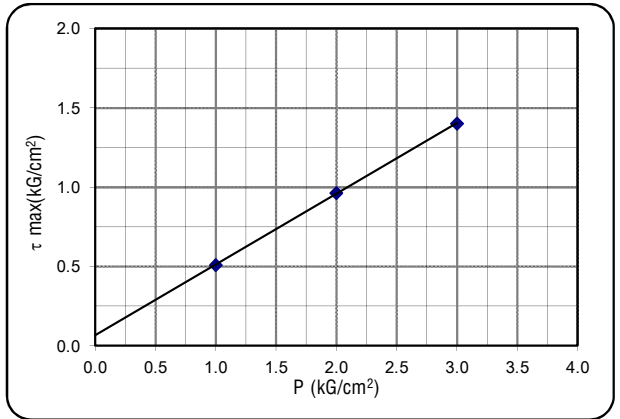
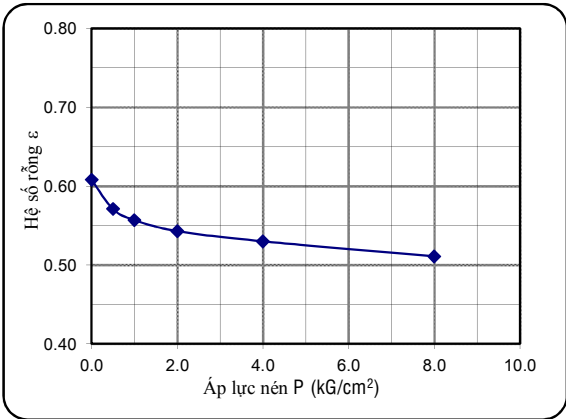
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	71.2	92.6	113.0	142.0
Δh_m	(0.01mm)	6.0	8.0	12.0	17.0	22.0
Δe_n	-	0.037	0.051	0.065	0.078	0.097
e_n	0.608	0.571	0.557	0.543	0.530	0.511
a	(cm ² /kG)	0.074	0.028	0.014	0.007	0.005
E_o	(kG/cm ²)	21.7	56.1	111.2	237.4	322.1

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)
1.00	32.5	0.508			
2.00	61.6	0.963			
3.00	89.6	1.400			

$\tan \phi = 0.446$
 $\phi = 24^{\circ}02'$
 $C = 0.065 \text{ (kG/cm}^2\text{)}$

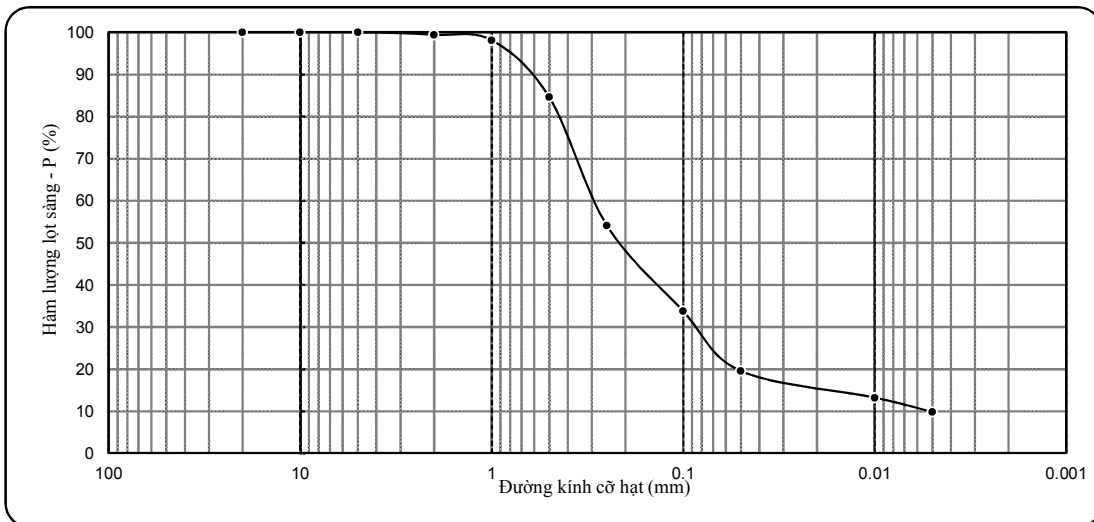


KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 96.9 (g)

- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	- Đường kính mắt sàng(mm)								- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)		
	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1				
-Khối lượng trên từng sàng (g)			0.6	1.3	13.1	29.5	19.7				
Cấp hạt	SỎI SẠN			CÁT				BỤI		SÉT	
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)			0.6	1.3	13.5	30.5	20.3	14.2	6.3	3.4	9.8
P hạt tích lũy lọt sàng(%)			100.0	99.4	98.1	84.6	54.1	33.8	19.5	13.2	9.8



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK2-8 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 15.8 - 16.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu nâu vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	20.63	1.93	1.60	82	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 8 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.014
 -Số đọc sau 24h: 147

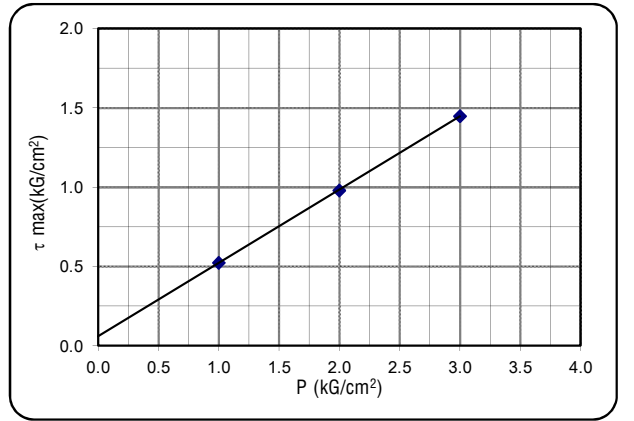
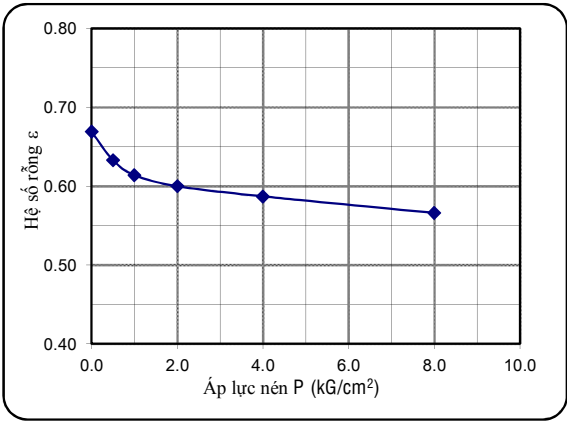
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.2	72.5	93.5	115.0	145.0
Δh_m	(0.01mm)	7.5	8.0	12.5	18.0	23.5
Δe_n	-	0.036	0.055	0.069	0.082	0.103
e_n	-	0.669	0.633	0.614	0.600	0.587
a	(cm ² /kG)	0.072	0.038	0.014	0.007	0.005
E_o	(kG/cm ²)	23.2	43.0	115.3	246.2	302.3

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)
1.00	33.5	0.524	
2.00	62.6	0.978	
3.00	92.6	1.447	

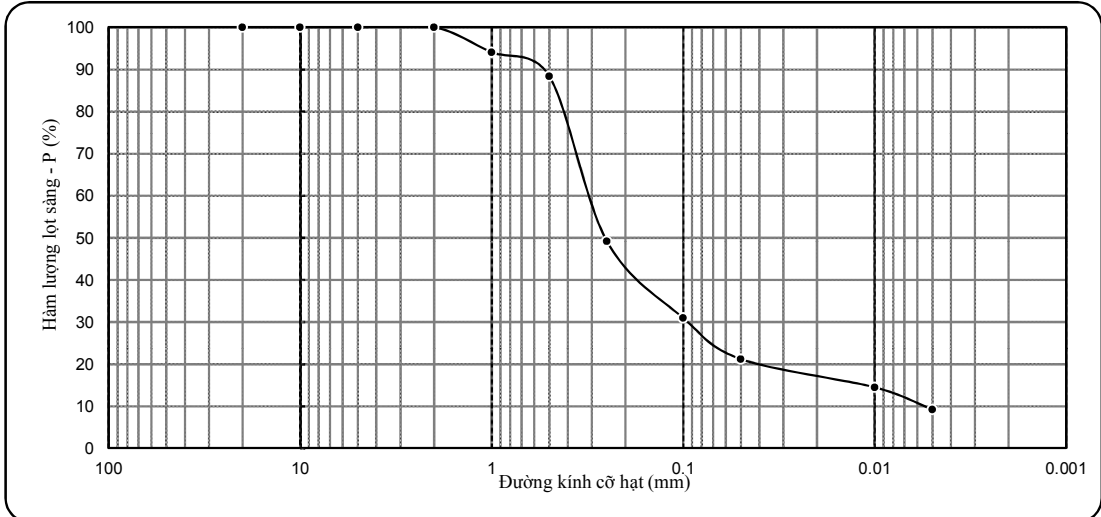
$\tan \phi = 0.462$
 $\phi = 24^{\circ}48'$
 $C = 0.059$ (kG/cm²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 99.8 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)				5.9	5.7	39.1	18.2			
Cấp hạt	SÔI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				6.0	5.7	39.2	18.2	9.8	6.7	5.2	9.2
P hạt tích lũy lọt sàng(%)				100.0	94.0	88.4	49.2	30.9	21.2	14.4	9.2



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK2-9

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 17.8 - 18.0 m

- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á cát, màu nâu vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	21.80	1.92	1.58	84	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 9
 -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa
 -Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 149

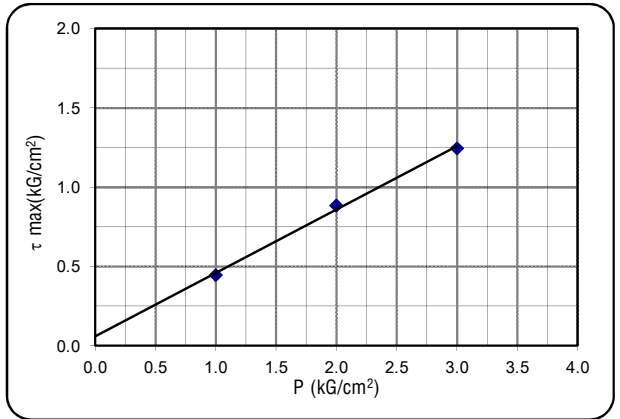
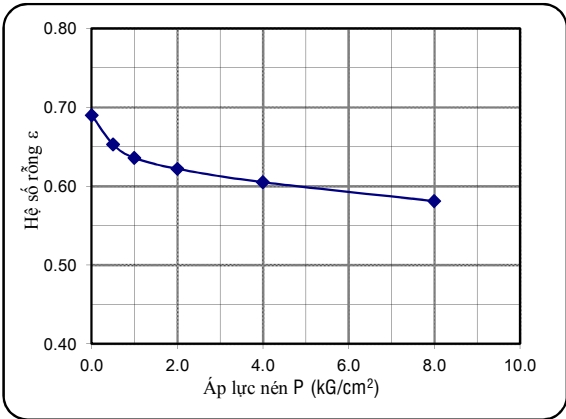
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	71.2	91.2	116.0	148.0
Δh_m	(0.01mm)	7.5	7.5	11.0	15.5	20.0
Δe_n	-	0.037	0.054	0.068	0.085	0.109
e_n	0.690	0.653	0.636	0.622	0.605	0.581
a	(cm ² /kG)	0.074	0.034	0.014	0.009	0.006
E_o	(kG/cm ²)	22.8	48.6	116.9	190.8	267.5

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)
1.00	28.5	0.445			
2.00	56.6	0.885			
3.00	79.6	1.244			

$\tan \phi = 0.399$
 $\phi = 21^{\circ}45'$
 $C = 0.059$ (kG/cm²)

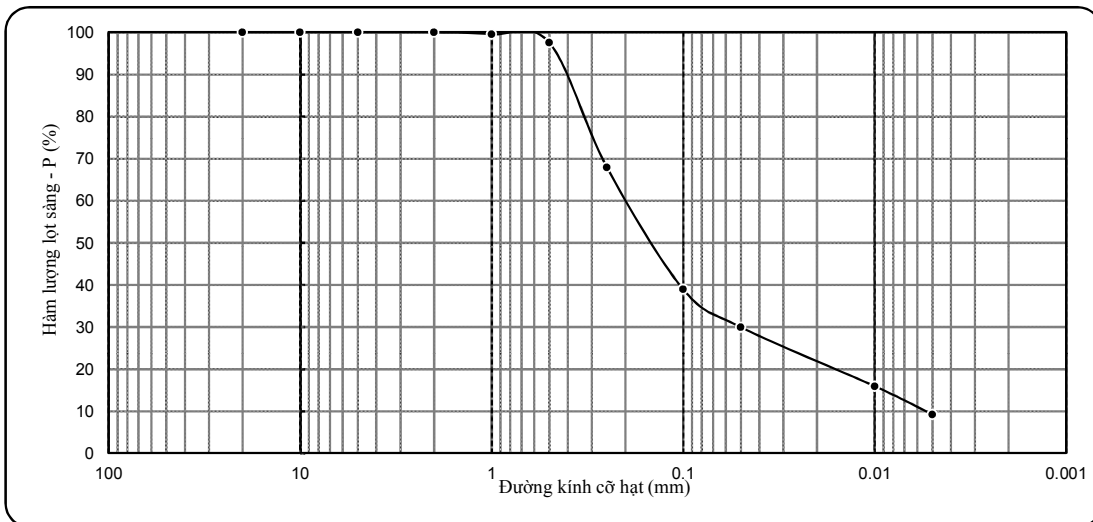


KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 85.2 (g)

- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)				0.4	1.7	25.2	24.7			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				0.5	2.0	29.6	29.0	9.0	14.0	6.7	9.2
P hạt tích lũy lọt sàng(%)				100.0	99.5	97.5	67.9	39.0	29.9	15.9	9.2



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK2-10

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 19.8 - 20.0 m

- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á cát, màu nâu vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	22.69	1.95	1.59	89	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 10
 -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa
 -Hệ số hiệu chỉnh: 1.013
 -Số đọc sau 24h: 152

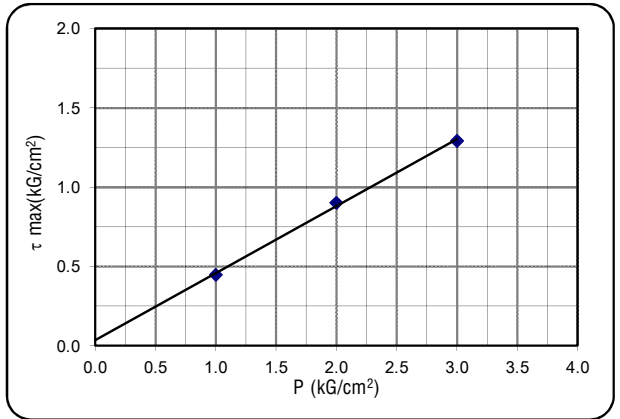
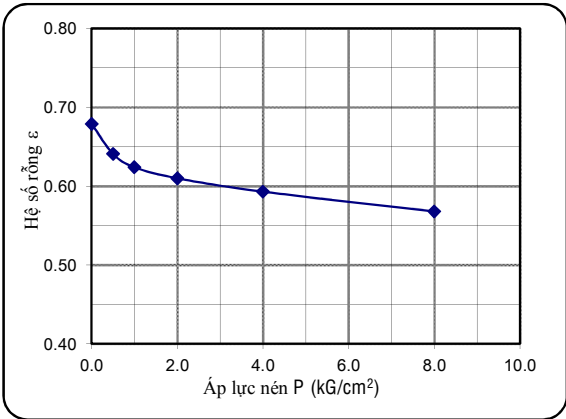
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.2	72.2	92.6	116.0	150.0
Δh_m	(0.01mm)	6.0	7.0	11.0	15.0	19.5
Δe_n	-	0.038	0.055	0.069	0.086	0.111
e_n	-	0.679	0.641	0.624	0.610	0.593
a	(cm ² /kG)	0.076	0.034	0.014	0.009	0.006
E_o	(kG/cm ²)	22.1	48.3	116.0	189.4	254.9

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	(kG/cm ²) (vạch) (kG/cm ²)
1.00	28.6	0.447	
2.00	57.6	0.900	
3.00	82.6	1.291	

$\tan \phi = 0.422$
 $\phi = 22^{\circ}53'$
 $C = 0.035$ (kG/cm²)

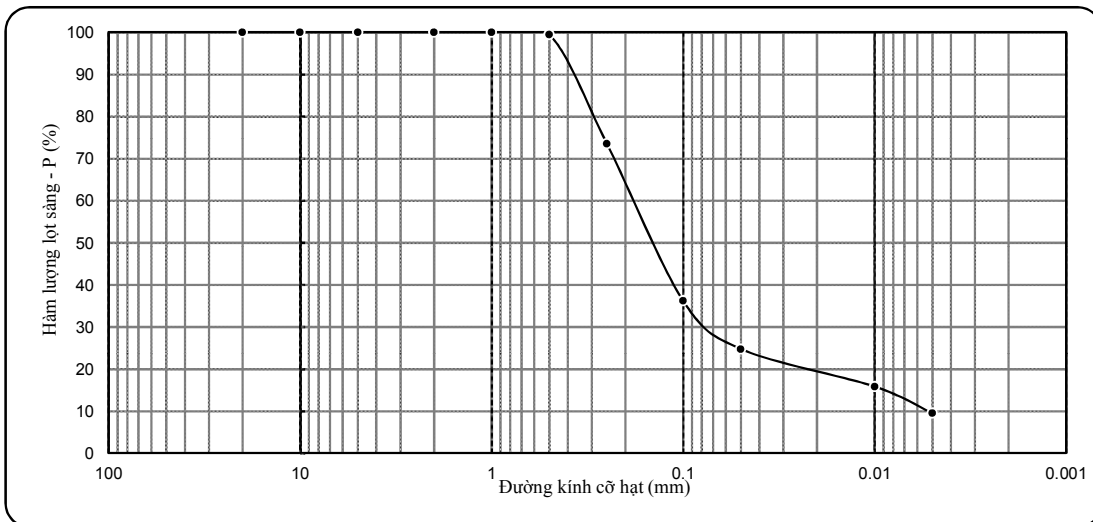


KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 96.4 (g)

- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)					0.6	25.0	35.9			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT				BỤI			SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)					0.6	25.9	37.3	11.5	8.9	6.3	9.5
P hạt tích lũy lọt sàng(%)					100.0	99.4	73.5	36.2	24.8	15.8	9.5



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK2-11

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 21.8 - 22.0 m

- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á cát, màu nâu vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	21.68	1.95	1.60	87	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: **11** -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: **146**

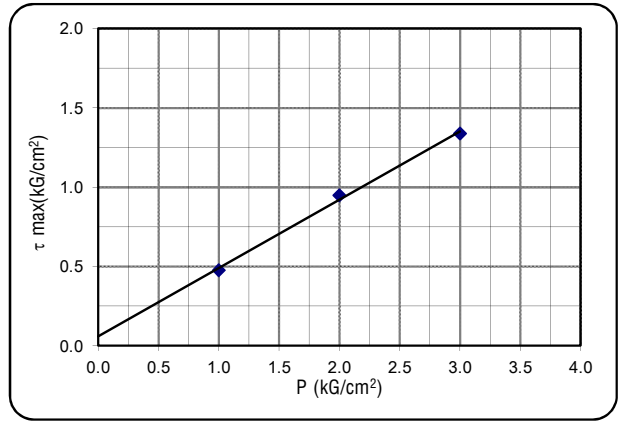
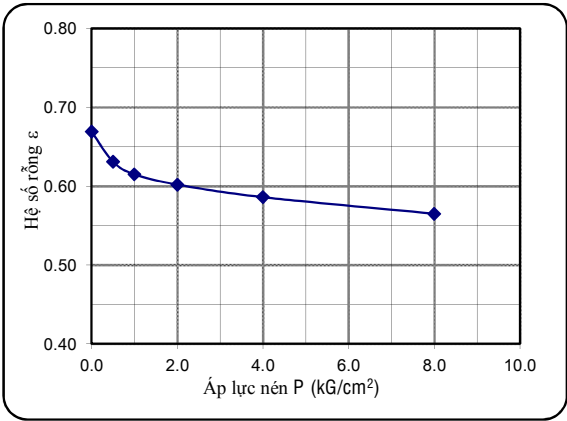
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	71.2	91.2	115.0	145.0
Δh_m	(0.01mm)	6.5	7.0	12.0	16.0	21.0
Δe_n	-	0.038	0.054	0.067	0.083	0.104
e_n	0.669	0.631	0.615	0.602	0.586	0.565
a	(cm ² /kG)	0.076	0.032	0.013	0.008	0.005
E_o	(kG/cm ²)	22.0	51.0	124.2	200.3	302.1

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc ($vạch$)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)
1.00	30.5	0.477	
2.00	60.6	0.947	
3.00	85.6	1.338	

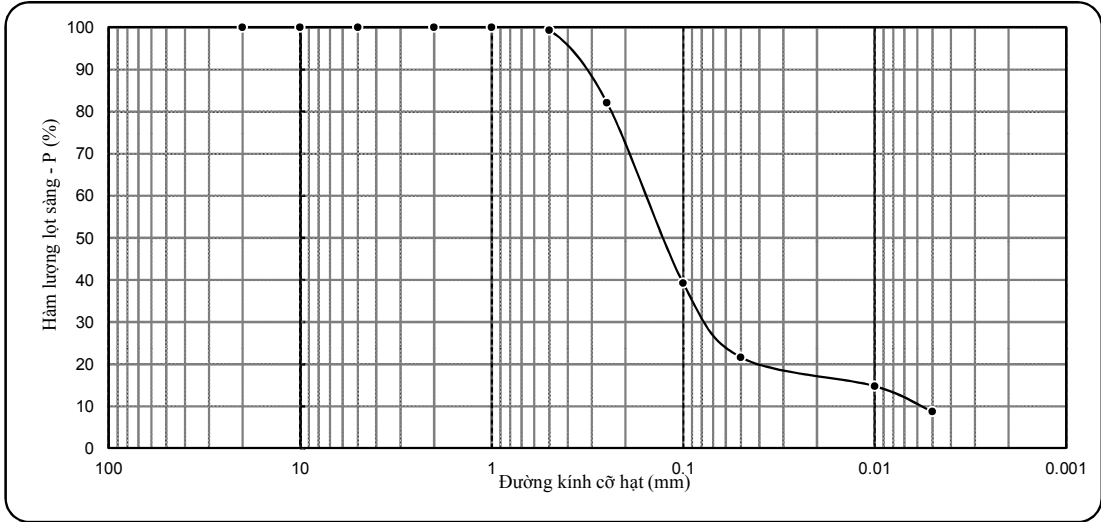
$\tan \phi = 0.431$
 $\phi = 23^{\circ}19'$
 $C = 0.059 \text{ (kG/cm}^2\text{)}$



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 97.9 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)					0.7	16.9	41.9			
Cấp hạt	SÔI SẠN	CÁT				BỤI			SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)					0.7	17.2	42.8	17.7	6.8	6.0	8.7
P hạt tích lũy lọt sàng(%)					100.0	99.3	82.1	39.3	21.6	14.7	8.7



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK2-12

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 24.8 - 25.0 m

- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	16.78	2.02	1.73	83	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

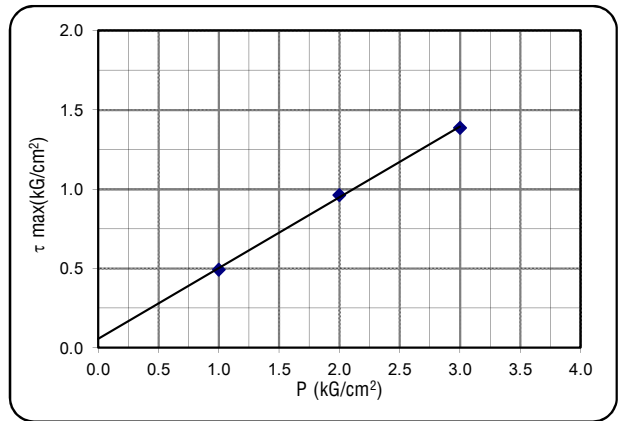
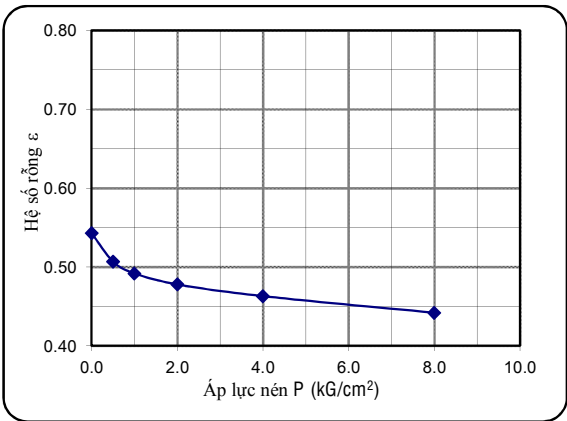
-Số hiệu máy: **12** -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: **149**

P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	71.2	92.5	116.0	148.0
Δh_m	(0.01mm)	5.0	5.5	9.0	13.5	18.5
Δe_n	-	0.036	0.051	0.065	0.080	0.101
e_n	0.543	0.507	0.492	0.478	0.463	0.442
a	(cm ² /kG)	0.072	0.030	0.014	0.007	0.005
E_o	(kG/cm ²)	21.4	50.2	106.6	197.1	278.7

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
1.00	31.5	0.492	$\tan \phi = 0.446$ $\phi = 24^{\circ}02'$ $C = 0.054 \text{ (kG/cm}^2\text{)}$
2.00	61.6	0.963	
3.00	88.6	1.385	

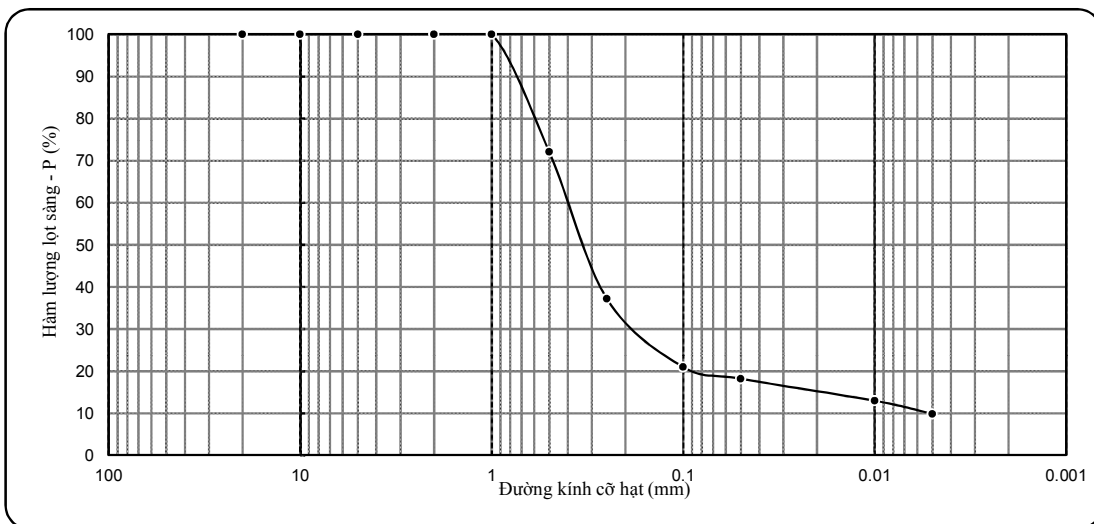


KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 117.9 (g)

- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)							-Khối lượng trên từng sàng (g)			
	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1				
								32.9	41.2	19.1	
Cấp hạt	SỎI SẠN			CÁT				BỤI		SÉT	
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)					27.9	34.9	16.2	2.8	5.2	3.1	9.8
P hạt tích lũy lọt sàng(%)					100.0	72.1	37.2	20.9	18.1	12.9	9.8



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK3-1

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 1.8 - 2.0 m

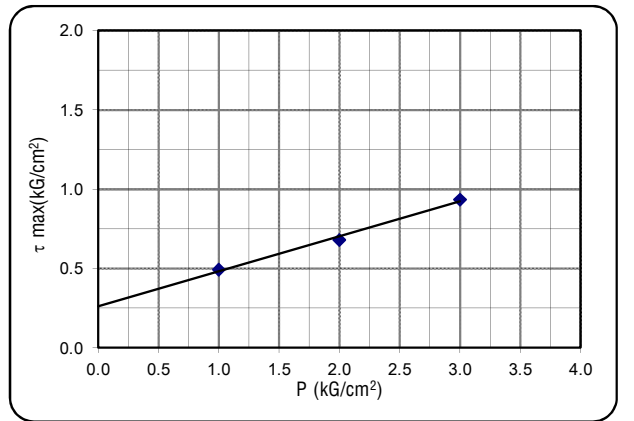
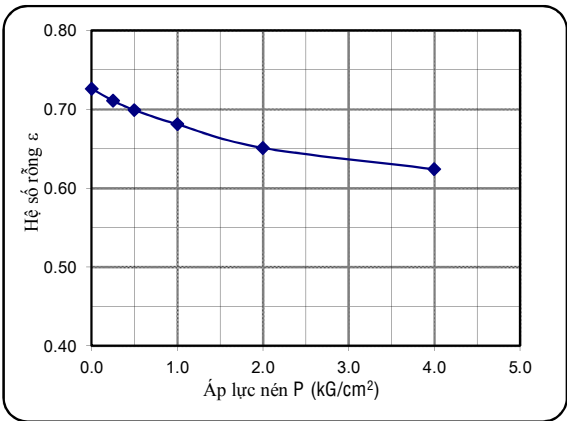
- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á Sét, màu xám vàng - nâu vàng, trạng thái dẻo cứng

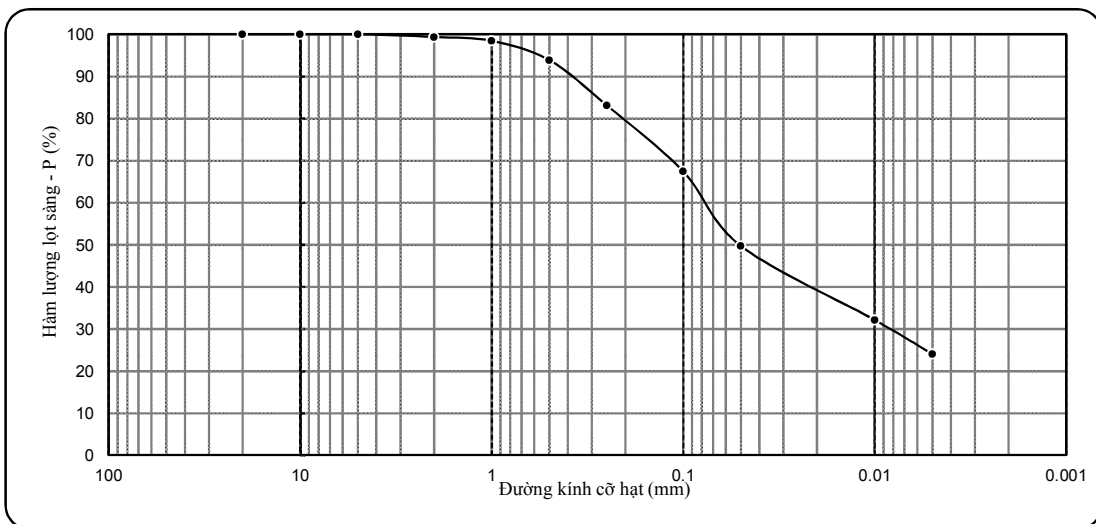
Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	22.46	1.92	1.57	84	2.71	34.3	18.3	16.0	0.26

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN							
-Số hiệu máy:		1		-Chiều cao mẫu h_0 :			20mm
-Kiểu nén:		Nén mẫu bão hòa		-Hệ số hiệu chỉnh:			1.015
				-Số đọc sau 24h:			136
P_n	(kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00	
Δh_n	(0.01mm)	22.5	37.5	59.5	98.0	134.0	
Δh_m	(0.01mm)	5.5	7.0	8.5	12.0	17.0	
Δe_n	-	0.015	0.027	0.045	0.075	0.102	
e_n	-	0.726	0.711	0.699	0.681	0.624	
a	(cm ² /kG)	0.060	0.048	0.036	0.030	0.014	
E_i	(kG/cm ²)	28.8	35.6	47.2	56.0	122.3	

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG			
-Kiểu cắt: Ứng biến			
-Phương pháp cắt: Cắt nhanh, bão hòa nước			
-Hệ số vòng ứng biến: 0.01563			
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.221$ $\phi = 12o28'$ $C = 0.261$ (kG/cm ²)
1.00	31.5	0.492	
2.00	43.5	0.680	
3.00	59.7	0.933	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT		- Khối lượng đất dùng TN:	34.5 (g)	- Nhiệt độ TN:	30.0 (oC)						
* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)		-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1		
		-Khối lượng trên từng sàng (g)			0.2	0.3	1.6	3.7	5.4		
Cấp hạt	SỎI SẠCH			CÁT			BỤI		SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)			0.7	0.9	4.6	10.7	15.7	17.7	17.6	8.1	24.1
P hạt tích lũy lọt sàng (%)			100.0	99.3	98.4	93.8	83.1	67.4	49.7	32.1	24.1



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
- Tên mẫu: HK3-2 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
- Độ sâu: 3.8 - 4.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
- Mô tả đất: Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu nâu đỏ, trạng thái nửa cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	18.19	2.02	1.71	82	2.76	26.2	16.0	10.2	0.21

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: -Chiều cao mẫu h_0 :

-Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh:

-Số đọc sau 24h:

P_n	(kG/cm ²)				
Δh_n	(0.01mm)				
Δh_m	(0.01mm)				
Δe_n	-				
e_n					
a	(cm ² /kG)				
E_i	(kG/cm ²)				

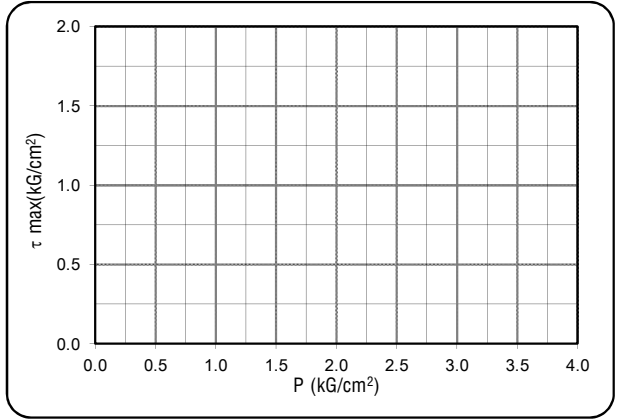
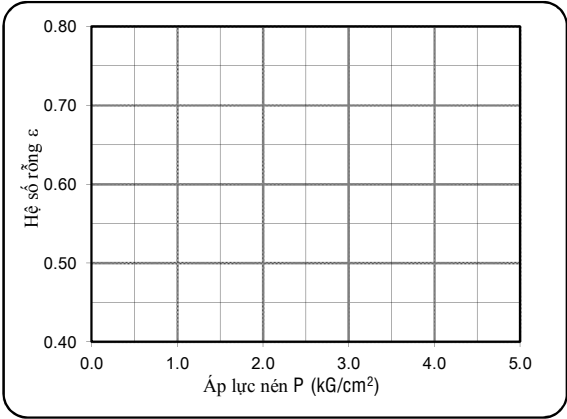
KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến

-Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước

-Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

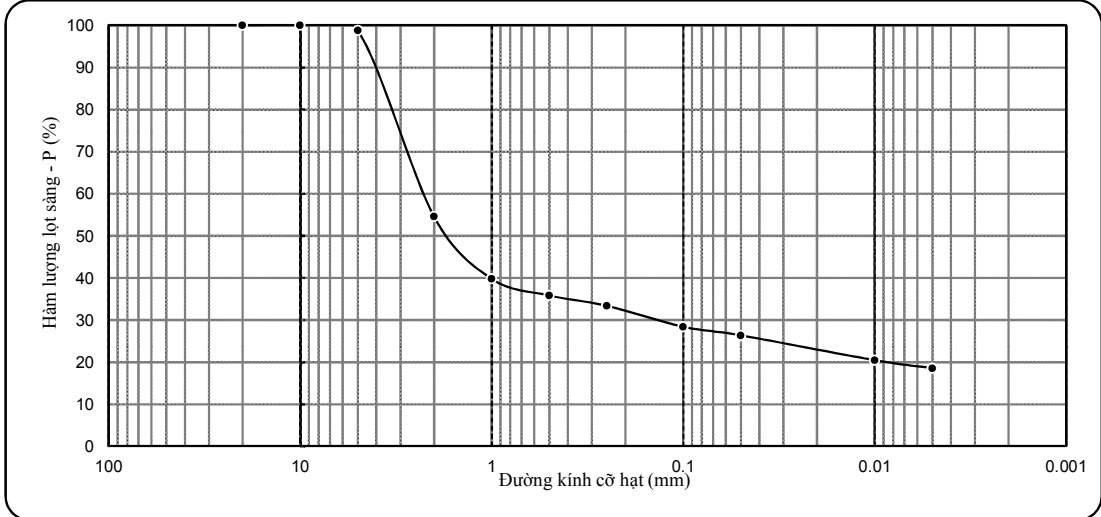
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi =$
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
			$\phi =$
			C = (kG/cm ²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 83.2 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)		1.1	36.8	12.3	3.3	2.1	4.1			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)		1.3	44.2	14.8	4.0	2.5	5.0	2.0	5.9	1.9	18.5
P hạt tích lũy lọt sàng(%)		100.0	98.7	54.6	39.8	35.8	33.3	28.4	26.3	20.4	18.5



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
- Tên mẫu: HK3-3 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
- Độ sâu: 5.8 - 6.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
- Mô tả đất: Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu nâu đỏ, trạng thái nửa cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	21.99	2.05	1.68	95	2.75	36.8	20.8	16.0	0.07

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: -Chiều cao mẫu h_0 :

-Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh:

-Số đọc sau 24h:

P_n	(kG/cm ²)				
Δh_n	(0.01mm)				
Δh_m	(0.01mm)				
Δe_n	-				
e_n					
a	(cm ² /kG)				
E_i	(kG/cm ²)				

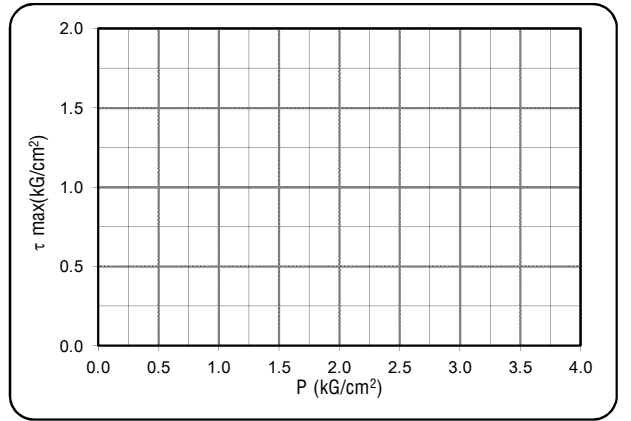
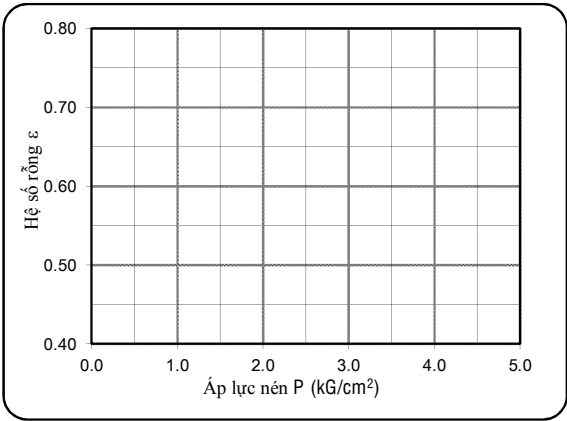
KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến

-Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước

-Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

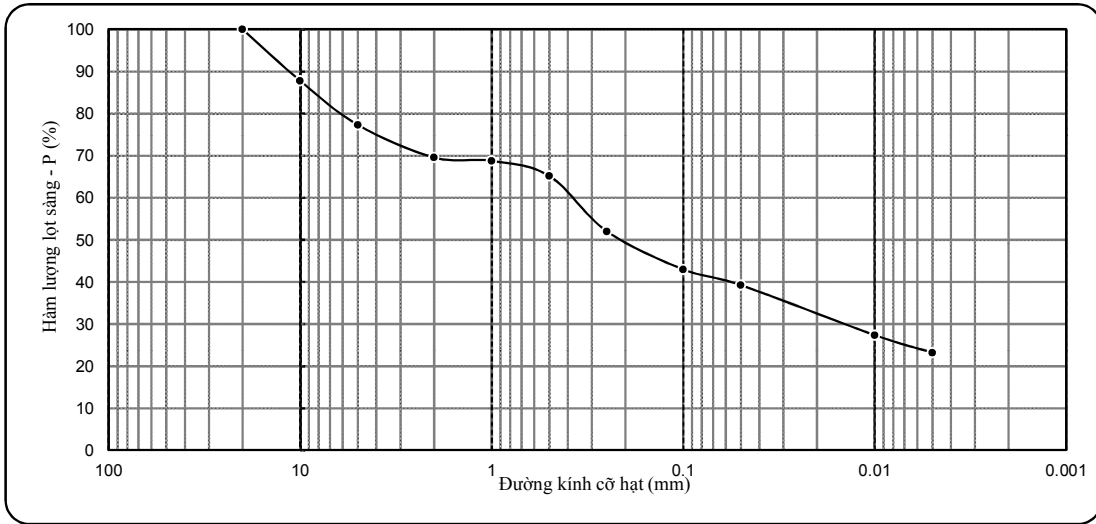
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi =$
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
			$\phi =$
			C = (kG/cm ²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 47.7 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)		5.8	5.0	3.7	0.4	1.7	6.3	4.3			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI		SÉT				
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)	12.2	10.5	7.8	0.8	3.6	13.2	9.0	3.8	11.9	4.2	23.2
P hạt tích lũy lọt sàng (%)	100	87.8	77.3	69.5	68.7	65.2	52.0	43.0	39.2	27.3	23.2



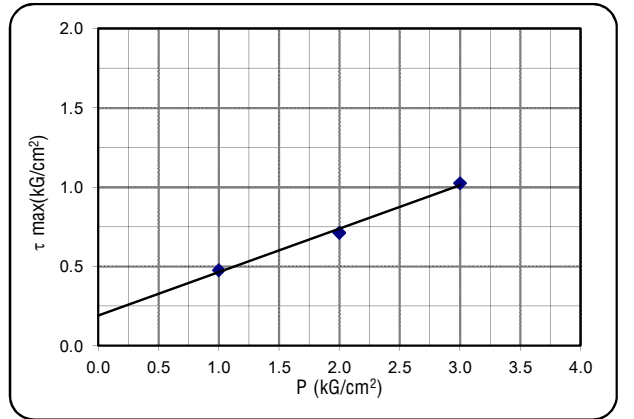
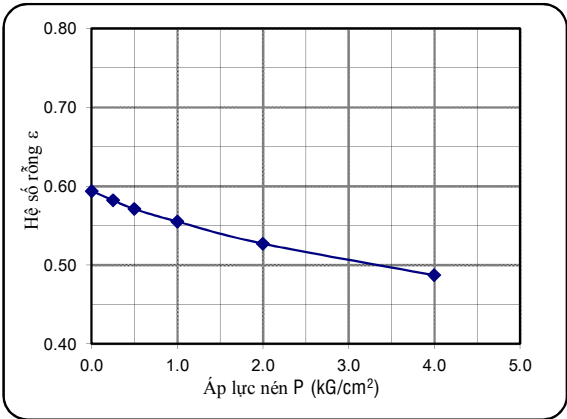
KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
- Tên mẫu: HK3-4 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
- Độ sâu: 7.8 - 8.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
- Mô tả đất: Á Sét lẫn sỏi sạn TA, màu xám vàng - nâu vàng, trạng thái nửa cứng

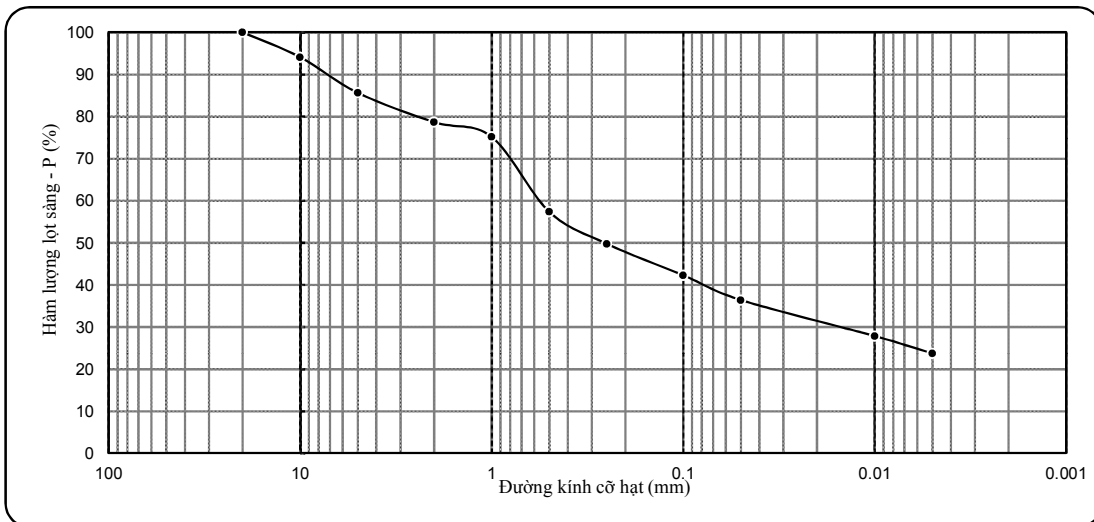
Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	16.16	1.98	1.70	74	2.71	26.4	13.0	13.4	0.24

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN						
-Số hiệu máy: 4		-Chiều cao mẫu h_0 : 20mm				
-Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa		-Hệ số hiệu chỉnh: 1.013				
		-Số đọc sau 24h: 152				
P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00	
Δh_n (0.01mm)	20.0	35.0	57.0	96.0	150.0	
Δh_m (0.01mm)	5.0	6.5	8.5	12.5	17.0	
Δe_n	0.012	0.023	0.039	0.067	0.107	
e_n	0.594	0.582	0.571	0.555	0.527	
a (cm ² /kG)	0.048	0.044	0.032	0.028	0.020	
E_i (kG/cm ²)	33.2	36.0	49.1	55.5	76.3	

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG			
-Kiểu cắt: Ứng biến			
-Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước			
-Hệ số vòng ứng biến: 0.01563			
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	
1.00	30.5	0.477	$\tan \phi = 0.274$ $\phi = 15\text{ o }19'$ $C = 0.190$ (kG/cm ²)
2.00	45.5	0.711	
3.00	65.5	1.024	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT		- Khối lượng đất dùng TN: 67.4 (g)							- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)		
* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)		-Đường kính mặt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1		
		-Khối lượng trên từng sàng (g)	4.0	5.7	4.7	2.4	12.0	5.1	5.0		
Cấp hạt	SỎI SẠN			CÁT				BỤI		SÉT	
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)	5.9	8.5	7.0	3.5	17.8	7.6	7.5	5.9	8.6	4.1	23.7
P hạt tích lũy lọt sàng (%)	100	94.1	85.6	78.6	75.1	57.4	49.7	42.3	36.4	27.8	23.7



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK3-5 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 9.8 - 10.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét lẫn sỏi sạn TA, màu xám vàng - xám trắng, trạng thái nửa cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	21.76	1.92	1.58	82	2.71	34.1	18.1	16.0	0.23

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

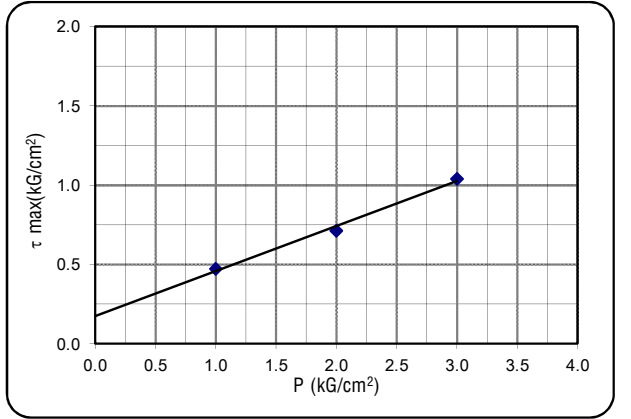
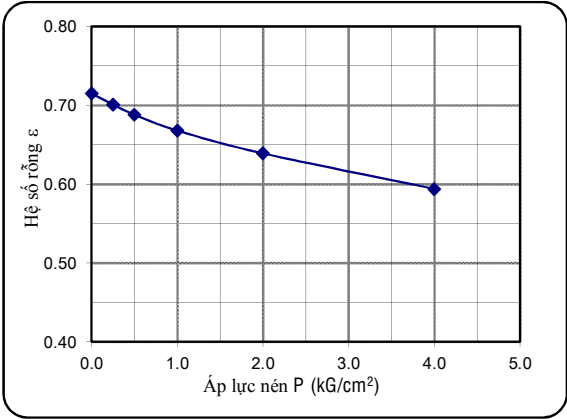
-Số hiệu máy: 5 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.013
 -Số đọc sau 24h: 156

P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	20.5	37.5	60.5	98.5	154.0
Δh_m (0.01mm)	4.5	6.0	6.0	10.5	15.0
Δe_n	0.014	0.027	0.047	0.076	0.121
e_n	0.715	0.701	0.688	0.639	0.594
a (cm ² /kG)	0.056	0.052	0.040	0.029	0.023
E_i (kG/cm ²)	30.6	32.7	42.2	57.5	72.8

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

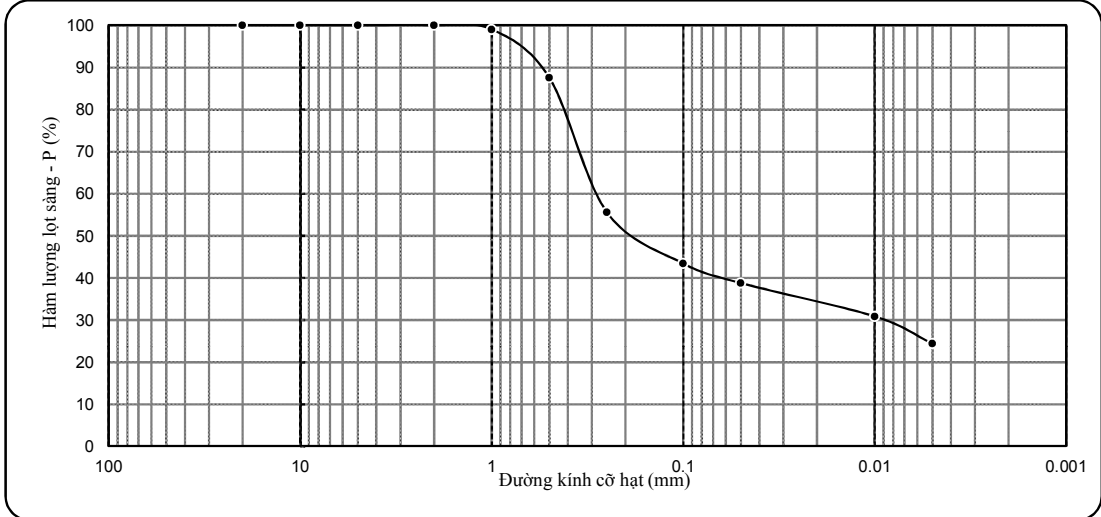
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.284$ $\phi = 15^{\circ}51'$ $C = 0.174$ (kG/cm ²)
1.00	30.2	0.472	
2.00	45.6	0.713	
3.00	66.5	1.039	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 62.4 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)					0.6	7.1	19.9	7.6			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				1.0	11.4	32.0	12.2	4.7	7.9	6.4	24.4
P hạt tích lũy lọt sàng (%)				100.0	99.0	87.6	55.6	43.4	38.7	30.8	24.4



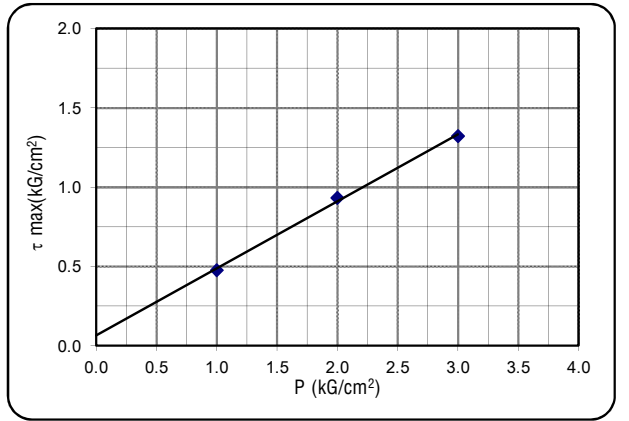
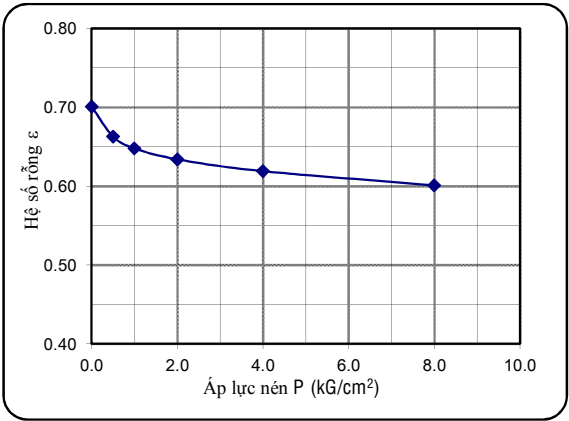
KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
- Tên mẫu: HK3-6 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
- Độ sâu: 11.8 - 12.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
- Mô tả đất: Á cát, màu nâu vàng

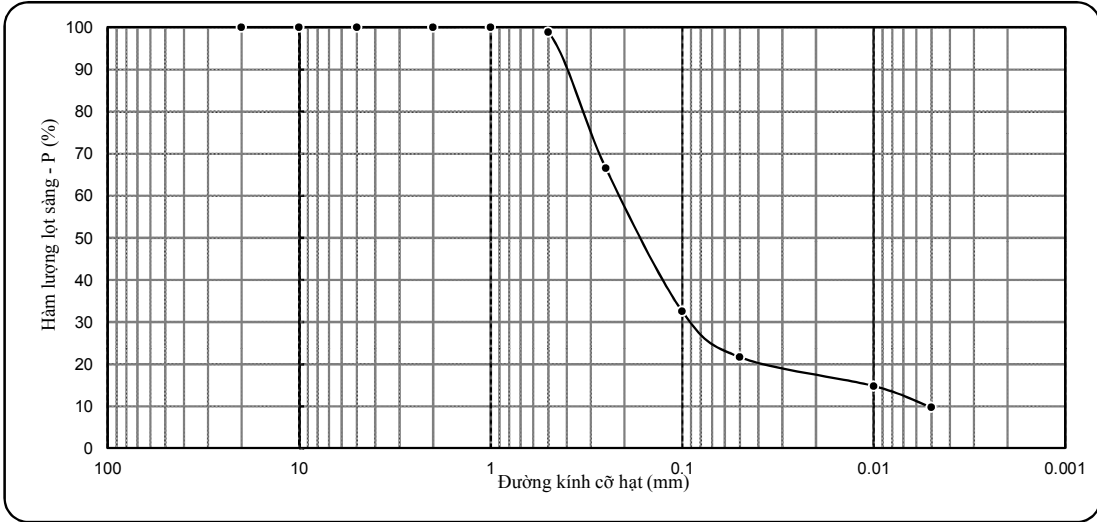
Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	22.66	1.92	1.57	86	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN						
-Số hiệu máy:	6		-Chiều cao mẫu h_0 : 20mm			
-Kiểu nén:	Nén mẫu bão hòa		-Hệ số hiệu chỉnh: 1.007			
			-Số đọc sau 24h: 143			
P_n (kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00	
Δh_n (0.01mm)	51.2	71.2	92.6	116.0	142.0	
Δh_m (0.01mm)	7.0	9.5	14.5	20.0	25.0	
Δe_n	-	0.038	0.053	0.067	0.082	0.100
e_n	0.701	0.663	0.648	0.634	0.619	0.601
a (cm ² /kG)	0.076	0.030	0.014	0.008	0.005	
E_o (kG/cm ²)	22.4	55.4	117.7	217.9	359.8	

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG				
-Kiểu cắt:	Ứng biến			
-Phương pháp cắt:	Cắt nhanh không thoát nước			
-Hệ số vòng ứng biến:	0.01563			
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.423$ $\phi = 22o56'$ $C = 0.065$ (kG/cm ²)	
1.00	30.5	0.477		
2.00	59.6	0.932		
3.00	84.6	1.322		



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT	- Khối lượng đất dùng TN: 97.7 (g)					- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)					
* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)					1.1	31.6	33.2			
Cấp hạt	SỎI SẠC			CÁT			BỤI		SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)					1.1	32.3	34.0	10.9	6.9	5.0	9.7
P hạt tích lũy lọt sàng(%)					100.0	98.9	66.5	32.6	21.6	14.8	9.7



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK3-7 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 13.8 - 14.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu nâu vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	23.57	1.92	1.55	87	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 7 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.014
 -Số đọc sau 24h: 147

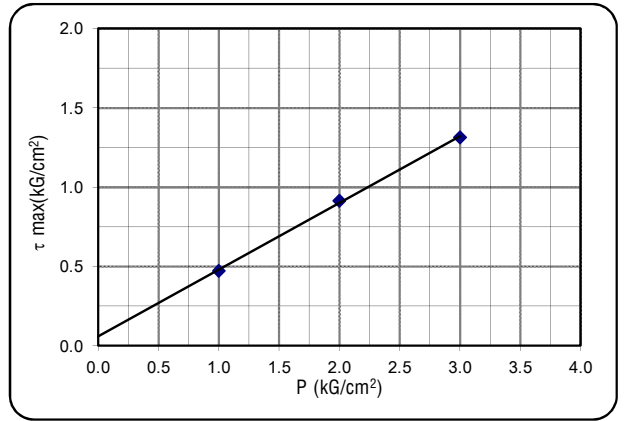
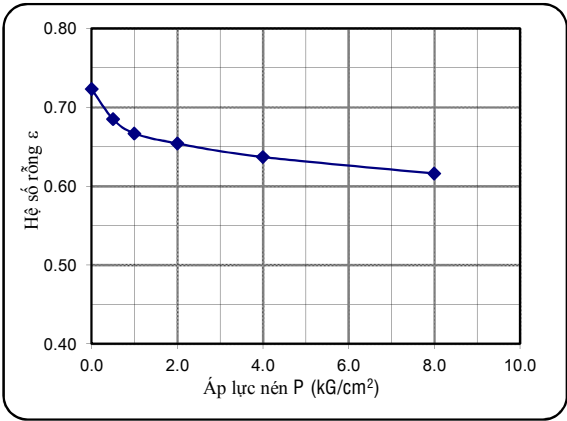
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.0	72.2	91.2	115.0	145.0
Δh_m	(0.01mm)	6.0	8.0	12.0	17.0	22.0
Δe_n	-	0.038	0.056	0.069	0.086	0.107
e_n	0.723	0.685	0.667	0.654	0.637	0.616
a	(cm ² /kG)	0.076	0.036	0.013	0.009	0.005
E_o	(kG/cm ²)	22.7	46.8	128.2	194.6	311.8

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	(kG/cm ²) (vạch) (kG/cm ²)
1.00	30.2	0.472	
2.00	58.5	0.914	
3.00	84.0	1.313	

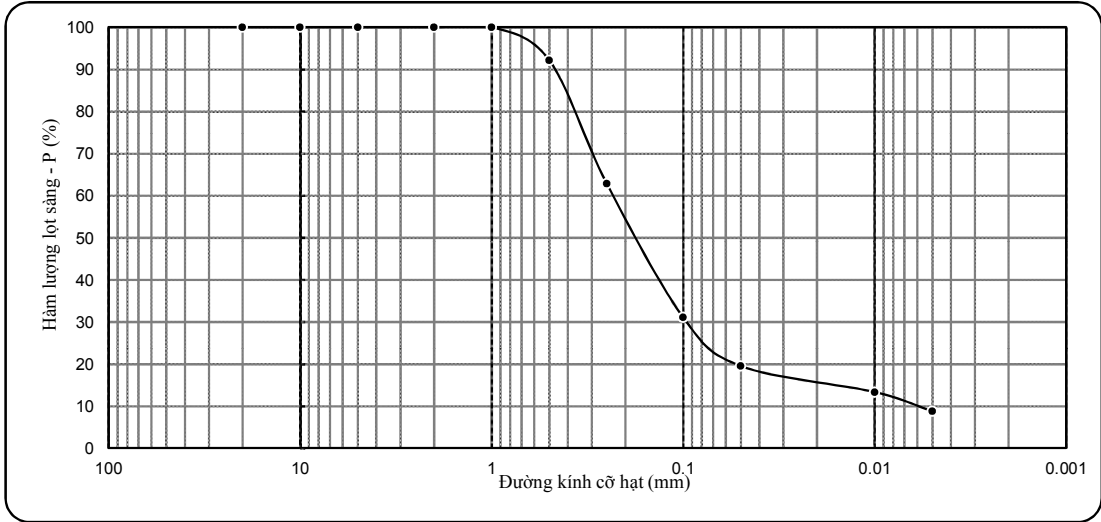
$\tan \phi = 0.42$
 $\phi = 22^{\circ}47'$
 $C = 0.059$ (kG/cm²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 108.2 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)					8.5	31.7	34.3			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)					7.8	29.3	31.7	11.6	6.2	4.5	8.8
P hạt tích lũy lọt sàng(%)					100.0	92.2	62.8	31.1	19.5	13.3	8.8



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK3-8 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 15.8 - 16.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu nâu vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	19.92	1.98	1.65	86	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 8 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 142

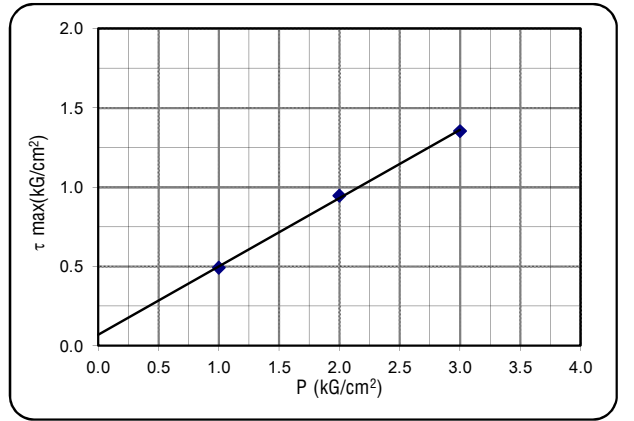
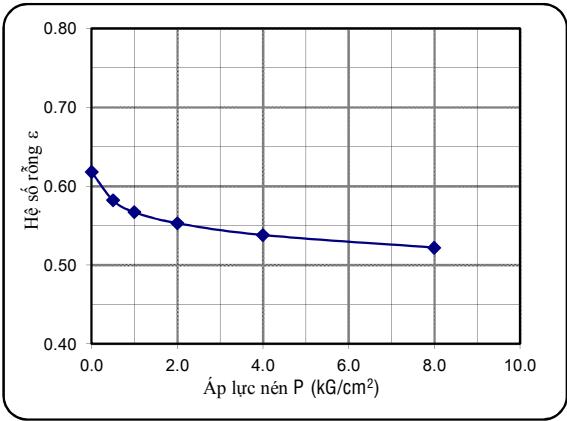
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	71.2	92.5	116.0	141.0
Δh_m	(0.01mm)	7.5	8.0	12.5	18.0	23.5
Δe_n	-	0.036	0.051	0.065	0.080	0.096
e_n		0.618	0.582	0.567	0.553	0.538
a	(cm ² /kG)	0.072	0.030	0.014	0.008	0.004
E_o	(kG/cm ²)	22.5	52.7	111.9	207.1	384.5

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	(kG/cm ²) (vạch) (kG/cm ²)
1.00	31.5	0.492	
2.00	60.5	0.946	
3.00	86.6	1.354	

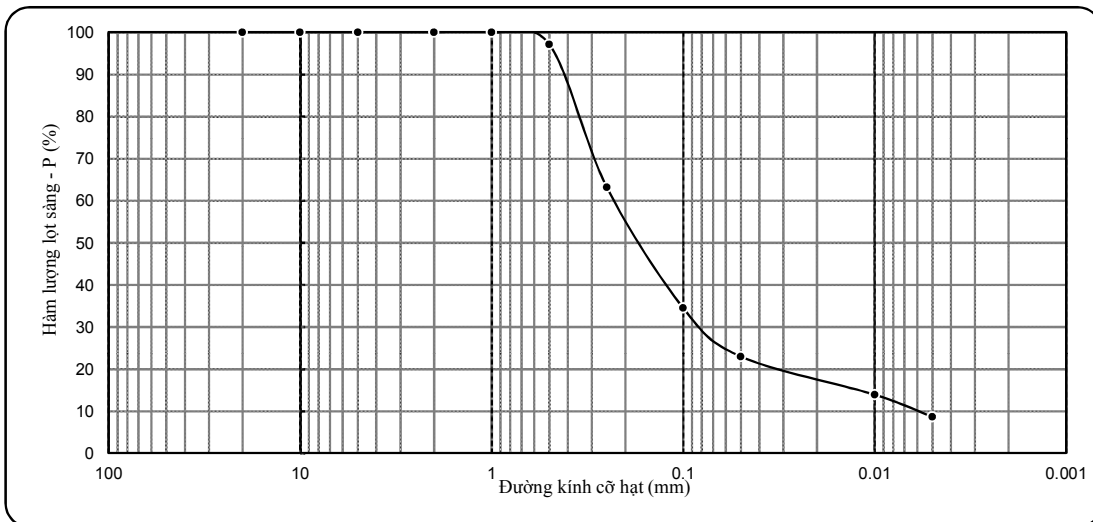
$\tan \phi = 0.431$
 $\phi = 23^{\circ}19'$
 $C = 0.069$ (kG/cm²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 109.8 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)					3.2	37.3	31.4			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)					2.9	34.0	28.6	11.6	9.1	5.2	8.6
P hạt tích lũy lọt sàng(%)					100.0	97.1	63.2	34.5	23.0	13.9	8.6



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK3-9 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 17.8 - 18.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu nâu vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	19.40	2.02	1.69	89	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 9 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 144

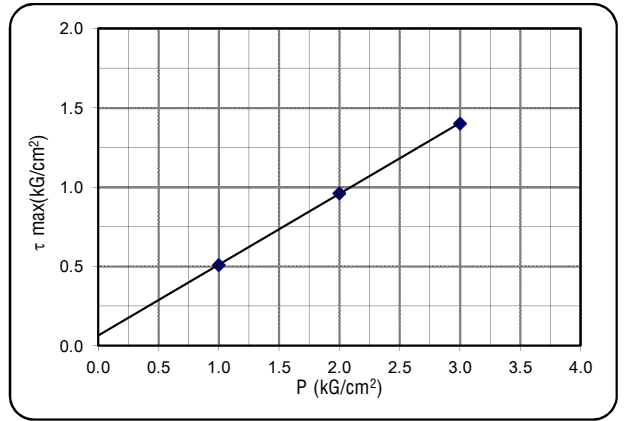
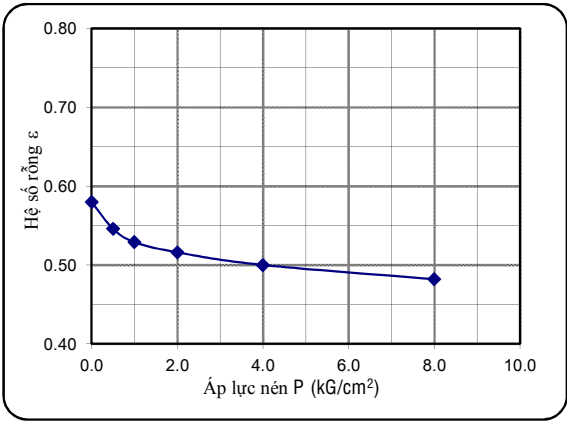
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.1	72.2	91.2	116.0	143.0
Δh_m	(0.01mm)	7.5	7.5	11.0	15.5	20.0
Δe_n	-	0.034	0.051	0.064	0.080	0.098
e_n		0.580	0.546	0.529	0.516	0.500
a	(cm ² /kG)	0.068	0.034	0.013	0.008	0.005
E_o	(kG/cm ²)	23.2	45.5	117.6	189.5	333.3

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)
1.00	32.5	0.508	
2.00	61.5	0.961	
3.00	89.6	1.400	

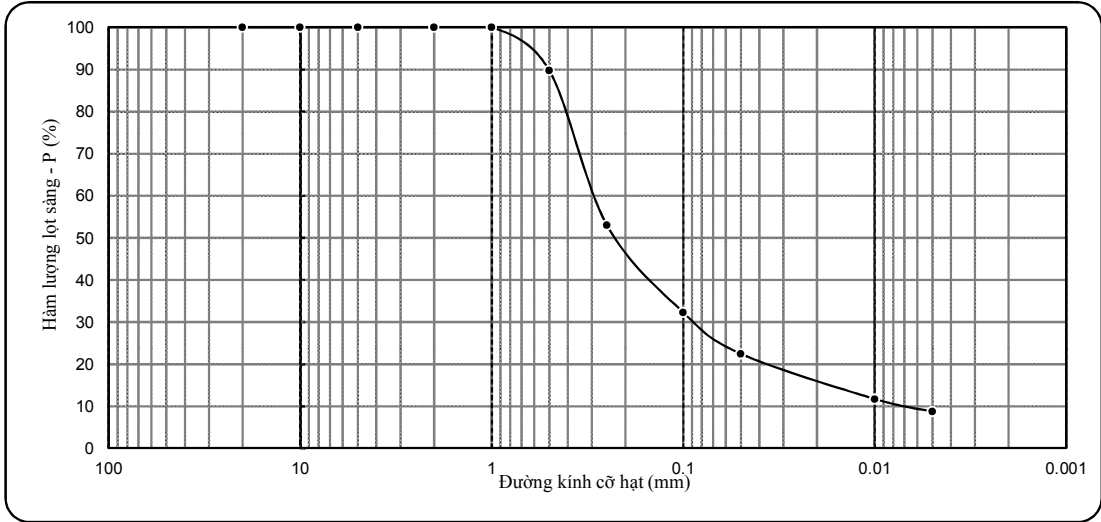
$\tan \phi = 0.446$
 $\phi = 24^{\circ}02'$
 $C = 0.064$ (kG/cm²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 109.3 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)					11.2	40.2	22.6			
Cấp hạt	SÔI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)					10.3	36.7	20.7	9.9	10.7	3.0	8.7
P hạt tích lũy lọt sàng(%)					100.0	89.7	53.0	32.3	22.4	11.7	8.7



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK3-10

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 19.8 - 20.0 m

- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á cát, màu nâu vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	20.45	1.96	1.63	86	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 10 -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 142

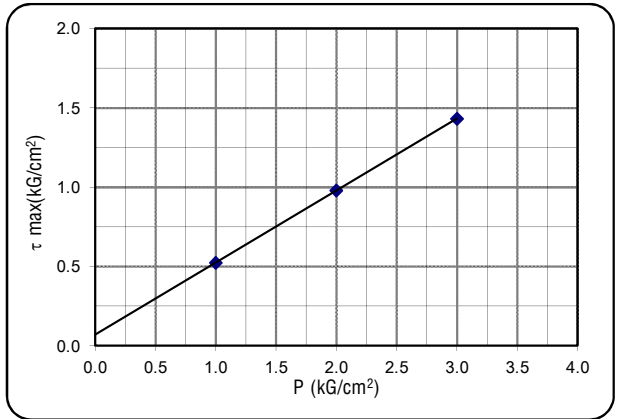
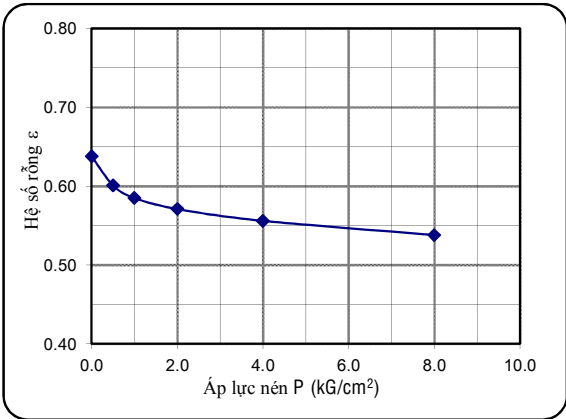
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	71.2	92.5	115.0	141.0
Δh_m	(0.01mm)	6.0	7.0	11.0	15.0	19.5
Δe_n	-	0.037	0.053	0.067	0.082	0.100
e_n	0.638	0.601	0.585	0.571	0.556	0.538
a	(cm ² /kG)	0.074	0.032	0.014	0.007	0.005
E_o	(kG/cm ²)	22.1	50.0	113.2	209.5	345.8

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)
1.00	33.5	0.524			
2.00	62.6	0.978			
3.00	91.6	1.432			

$\tan \phi = 0.454$
 $\phi = 24^{\circ}25'$
 $C = 0.070$ (kG/cm²)

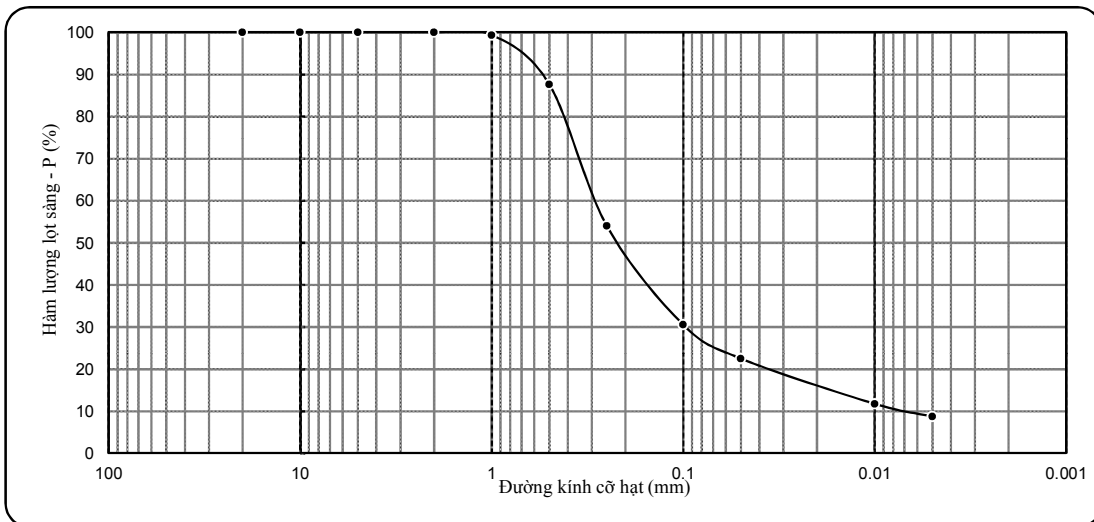


KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 109.1 (g)

- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)				0.7	12.8	36.7	25.6			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				0.7	11.7	33.6	23.5	8.1	10.8	3.0	8.7
P hạt tích lũy lọt sàng(%)				100.0	99.3	87.6	54.0	30.5	22.5	11.7	8.7



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK3-11

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 21.8 - 22.0 m

- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á cát, màu nâu vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	17.21	2.05	1.75	87	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 11 -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 141

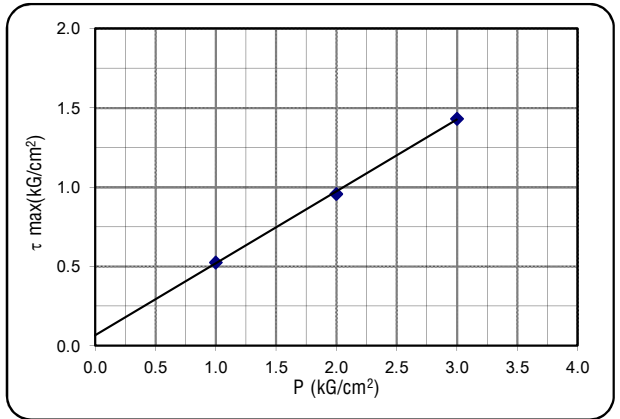
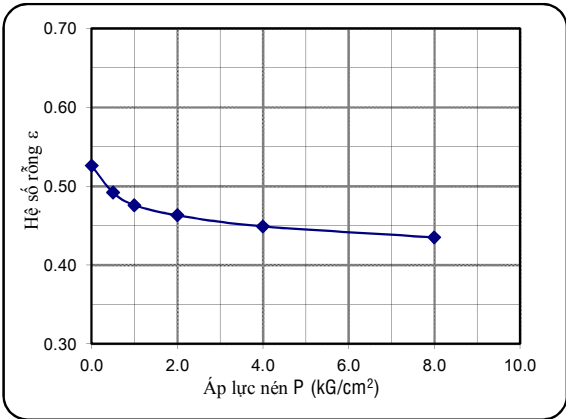
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.1	72.2	94.5	116.0	140.0
Δh_m	(0.01mm)	6.5	7.0	12.0	16.0	21.0
Δe_n	-	0.034	0.050	0.063	0.077	0.091
e_n	-	0.526	0.492	0.476	0.463	0.449
a	(cm ² /kG)	0.068	0.032	0.013	0.007	0.004
E_o	(kG/cm ²)	22.4	46.6	113.5	209.0	414.0

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)
1.00	33.6	0.525	
2.00	61.2	0.957	
3.00	91.6	1.432	

$\tan \phi = 0.453$
 $\phi = 24^{\circ}22'$
 $C = 0.065$ (kG/cm²)

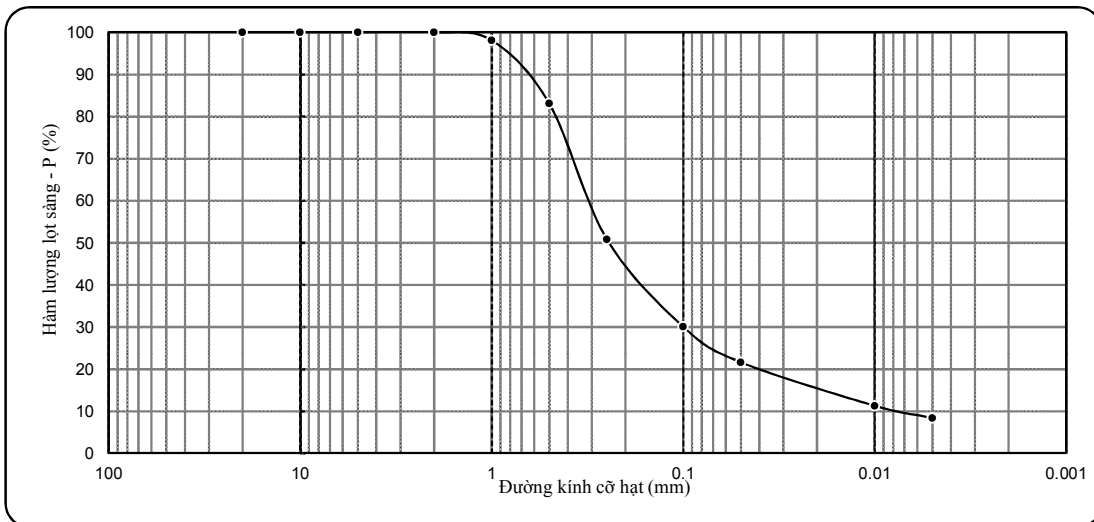


KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 113.5 (g)

- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)							-Khối lượng trên từng sàng (g)			
	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1	2.2	17.0	36.6	23.6
Cấp hạt	SỎI SẠN			CÁT				BỤI		SÉT	
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				1.9	15.0	32.3	20.7	8.5	10.3	2.9	8.4
P hạt tích lũy lọt sàng(%)				100.0	98.1	83.1	50.8	30.1	21.6	11.3	8.4



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK3-12 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 22.8 - 23.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu nâu vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	16.25	2.03	1.75	83	2.66				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

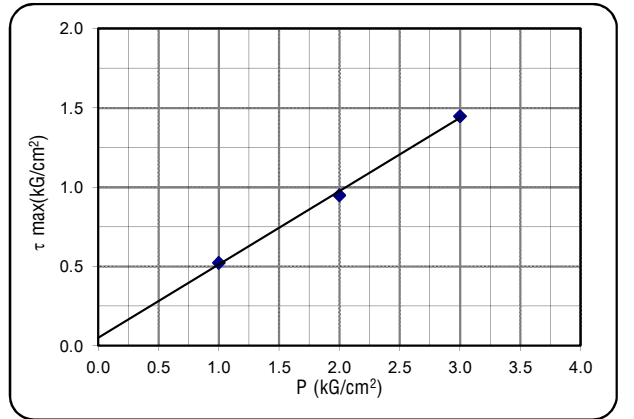
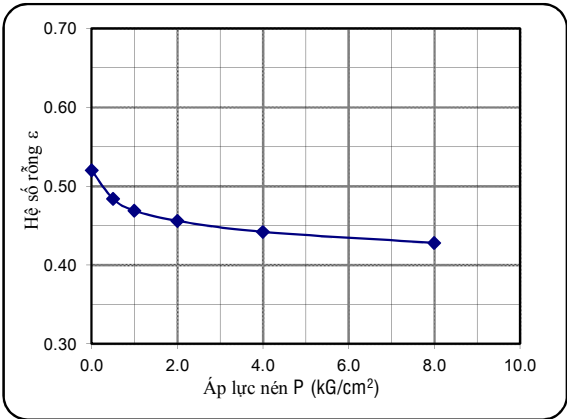
-Số hiệu máy: 12 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.014
 -Số đọc sau 24h: 140

P_n (kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n (0.01mm)	51.2	71.2	92.2	115.0	138.0
Δh_m (0.01mm)	5.0	5.5	9.0	13.5	18.5
Δe_n	0.036	0.051	0.064	0.078	0.092
e_n	0.520	0.484	0.469	0.456	0.428
a (cm ² /kG)	0.072	0.030	0.013	0.007	0.004
E_o (kG/cm ²)	21.1	49.5	113.0	208.0	412.0

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

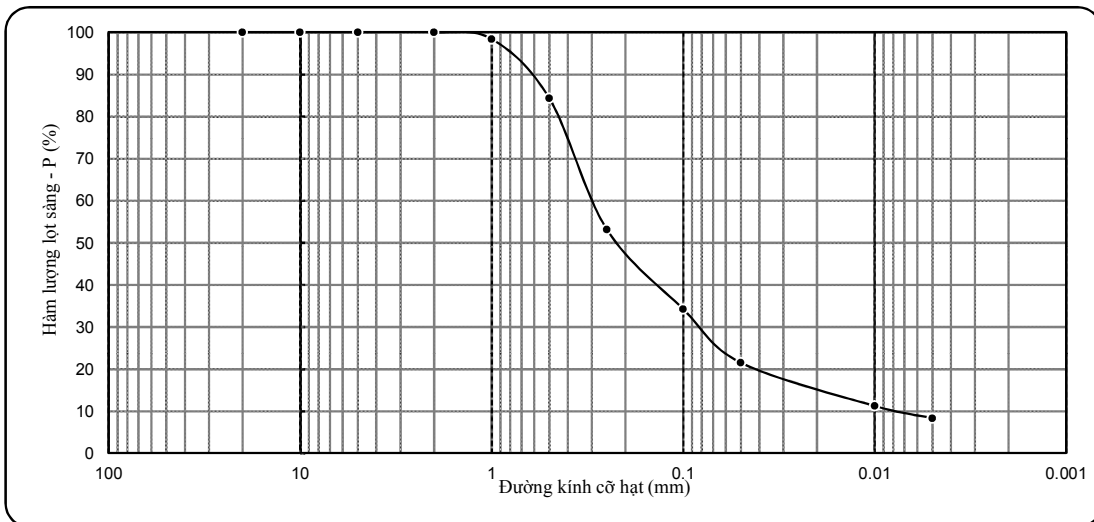
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.462$ $\phi = 24^{\circ}48'$ $C = 0.049$ (kG/cm ²)
1.00	33.5	0.524	
2.00	60.6	0.947	
3.00	92.6	1.447	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 114.1 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)				1.9	16.0	35.6	21.6			
Cấp hạt	SÔI SẠN			CÁT				BỤI	SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				1.6	14.0	31.2	18.9	12.7	10.3	2.9	8.3
P hạt tích lũy lọt sàng(%)				100.0	98.4	84.3	53.1	34.2	21.5	11.2	8.3



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK3-13

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 24.8 - 25.0 m

- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á cát, màu nâu vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	10.40	2.14	1.94	74	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

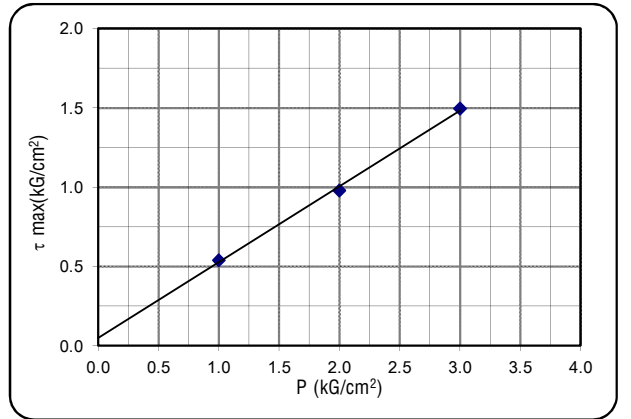
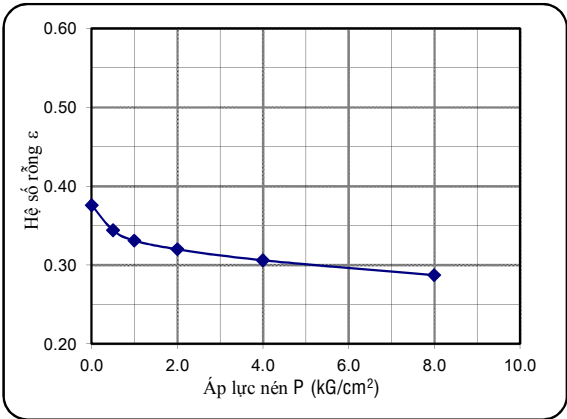
-Số hiệu máy: 13 -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh: 1.014
 -Số đọc sau 24h: 147

P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	71.2	91.2	115.0	145.0
Δh_m	(0.01mm)	5.5	6.5	10.5	14.5	17.5
Δe_n	-	0.032	0.045	0.056	0.070	0.089
e_n		0.376	0.344	0.331	0.320	0.306
a	(cm ² /kG)	0.064	0.026	0.011	0.007	0.005
E_o	(kG/cm ²)	21.5	51.7	121.0	188.6	274.9

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi = 0.477$ $\phi = 25^{\circ}30'$ $C = 0.049$ (kG/cm ²)
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
1.00	34.5	0.539	
2.00	62.6	0.978	
3.00	95.6	1.494	

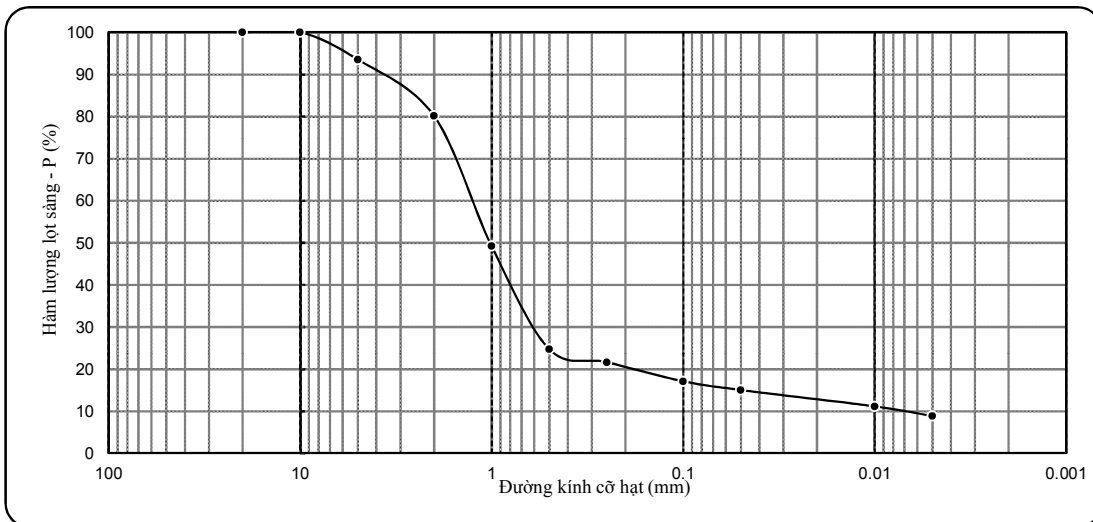


KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 126.2 (g)

- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)		8.2	16.9	39.1	30.9	4.0	5.7			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT				BỤI			SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)		6.5	13.4	30.9	24.5	3.1	4.5	2.1	3.9	2.3	8.8
P hạt tích lũy lọt sàng(%)		100.0	93.5	80.1	49.2	24.7	21.6	17.1	15.0	11.1	8.8



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK4-1

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 1.8 - 2.0 m

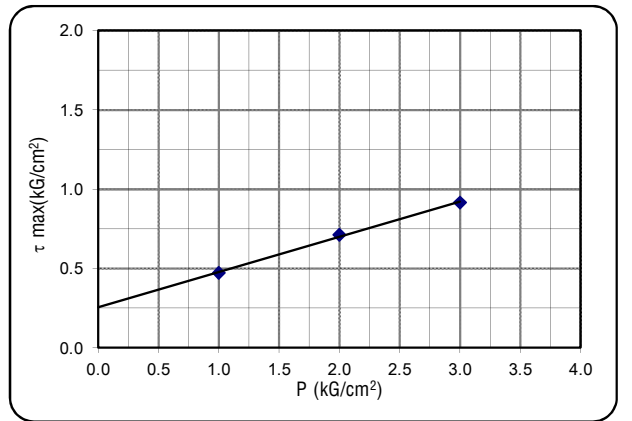
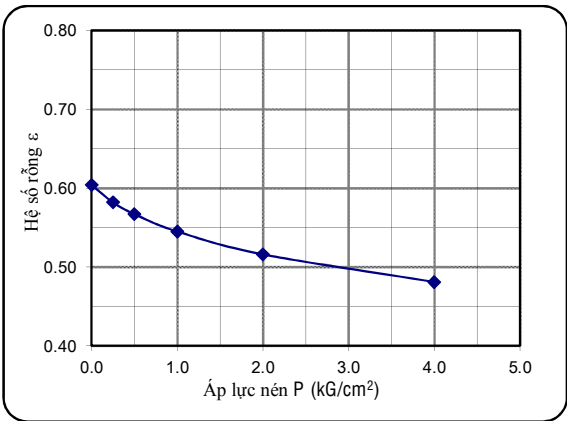
- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á Sét, màu xám vàng - nâu vàng, trạng thái dẻo cứng

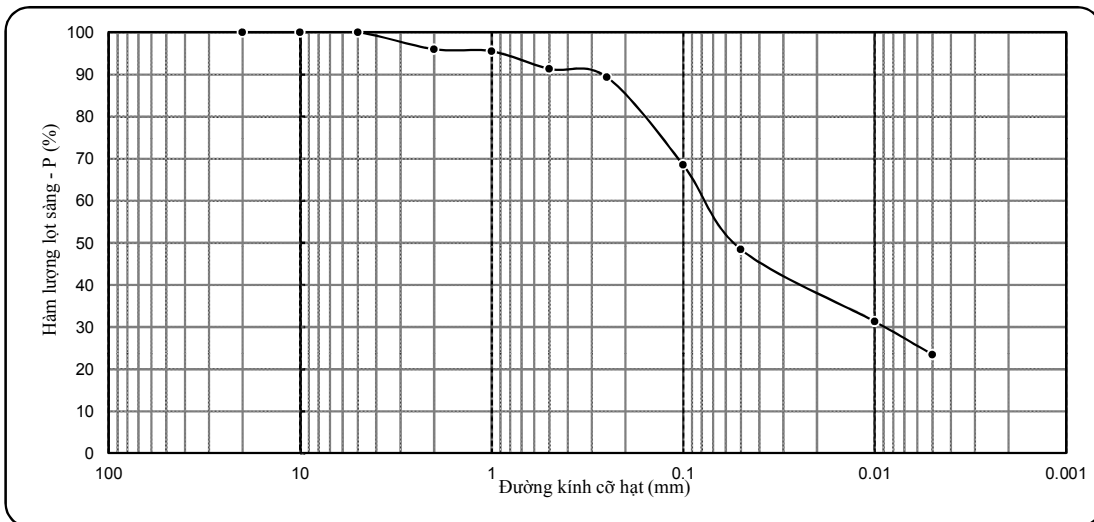
Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	20.06	2.03	1.69	90	2.71	31.6	15.5	16.1	0.28

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN						
-Số hiệu máy: 1		-Chiều cao mẫu h_0 : 20mm				
-Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa		-Hệ số hiệu chỉnh: 1.012				
		-Số đọc sau 24h: 170				
P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00	
Δh_n (0.01mm)	33.0	52.0	81.0	120.0	168.0	
Δh_m (0.01mm)	5.5	7.0	8.5	12.0	17.0	
Δe_n	0.022	0.037	0.059	0.088	0.123	
e_n	0.604	0.582	0.567	0.545	0.516	
a (cm ² /kG)	0.088	0.060	0.044	0.029	0.018	
E_i (kG/cm ²)	18.2	26.4	35.6	53.3	86.6	

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG			
-Kiểu cắt: Ứng biến			
-Phương pháp cắt: Cắt nhanh, bão hòa nước			
-Hệ số vòng ứng biến: 0.01563			
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	
1.00	30.2	0.472	$\tan \phi = 0.222$ $\phi = 12\text{o}31'$ $C = 0.256 \text{ (kG/cm}^2\text{)}$
2.00	45.5	0.711	
3.00	58.6	0.916	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT		- Khối lượng đất dùng TN: 35.5 (g)								- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)	
* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)		-Đường kính mặt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1		
		-Khối lượng trên từng sàng (g)			1.4	0.2	1.5	0.7	7.4		
Cấp hạt		SỎI SẠC	CÁT				BỤI		SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)			4.1	0.5	4.2	2.0	20.8	20.1	17.1	7.8	23.4
P hạt tích lũy lọt sàng (%)			100.0	95.9	95.5	91.3	89.3	68.5	48.4	31.3	23.4



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
- Tên mẫu: HK4-2 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
- Độ sâu: 3.8 - 4.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
- Mô tả đất: Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu nâu đỏ, trạng thái nửa cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	24.66	1.98	1.59	92	2.76	37.8	22.7	15.1	0.13

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: -Chiều cao mẫu h_0 :

-Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh:

-Số đọc sau 24h:

P_n	(kG/cm ²)				
Δh_n	(0.01mm)				
Δh_m	(0.01mm)				
Δe_n	-				
e_n					
a	(cm ² /kG)				
E_i	(kG/cm ²)				

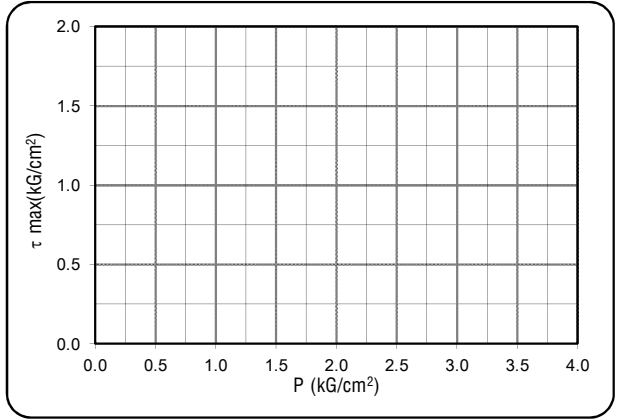
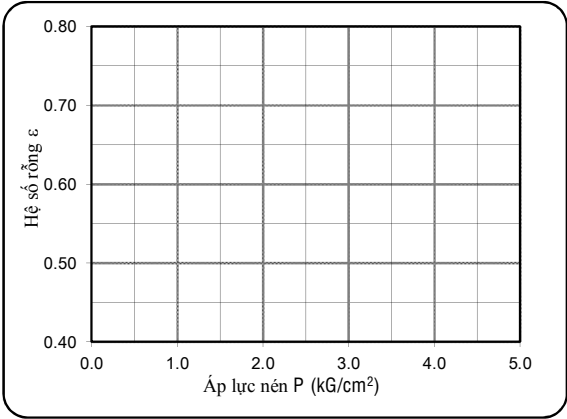
KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến

-Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước

-Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

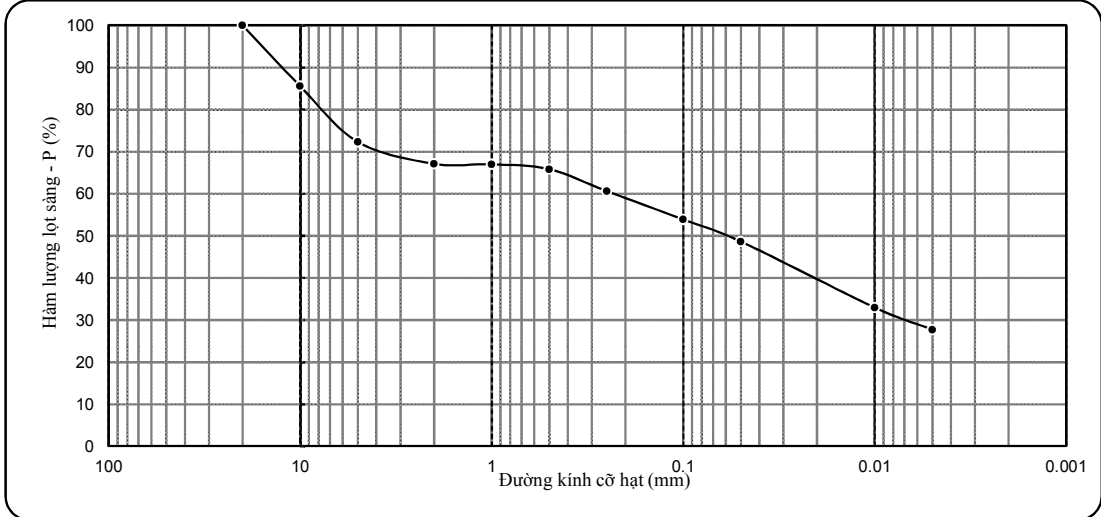
Áp lực nén, P_n	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)	$\tan \phi =$
				$\phi =$
				C = (kG/cm ²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 38.4 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)		5.6	5.1	2.0	0.1	0.4	2.0	2.6			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI		SÉT				
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)	14.4	13.3	5.2	0.1	1.1	5.2	6.7	5.2	15.7	5.2	27.7
P hạt tích lũy lọt sàng (%)	100	85.6	72.3	67.1	66.9	65.8	60.6	53.9	48.6	32.9	27.7



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK4-3 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 5.8 - 6.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu nâu đỏ, trạng thái nửa cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	21.35	2.01	1.66	89	2.76	36.9	20.1	16.8	0.07

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: -Chiều cao mẫu h_0 :
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh:
 -Số đọc sau 24h:

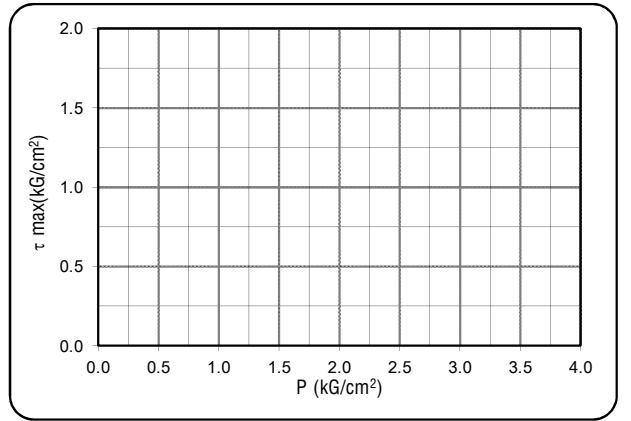
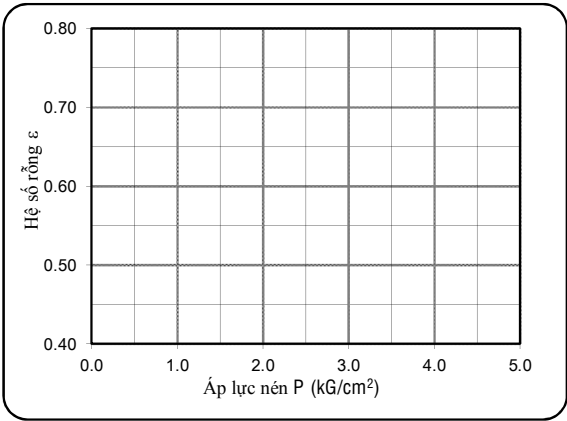
P_n	(kG/cm ²)				
Δh_n	(0.01mm)				
Δh_m	(0.01mm)				
Δe_n	-				
e_n					
a	(cm ² /kG)				
E_i	(kG/cm ²)				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)

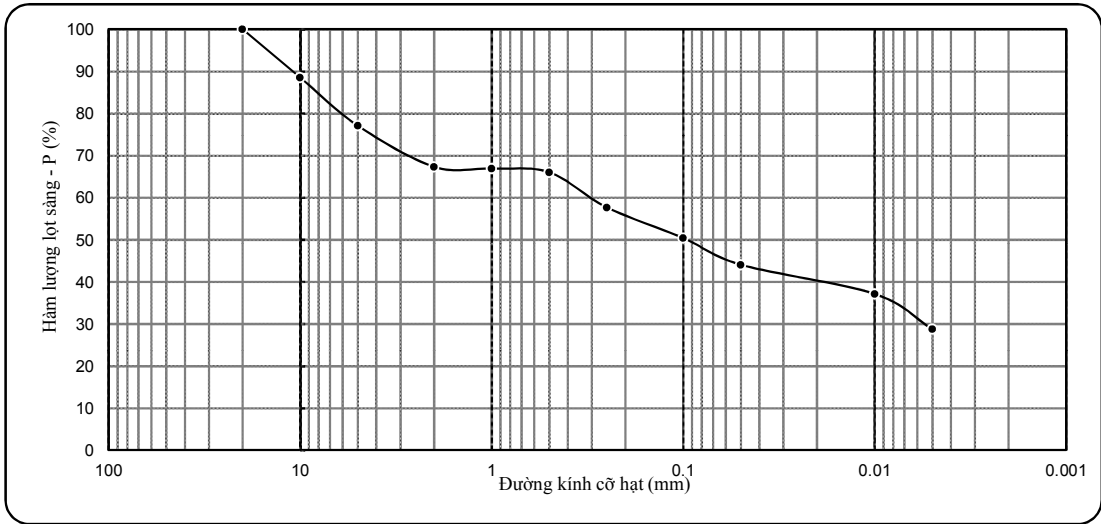
$\tan \phi =$
 $\phi =$
 $C =$ (kG/cm²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 47.1 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)		5.4	5.4	4.6	0.2	0.4	3.9	3.4			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)	11.5	11.5	9.8	0.4	0.9	8.3	7.3	6.3	6.9	8.4	28.7
P hạt tích lũy lọt sàng (%)	100	88.5	77.1	67.3	66.9	66.0	57.7	50.4	44.1	37.1	28.7



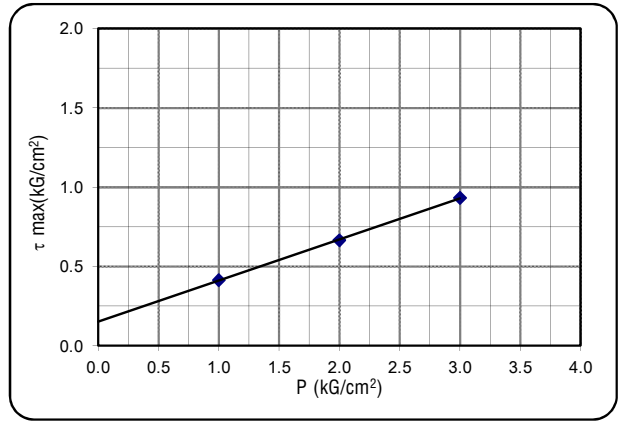
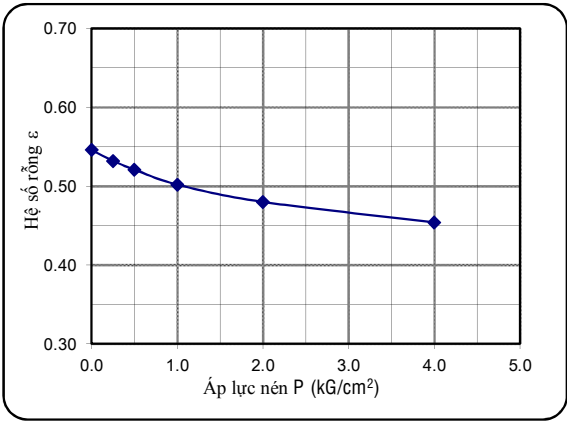
KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK4-4 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 7.8 - 8.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu nâu đỏ - xám trắng, trạng thái dẻo cứng

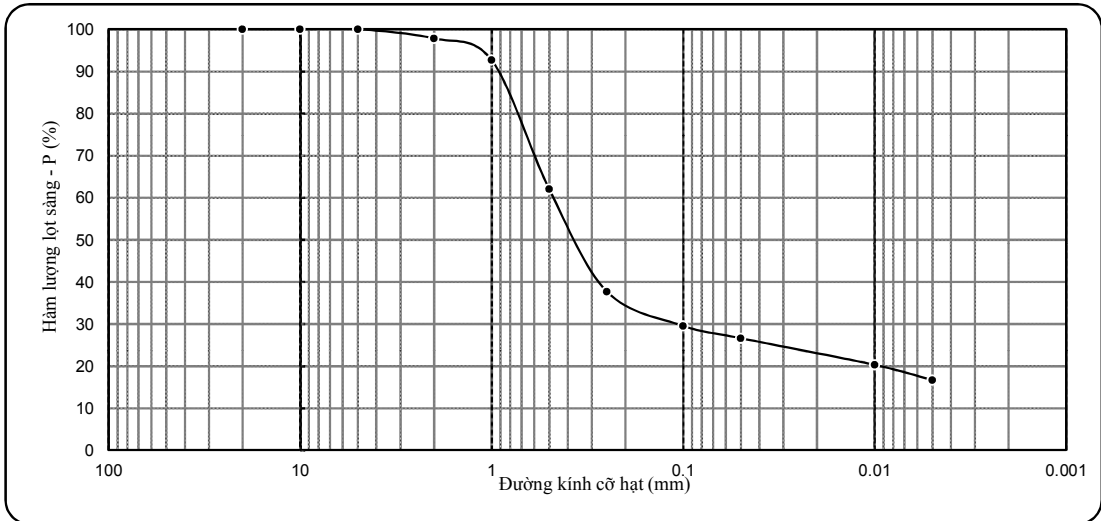
Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	18.85	2.07	1.74	93	2.69	25.2	14.7	10.5	0.40

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN						
-Số hiệu máy: 4		-Chiều cao mẫu h_0 : 20mm				
-Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa		-Hệ số hiệu chỉnh: 1.015				
		-Số đọc sau 24h: 136				
P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00	
Δh_n (0.01mm)	23.0	39.0	65.0	96.5	134.0	
Δh_m (0.01mm)	5.0	6.5	8.5	12.5	17.0	
Δe_n	0.014	0.025	0.044	0.066	0.092	
e_n	0.546	0.532	0.521	0.502	0.480	0.454
a (cm ² /kG)	0.056	0.044	0.038	0.022	0.013	
E_i (kG/cm ²)	27.6	34.8	40.0	68.3	113.8	

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG			
-Kiểu cắt: Ứng biến			
-Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước			
-Hệ số vòng ứng biến: 0.01563			
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	
1.00	26.5	0.414	$\tan \phi = 0.259$ $\phi = 14o31'$ $C = 0.153$ (kG/cm ²)
2.00	42.5	0.664	
3.00	59.6	0.932	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT		- Khối lượng đất dùng TN: 79.1 (g)	- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)
* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)		-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0 5.0 2.0 1.0 0.5 0.25 0.1
		-Khối lượng trên từng sàng (g)	1.7 4.1 24.2 19.2 6.5
Cấp hạt	SỎI SẠCH		CÁT
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5 5-2 2-1 1-0.5	0.5-0.25 0.25-0.1 0.1-0.05 0.05-0.01 0.01-0.005 <0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)		2.2 5.1 30.6	24.3 8.2 2.9 6.3 3.6 16.7
P hạt tích lũy lọt sàng(%)		100.0 97.8 92.7	62.0 37.7 29.5 26.6 20.3 16.7



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK4-5 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 9.8 - 10.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét lẫn sỏi sạn TA, màu xám vàng, trạng thái dẻo cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	14.88	2.10	1.83	85	2.69	23.1	12.0	11.1	0.26

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

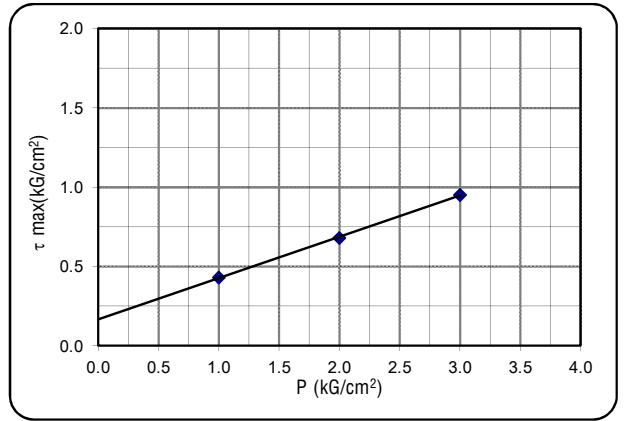
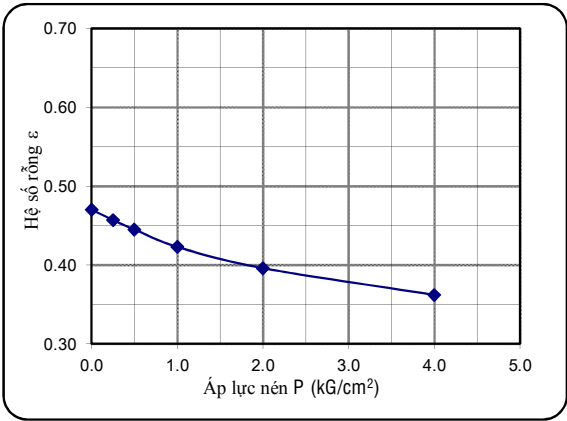
-Số hiệu máy: 5 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.013
 -Số đọc sau 24h: 162

P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	21.5	40.0	68.5	110.0	160.0
Δh_m (0.01mm)	4.5	6.0	6.0	10.5	15.0
Δe_n	0.013	0.025	0.047	0.074	0.108
e_n	0.470	0.457	0.445	0.423	0.396
a (cm ² /kG)	0.052	0.048	0.044	0.027	0.017
E_i (kG/cm ²)	28.3	30.4	32.8	52.7	82.1

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

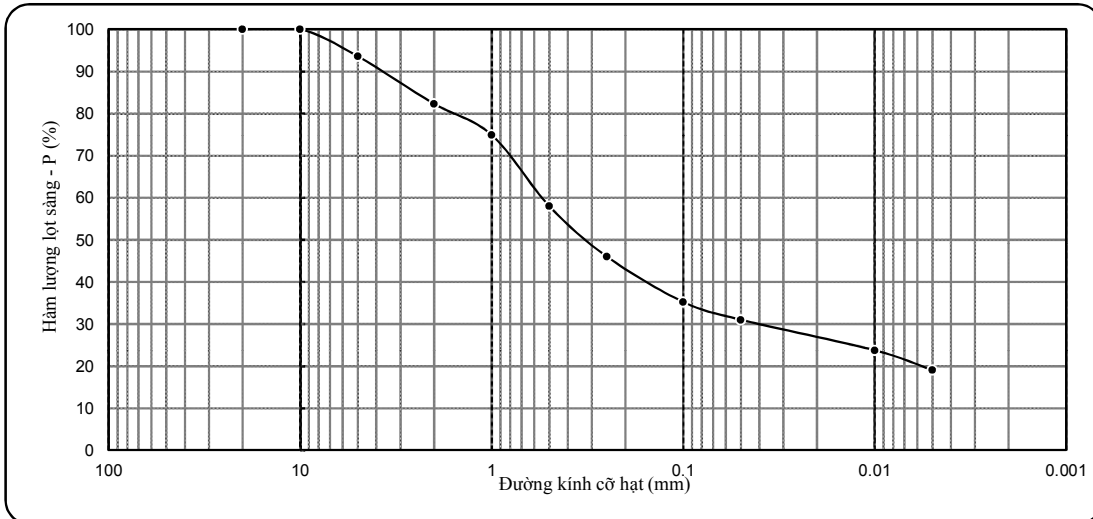
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.26$ $\phi = 14^{\circ}34'$ $C = 0.166$ (kG/cm ²)
1.00	27.5	0.430	
2.00	43.5	0.680	
3.00	60.8	0.950	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 92.6 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mặt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)			6.0	10.4	6.9	15.7	11.1	10.0			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT				BỤI		SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)		6.4	11.3	7.4	16.9	12.0	10.8	4.2	7.3	4.7	19.1
P hạt tích lũy lọt sàng (%)		100.0	93.6	82.3	74.9	58.0	46.0	35.2	31.0	23.7	19.1



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK4-6 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 11.8 - 12.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	17.76	2.02	1.72	86	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 6 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 142

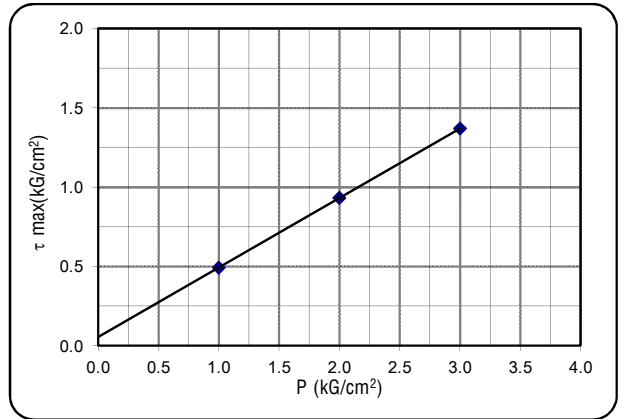
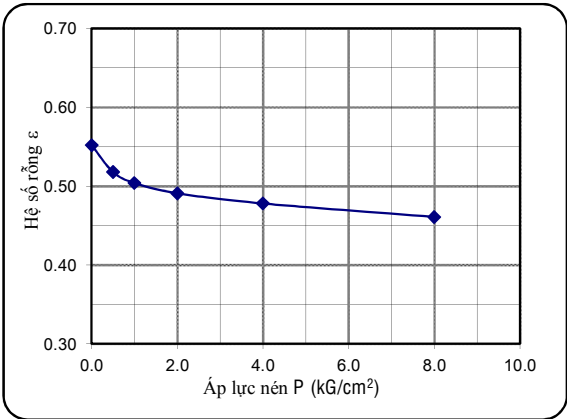
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.1	71.2	92.2	115.0	141.0
Δh_m	(0.01mm)	7.0	9.5	14.5	20.0	25.0
Δe_n	-	0.034	0.048	0.061	0.074	0.091
e_n	-	0.552	0.518	0.504	0.491	0.478
a	(cm ² /kG)	0.068	0.028	0.013	0.007	0.004
E_o	(kG/cm ²)	22.8	54.2	115.7	229.4	347.8

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)
1.00	31.5	0.492			
2.00	59.6	0.932			
3.00	87.6	1.369			

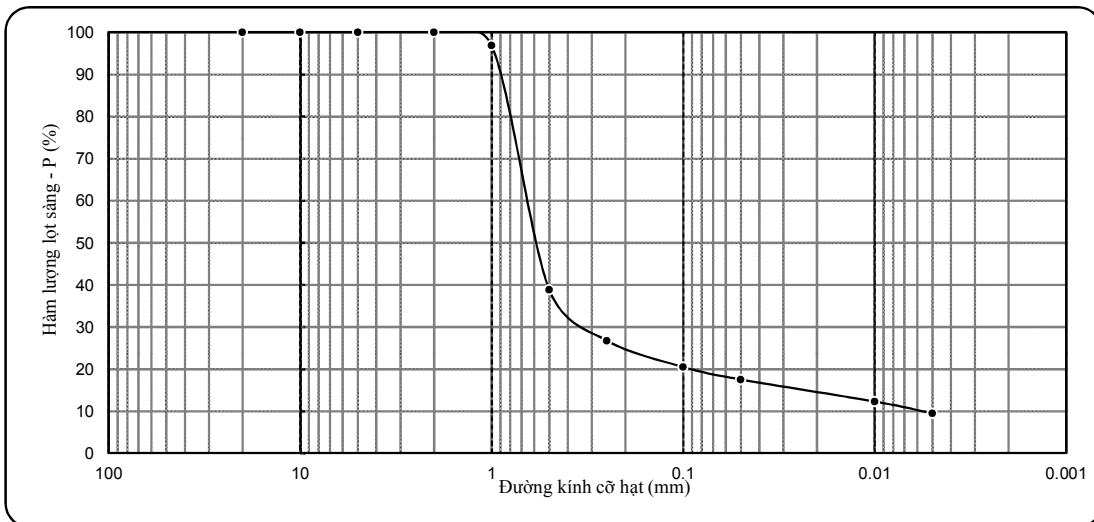
$\tan \phi = 0.438$
 $\phi = 23^{\circ}39'$
 $C = 0.054$ (kG/cm²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 117.5 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)				3.7	68.2	14.2	7.4			
Cấp hạt	SÔI SẠN	CÁT				BỤI			SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				3.1	58.0	12.1	6.3	3.0	5.2	2.8	9.5
P hạt tích lũy lọt sàng(%)				100.0	96.9	38.8	26.7	20.5	17.5	12.3	9.5



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK4-7 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 13.8 - 14.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	15.30	2.04	1.77	80	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 7 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 144

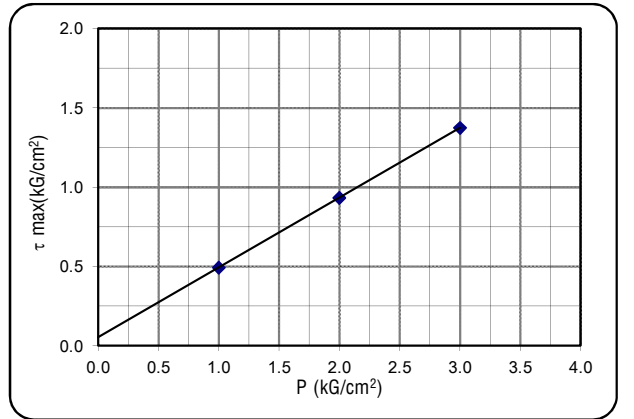
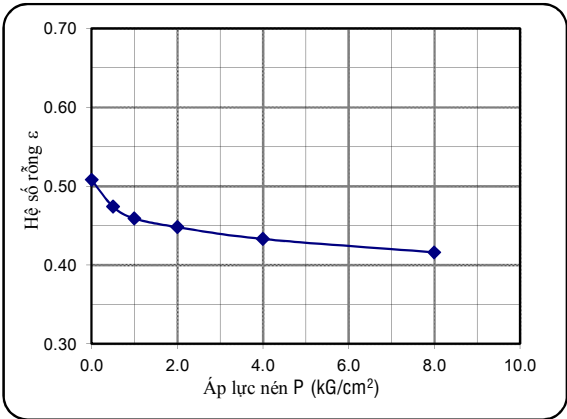
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	72.2	91.5	116.0	143.0
Δh_m	(0.01mm)	6.0	8.0	12.0	17.0	22.0
Δe_n	-	0.034	0.049	0.060	0.075	0.092
e_n		0.508	0.474	0.459	0.448	0.433
a	(cm ² /kG)	0.068	0.030	0.011	0.008	0.004
E_o	(kG/cm ²)	22.2	49.1	132.6	193.1	337.2

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)
1.00	31.5	0.492	
2.00	59.6	0.932	
3.00	87.8	1.372	

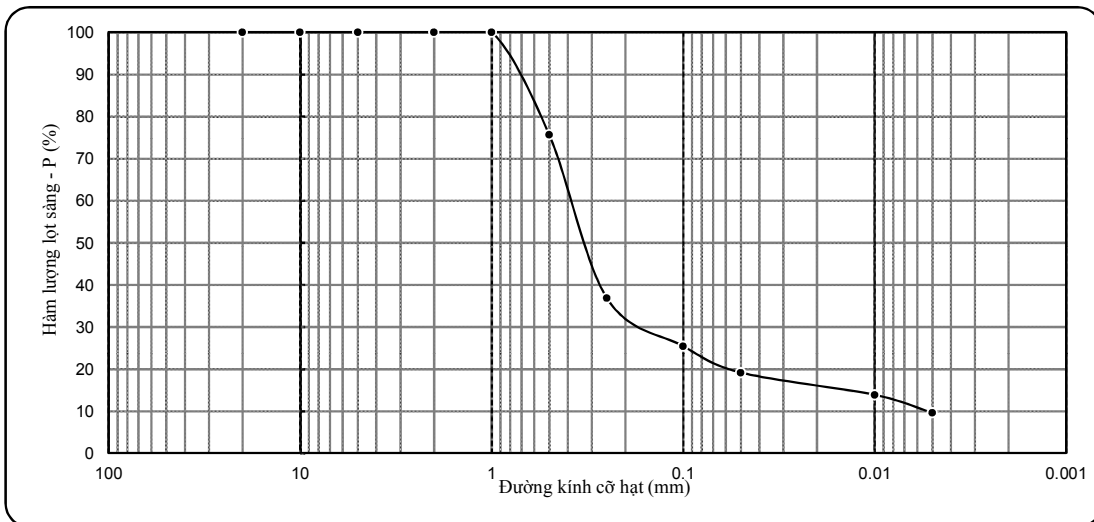
$\tan \phi = 0.44$
 $\phi = 23^{\circ}45'$
 $C = 0.052$ (kG/cm²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 116.0 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)					28.3	45.0	13.2			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)					24.4	38.8	11.4	6.3	5.3	4.2	9.6
P hạt tích lũy lọt sàng (%)					100.0	75.6	36.8	25.4	19.1	13.8	9.6



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK4-8 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 15.8 - 16.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	15.47	2.05	1.78	83	2.66				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

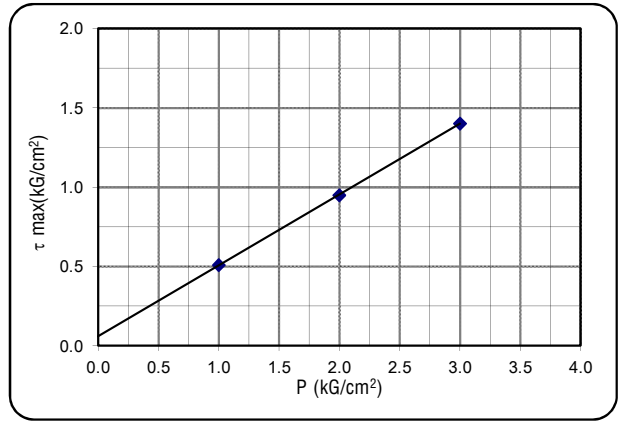
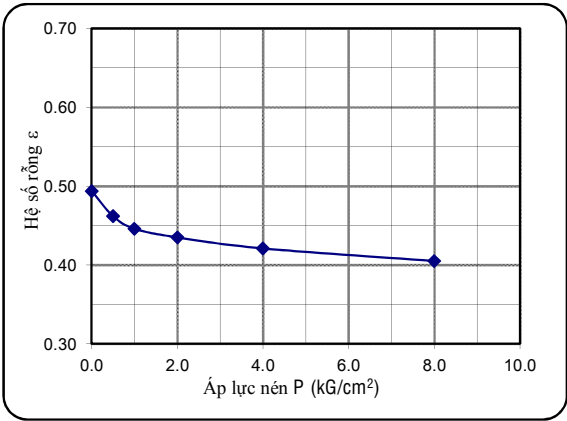
-Số hiệu máy: 8 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 143

P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.1	71.2	91.2	115.0	142.0
Δh_m	(0.01mm)	7.5	8.0	12.5	18.0	23.5
Δe_n	-	0.032	0.048	0.059	0.073	0.089
e_n		0.494	0.462	0.446	0.435	0.421
a	(cm ² /kG)	0.064	0.032	0.011	0.007	0.004
E_o	(kG/cm ²)	23.3	45.7	131.5	205.0	355.3

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

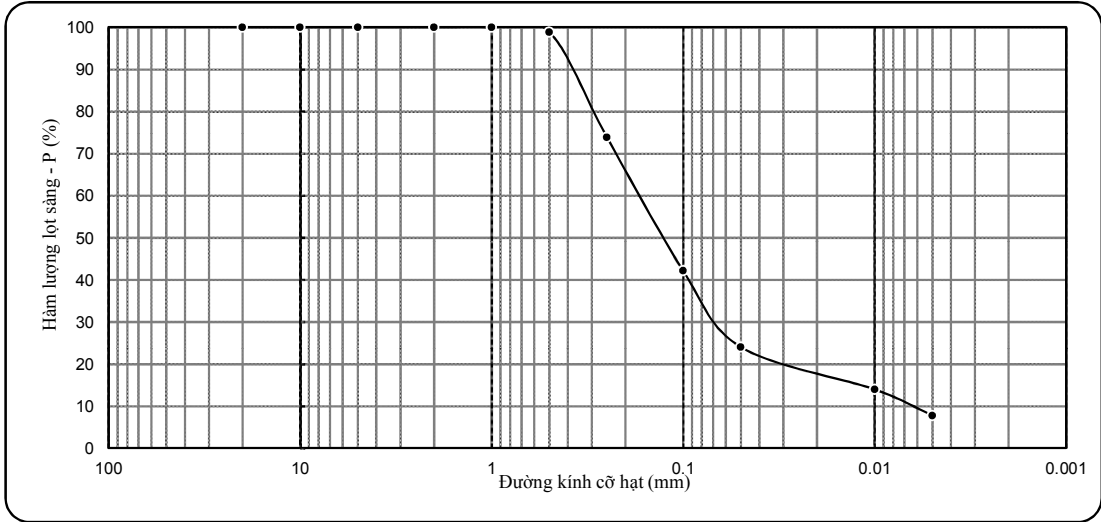
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi = 0.446$ $\phi = 24^{\circ}02'$ $C = 0.059$ (kG/cm ²)
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
1.00	32.5	0.508	
2.00	60.6	0.947	
3.00	89.6	1.400	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 109.2 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)					1.3	27.3	34.7			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT				BỤI			SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)					1.2	24.9	31.7	18.1	10.1	6.2	7.8
P hạt tích lũy lọt sàng(%)					100.0	98.8	73.9	42.2	24.0	14.0	7.8



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK4-9 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 17.8 - 18.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	23.60	1.94	1.57	90	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 9 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 142

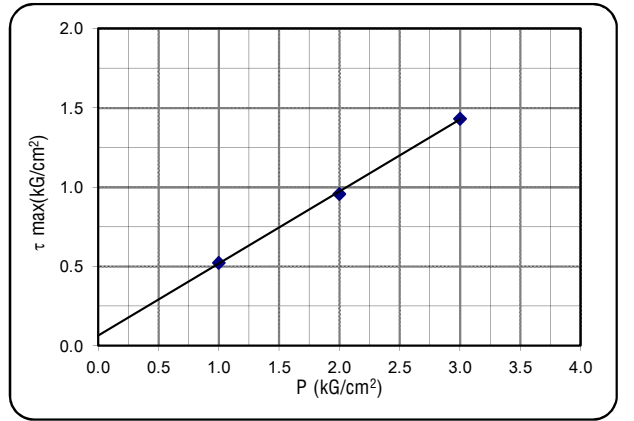
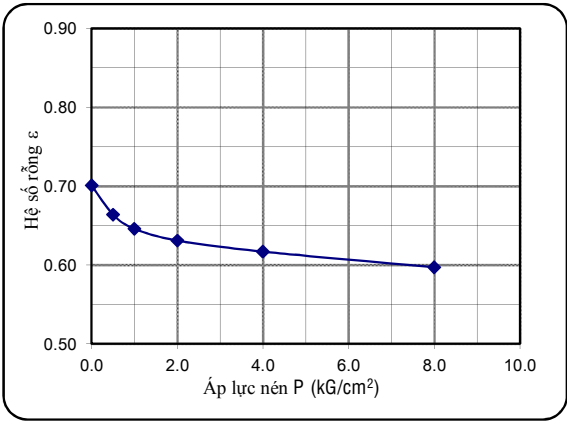
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	72.2	92.6	113.0	141.0
Δh_m	(0.01mm)	7.5	7.5	11.0	15.5	20.0
Δe_n	-	0.037	0.055	0.070	0.084	0.104
e_n	0.701	0.664	0.646	0.631	0.617	0.597
a	(cm ² /kG)	0.074	0.036	0.015	0.007	0.005
E_o	(kG/cm ²)	23.0	46.2	109.7	233.0	323.4

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc ($vạch$)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)
1.00	33.5	0.524	
2.00	61.2	0.957	
3.00	91.6	1.432	

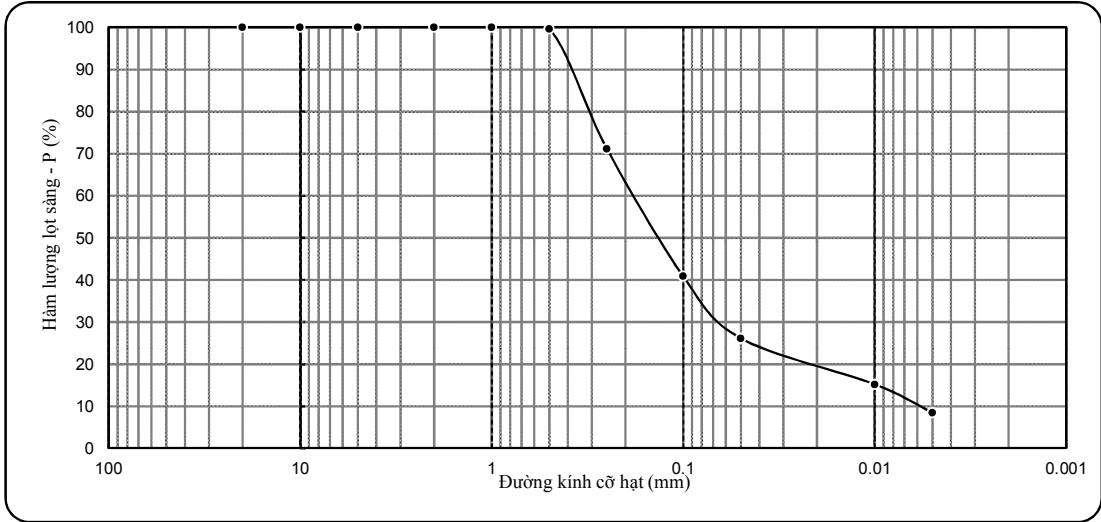
$\tan \phi = 0.454$
 $\phi = 24^{\circ}25'$
 $C = 0.063$ (kG/cm²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 100.5 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)					0.4	28.6	30.4			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)					0.4	28.5	30.3	14.8	10.9	6.7	8.5
P hạt tích lũy lọt sàng(%)					100.0	99.6	71.2	40.9	26.1	15.2	8.5



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK4-10 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 19.8 - 20.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	24.20	1.92	1.55	89	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 10 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.014
 -Số đọc sau 24h: 147

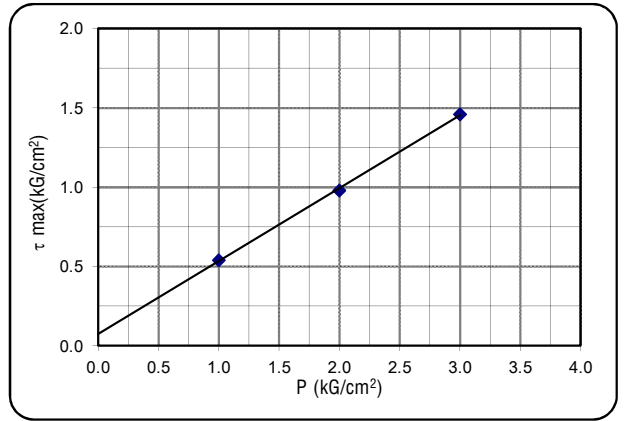
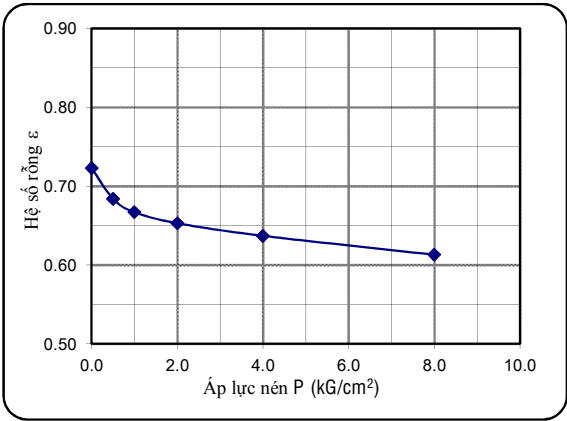
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.1	71.2	91.2	113.0	145.0
Δh_m	(0.01mm)	6.0	7.0	11.0	15.0	19.5
Δe_n	-	0.039	0.056	0.070	0.086	0.110
e_n	-	0.723	0.684	0.667	0.653	0.613
a	(cm ² /kG)	0.078	0.034	0.014	0.008	0.006
E_o	(kG/cm ²)	22.1	49.5	119.1	206.6	272.8

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)
1.00	34.5	0.539	
2.00	62.6	0.978	
3.00	93.3	1.458	

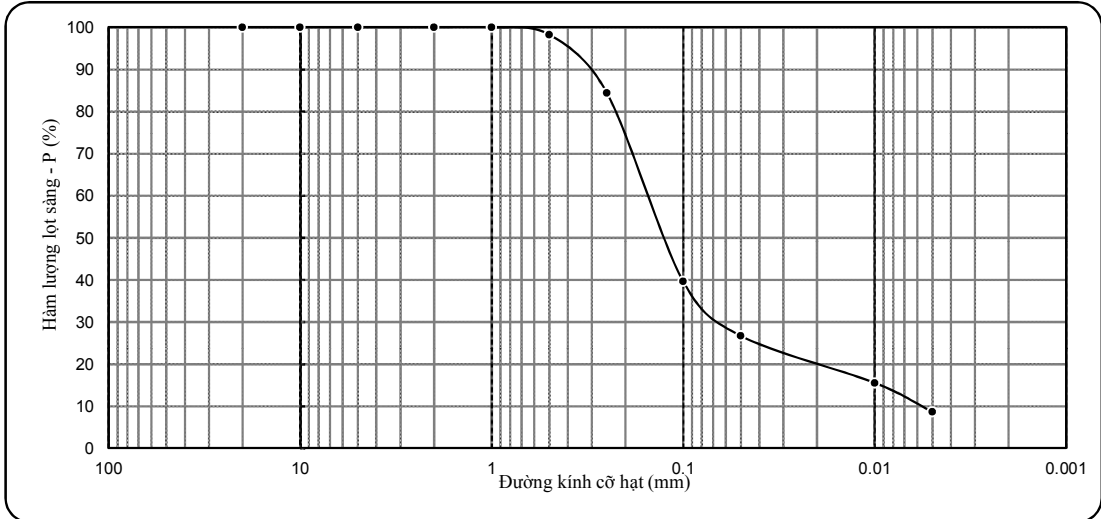
$\tan \phi = 0.459$
 $\phi = 24^{\circ}39'$
 $C = 0.073$ (kG/cm²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 98.2 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)					1.7	13.6	43.9			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT				BỤI			SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)					1.8	13.8	44.7	13.0	11.2	6.9	8.7
P hạt tích lũy lọt sàng(%)					100.0	98.2	84.4	39.7	26.7	15.5	8.7



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK4-11 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 21.8 - 22.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	19.47	2.02	1.69	90	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 11 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 143

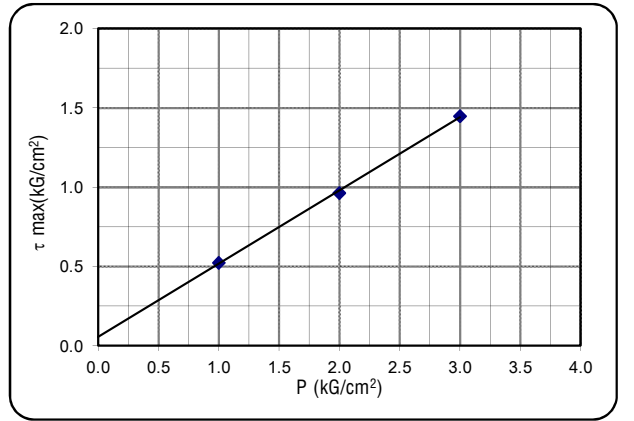
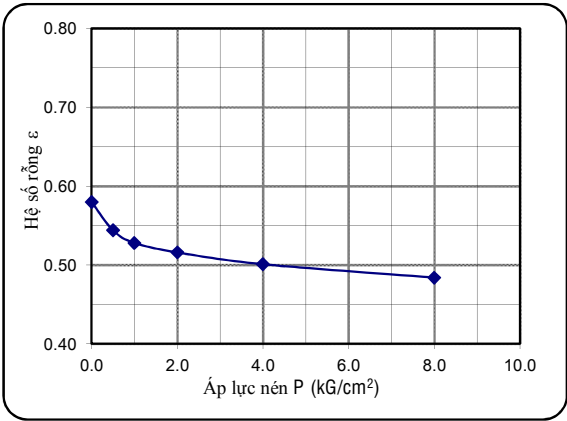
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	72.2	92.6	115.0	142.0
Δh_m	(0.01mm)	6.5	7.0	12.0	16.0	21.0
Δe_n	-	0.036	0.052	0.064	0.079	0.096
e_n		0.580	0.544	0.528	0.516	0.501
a	(cm ² /kG)	0.072	0.032	0.012	0.008	0.004
E_o	(kG/cm ²)	21.9	48.3	127.3	202.1	353.2

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc ($vạch$)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)
1.00	33.5	0.524	
2.00	61.6	0.963	
3.00	92.6	1.447	

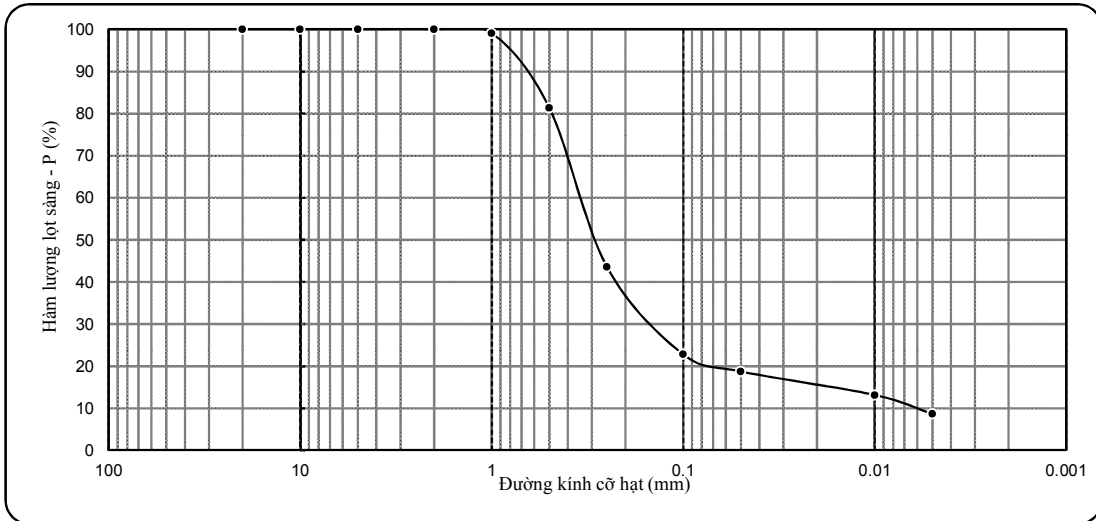
$\tan \phi = 0.462$
 $\phi = 24^{\circ}48'$
 $C = 0.054$ (kG/cm²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 110.0 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)				1.1	19.4	41.6	22.9			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				1.0	17.7	37.8	20.8	4.1	5.6	4.5	8.6
P hạt tích lũy lọt sàng(%)				100.0	99.0	81.3	43.6	22.8	18.7	13.1	8.6



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK4-12

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 23.8 - 24.0 m

- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	9.74	2.13	1.94	71	2.65				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

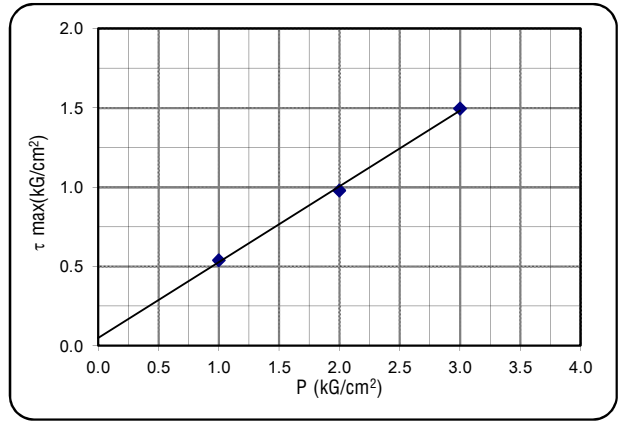
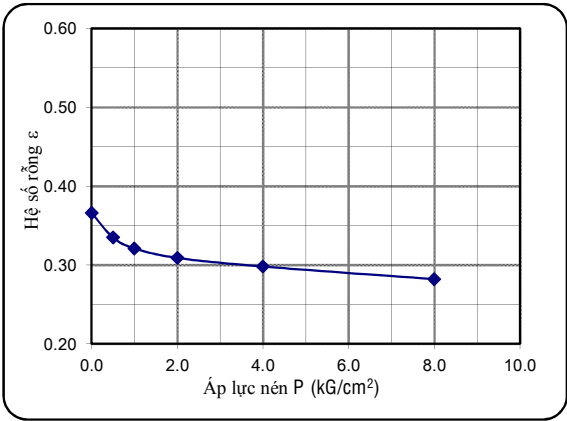
-Số hiệu máy: **12** -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: **142**

P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.2	71.2	91.2	113.0	141.0
Δh_m	(0.01mm)	5.0	5.5	9.0	13.5	18.5
Δe_n	-	0.031	0.045	0.057	0.068	0.084
e_n	0.366	0.335	0.321	0.309	0.298	0.282
a	(cm ² /kG)	0.062	0.028	0.012	0.006	0.004
E_o	(kG/cm ²)	22.0	47.7	110.1	238.0	324.5

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi = 0.477$ $\phi = 25^{\circ}30'$ $C = 0.049$ (kG/cm ²)
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
1.00	34.5	0.539	
2.00	62.6	0.978	
3.00	95.6	1.494	

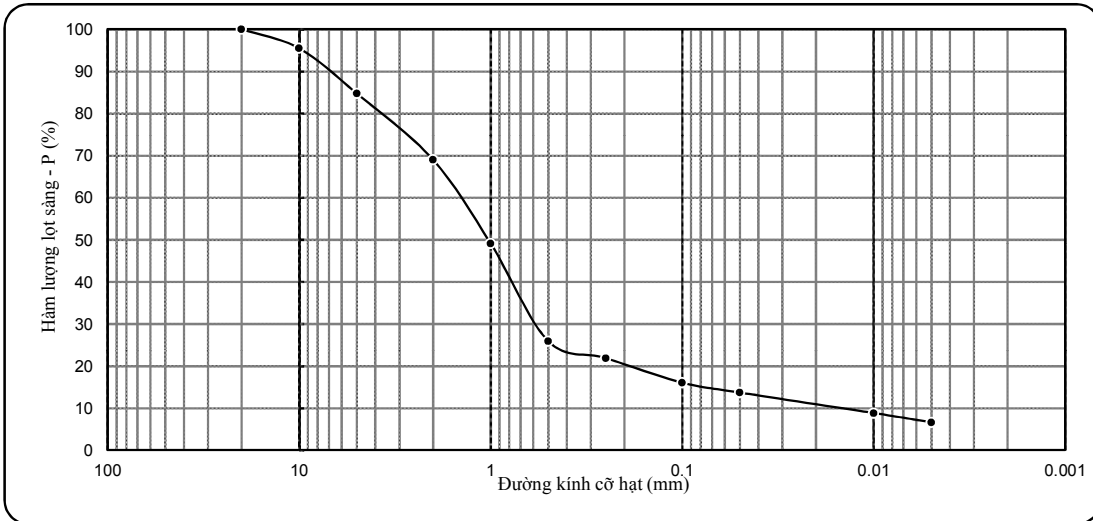


KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 126.6 (g)

- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)	5.8	13.6	19.9	25.2	29.4	5.2	7.4			
Cấp hạt	SỎI SẠN			CÁT				BỤI		SÉT	
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)	4.5	10.7	15.7	19.9	23.2	4.1	5.8	2.3	4.9	2.2	6.6
P hạt tích lũy lọt sàng(%)	100	95.5	84.8	69.0	49.1	25.9	21.8	16.0	13.7	8.8	6.6



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK5-1 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 1.5 - 2.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu xám đen - xám tro, trạng thái dẻo mềm

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	18.16	1.97	1.67	79	2.71	22.1	13.6	8.5	0.54

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

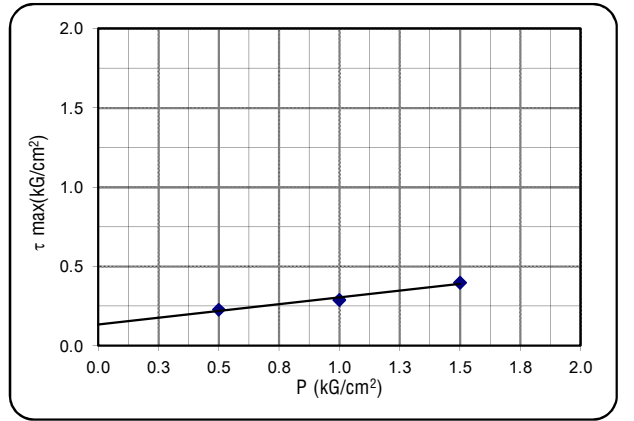
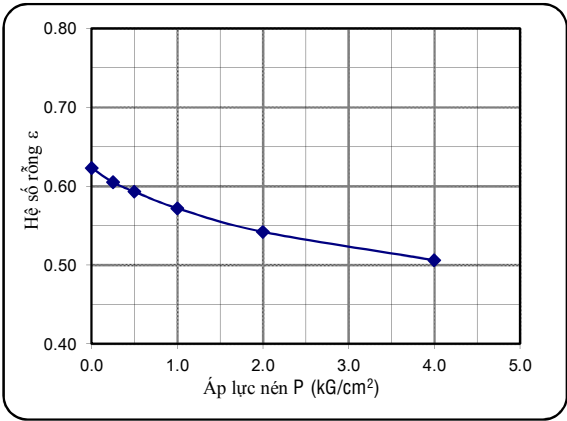
-Số hiệu máy: 1 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.006
 -Số đọc sau 24h: 161

P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	28.0	44.0	71.0	111.0	160.0
Δh_m (0.01mm)	5.5	7.0	8.5	12.0	17.0
Δe_n	0.018	0.030	0.051	0.081	0.117
e_n	0.623	0.605	0.593	0.572	0.506
a (cm ² /kG)	0.072	0.048	0.042	0.030	0.018
E_o (kG/cm ²)	22.5	33.4	37.9	52.4	85.7

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh, bão hòa nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

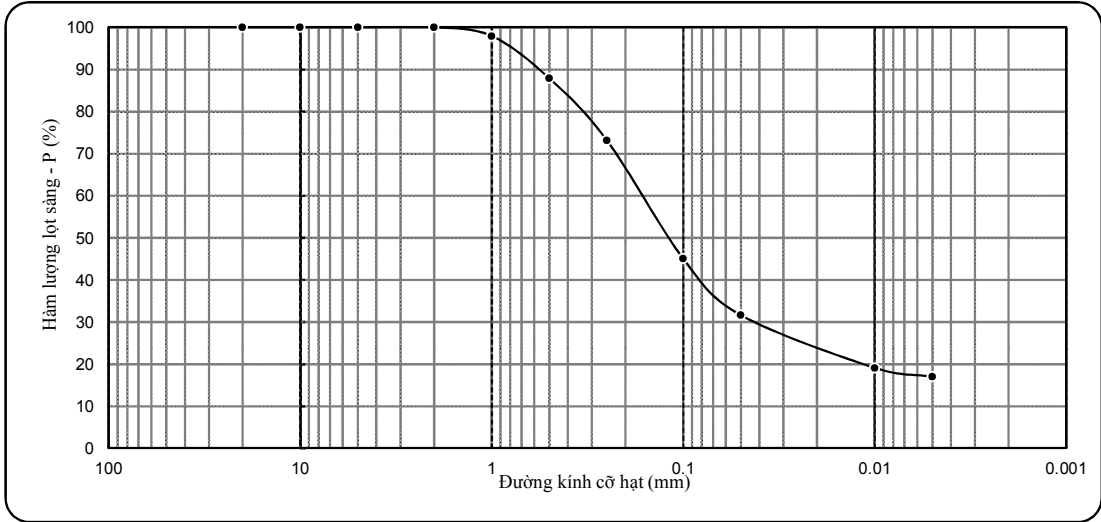
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.172$ $\phi = 9^{\circ}46'$ $C = 0.133$ (kG/cm ²)
0.50	14.5	0.227	
1.00	18.5	0.289	
1.50	25.5	0.399	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 77.2 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)				1.6	7.8	11.4	21.7			
Cấp hạt	SÔI SẠN	CÁT				BỤI			SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				2.1	10.0	14.7	28.1	13.5	12.5	2.1	17.0
P hạt tích lũy lọt sàng(%)				100.0	97.9	87.9	73.1	45.1	31.6	19.1	17.0



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK5-2 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 3.8 - 4.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu xám đen - xám tro, trạng thái dẻo mềm

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	17.08	2.08	1.78	89	2.70	20.3	9.6	10.7	0.70

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

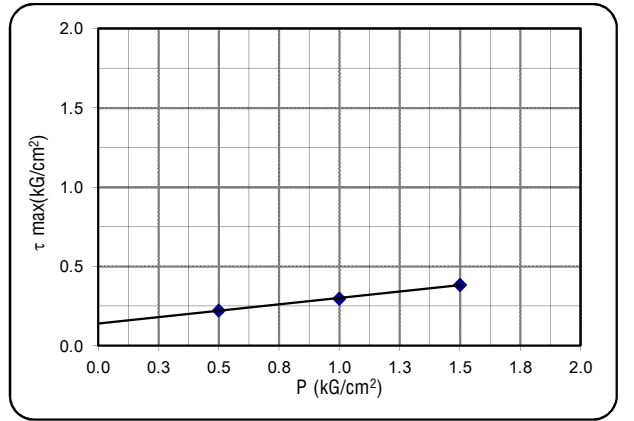
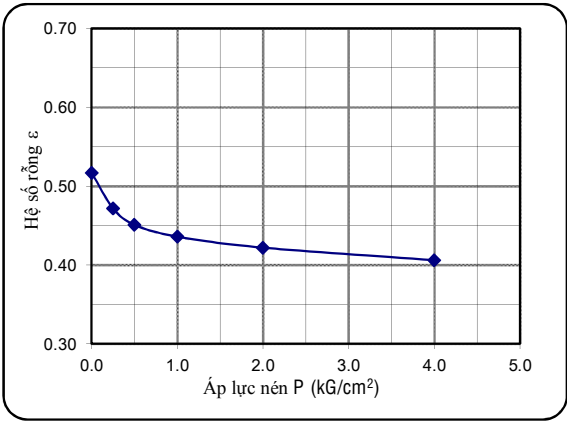
-Số hiệu máy: 2 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.012
 -Số đọc sau 24h: 165

P_n	(kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n	(0.01mm)	64.0	93.0	115.0	138.0	163.0
Δh_m	(0.01mm)	6.0	7.5	9.5	14.0	19.0
Δe_n	-	0.045	0.066	0.081	0.095	0.111
e_n	-	0.517	0.472	0.451	0.436	0.406
a	(cm ² /kG)	0.180	0.084	0.030	0.014	0.008
E_o	(kG/cm ²)	8.4	17.5	48.4	102.6	177.8

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh, bão hòa nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

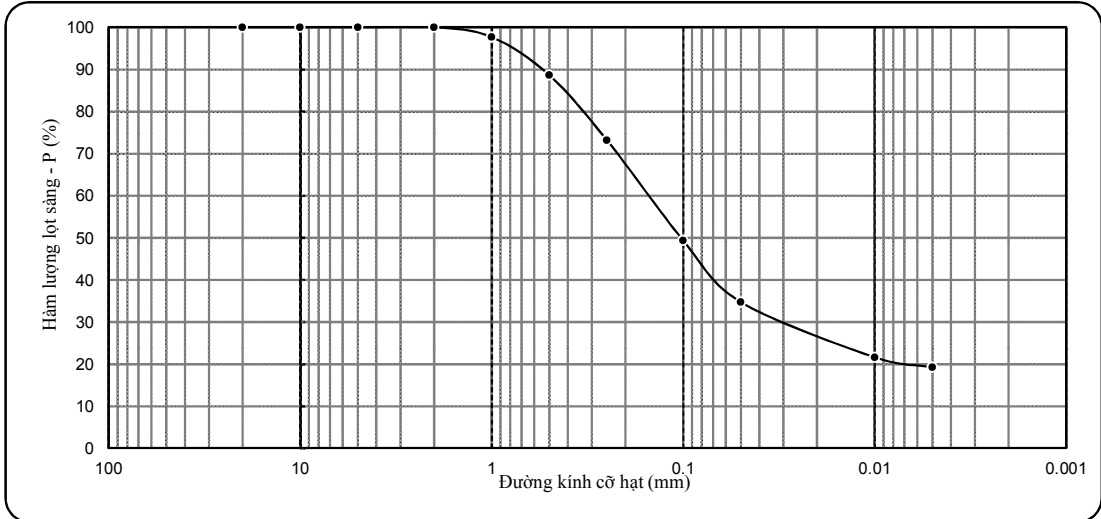
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi = 0.161$ $\phi = 9^{\circ}09'$ $C = 0.140$ (kG/cm ²)
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
0.50	14.2	0.222	
1.00	19.0	0.297	
1.50	24.5	0.383	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 68.3 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)				1.6	6.2	10.6	16.3			
Cấp hạt	SÔI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				2.3	9.0	15.4	23.8	14.6	13.1	2.4	19.2
P hạt tích lũy lọt sàng(%)				100.0	97.7	88.6	73.2	49.4	34.7	21.6	19.2



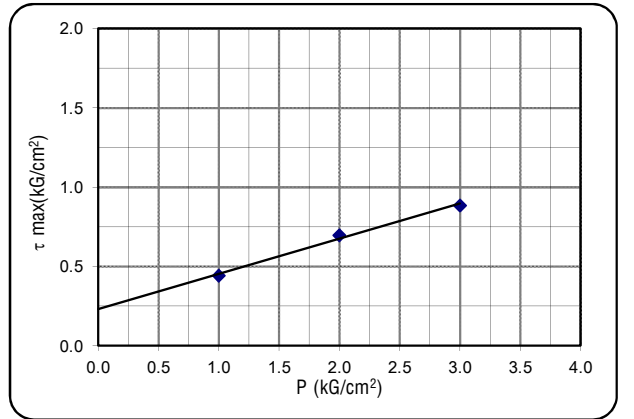
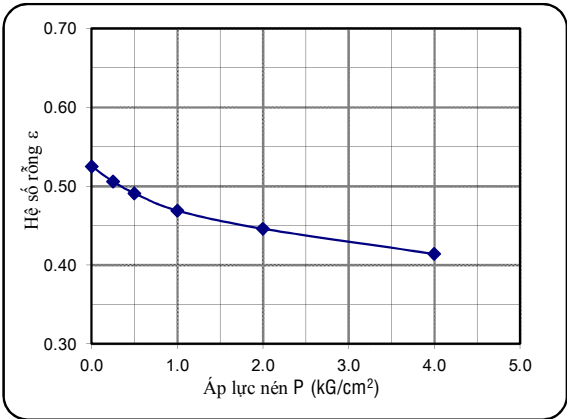
KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK5-3 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 5.8 - 6.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu xám tro - xám vàng, trạng thái dẻo cứng

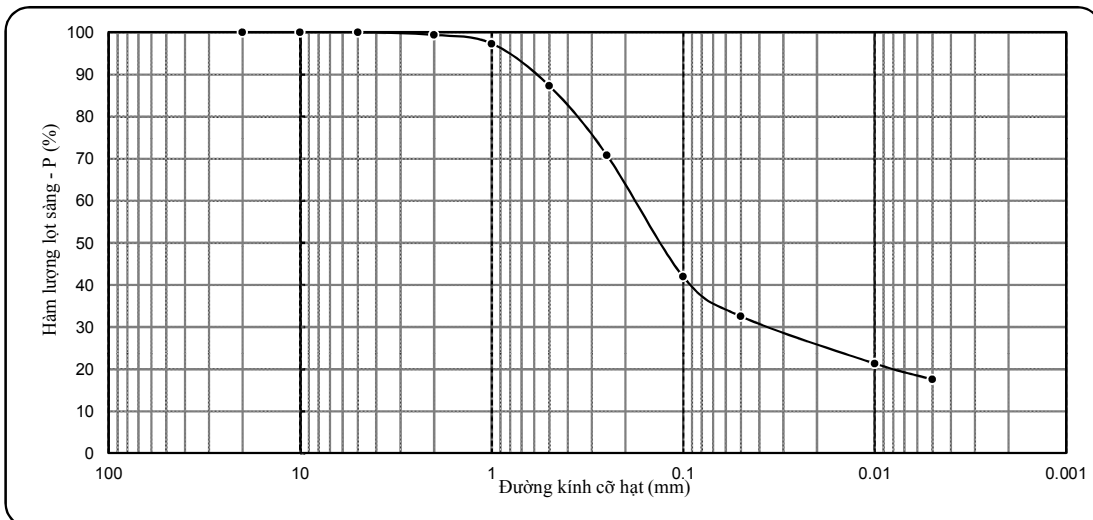
Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	17.58	2.08	1.77	90	2.70	25.3	14.2	11.1	0.30

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN						
-Số hiệu máy: 3		-Chiều cao mẫu h_0 : 20mm				
-Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa		-Hệ số hiệu chỉnh: 1.012				
		-Số đọc sau 24h: 164				
P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00	
Δh_n (0.01mm)	30.2	51.2	81.5	115.0	162.0	
Δh_m (0.01mm)	5.5	7.0	8.5	13.0	18.0	
Δe_n	0.019	0.034	0.056	0.079	0.111	
e_n	0.525	0.506	0.491	0.469	0.414	
a (cm ² /kG)	0.076	0.060	0.044	0.023	0.016	
E_i (kG/cm ²)	20.1	25.1	33.9	63.9	90.4	

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG			
-Kiểu cắt: Ứng biến			
-Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước			
-Hệ số vòng ứng biến: 0.01563			
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	
1.00	28.2	0.441	$\tan \phi = 0.222$ $\phi = 12\text{o}31'$ $C = 0.230$ (kG/cm ²)
2.00	44.5	0.696	
3.00	56.6	0.885	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT		- Khối lượng đất dùng TN: 42.9 (g)							- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)		
* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)		-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1		
		-Khối lượng trên từng sàng (g)			0.3	0.9	4.3	7.1	12.4		
Cấp hạt		SỎI SẠN	CÁT				BỤI		SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)			0.6	2.1	10.0	16.5	28.8	9.5	11.2	3.8	17.5
P hạt tích lũy lọt sàng (%)			100.0	99.4	97.3	87.3	70.8	42.0	32.5	21.3	17.5



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK5-4

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 7.8 - 8.0 m

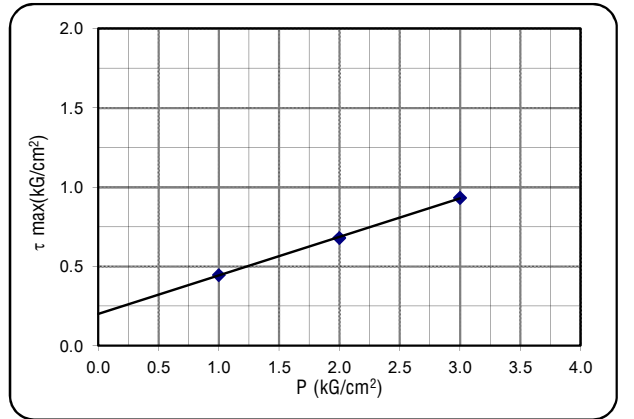
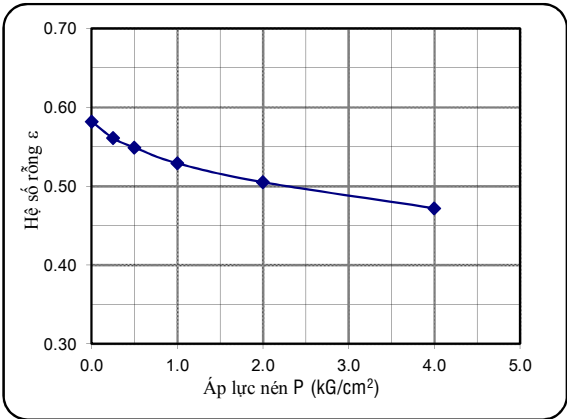
- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á Sét, màu xám tro - xám vàng, trạng thái dẻo cứng

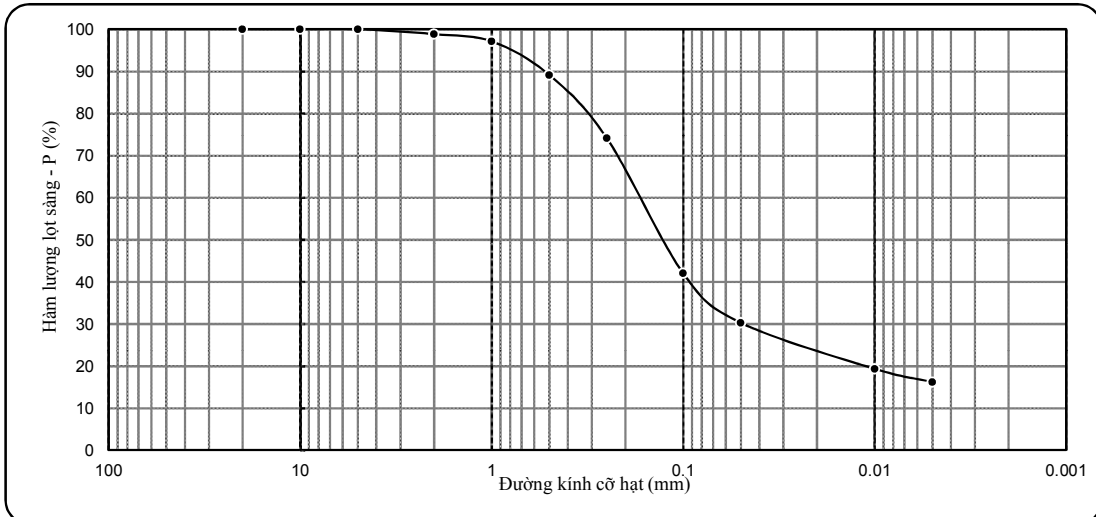
Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	18.32	2.01	1.70	85	2.69	26.5	15.0	11.5	0.29

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN						
-Số hiệu máy: 4		-Chiều cao mẫu h_0 : 20mm				
-Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa		-Hệ số hiệu chỉnh: 1.013				
		-Số đọc sau 24h: 156				
P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00	
Δh_n (0.01mm)	31.0	48.0	74.5	108.0	154.0	
Δh_m (0.01mm)	5.0	6.5	8.5	12.5	17.0	
Δe_n	0.021	0.033	0.053	0.077	0.110	
e_n	0.582	0.561	0.549	0.529	0.505	
a (cm ² /kG)	0.084	0.048	0.040	0.024	0.017	
E_i (kG/cm ²)	18.8	32.5	38.7	63.7	91.2	

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG			
-Kiểu cắt: Ứng biến			
-Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước			
-Hệ số vòng ứng biến: 0.01563			
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	
1.00	28.5	0.445	$\tan \phi = 0.243$ $\phi = 13^{\circ}39'$ $C = 0.200$ (kG/cm ²)
2.00	43.5	0.680	
3.00	59.6	0.932	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT		- Khối lượng đất dùng TN: 51.5 (g)	- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)
* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)		-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0 5.0 2.0 1.0 0.5 0.25 0.1
		-Khối lượng trên từng sàng (g)	0.6 0.9 4.1 7.7 16.5
Cấp hạt	SỎI SẠN		CÁT
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5 5-2 2-1 1-0.5	0.5-0.25 0.25-0.1 0.1-0.05 0.05-0.01 0.01-0.005 <0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)		1.2 1.7 8.0	15.0 32.1 11.8 11.0 3.1 16.2
P hạt tích lũy lọt sàng(%)		100.0 98.8 97.1	89.1 74.1 42.1 30.3 19.3 16.2



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK5-5 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 9.8 - 10.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu xám tro - xám vàng, trạng thái dẻo cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	16.97	2.05	1.75	85	2.69	24.7	13.7	11.0	0.30

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

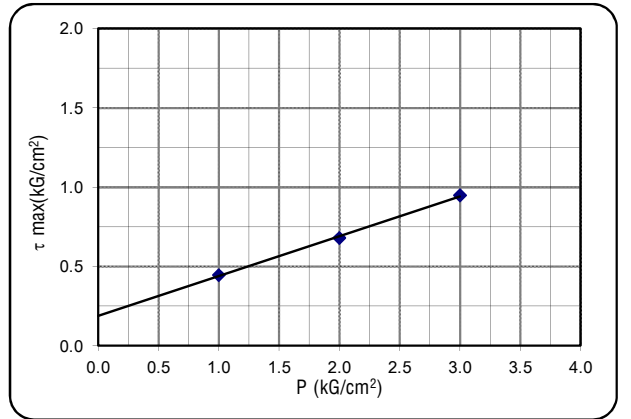
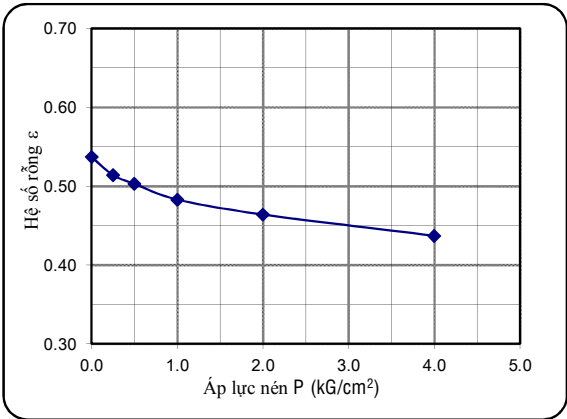
-Số hiệu máy: 5 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.010
 -Số đọc sau 24h: 145.5

P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	34.0	50.0	75.0	105.0	144.0
Δh_m (0.01mm)	4.5	6.0	6.0	10.5	15.0
Δe_n	0.023	0.034	0.054	0.073	0.100
e_n	0.537	0.514	0.503	0.483	0.464
a (cm ² /kG)	0.092	0.044	0.040	0.019	0.014
E_i (kG/cm ²)	16.7	34.4	37.6	78.1	108.4

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

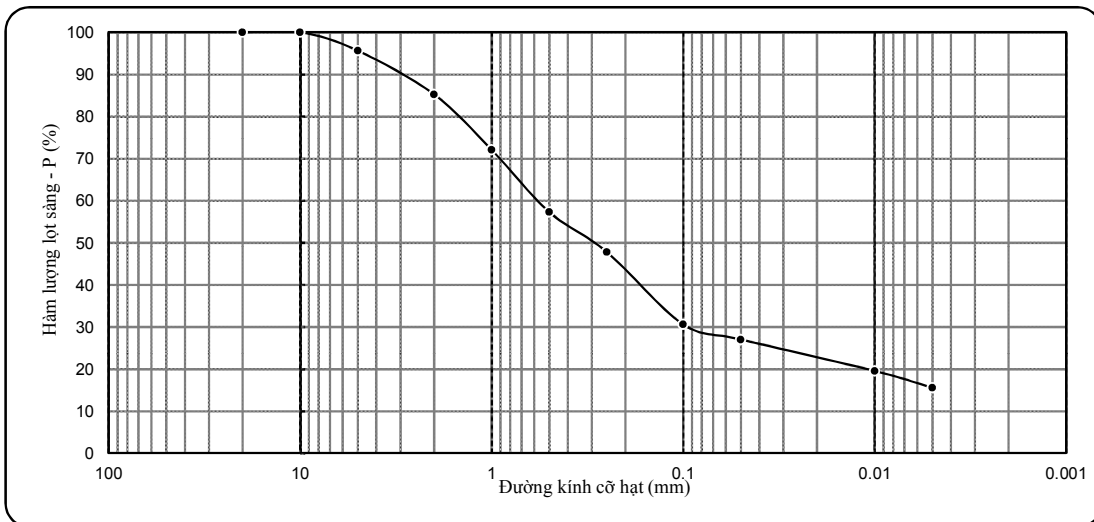
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.251$ $\phi = 14^{\circ}05'$ $C = 0.189$ (kG/cm ²)
1.00	28.5	0.445	
2.00	43.5	0.680	
3.00	60.6	0.947	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 82.0 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)			3.6	8.5	10.8	12.1	7.8	14.1			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT				BỤI		SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)		4.4	10.4	13.2	14.8	9.5	17.2	3.6	7.5	4.0	15.6
P hạt tích lũy lọt sàng (%)		100.0	95.6	85.2	72.1	57.3	47.8	30.6	27.0	19.5	15.6



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK5-6 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 11.8 - 12.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng - xám nâu

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	19.54	2.02	1.69	90	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 6 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 143

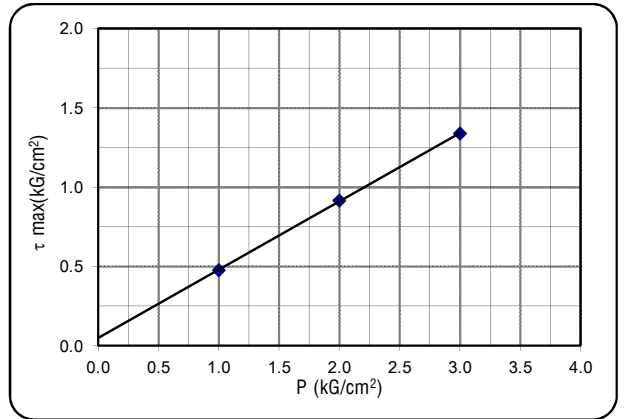
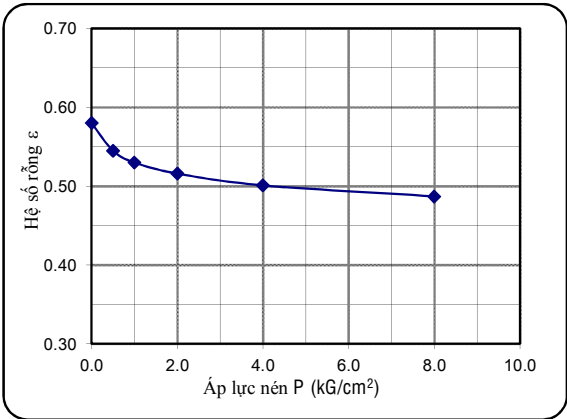
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	72.2	94.5	119.0	142.0
Δh_m	(0.01mm)	7.0	9.5	14.5	20.0	25.0
Δe_n	-	0.035	0.050	0.064	0.079	0.093
e_n		0.580	0.545	0.530	0.516	0.501
a	(cm ² /kG)	0.070	0.030	0.014	0.008	0.004
E_o	(kG/cm ²)	22.6	51.5	109.3	202.1	428.9

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)
1.00	30.5	0.477	
2.00	58.6	0.916	
3.00	85.6	1.338	

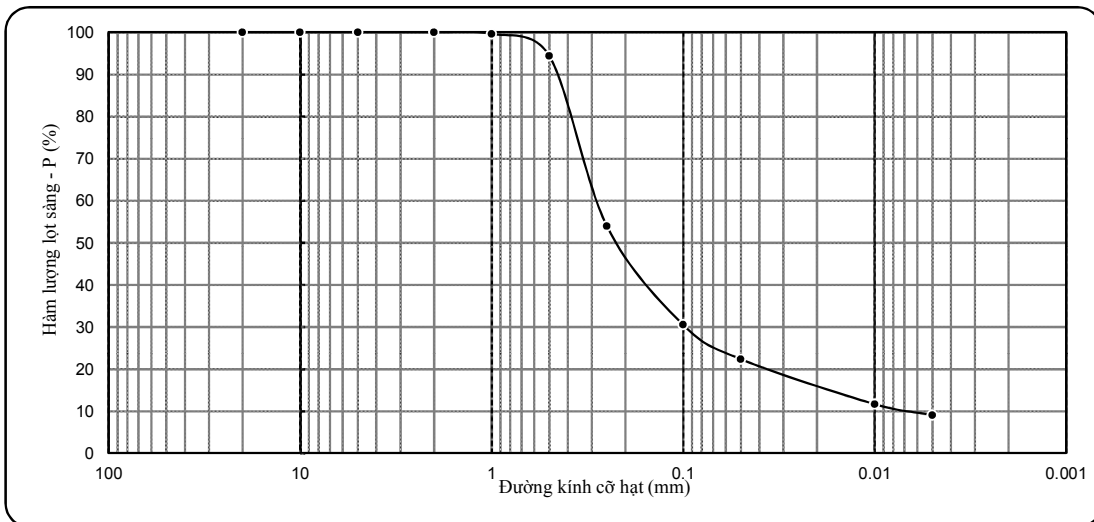
$\tan \phi = 0.431$
 $\phi = 23^{\circ}19'$
 $C = 0.049$ (kG/cm²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 109.8 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)				0.5	5.7	44.4	25.7			
Cấp hạt	SÔI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				0.4	5.2	40.4	23.4	8.2	10.7	2.6	9.1
P hạt tích lũy lọt sàng(%)				100.0	99.6	94.4	54.0	30.5	22.3	11.6	9.1



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK5-7 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 13.8 - 14.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng - xám nâu

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	18.81	2.06	1.73	92	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: **7** - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: **142**

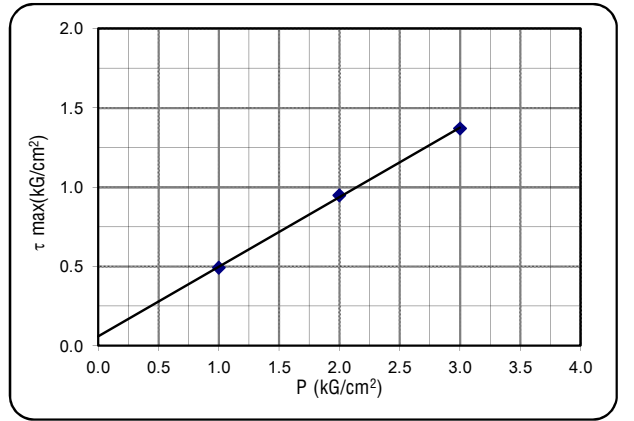
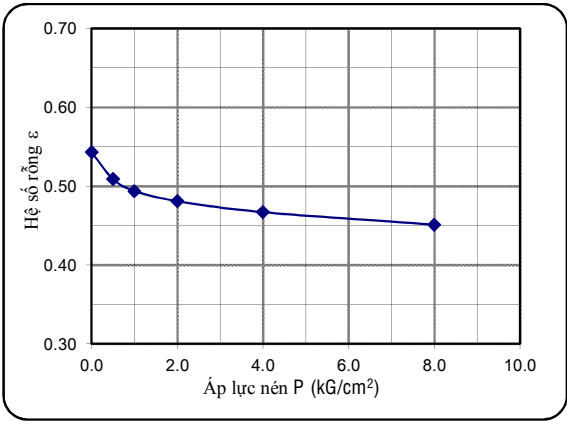
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.2	71.2	91.2	115.0	141.0
Δh_m	(0.01mm)	6.0	8.0	12.0	17.0	22.0
Δe_n	-	0.034	0.049	0.062	0.076	0.092
e_n		0.543	0.509	0.494	0.481	0.467
a	(cm ² /kG)	0.068	0.030	0.013	0.007	0.004
E_o	(kG/cm ²)	22.7	50.3	114.9	211.6	366.8

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc ($vạch$)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)
1.00	31.5	0.492	
2.00	60.6	0.947	
3.00	87.6	1.369	

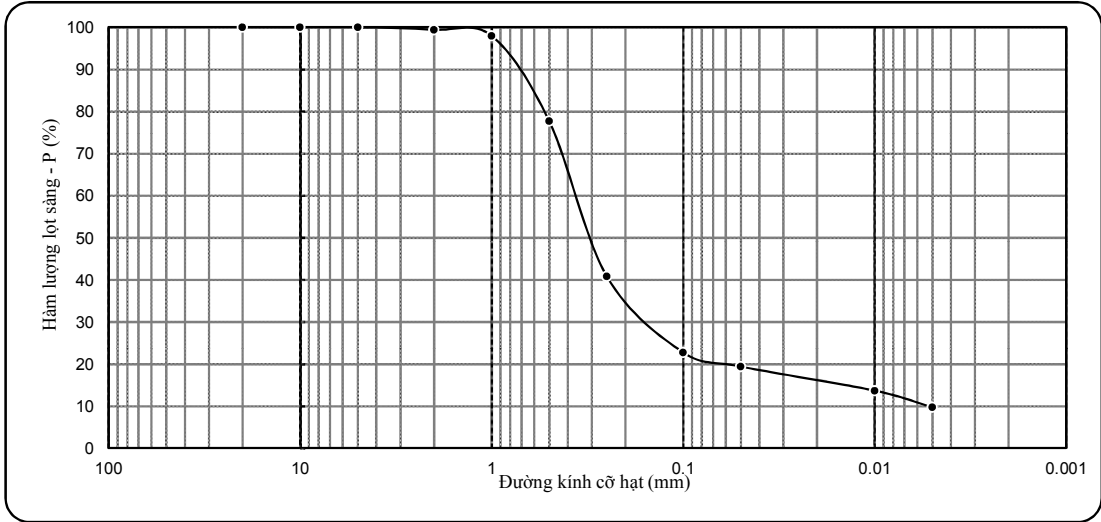
$\tan \phi = 0.438$
 $\phi = 23^{\circ}39'$
 $C = 0.059$ (kG/cm²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 114.6 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)			0.7	1.7	23.2	42.3	20.7			
Cấp hạt	SÔI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)			0.6	1.4	20.3	36.9	18.0	3.4	5.7	3.9	9.7
P hạt tích lũy lọt sàng(%)			100.0	99.4	97.9	77.7	40.8	22.8	19.4	13.7	9.7



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK5-8

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 15.8 - 16.0 m

- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng - xám nâu

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	16.53	2.09	1.79	90	2.66				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 8
 -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa
 -Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 143

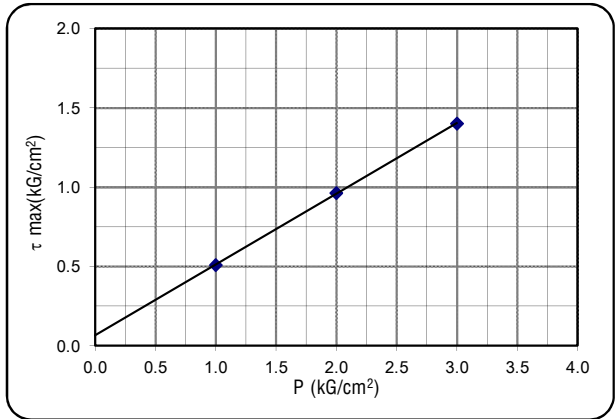
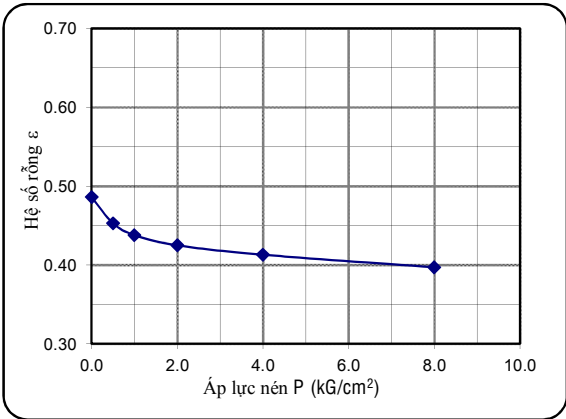
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	72.2	94.5	115.0	142.0
Δh_m	(0.01mm)	7.5	8.0	12.5	18.0	23.5
Δe_n	-	0.033	0.048	0.061	0.073	0.089
e_n		0.486	0.453	0.438	0.425	0.413
a	(cm ² /kG)	0.066	0.030	0.013	0.006	0.004
E_o	(kG/cm ²)	22.5	48.4	110.6	237.5	353.3

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)
1.00	32.5	0.508			
2.00	61.6	0.963			
3.00	89.6	1.400			

$\tan \phi = 0.446$
 $\phi = 24^{\circ}02'$
 $C = 0.065 \text{ (kG/cm}^2\text{)}$

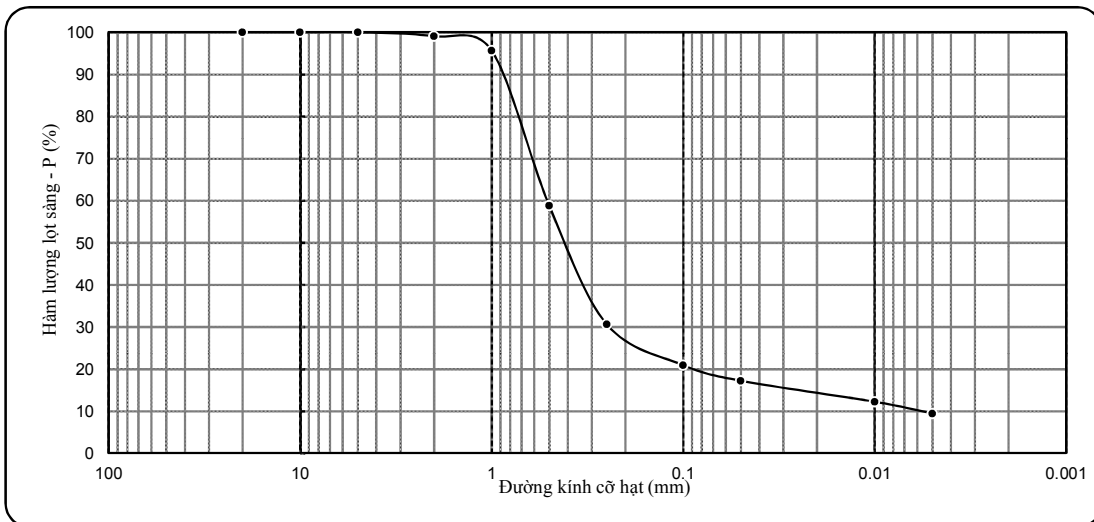


KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 118.2 (g)

- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)							-Khối lượng trên từng sàng (g)				
	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1					
								1.2	4.0	43.5	33.4	11.5
Cấp hạt	SÔI SẠN			CÁT					BỤI		SÉT	
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005	
P cỡ hạt trên sàng (%)			1.0	3.4	36.8	28.2	9.7	3.7	5.0	2.8	9.4	
P hạt tích lũy lọt sàng(%)			100.0	99.0	95.6	58.8	30.6	20.9	17.2	12.2	9.4	



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK5-9 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 17.8 - 18.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng - xám nâu

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	14.19	2.15	1.88	90	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

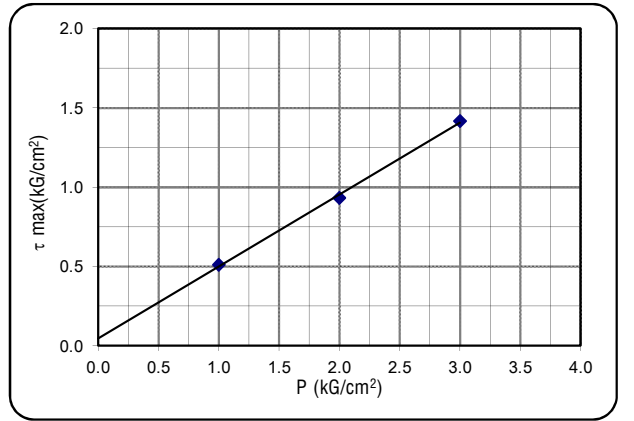
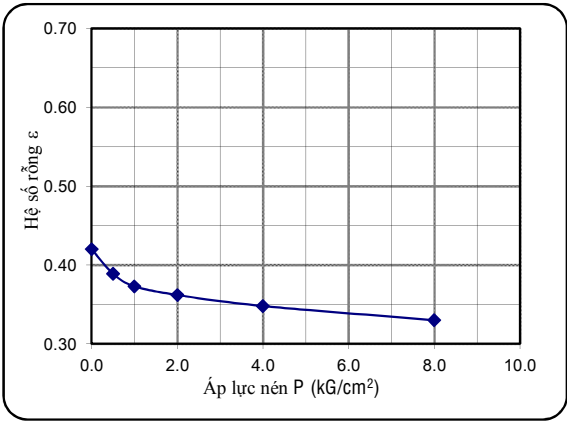
-Số hiệu máy: 9 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.014
 -Số đọc sau 24h: 147

P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.1	72.2	91.2	116.0	145.0
Δh_m	(0.01mm)	7.5	7.5	11.0	15.5	20.0
Δe_n	-	0.031	0.047	0.058	0.072	0.090
e_n		0.420	0.389	0.373	0.362	0.330
a	(cm ² /kG)	0.062	0.032	0.011	0.007	0.004
E_o	(kG/cm ²)	22.9	43.4	124.8	194.6	299.6

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

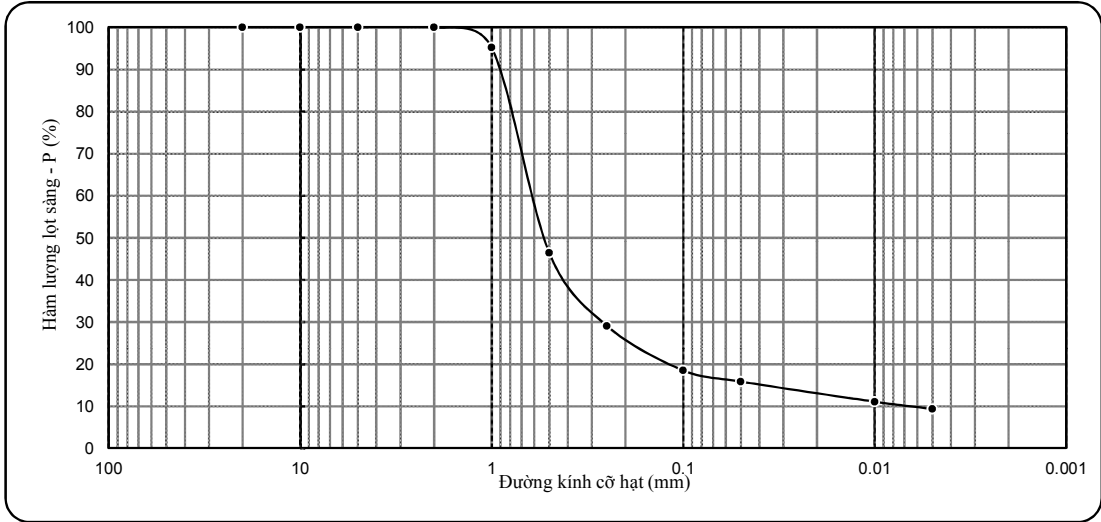
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi = 0.453$ $\phi = 24^{\circ}22'$ $C = 0.046$ (kG/cm ²)
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
1.00	32.6	0.510	
2.00	59.6	0.932	
3.00	90.6	1.416	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 119.7 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mặt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)				5.8	58.4	20.8	12.7			
Cấp hạt	SÔI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				4.8	48.8	17.4	10.6	2.7	4.8	1.7	9.3
P hạt tích lũy lọt sàng(%)				100.0	95.2	46.4	29.1	18.5	15.8	11.0	9.3



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK5-10

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 19.8 - 20.0 m

- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng - xám nâu

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	14.70	2.07	1.80	81	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

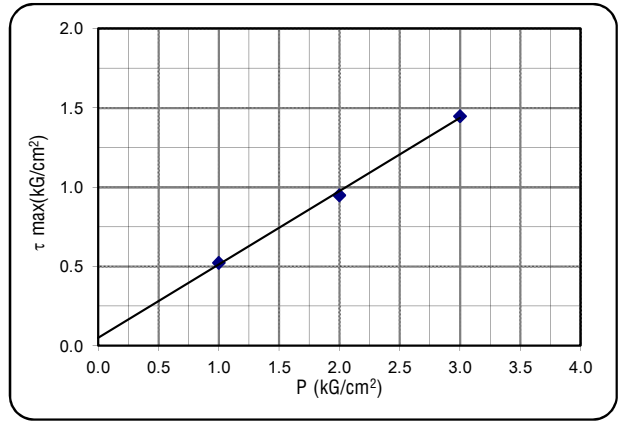
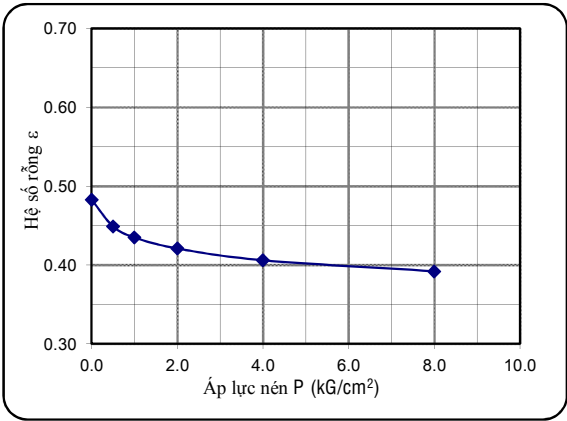
-Số hiệu máy: 10 -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 143

P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	71.2	94.6	118.0	142.0
Δh_m	(0.01mm)	6.0	7.0	11.0	15.0	19.5
Δe_n	-	0.034	0.048	0.062	0.077	0.091
e_n		0.483	0.449	0.435	0.421	0.406
a	(cm ² /kG)	0.068	0.028	0.014	0.007	0.004
E_o	(kG/cm ²)	21.8	51.8	102.5	189.5	401.7

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi = 0.462$ $\phi = 24^{\circ}48'$ $C = 0.049$ (kG/cm ²)
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
1.00	33.5	0.524	
2.00	60.6	0.947	
3.00	92.6	1.447	

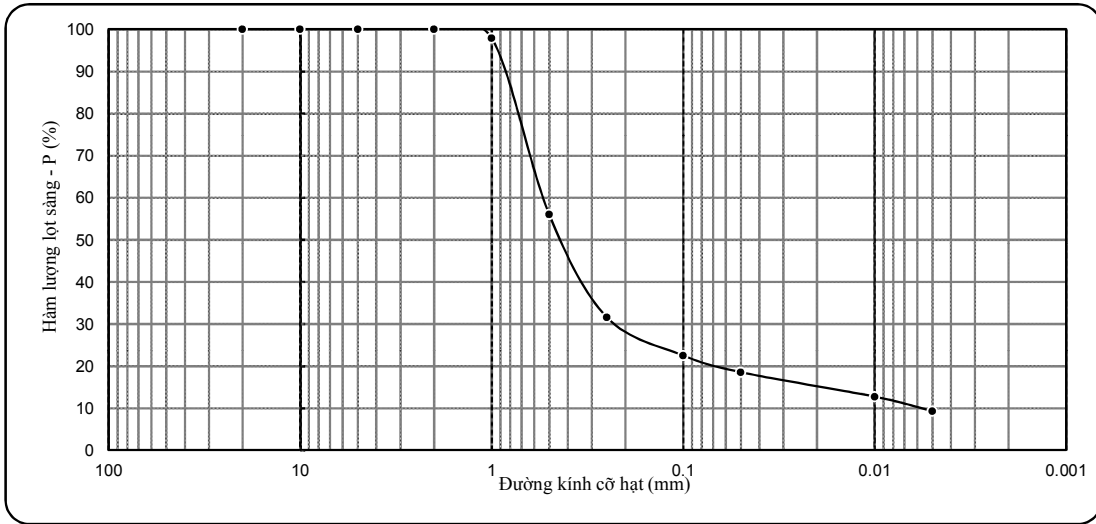


KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 119.9 (g)

- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)				2.5	50.3	29.3	10.9			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				2.1	41.9	24.4	9.1	4.0	5.8	3.4	9.3
P hạt tích lũy lọt sàng(%)				100.0	97.9	56.0	31.6	22.5	18.5	12.7	9.3



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK5-11

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 21.8 - 22.0 m

- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng - xám nâu

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	24.99	1.89	1.51	87	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: **11** -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: **142**

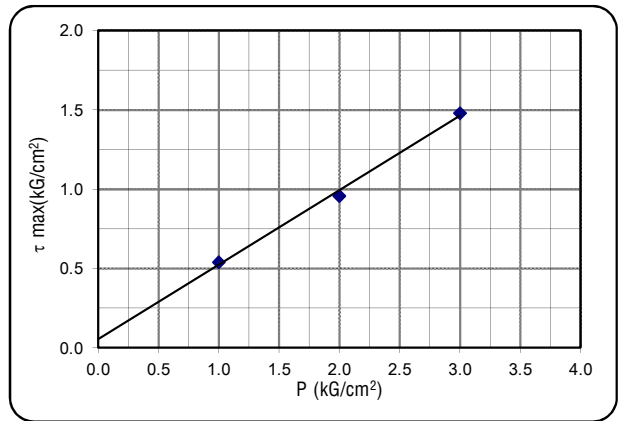
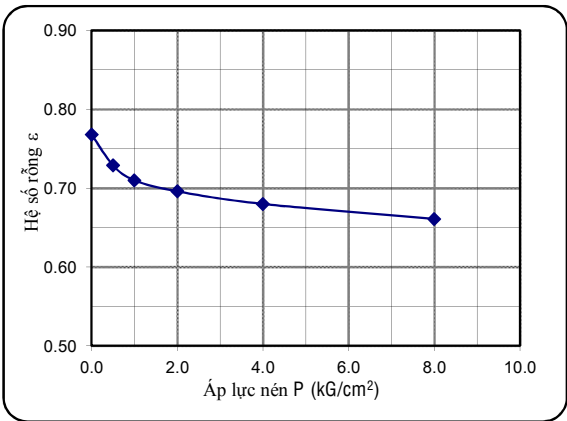
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.1	72.2	92.5	115.0	141.0
Δh_m	(0.01mm)	6.5	7.0	12.0	16.0	21.0
Δe_n	-	0.039	0.058	0.072	0.088	0.107
e_n	0.768	0.729	0.710	0.696	0.680	0.661
a	(cm ² /kG)	0.078	0.038	0.014	0.008	0.005
E_o	(kG/cm ²)	22.7	45.5	122.1	212.0	353.7

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	(kG/cm ²) (vạch) (kG/cm ²)
1.00	34.5	0.539	
2.00	61.2	0.957	
3.00	94.6	1.479	

$\tan \phi = 0.47$
 $\phi = 25^{\circ}10'$
 $C = 0.052$ (kG/cm²)

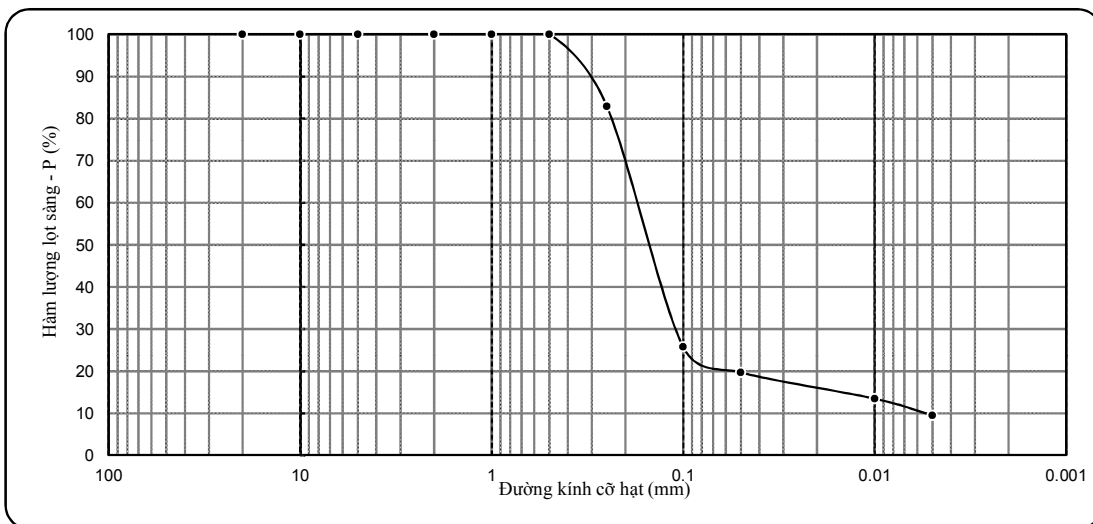


KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 107.5 (g)

- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)										
	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1				
						18.4	61.5				
Cấp hạt	SỎI SẠC			CÁT				BỤI		SÉT	
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)						17.1	57.2	6.1	6.2	3.9	9.5
P hạt tích lũy lọt sàng(%)						100.0	82.9	25.7	19.6	13.4	9.5



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK5-12 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 22.8 - 23.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng - xám nâu

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	21.16	1.92	1.58	82	2.66				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

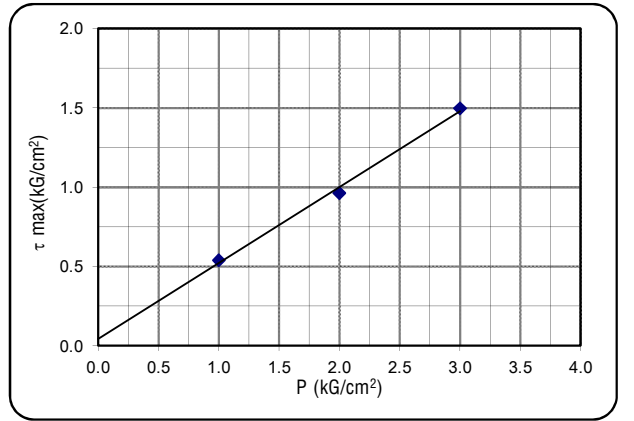
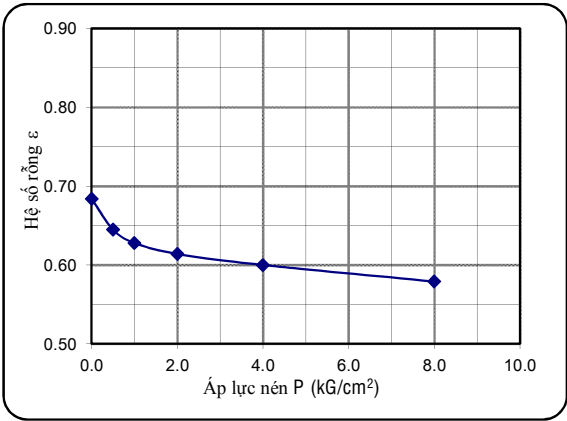
-Số hiệu máy: 12 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 143

P_n (kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n (0.01mm)	51.2	71.2	91.2	113.0	142.0
Δh_m (0.01mm)	5.0	5.5	9.0	13.5	18.5
Δe_n	0.039	0.056	0.070	0.084	0.105
e_n	0.684	0.645	0.628	0.614	0.600
a (cm ² /kG)	0.078	0.034	0.014	0.007	0.005
E_o (kG/cm ²)	21.6	48.4	116.3	230.6	304.8

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

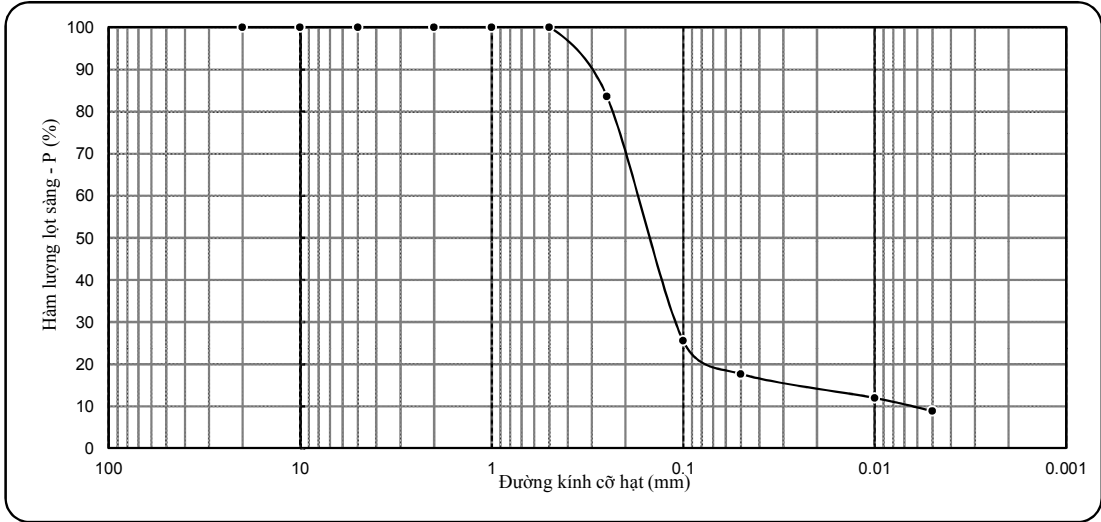
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.478$ $\phi = 25^{\circ}33'$ $C = 0.043$ (kG/cm ²)
1.00	34.5	0.539	
2.00	61.6	0.963	
3.00	95.7	1.496	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 107.5 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)						17.6	62.4			
Cấp hạt	SỎI SẠN			CÁT				BỤI		SÉT	
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)						16.4	58.1	7.9	5.7	3.1	8.8
P hạt tích lũy lọt sàng(%)						100.0	83.6	25.5	17.6	11.9	8.8



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK5-13 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 24.8 - 25.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát lẫn sỏi sạn TA, màu xám vàng - xám nâu

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	8.39	2.23	2.06	76	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

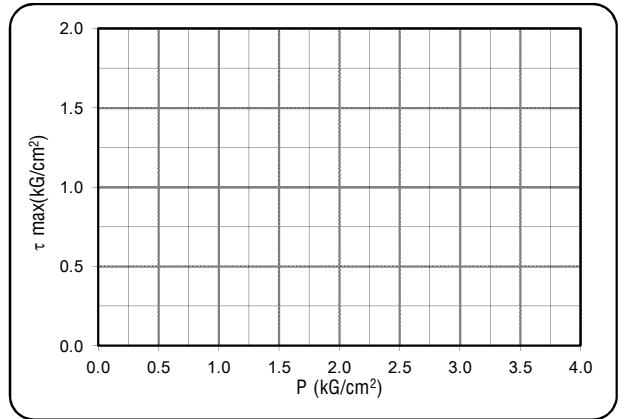
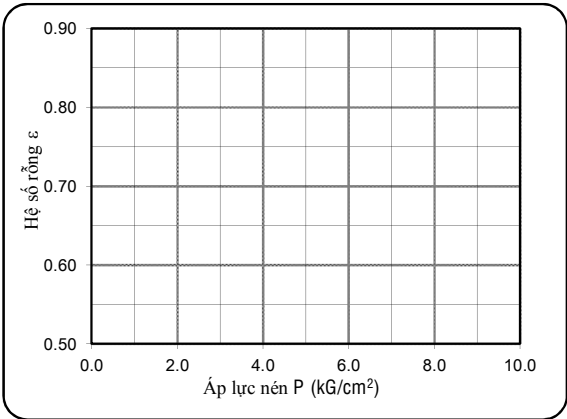
-Số hiệu máy: -Chiều cao mẫu h_0 :
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh:
 -Số đọc sau 24h:

P_n	(kG/cm ²)				
Δh_n	(0.01mm)				
Δh_m	(0.01mm)				
Δe_n	-				
e_n					
a	(cm ² /kG)				
E_o	(kG/cm ²)				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

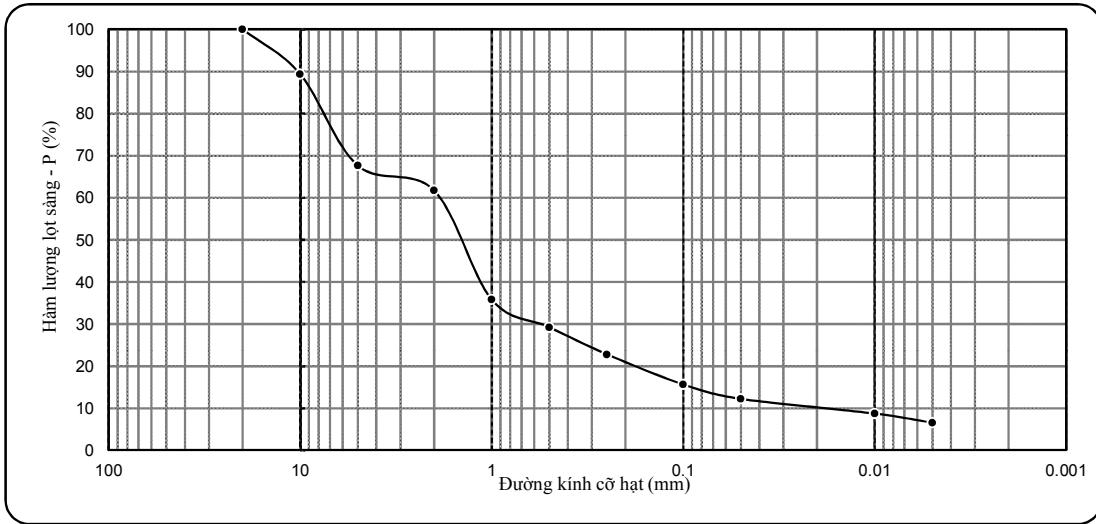
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi =$
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
			$\phi =$
			C = (kG/cm ²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 128.2 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mặt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)		13.7	27.9	7.6	33.2	8.5	8.3	9.2			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT				BỤI			SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)	10.6	21.7	5.9	25.9	6.6	6.4	7.2	3.4	3.5	2.2	6.5
P hạt tích lũy lọt sàng(%)	100	89.4	67.6	61.7	35.8	29.2	22.8	15.6	12.2	8.7	6.5



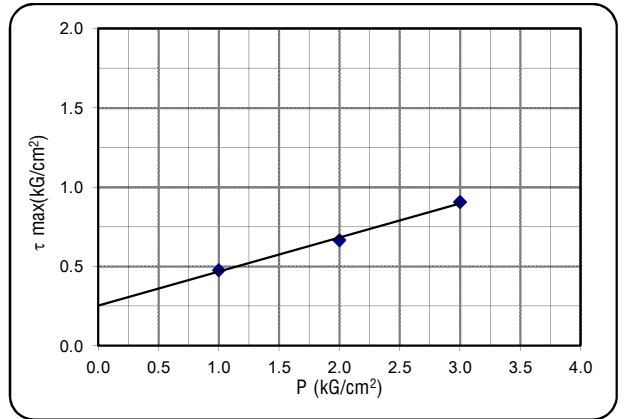
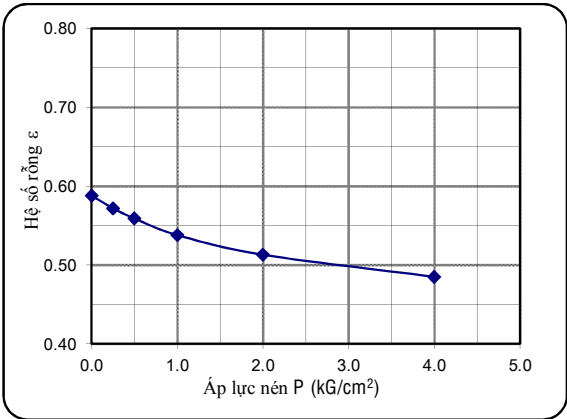
KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK6-1 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 1.8 - 2.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu xám vàng, trạng thái dẻo cứng

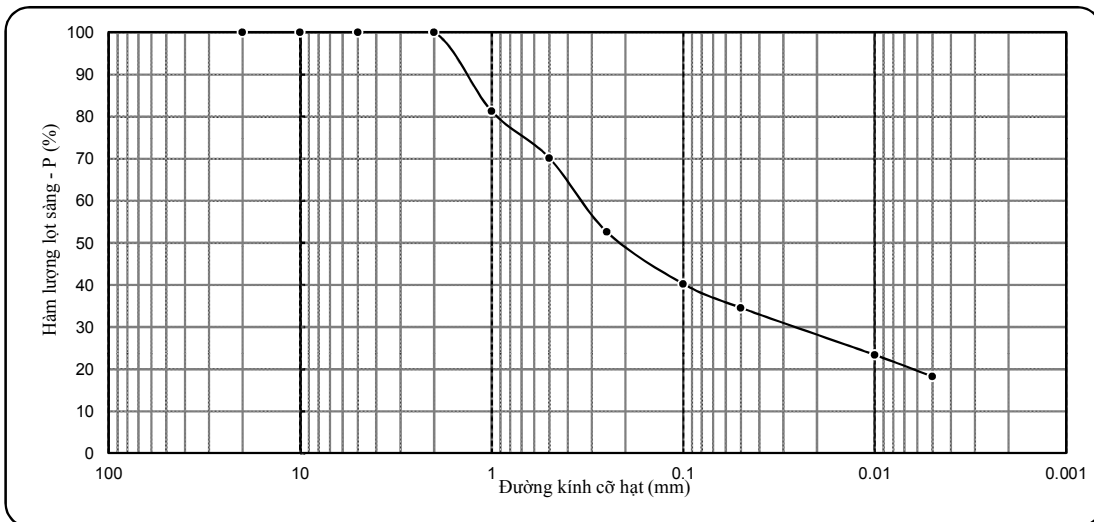
Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	20.01	2.04	1.70	92	2.70	26.1	14.8	11.3	0.46

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN						
-Số hiệu máy: 1		-Chiều cao mẫu h_0 : 20mm				
-Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa		-Hệ số hiệu chỉnh: 1.014				
		-Số đọc sau 24h: 147				
P_n	(kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n	(0.01mm)	25.5	42.5	71.2	105.0	145.0
Δh_m	(0.01mm)	5.5	7.0	8.5	12.0	17.0
Δe_n	-	0.016	0.029	0.050	0.075	0.103
e_n	-	0.588	0.572	0.559	0.538	0.513
a	(cm ² /kG)	0.064	0.052	0.042	0.025	0.014
E_i	(kG/cm ²)	24.8	30.2	37.1	61.5	108.1

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG			
-Kiểu cắt: Ứng biến			
-Phương pháp cắt: Cắt nhanh, bão hòa nước			
-Hệ số vòng ứng biến: 0.01563			
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi = 0.215$ $\phi = 12\text{o}08'$ $C = 0.253 \text{ (kG/cm}^2\text{)}$
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
1.00	30.5	0.477	
2.00	42.5	0.664	
3.00	58.0	0.907	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT		- Khối lượng đất dùng TN: 54.5 (g)							- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)		
* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)		-Đường kính mặt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1		
		-Khối lượng trên từng sàng (g)				10.2	6.1	9.6	6.7		
Cấp hạt	SỎI SẠN			CÁT				BỤI		SÉT	
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				18.7	11.1	17.6	12.3	5.7	11.2	5.1	18.2
P hạt tích lũy lọt sàng(%)				100.0	81.3	70.1	52.5	40.2	34.5	23.3	18.2



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK6-2 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 3.8 - 4.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu nâu đỏ - xám trắng, trạng thái nửa cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	19.72	2.05	1.71	89	2.75	31.3	18.0	13.3	0.13

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

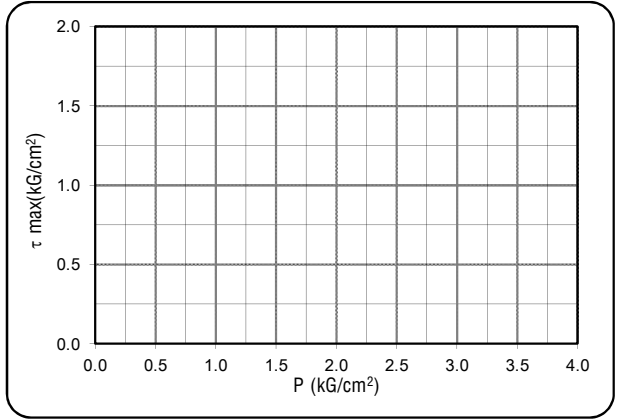
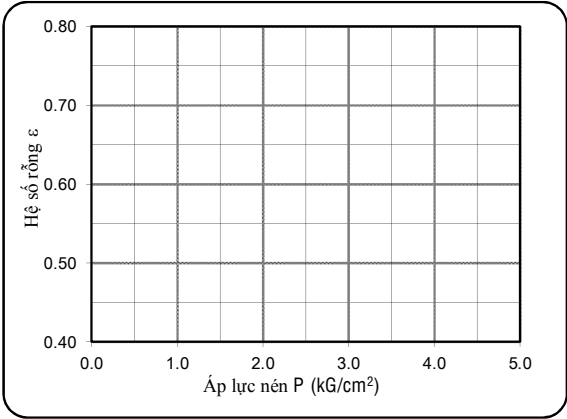
-Số hiệu máy: _____ -Chiều cao mẫu h_0 : _____
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh: _____
 -Số đọc sau 24h: _____

P_n	(kG/cm ²)				
Δh_n	(0.01mm)				
Δh_m	(0.01mm)				
Δe_n	-				
e_n					
a	(cm ² /kG)				
E_i	(kG/cm ²)				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

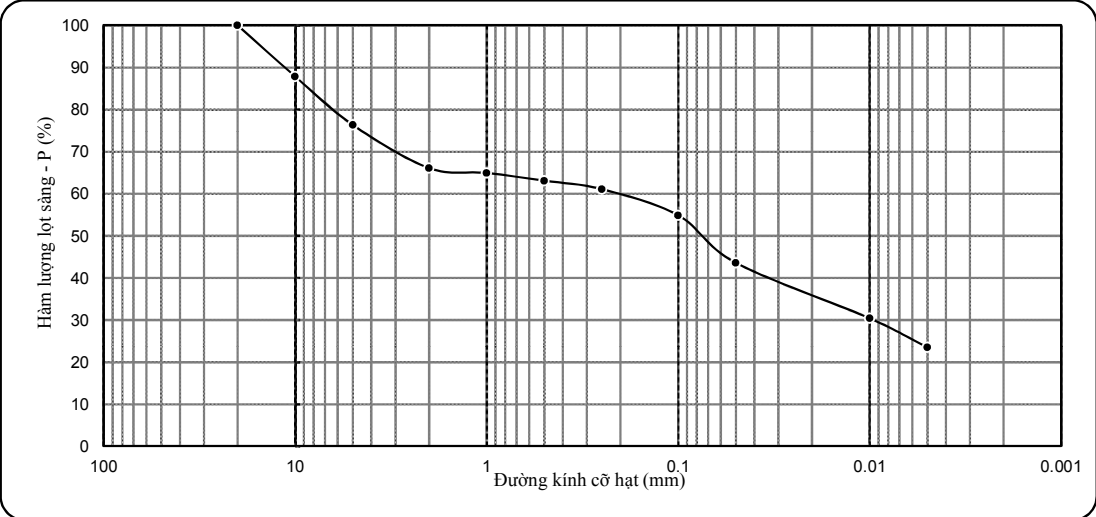
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi =$
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
			$\phi =$
			C = (kG/cm ²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 78.9 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)		9.6	9.1	8.1	0.9	1.5	1.6	4.9			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI		SÉT				
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)	12.2	11.5	10.3	1.2	1.8	2.0	6.2	11.3	13.2	6.9	23.5
P hạt tích lũy lọt sàng (%)	100	87.8	76.3	66.1	64.9	63.0	61.0	54.9	43.6	30.4	23.5



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK6-3 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 5.8 - 6.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu xám vàng - xám trắng - nâu đỏ, trạng thái dẻo cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W _L	W _p	I _p	B
Mẫu nguyên dạng	18.30	2.06	1.74	89	2.71	28.7	14.5	14.2	0.27

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

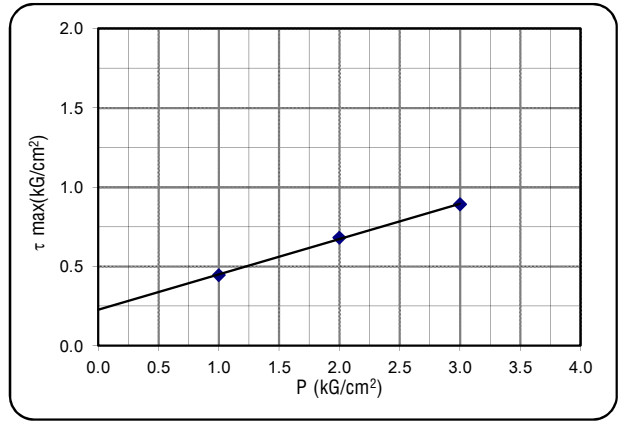
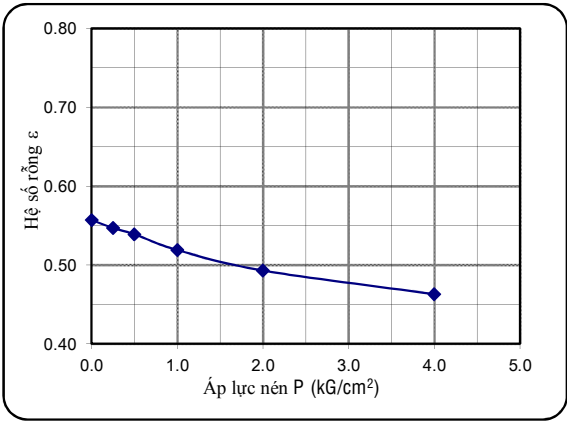
-Số hiệu máy: 3 - Chiều cao mẫu h₀: 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.015
 -Số đọc sau 24h: 139

P _n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	18.5	30.0	57.0	94.0	137.0
Δh_m (0.01mm)	5.5	7.0	8.5	13.0	18.0
Δe_n	0.010	0.018	0.038	0.064	0.094
e _n	0.557	0.547	0.539	0.519	0.493
a (cm ² /kG)	0.040	0.032	0.040	0.026	0.015
E _i (kG/cm ²)	38.9	48.3	38.5	58.4	99.5

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

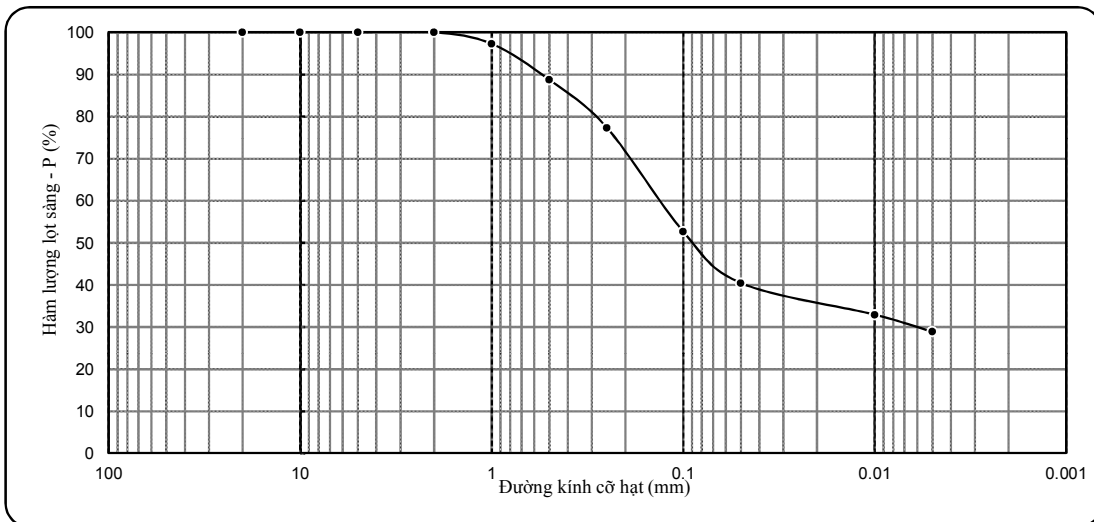
Áp lực nén, P _n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t _{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.223$ $\phi = 12\text{o}34'$ $C = 0.227 \text{ (kG/cm}^2\text{)}$
1.00	28.5	0.445	
2.00	43.6	0.681	
3.00	57.0	0.891	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 39.9 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)					1.1	3.4	4.5	9.8			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				2.8	8.5	11.4	24.6	12.2	7.5	4.0	28.9
P hạt tích lũy lọt sàng (%)				100.0	97.2	88.7	77.3	52.7	40.4	32.9	28.9



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK6-4 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 7.8 - 8.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu xám vàng - xám trắng - nâu đỏ, trạng thái dẻo cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	21.33	1.96	1.62	87	2.69	28.5	17.0	11.5	0.38

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

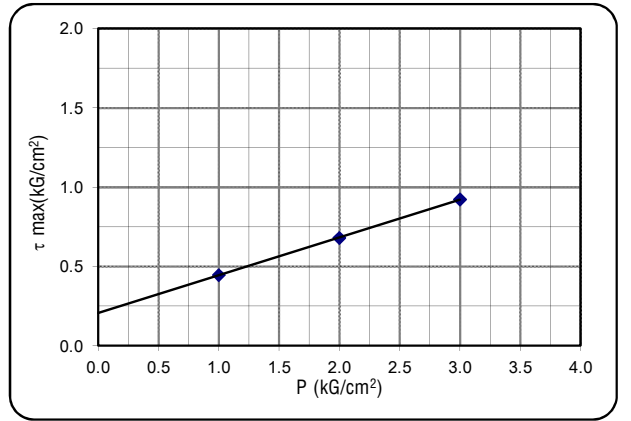
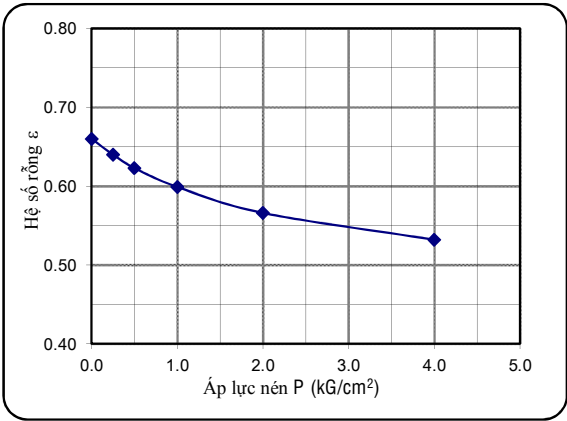
-Số hiệu máy: 4 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.012
 -Số đọc sau 24h: 172

P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	28.5	50.2	81.2	125.0	170.0
Δh_m (0.01mm)	5.0	6.5	8.5	12.5	17.0
Δe_n	0.020	0.037	0.061	0.094	0.128
e_n	0.660	0.640	0.623	0.599	0.566
a (cm ² /kG)	0.080	0.068	0.048	0.033	0.017
E_i (kG/cm ²)	20.8	24.1	33.8	48.5	92.1

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

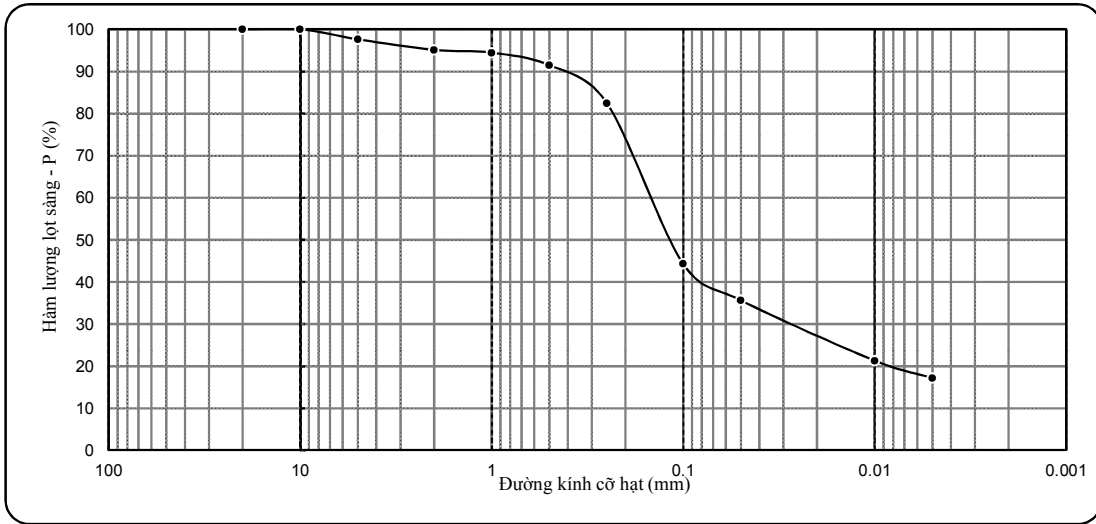
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.238$ $\phi = 13^{\circ}23'$ $C = 0.206$ (kG/cm ²)
1.00	28.5	0.445	
2.00	43.5	0.680	
3.00	59.0	0.922	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 39.2 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)			0.9	1.0	0.3	1.2	3.5	14.9			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)		2.4	2.5	0.7	3.0	9.0	38.1	8.7	14.3	4.1	17.2
P hạt tích lũy lọt sàng (%)		100.0	97.6	95.1	94.4	91.5	82.4	44.3	35.6	21.3	17.2



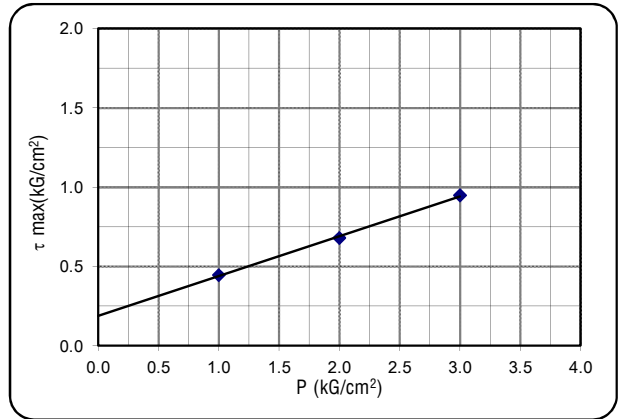
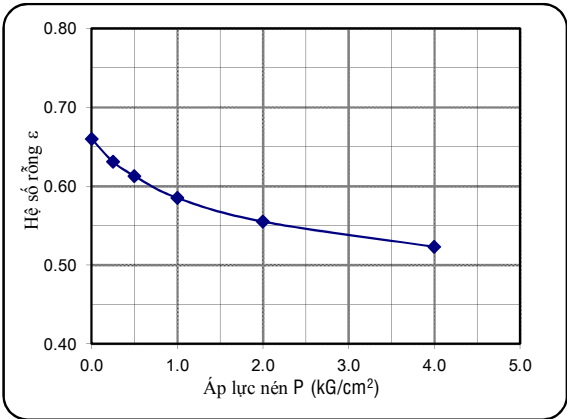
KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK6-5 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 9.8 - 10.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu xám vàng - xám trắng - nâu đỏ, trạng thái dẻo cứng

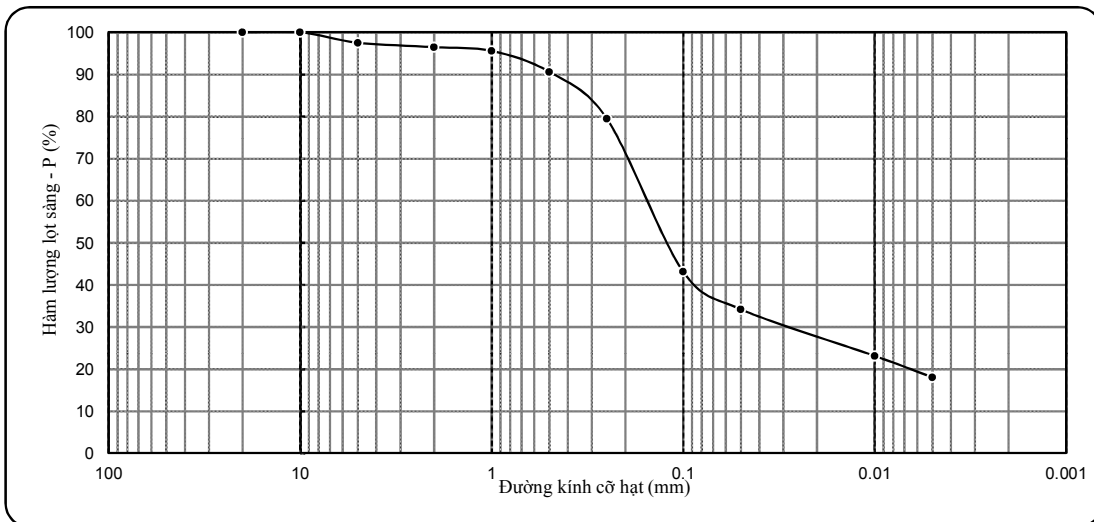
Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	21.83	1.97	1.62	89	2.69	30.0	18.3	11.7	0.30

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN						
-Số hiệu máy: 5		-Chiều cao mẫu h_0 : 20mm				
-Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa		-Hệ số hiệu chỉnh: 1.014				
		-Số đọc sau 24h: 180.5				
P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00	
Δh_n (0.01mm)	39.0	62.0	95.0	135.0	178.0	
Δh_m (0.01mm)	4.5	6.0	6.0	10.5	15.0	
Δe_n	0.029	0.047	0.075	0.105	0.137	
e_n	0.660	0.631	0.613	0.585	0.555	
a (cm ² /kG)	0.116	0.072	0.056	0.030	0.016	
E_i (kG/cm ²)	14.3	22.7	28.8	52.8	97.2	

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG			
-Kiểu cắt: Ứng biến			
-Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước			
-Hệ số vòng ứng biến: 0.01563			
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	
1.00	28.5	0.445	$\tan \phi = 0.251$ $\phi = 14^{\circ}05'$ $C = 0.189$ (kG/cm ²)
2.00	43.5	0.680	
3.00	60.6	0.947	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT		- Khối lượng đất dùng TN: 55.2 (g)							- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)			
* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)		-Đường kính mặt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
		-Khối lượng trên từng sàng (g)		1.4	0.6	0.5	2.7	6.1	20.0			
Cấp hạt		SỎI SẠN	CÁT				BỤI		SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)		> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)			2.5	1.1	0.9	5.0	11.1	36.3	9.0	11.1	5.1	18.0
P hạt tích lũy lọt sàng (%)			100.0	97.5	96.4	95.5	90.6	79.5	43.2	34.2	23.1	18.0



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK6-6 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 11.8 - 12.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	19.34	2.02	1.69	89	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

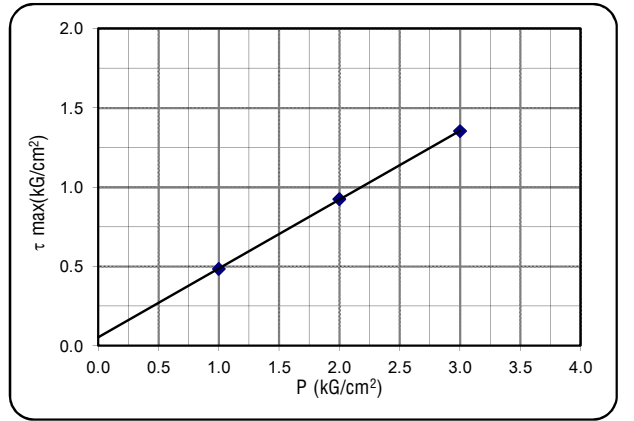
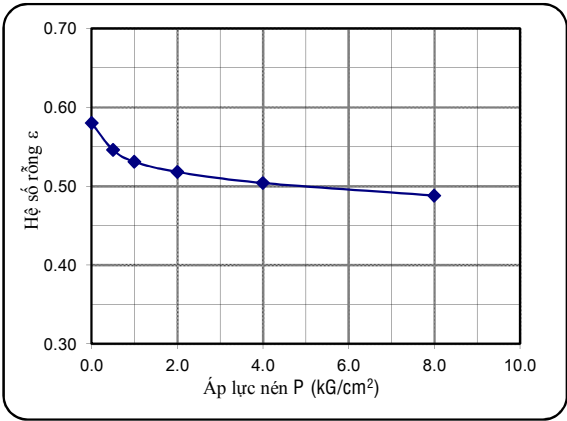
-Số hiệu máy: 6 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 142

P_n (kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n (0.01mm)	50.1	71.2	92.6	115.0	141.0
Δh_m (0.01mm)	7.0	9.5	14.5	20.0	25.0
Δe_n	0.034	0.049	0.062	0.076	0.092
e_n	0.580	0.546	0.531	0.518	0.504
a (cm ² /kG)	0.068	0.030	0.013	0.007	0.004
E_o (kG/cm ²)	23.2	51.5	117.8	216.9	376.0

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

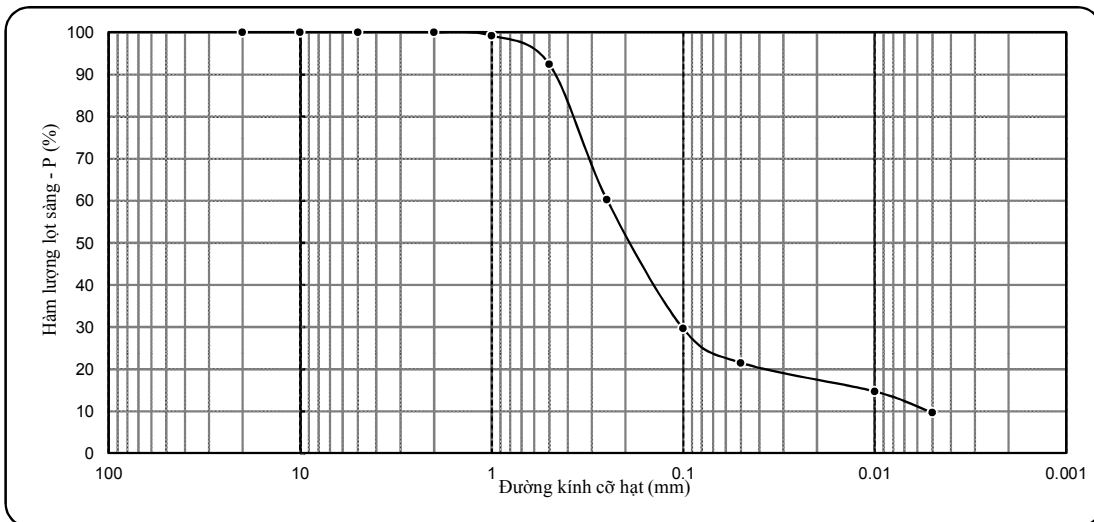
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.434$ $\phi = 23^{\circ}28'$ $C = 0.053$ (kG/cm ²)
1.00	31.1	0.485	
2.00	59.2	0.925	
3.00	86.6	1.354	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 98.4 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)				0.8	6.7	31.6	30.1			
Cấp hạt	SÔI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				0.8	6.8	32.1	30.6	8.2	6.8	5.0	9.7
P hạt tích lũy lọt sàng(%)				100.0	99.2	92.4	60.3	29.6	21.5	14.7	9.7



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK6-7 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 13.8 - 14.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	16.05	2.08	1.79	87	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

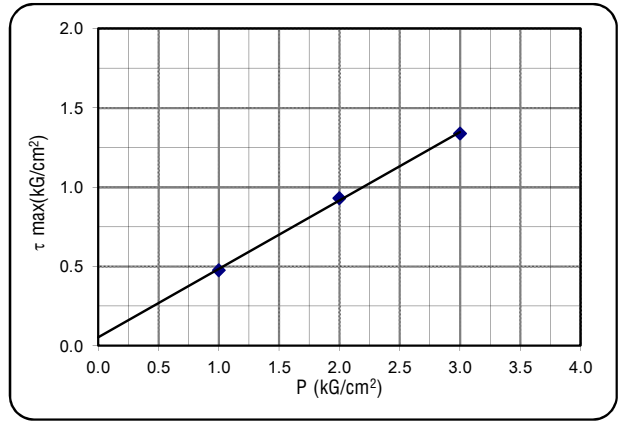
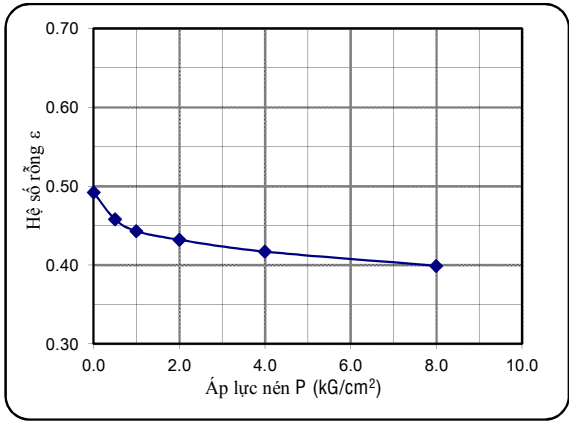
-Số hiệu máy: 7 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.014
 -Số đọc sau 24h: 147

P_n (kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n (0.01mm)	51.2	72.2	91.2	116.0	145.0
Δh_m (0.01mm)	6.0	8.0	12.0	17.0	22.0
Δe_n	0.034	0.049	0.060	0.075	0.093
e_n	0.492	0.458	0.443	0.432	0.417
a (cm ² /kG)	0.068	0.030	0.011	0.008	0.004
E_o (kG/cm ²)	21.9	48.6	131.2	190.9	314.9

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

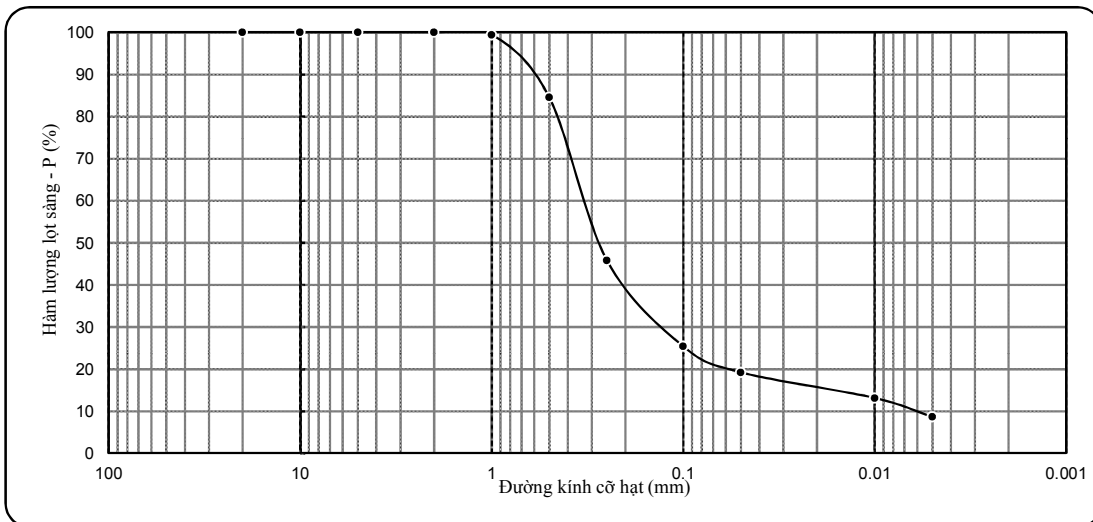
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.431$ $\phi = 23^{\circ}19'$ $C = 0.054$ (kG/cm ²)
1.00	30.5	0.477	
2.00	59.5	0.930	
3.00	85.6	1.338	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 109.9 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)				0.6	16.4	42.6	22.5			
Cấp hạt	SỎI SẠN			CÁT				BỤI		SÉT	
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				0.6	14.9	38.7	20.4	6.2	6.1	4.5	8.6
P hạt tích lũy lọt sàng(%)				100.0	99.4	84.5	45.8	25.4	19.2	13.1	8.6



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
- Tên mẫu: HK6-8
- Độ sâu: 15.8 - 16.0 m
- Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng
- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	15.35	2.11	1.83	89	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 8 -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 143

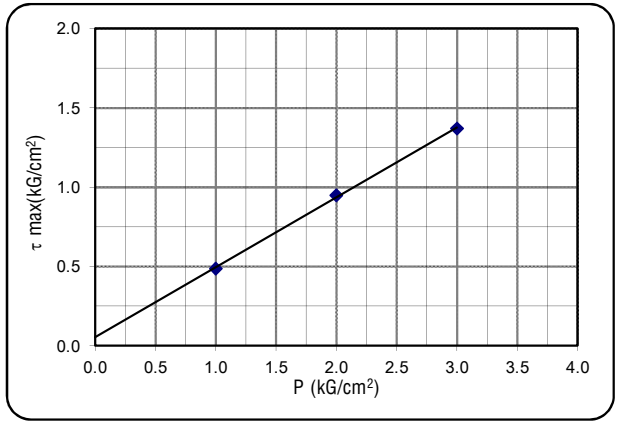
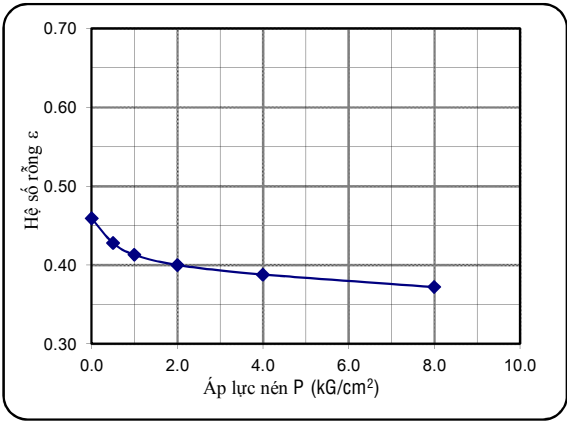
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.1	71.2	92.5	115.0	142.0
Δh_m	(0.01mm)	7.5	8.0	12.5	18.0	23.5
Δe_n	-	0.031	0.046	0.059	0.071	0.087
e_n		0.459	0.428	0.413	0.400	0.388
a	(cm ² /kG)	0.062	0.030	0.013	0.006	0.004
E_o	(kG/cm ²)	23.5	47.6	108.7	233.3	347.0

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc ($vạch$)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)
1.00	31.2	0.488	
2.00	60.6	0.947	
3.00	87.6	1.369	

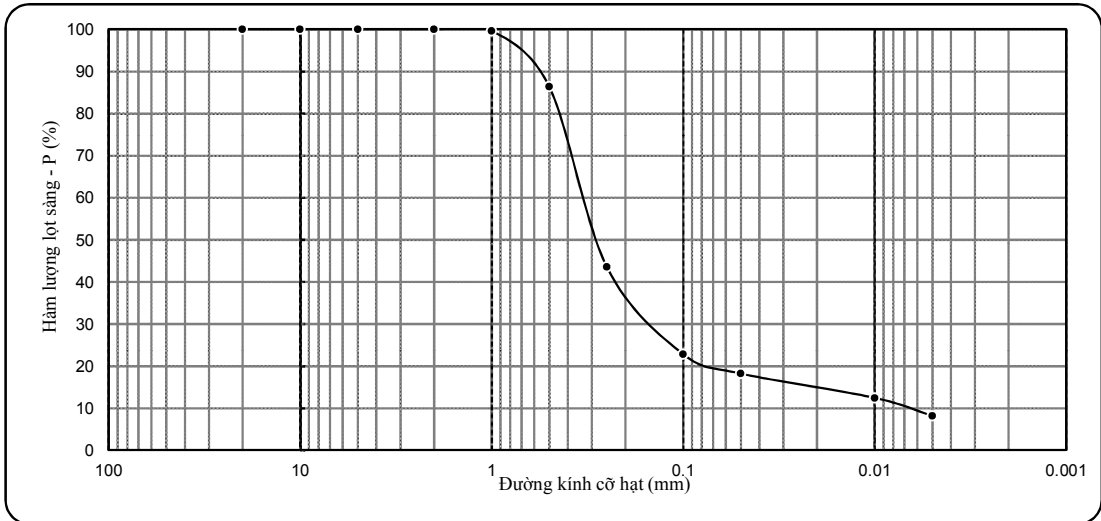
$\tan \phi = 0.441$
 $\phi = 23^{\circ}48'$
 $C = 0.053 \text{ (kG/cm}^2\text{)}$



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 116.1 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)										
	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1				
				0.5	15.3	49.7	24.0				
				0.5	15.3	49.7	24.0				
Cấp hạt	SỎI SẠN			CÁT				BỤI		SÉT	
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				0.4	13.2	42.8	20.7	4.6	5.8	4.2	8.2
P hạt tích lũy lọt sàng(%)				100.0	99.6	86.4	43.5	22.8	18.2	12.4	8.2



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK6-9

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 17.8 - 18.0 m

- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	23.77	1.90	1.54	86	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 9
 -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa
 -Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 149

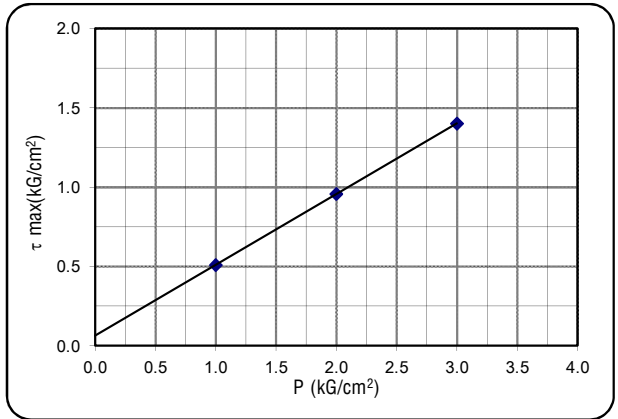
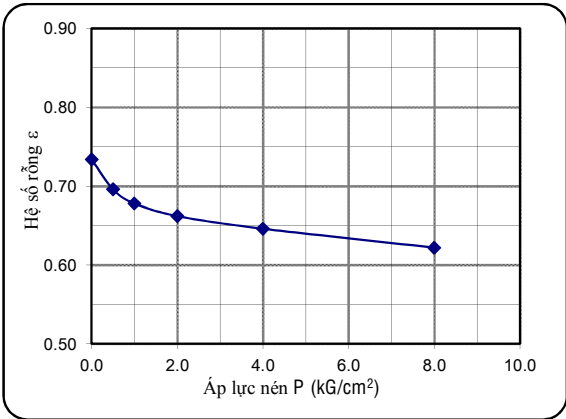
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	72.2	93.5	116.0	148.0
Δh_m	(0.01mm)	7.5	7.5	11.0	15.5	20.0
Δe_n	-	0.038	0.056	0.072	0.088	0.112
e_n	-	0.734	0.696	0.678	0.662	0.622
a	(cm ² /kG)	0.076	0.036	0.016	0.008	0.006
E_o	(kG/cm ²)	22.8	47.1	104.9	207.8	274.3

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	(kG/cm ²) (vạch) (kG/cm ²)
1.00	32.5	0.508	
2.00	61.2	0.957	
3.00	89.6	1.400	

$\tan \phi = 0.446$
 $\phi = 24^{\circ}02'$
 $C = 0.063$ (kG/cm²)

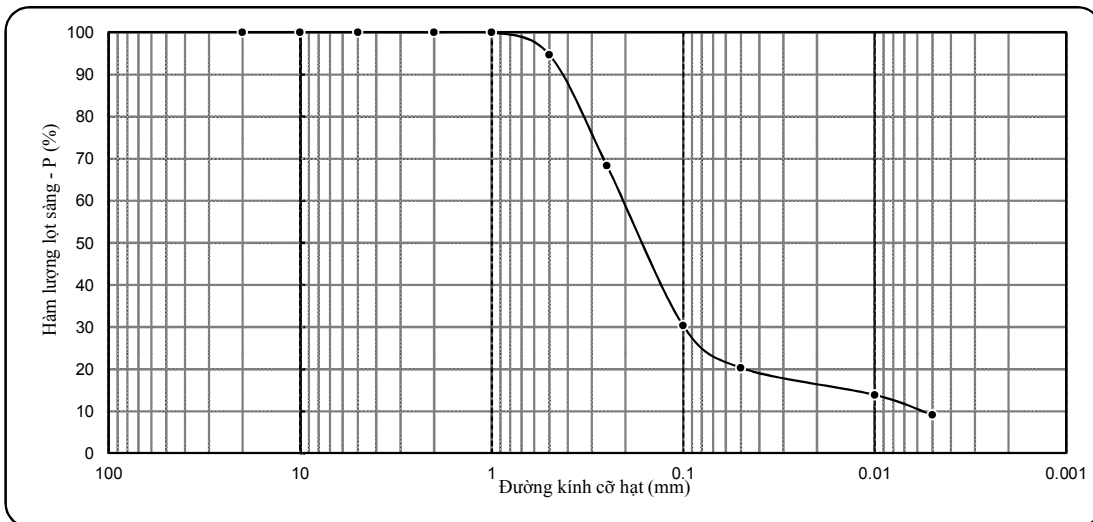


KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 104.1 (g)

- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)					5.6	27.4	39.6			
Cấp hạt	SÔI SẠN	CÁT				BỤI			SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)					5.3	26.3	38.0	10.1	6.4	4.7	9.1
P hạt tích lũy lọt sàng(%)					100.0	94.7	68.3	30.3	20.3	13.8	9.1



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
- Tên mẫu: HK6-10 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
- Độ sâu: 19.8 - 20.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
- Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	22.01	1.96	1.61	90	2.66				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 10 -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm

-Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh: 1.007

-Số đọc sau 24h: 146

P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.0	71.2	92.6	115.0	145.0
Δh_m	(0.01mm)	6.0	7.0	11.0	15.0	19.5
Δe_n	-	0.037	0.053	0.068	0.083	0.104
e_n		0.652	0.615	0.599	0.584	0.569
a	(cm ² /kG)	0.074	0.032	0.015	0.008	0.005
E_o	(kG/cm ²)	22.3	50.5	106.6	211.2	298.9

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến

-Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước

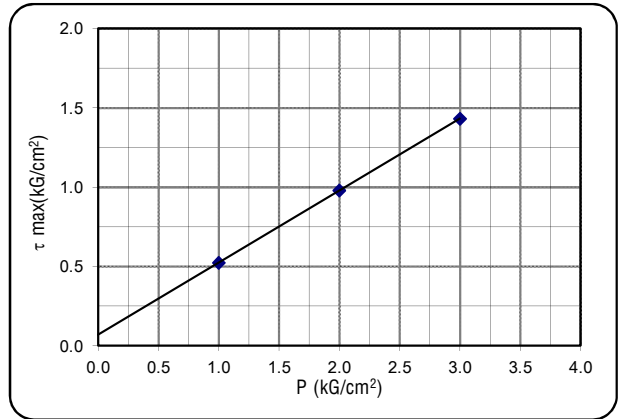
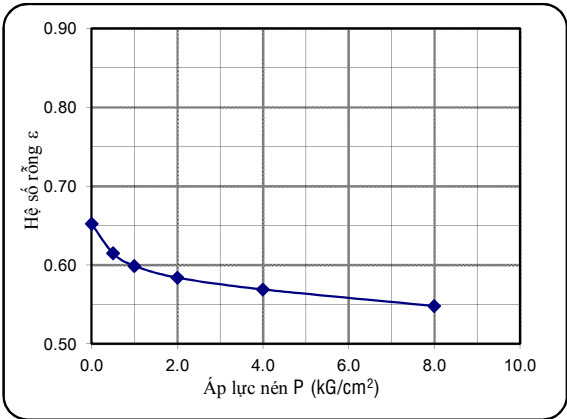
-Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)
1.00	33.5	0.524	
2.00	62.6	0.978	
3.00	91.6	1.432	

$\tan \phi = 0.454$

$\phi = 24^{\circ}25'$

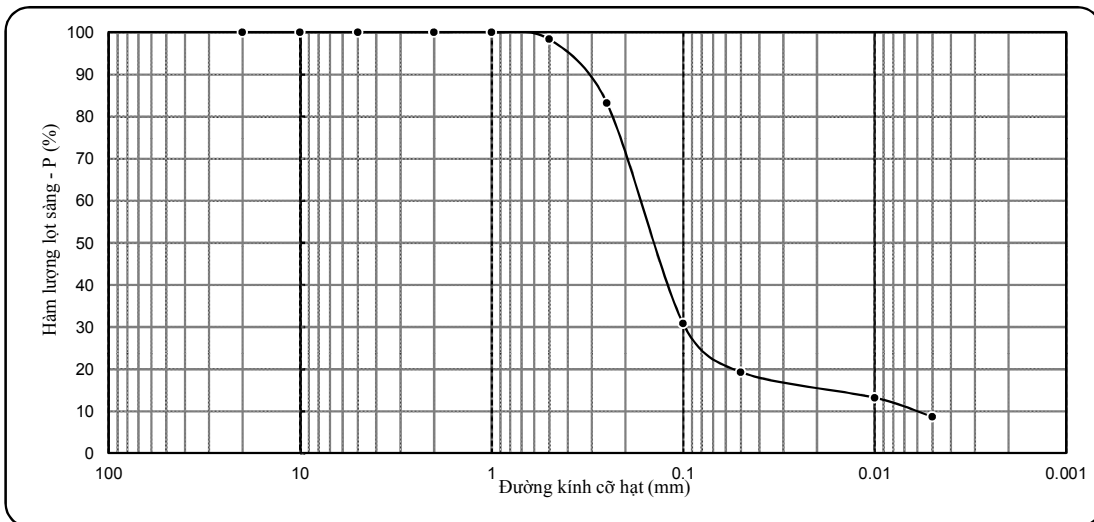
$C = 0.070$ (kG/cm²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 109.7 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)					1.8	16.6	57.4			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)					1.7	15.1	52.3	11.6	6.1	4.5	8.7
P hạt tích lũy lọt sàng(%)					100.0	98.3	83.2	30.8	19.3	13.2	8.7



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK6-11

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 21.8 - 22.0 m

- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	21.94	1.96	1.61	89	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

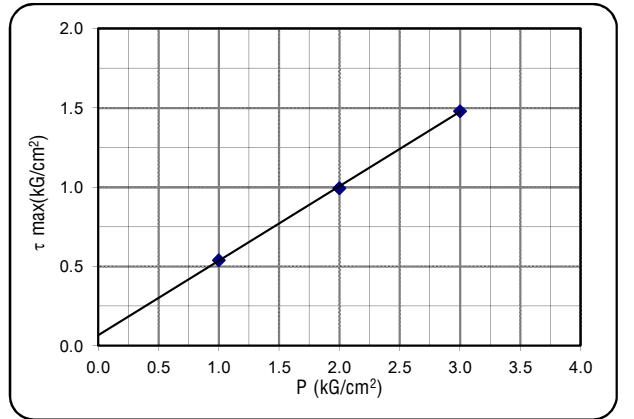
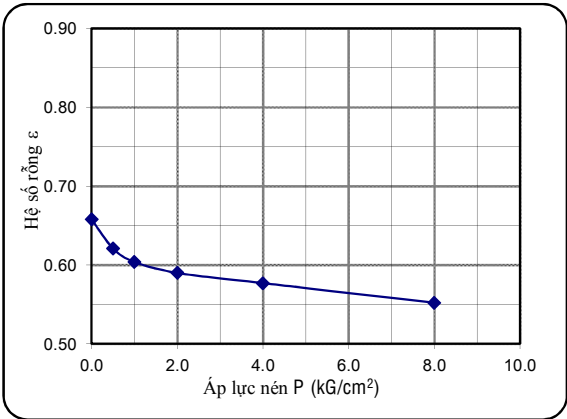
-Số hiệu máy: **11** -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: **149**

P_n (kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n (0.01mm)	51.2	72.2	93.5	113.0	148.0
Δh_m (0.01mm)	6.5	7.0	12.0	16.0	21.0
Δe_n	0.037	0.054	0.068	0.081	0.106
e_n	0.658	0.621	0.604	0.590	0.577
a (cm ² /kG)	0.074	0.034	0.014	0.007	0.006
E_o (kG/cm ²)	22.4	47.7	114.6	244.6	252.3

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

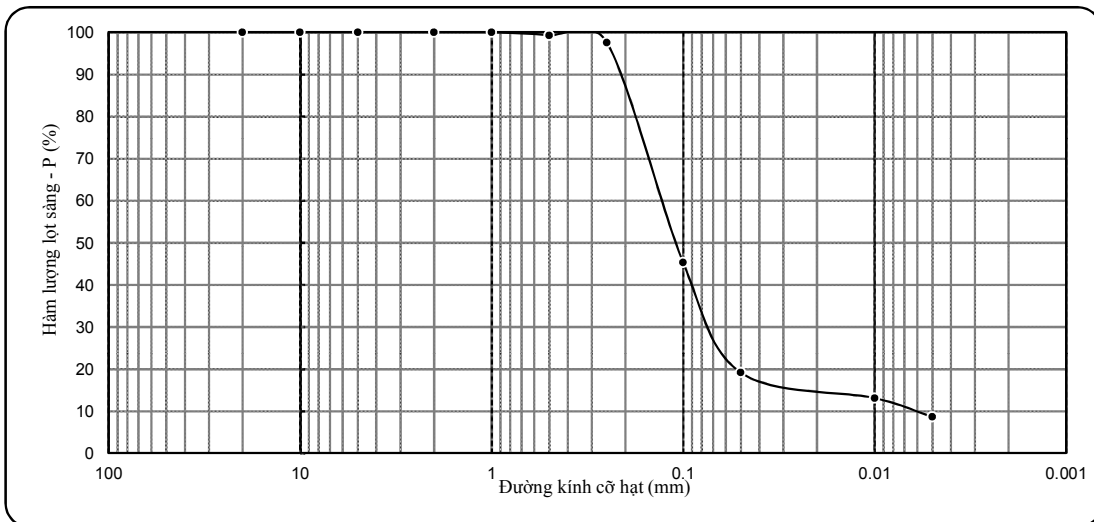
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.47$ $\phi = 25^{\circ}10'$ $C = 0.065$ (kG/cm ²)
1.00	34.5	0.539	
2.00	63.6	0.994	
3.00	94.6	1.479	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 110.3 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)					0.8	1.9	57.6			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT				BỤI			SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)					0.7	1.7	52.2	26.2	6.1	4.5	8.6
P hạt tích lũy lọt sàng(%)					100.0	99.3	97.6	45.3	19.2	13.1	8.6



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK6-12

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 24.8 - 25.0 m

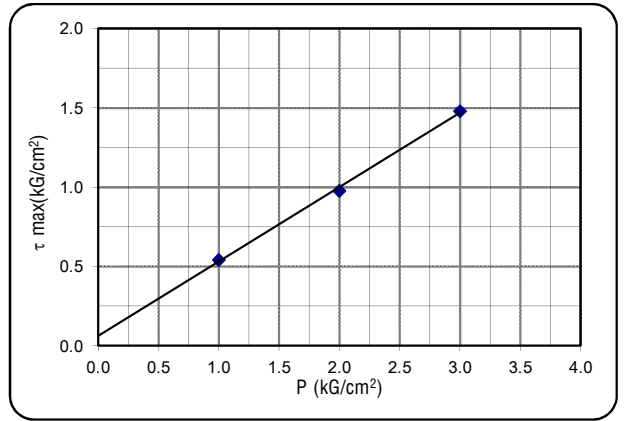
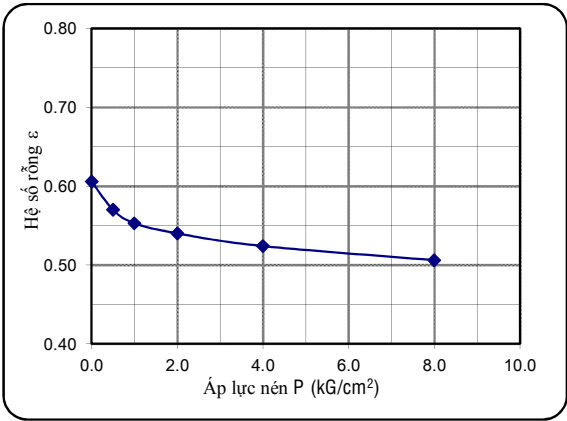
- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng

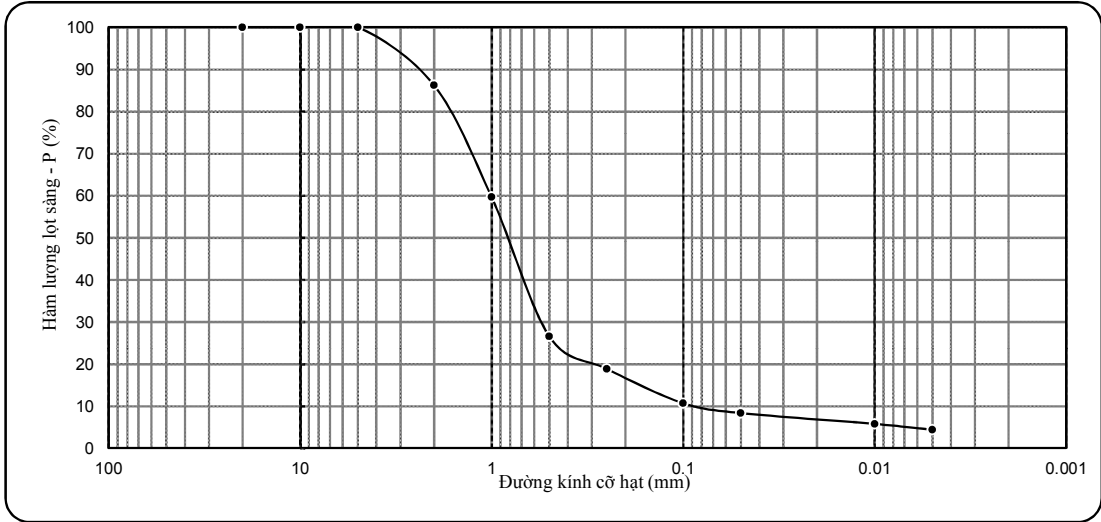
Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	18.98	1.96	1.65	83	2.65				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN						
-Số hiệu máy: 12		-Chiều cao mẫu h_0 : 20mm				
-Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa		-Hệ số hiệu chỉnh: 1.007				
		-Số đọc sau 24h: 143				
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.1	71.2	91.2	115.0	142.0
Δh_m	(0.01mm)	5.0	5.5	9.0	13.5	18.5
Δe_n	-	0.036	0.053	0.066	0.082	0.100
e_n	-	0.606	0.570	0.553	0.540	0.524
a	(cm ² /kG)	0.072	0.034	0.013	0.008	0.005
E_o	(kG/cm ²)	22.3	46.2	119.5	192.5	338.7

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG			
-Kiểu cắt: Ứng biến			
-Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước			
-Hệ số vòng ứng biến: 0.01563			
Áp lực nén, P_n	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max}	$\tan \phi = 0.469$ $\phi = 25^{\circ}08'$ $C = 0.061$ (kG/cm ²)
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
1.00	34.6	0.541	
2.00	62.5	0.977	
3.00	94.6	1.479	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT		- Khối lượng đất dùng TN: 117.5 (g)	- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)
* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)		-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0 5.0 2.0 1.0 0.5 0.25 0.1
		-Khối lượng trên từng sàng (g)	16.2 31.2 38.9 9.2 9.6
Cấp hạt	SỎI SẠC		CÁT
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2
P cỡ hạt trên sàng (%)		13.8	26.5
P hạt tích lũy lọt sàng(%)		100.0	86.2
		59.7	26.6
		18.8	10.7
		8.3	5.7
		4.4	4.4



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK7-1 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 1.8 - 2.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu xám vàng, trạng thái dẻo cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	20.20	2.02	1.68	89	2.71	30.5	15.5	15.0	0.31

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

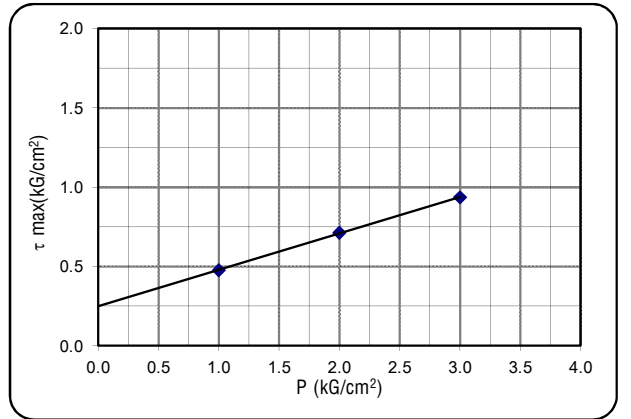
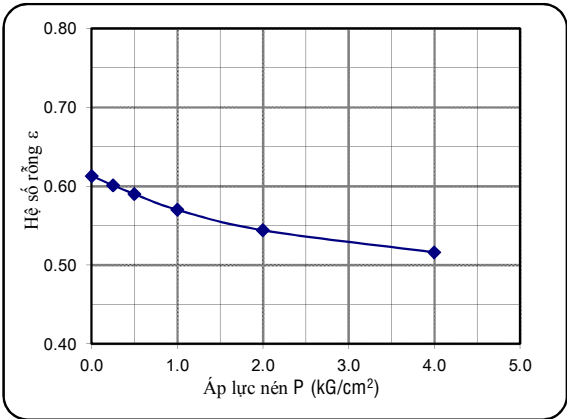
-Số hiệu máy: 1 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.015
 -Số đọc sau 24h: 137

P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	20.0	35.0	61.0	96.0	135.0
Δh_m (0.01mm)	5.5	7.0	8.5	12.0	17.0
Δe_n	0.012	0.023	0.043	0.069	0.097
e_n	0.613	0.601	0.590	0.570	0.516
a (cm ² /kG)	0.048	0.044	0.040	0.026	0.014
E_i (kG/cm ²)	33.6	36.4	39.8	60.4	110.3

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh, bão hòa nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

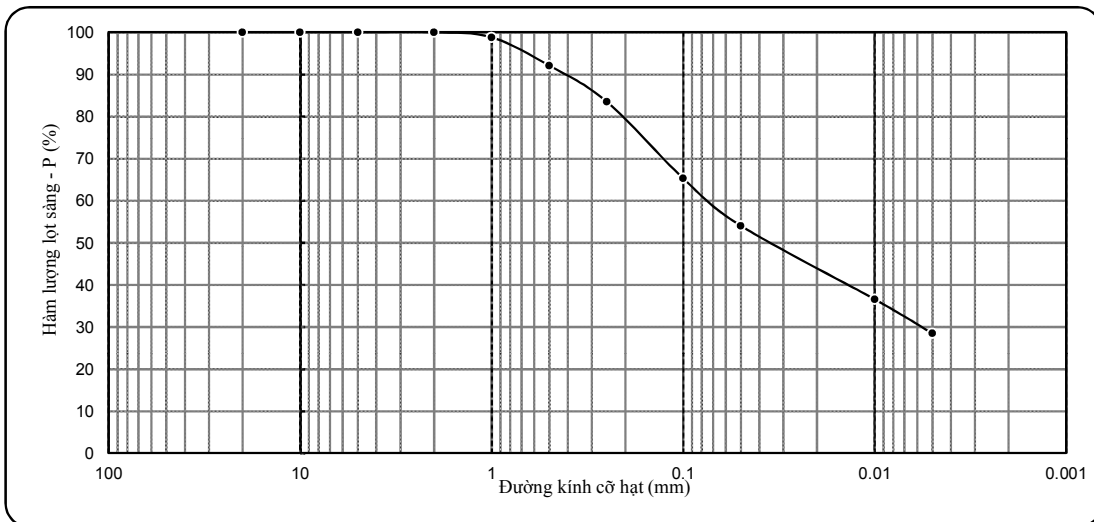
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.229$ $\phi = 12o54'$ $C = 0.250$ (kG/cm ²)
1.00	30.5	0.477	
2.00	45.5	0.711	
3.00	59.8	0.935	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 34.8 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)					0.4	2.3	3.0	6.3			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				1.2	6.7	8.6	18.2	11.3	17.5	8.1	28.5
P hạt tích lũy lọt sàng (%)				100.0	98.8	92.1	83.5	65.3	54.0	36.5	28.5



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
- Tên mẫu: HK7-2 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
- Độ sâu: 3.8 - 4.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
- Mô tả đất: Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu nâu đỏ - xám tro, trạng thái nửa cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	19.04	2.05	1.72	87	2.75	32.8	17.9	14.9	0.08

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: -Chiều cao mẫu h_0 :

-Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh:

-Số đọc sau 24h:

P_n	(kG/cm ²)				
Δh_n	(0.01mm)				
Δh_m	(0.01mm)				
Δe_n	-				
e_n					
a	(cm ² /kG)				
E_i	(kG/cm ²)				

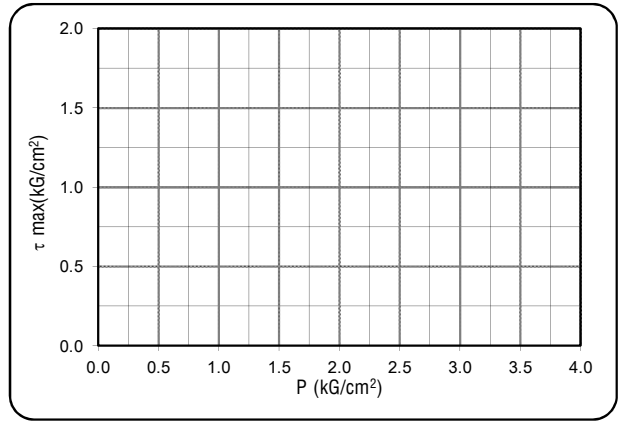
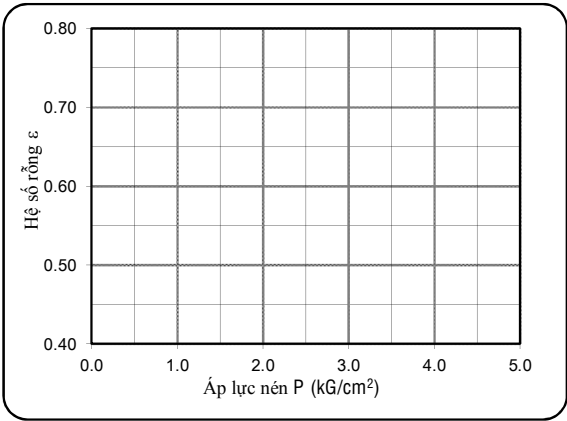
KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến

-Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước

-Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi =$
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
			$\phi =$
			C = (kG/cm ²)

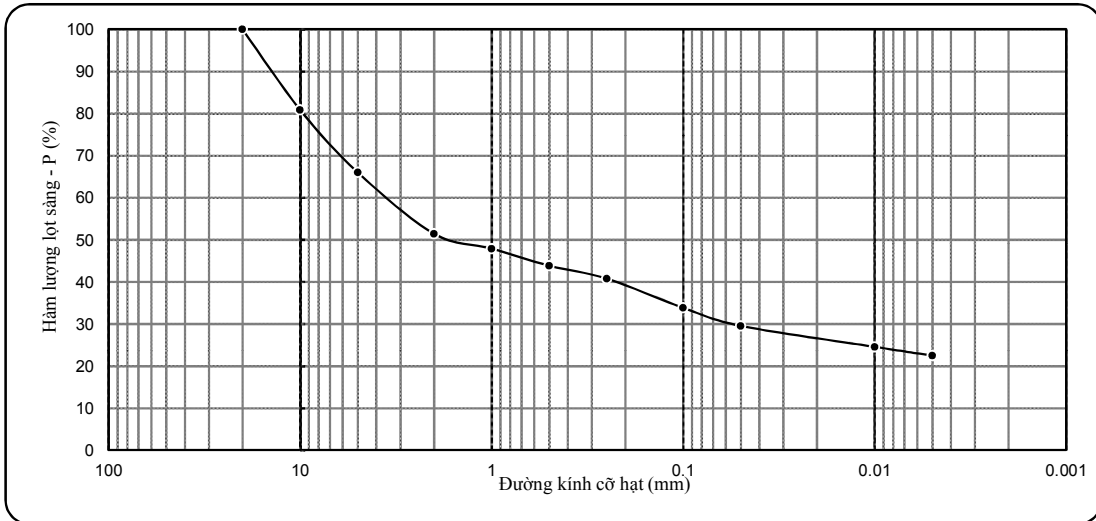


KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 75.8 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1
-Khối lượng trên từng sàng (g)		14.5	11.3	11.0	2.7	3.1	2.3	5.2

Cấp hạt	SỎI SẠN				CÁT				BỤI		SÉT
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)	19.1	14.9	14.6	3.5	4.1	3.1	6.9	4.3	5.0	2.1	22.4
P hạt tích lũy lọt sàng (%)	100	80.9	66.0	51.4	47.9	43.8	40.7	33.8	29.5	24.5	22.4



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK7-3 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 5.8 - 6.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu nâu đỏ - xám trắng, trạng thái nửa cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	20.70	2.05	1.70	93	2.74	34.7	18.0	16.7	0.16

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

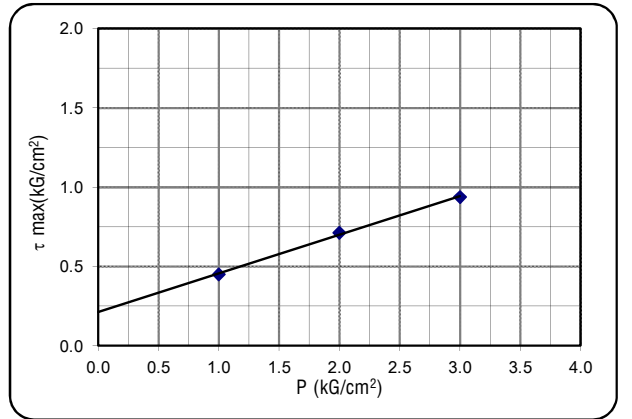
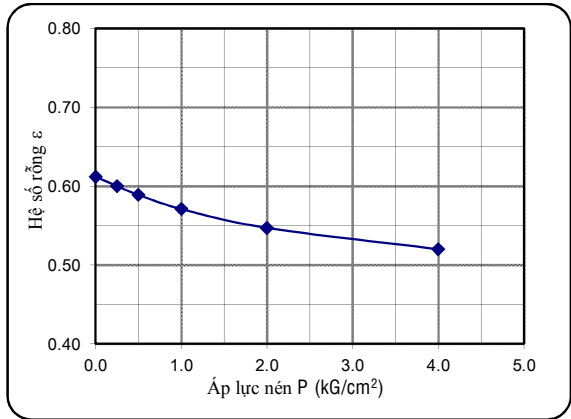
-Số hiệu máy: 3 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.015
 -Số đọc sau 24h: 132

P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	20.2	35.5	58.6	92.5	130.0
Δh_m (0.01mm)	5.5	7.0	8.5	13.0	18.0
Δe_n	0.012	0.023	0.041	0.065	0.092
e_n	0.612	0.600	0.589	0.571	0.520
a (cm ² /kG)	0.048	0.044	0.036	0.024	0.014
E_i (kG/cm ²)	33.6	36.4	44.1	65.5	114.6

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

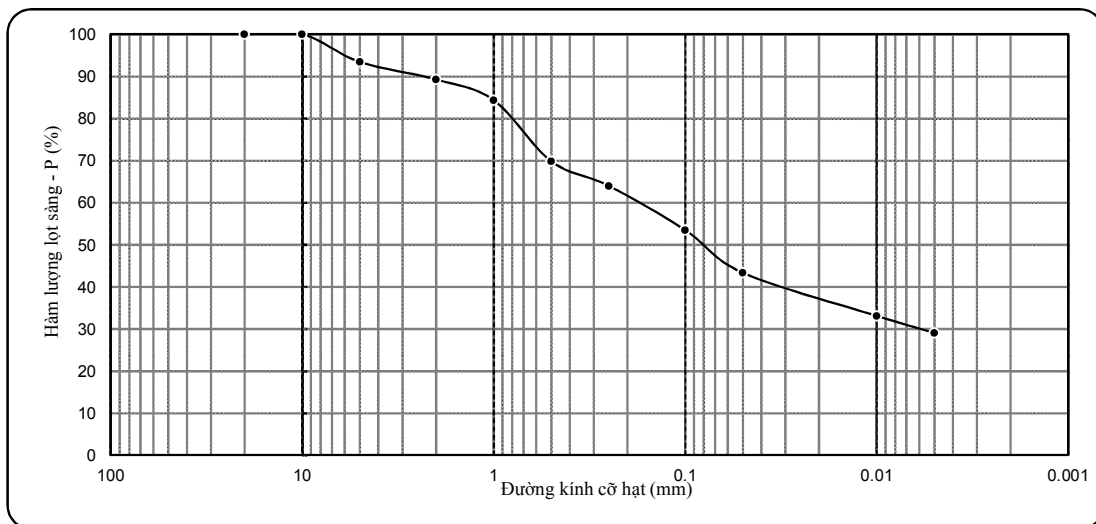
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.244$ $\phi = 13^{\circ}43'$ $C = 0.212$ (kG/cm ²)
1.00	28.8	0.450	
2.00	45.5	0.711	
3.00	60.0	0.938	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 39.5 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)			2.6	1.7	1.9	5.7	2.3	4.1			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT				BỤI			SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)		6.6	4.2	4.9	14.5	5.9	10.5	10.2	10.2	4.0	29.0
P hạt tích lũy lọt sàng (%)		100.0	93.4	89.2	84.3	69.8	64.0	53.5	43.3	33.1	29.0



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK7-4 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 7.8 - 8.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu xám trắng - nâu đỏ, trạng thái dẻo cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	20.19	1.90	1.58	77	2.71	30.5	16.5	14.0	0.26

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

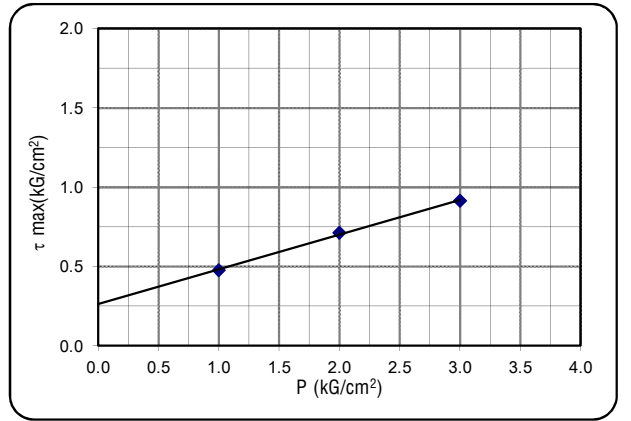
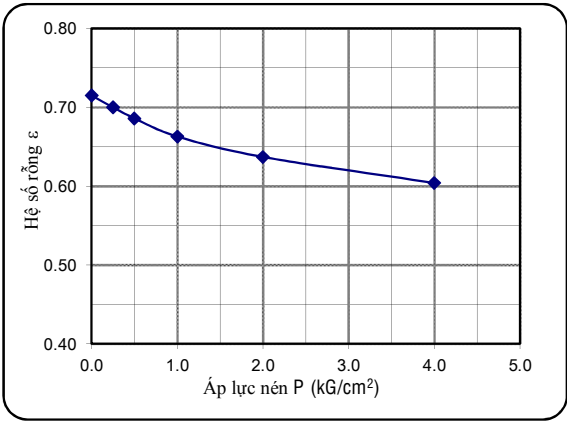
-Số hiệu máy: 4 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.014
 -Số đọc sau 24h: 147

P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	22.5	40.2	68.5	102.0	145.0
Δh_m (0.01mm)	5.0	6.5	8.5	12.5	17.0
Δe_n	0.015	0.029	0.052	0.078	0.111
e_n	0.715	0.700	0.686	0.663	0.604
a (cm ² /kG)	0.060	0.056	0.046	0.026	0.017
E_i (kG/cm ²)	28.6	30.4	36.7	64.0	99.2

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

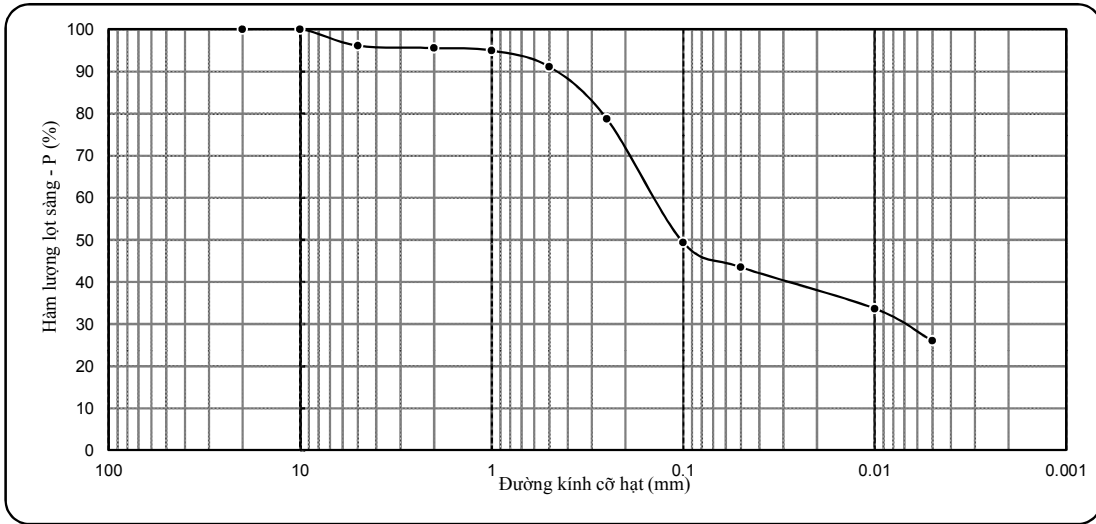
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.219$ $\phi = 12o21'$ $C = 0.263$ (kG/cm ²)
1.00	30.5	0.477	
2.00	45.5	0.711	
3.00	58.5	0.914	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 42.6 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)		1.7	0.2	0.3	1.6	5.3	12.5			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)		3.9	0.6	0.6	3.8	12.4	29.3	5.9	9.8	7.6	26.0
P hạt tích lũy lọt sàng (%)		100.0	96.1	95.5	94.9	91.1	78.7	49.4	43.5	33.6	26.0



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK7-5 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 9.8 - 10.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu xám trắng - nâu đỏ, trạng thái dẻo cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	21.09	1.99	1.64	88	2.70	32.7	16.4	16.3	0.29

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

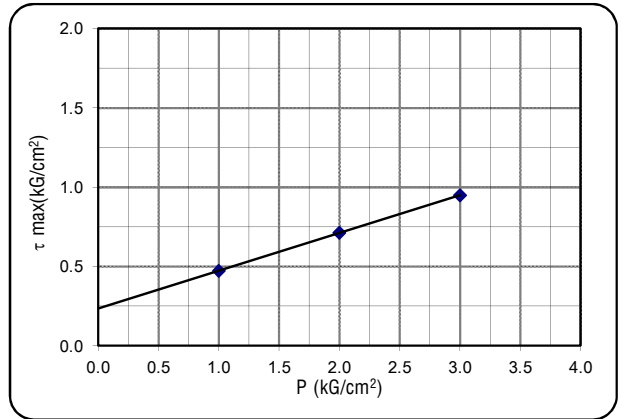
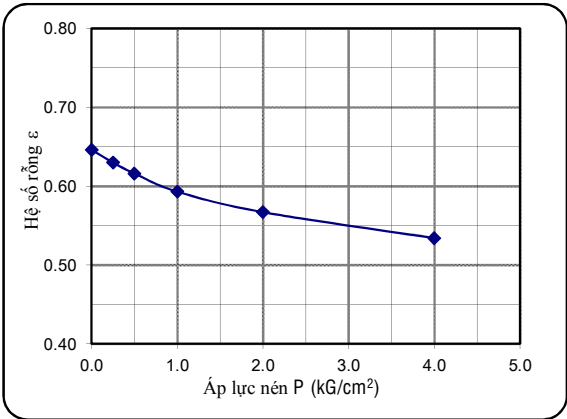
-Số hiệu máy: 5 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 151

P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	24.0	42.0	70.5	106.0	150.0
Δh_m (0.01mm)	4.5	6.0	6.0	10.5	15.0
Δe_n	0.016	0.030	0.053	0.079	0.112
e_n	0.646	0.630	0.616	0.593	0.567
a (cm ² /kG)	0.064	0.056	0.046	0.026	0.017
E_i (kG/cm ²)	25.7	29.1	35.1	61.3	95.0

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

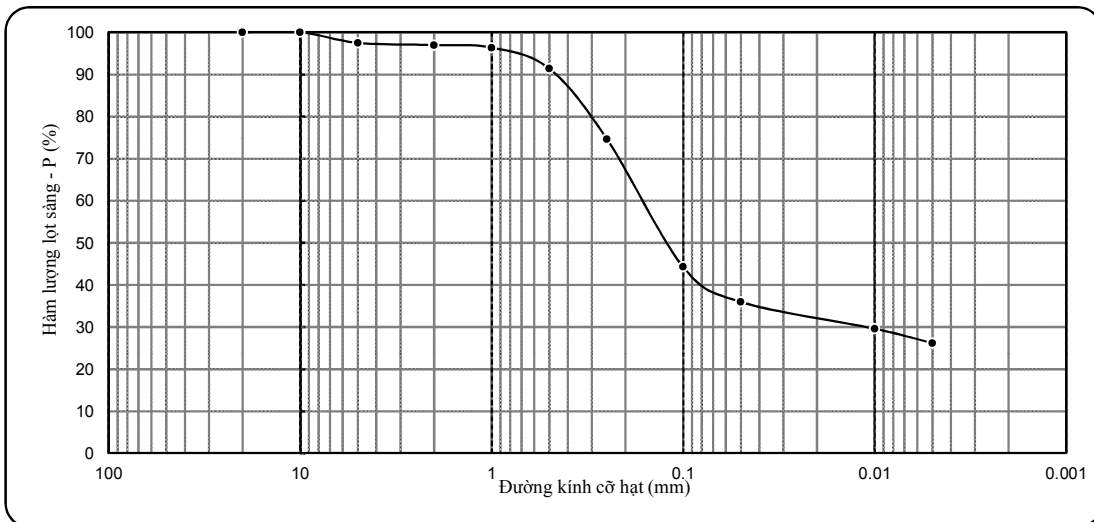
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.238$ $\phi = 13^{\circ}23'$ $C = 0.235$ (kG/cm ²)
1.00	30.2	0.472	
2.00	45.6	0.713	
3.00	60.6	0.947	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 47.2 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mặt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)			1.2	0.3	0.3	2.4	7.9	14.3			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)		2.5	0.5	0.6	5.0	16.7	30.4	8.3	6.4	3.4	26.1
P hạt tích lũy lọt sàng (%)		100.0	97.5	96.9	96.3	91.4	74.6	44.3	35.9	29.6	26.1



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK7-6 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 11.8 - 12.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám nâu

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	20.75	1.96	1.62	85	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 6 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 143

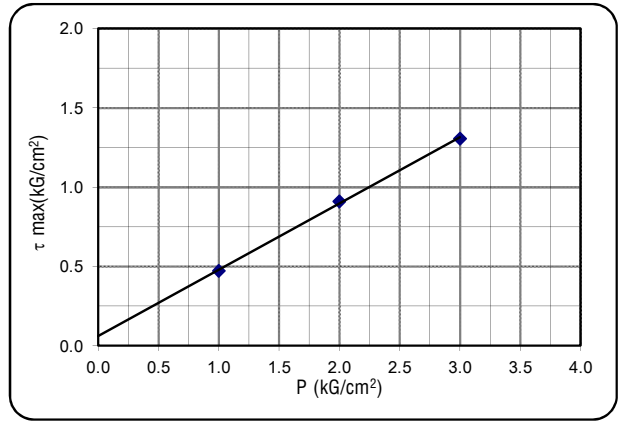
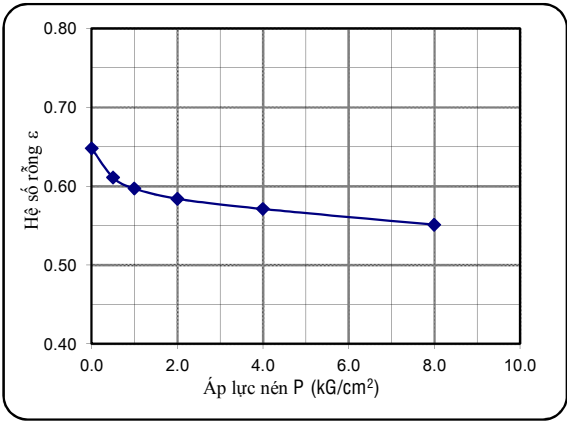
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	71.2	91.2	113.0	142.0
Δh_m	(0.01mm)	7.0	9.5	14.5	20.0	25.0
Δe_n	-	0.037	0.051	0.064	0.077	0.097
e_n	0.648	0.611	0.597	0.584	0.571	0.551
a	(cm ² /kG)	0.074	0.028	0.013	0.007	0.005
E_o	(kG/cm ²)	22.3	57.5	122.8	243.7	314.2

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)
1.00	30.2	0.472	
2.00	58.2	0.910	
3.00	83.6	1.307	

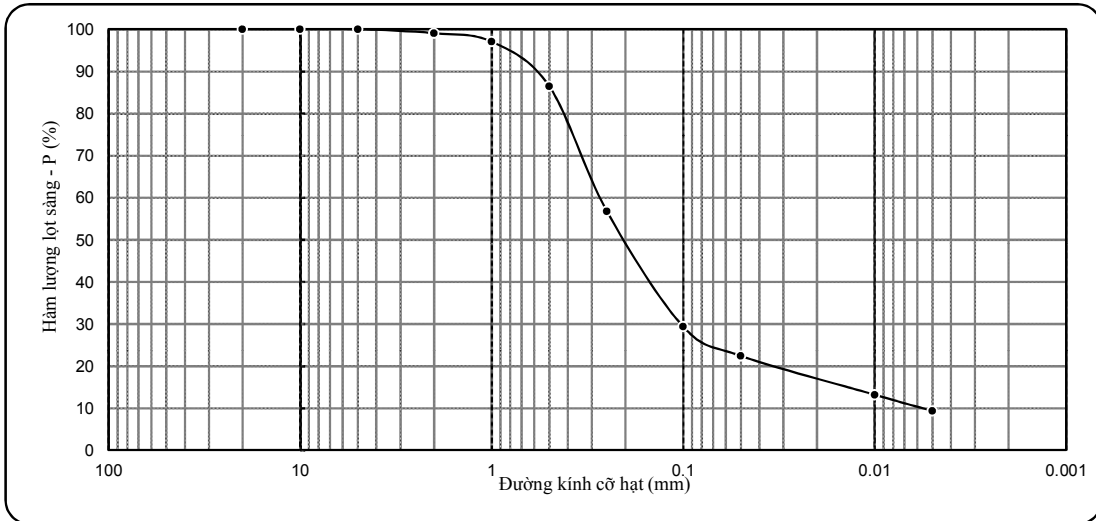
$\tan \phi = 0.417$
 $\phi = 22^{\circ}38'$
 $C = 0.061$ (kG/cm²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 109.5 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)			1.0	2.2	11.6	32.5	30.0			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)			0.9	2.0	10.6	29.7	27.4	7.0	9.2	3.9	9.3
P hạt tích lũy lọt sàng(%)			100.0	99.1	97.0	86.4	56.8	29.4	22.4	13.2	9.3



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK7-7 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 13.8 - 14.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám nâu

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	19.94	2.02	1.68	90	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

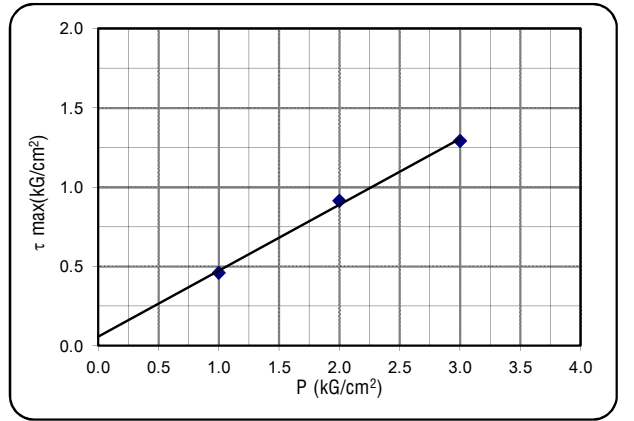
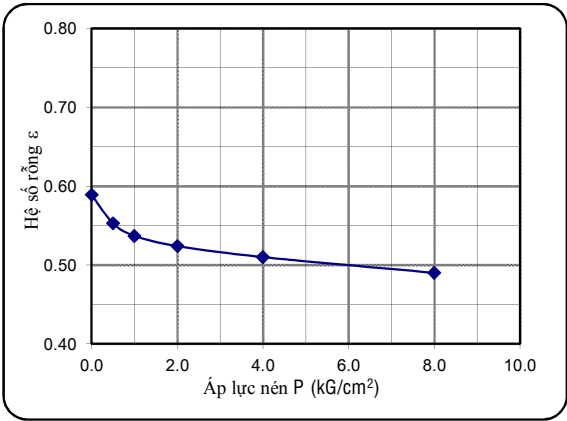
-Số hiệu máy: 7 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.014
 -Số đọc sau 24h: 147

P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.1	72.2	92.6	115.0	145.0
Δh_m	(0.01mm)	6.0	8.0	12.0	17.0	22.0
Δe_n	-	0.036	0.052	0.065	0.079	0.099
e_n		0.589	0.553	0.537	0.524	0.510
a	(cm ² /kG)	0.072	0.032	0.013	0.007	0.005
E_o	(kG/cm ²)	22.1	48.5	118.2	217.7	302.0

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

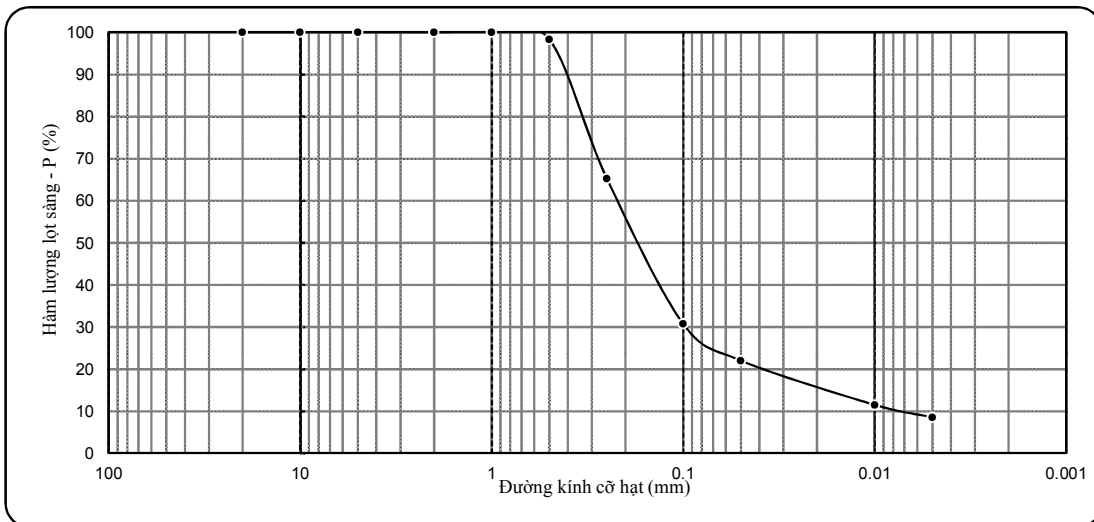
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
1.00	29.4	0.460	$\tan \phi = 0.416$ $\phi = 22^{\circ}35'$ $C = 0.057 \text{ (kG/cm}^2\text{)}$
2.00	58.5	0.914	
3.00	82.6	1.291	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 111.4 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)					1.9	36.8	38.4			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT				BỤI			SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)					1.7	33.0	34.5	8.8	10.5	2.9	8.5
P hạt tích lũy lọt sàng(%)					100.0	98.3	65.2	30.8	22.0	11.5	8.5



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK7-8 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 15.8 - 16.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám nâu

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	19.84	1.99	1.66	88	2.66				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

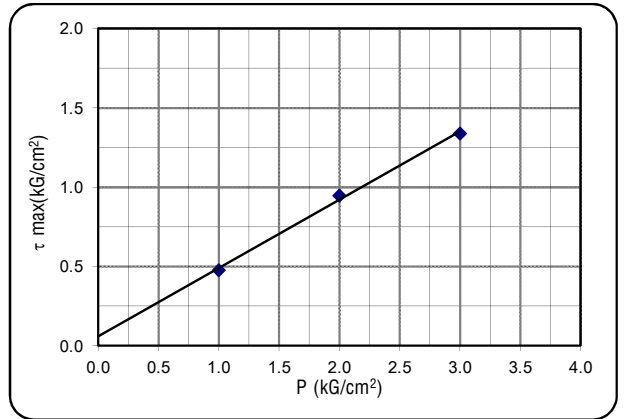
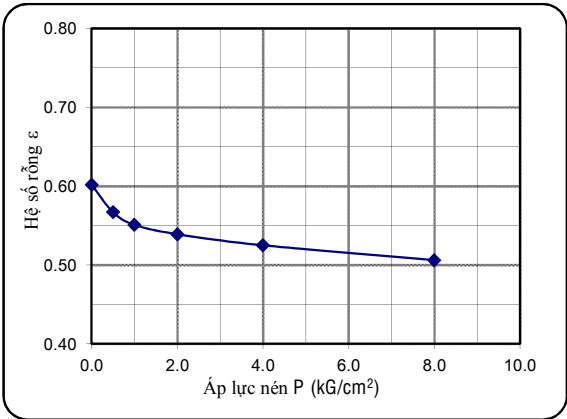
-Số hiệu máy: 8 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 143

P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	71.2	91.2	113.0	142.0
Δh_m	(0.01mm)	7.5	8.0	12.5	18.0	23.5
Δe_n	-	0.035	0.051	0.063	0.077	0.096
e_n	0.602	0.567	0.551	0.539	0.525	0.506
a	(cm ² /kG)	0.070	0.032	0.012	0.007	0.005
E_o	(kG/cm ²)	22.9	49.0	129.3	219.9	321.1

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

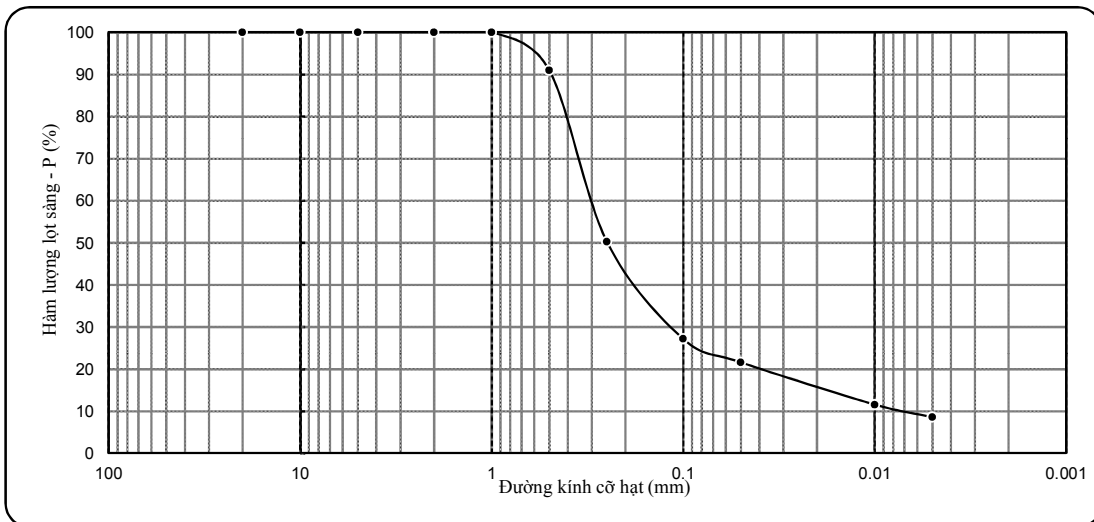
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.431$ $\phi = 23^{\circ}19'$ $C = 0.059$ (kG/cm ²)
1.00	30.5	0.477	
2.00	60.5	0.946	
3.00	85.6	1.338	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 110.7 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)					10.0	45.1	25.6			
Cấp hạt	SỎI SẠN			CÁT				BỤI		SÉT	
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)					9.0	40.7	23.1	5.6	10.0	3.0	8.6
P hạt tích lũy lọt sàng (%)					100.0	91.0	50.3	27.2	21.6	11.6	8.6



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK7-9

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 17.8 - 18.0 m

- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á cát, màu xám nâu

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	21.32	1.94	1.60	85	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 9
 -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa
 -Hệ số hiệu chỉnh: 1.014
 -Số đọc sau 24h: 147

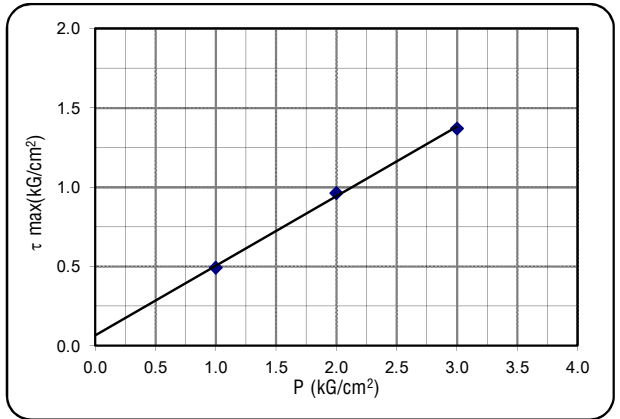
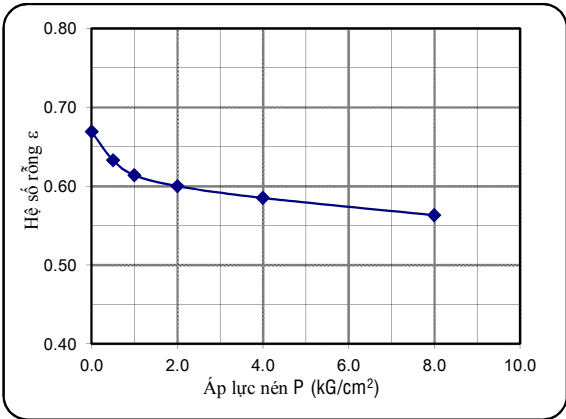
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.1	72.2	92.2	115.0	145.0
Δh_m	(0.01mm)	7.5	7.5	11.0	15.5	20.0
Δe_n	-	0.036	0.055	0.069	0.084	0.106
e_n	0.669	0.633	0.614	0.600	0.585	0.563
a	(cm ² /kG)	0.072	0.038	0.014	0.008	0.006
E_o	(kG/cm ²)	23.2	43.0	115.3	213.3	288.2

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)
1.00	31.5	0.492			
2.00	61.6	0.963			
3.00	87.6	1.369			

$\tan \phi = 0.438$
 $\phi = 23^{\circ}39'$
 $C = 0.065$ (kG/cm²)

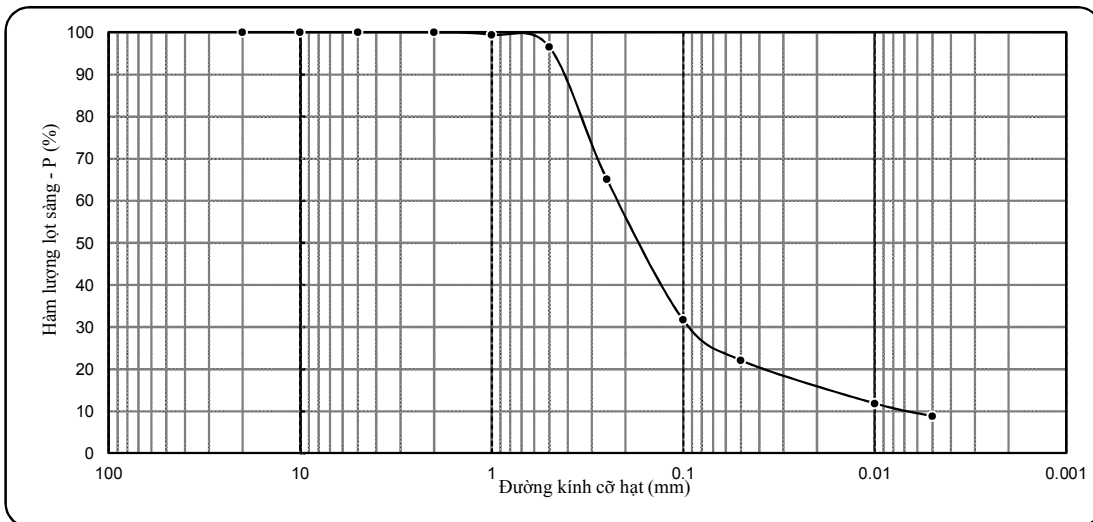


KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 108.1 (g)

- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	- Đường kính mắt sàng(mm)							- Khối lượng trên từng sàng (g)			
	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1	0.7	3.1	34.0	36.1
Cấp hạt	SỎI SẠN			CÁT				BỤI		SÉT	
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				0.6	2.9	31.4	33.4	9.6	10.2	3.0	8.8
P hạt tích lũy lọt sàng(%)				100.0	99.4	96.5	65.1	31.7	22.1	11.8	8.8



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK7-10 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 19.8 - 20.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám nâu

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	23.79	1.96	1.58	92	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

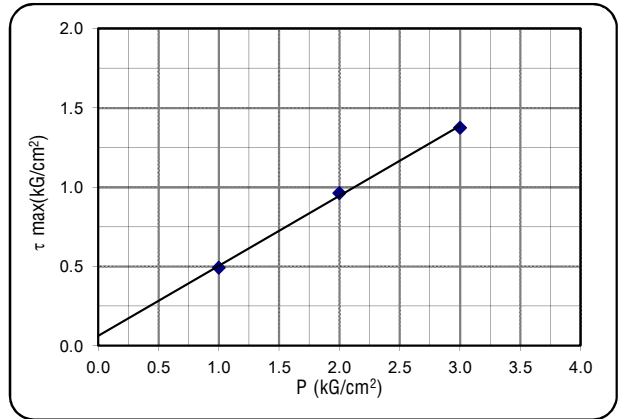
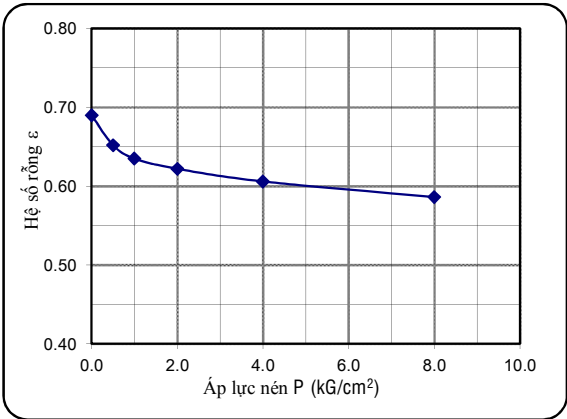
-Số hiệu máy: 10 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 143

P_n (kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n (0.01mm)	51.2	71.2	91.2	114.0	142.0
Δh_m (0.01mm)	6.0	7.0	11.0	15.0	19.5
Δe_n	0.038	0.055	0.068	0.084	0.104
e_n	0.690	0.652	0.635	0.622	0.606
a (cm ² /kG)	0.076	0.034	0.013	0.008	0.005
E_o (kG/cm ²)	22.2	48.6	125.8	202.8	321.2

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

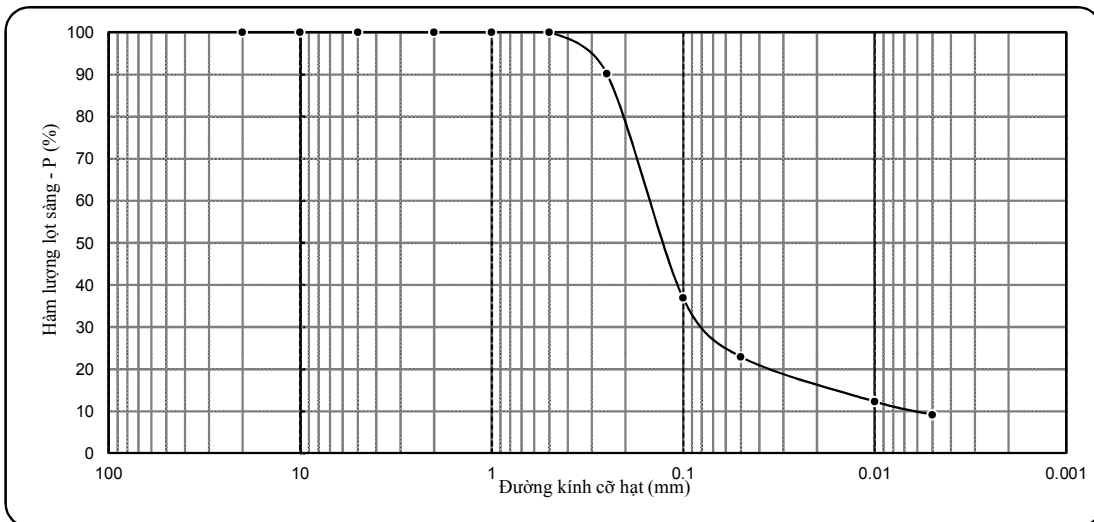
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.442$ $\phi = 23^{\circ}51'$ $C = 0.060$ (kG/cm ²)
1.00	31.5	0.492	
2.00	61.6	0.963	
3.00	88.0	1.375	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 104.2 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)							10.3	55.5			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT				BỤI			SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)						9.9	53.3	14.0	10.6	3.1	9.1
P hạt tích lũy lọt sàng (%)						100.0	90.1	36.9	22.9	12.3	9.1



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK7-11

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 21.8 - 22.0 m

- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á cát, màu xám nâu

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	17.95	2.06	1.75	91	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: **11** -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: **147**

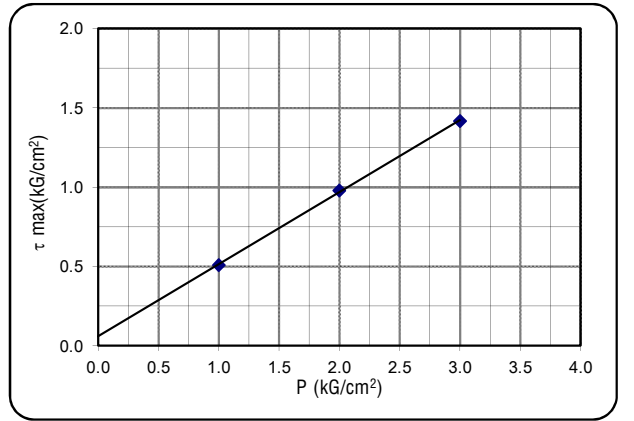
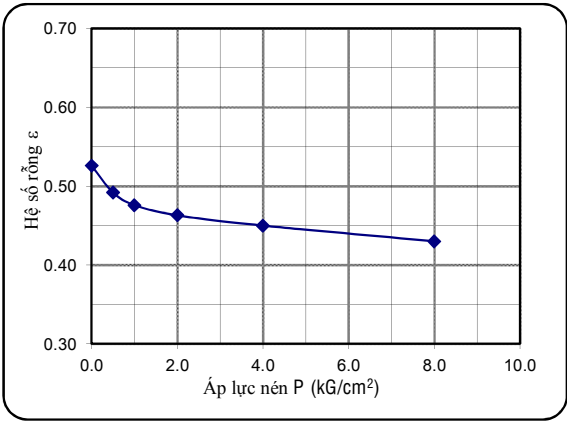
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.2	72.5	93.5	115.0	146.0
Δh_m	(0.01mm)	6.5	7.0	12.0	16.0	21.0
Δe_n	-	0.034	0.050	0.063	0.076	0.096
e_n	-	0.526	0.492	0.476	0.463	0.450
a	(cm ² /kG)	0.068	0.032	0.013	0.007	0.005
E_o	(kG/cm ²)	22.4	46.6	113.5	225.1	290.0

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)
1.00	32.5	0.508	
2.00	62.6	0.978	
3.00	90.6	1.416	

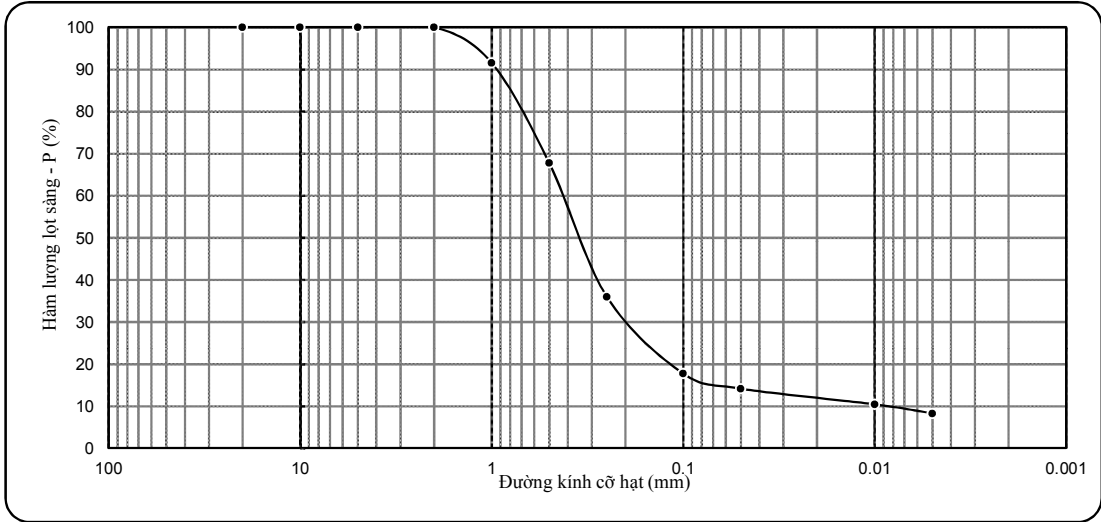
$\tan \phi = 0.454$
 $\phi = 24^{\circ}25'$
 $C = 0.059$ (kG/cm²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 114.9 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)				9.8	27.3	36.5	20.9			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				8.5	23.8	31.8	18.2	3.6	3.7	2.1	8.3
P hạt tích lũy lọt sàng(%)				100.0	91.5	67.7	36.0	17.7	14.1	10.4	8.3



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK7-12

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 22.8 - 23.0 m

- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á cát, màu xám nâu

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	18.25	2.04	1.73	90	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 12 -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 143

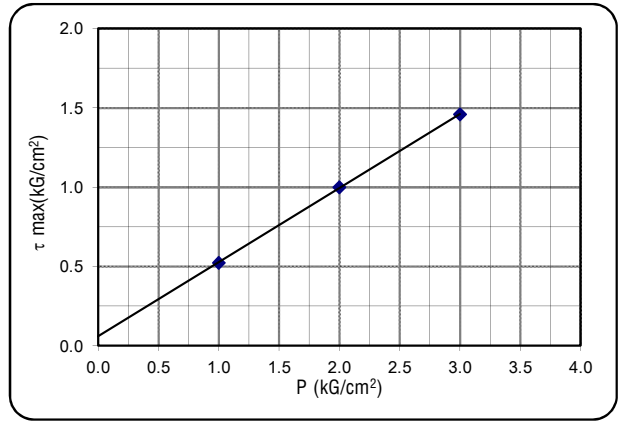
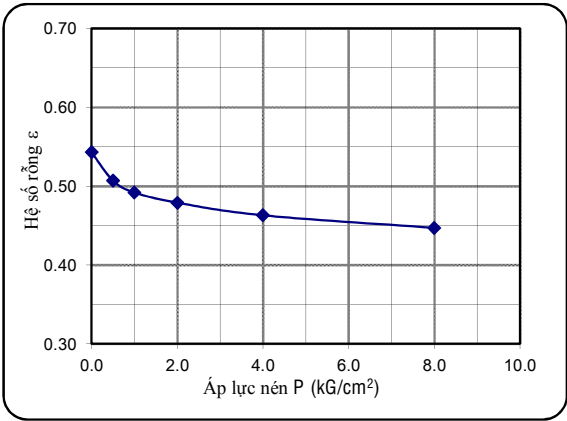
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	71.2	91.2	116.0	142.0
Δh_m	(0.01mm)	5.0	5.5	9.0	13.5	18.5
Δe_n	-	0.036	0.051	0.064	0.080	0.096
e_n	0.543	0.507	0.492	0.479	0.463	0.447
a	(cm ² /kG)	0.072	0.030	0.013	0.008	0.004
E_o	(kG/cm ²)	21.4	50.2	114.8	184.9	365.8

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc (vạch)	ƯS cắt t_{max}	(kG/cm ²)
1.00	33.5	0.524	
2.00	63.9	0.999	
3.00	93.3	1.457	

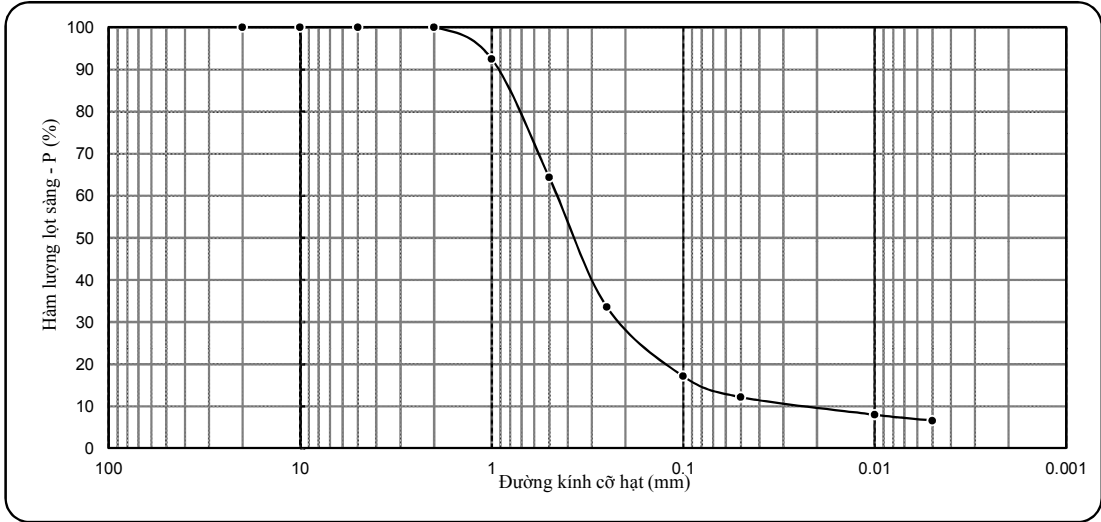
$\tan \phi = 0.467$
 $\phi = 25^{\circ}02'$
 $C = 0.059$ (kG/cm²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 115.4 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)				8.7	32.5	35.5	18.9			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				7.5	28.2	30.8	16.4	5.0	4.2	1.4	6.5
P hạt tích lũy lọt sàng(%)				100.0	92.5	64.3	33.5	17.1	12.1	7.9	6.5



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK7-13 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 24.8 - 25.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Sét, màu xám nâu - xám tro, trạng thái nửa cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	28.49	1.92	1.49	93	2.74	52.0	26.0	26.0	0.10

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

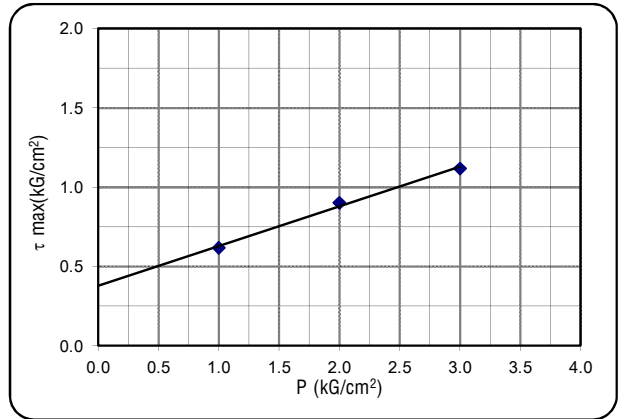
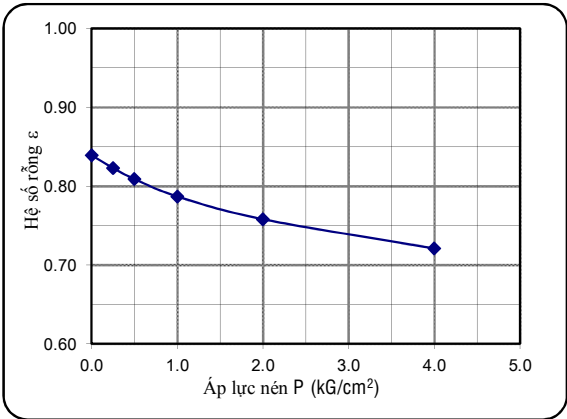
-Số hiệu máy: 13 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 143

P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	21.2	37.5	62.5	98.0	142.0
Δh_m (0.01mm)	4.0	5.5	6.5	10.5	14.5
Δe_n	0.016	0.030	0.052	0.081	0.118
e_n	0.839	0.823	0.809	0.787	0.721
a (cm ² /kG)	0.064	0.056	0.044	0.029	0.019
E_i (kG/cm ²)	28.7	32.6	41.1	61.6	95.0

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

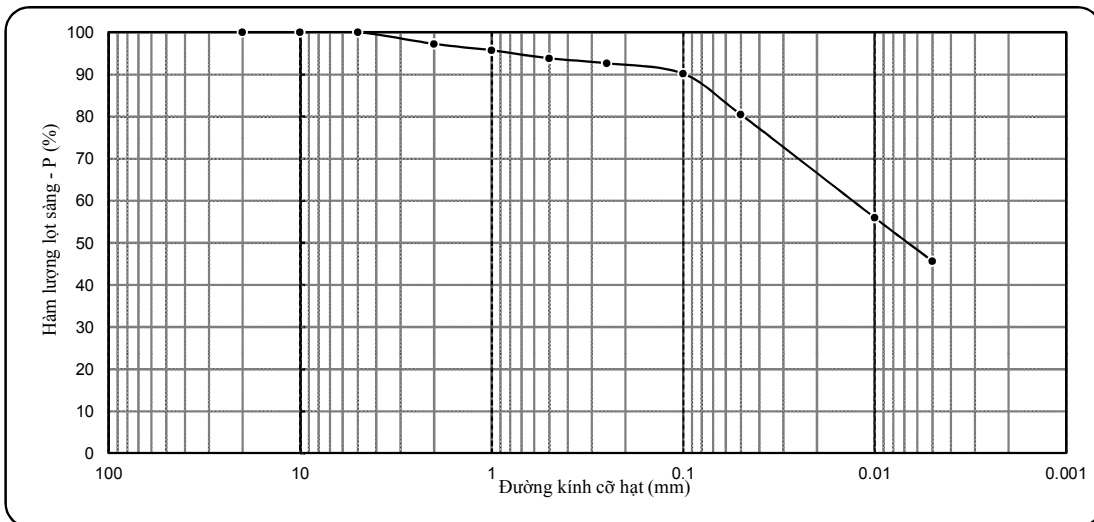
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.25$ $\phi = 14^{\circ}02'$ $C = 0.378$ (kG/cm ²)
1.00	39.5	0.617	
2.00	57.6	0.900	
3.00	71.5	1.118	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 31.3 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)				0.9	0.5	0.6	0.4	0.8			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)			2.8	1.5	1.9	1.2	2.5	9.7	24.5	10.3	45.6
P hạt tích lũy lọt sàng (%)			100.0	97.2	95.7	93.8	92.6	90.1	80.5	56.0	45.6



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK8-1 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 1.8 - 2.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu xám nâu - xám vàng, trạng thái dẻo cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	20.11	1.97	1.64	84	2.71	30.8	16.0	14.8	0.28

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

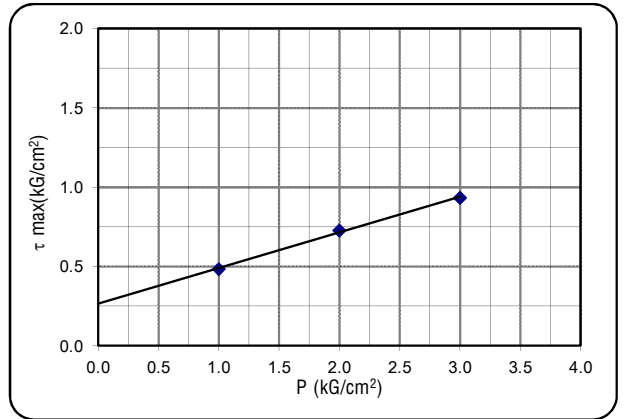
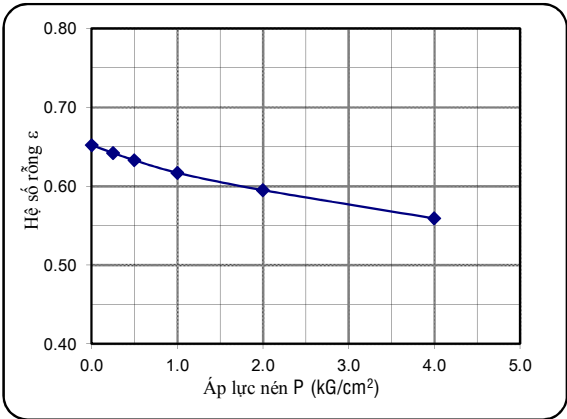
-Số hiệu máy: 1 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.016
 -Số đọc sau 24h: 130

P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	18.0	30.0	50.0	80.0	128.0
Δh_m (0.01mm)	5.5	7.0	8.5	12.0	17.0
Δe_n	0.010	0.019	0.035	0.057	0.093
e_n	0.652	0.642	0.633	0.617	0.559
a (cm ² /kG)	0.040	0.036	0.032	0.022	0.018
E_i (kG/cm ²)	41.3	45.6	51.0	73.5	88.6

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh, bão hòa nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

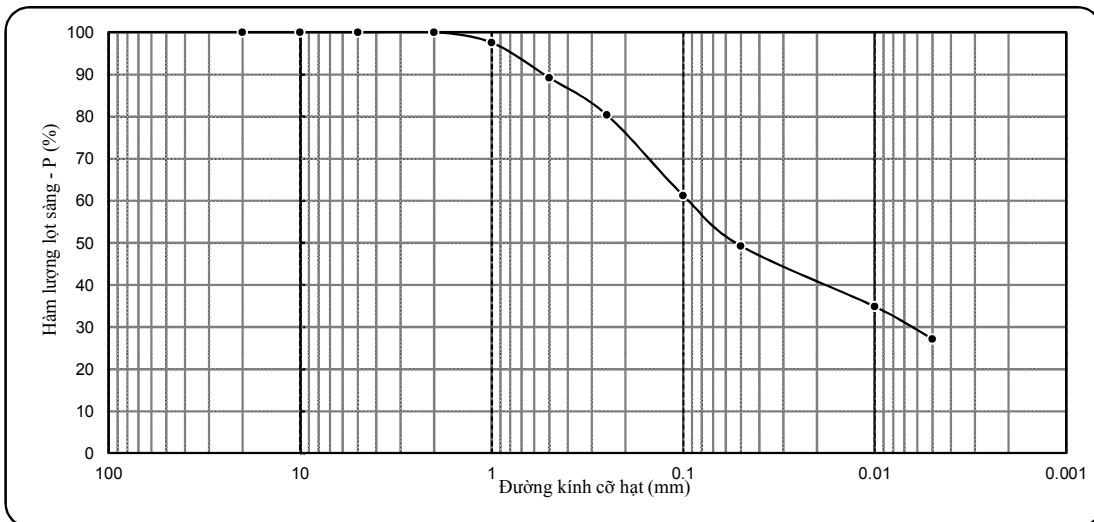
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.224$ $\phi = 12\text{o}38'$ $C = 0.265$ (kG/cm ²)
1.00	30.9	0.483	
2.00	46.5	0.727	
3.00	59.6	0.932	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 36.5 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)				0.9	3.0	3.2	7.0			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				2.5	8.3	8.8	19.1	12.0	14.4	7.7	27.1
P hạt tích lũy lọt sàng (%)				100.0	97.5	89.2	80.3	61.2	49.3	34.8	27.1



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
- Tên mẫu: HK8-2 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
- Độ sâu: 3.8 - 4.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
- Mô tả đất: Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu nâu đỏ - xám tro, trạng thái nửa cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	20.64	2.05	1.70	91	2.76	31.1	19.5	11.6	0.10

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: -Chiều cao mẫu h_0 :

-Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh:

-Số đọc sau 24h:

P_n	(kG/cm ²)				
Δh_n	(0.01mm)				
Δh_m	(0.01mm)				
Δe_n	-				
e_n					
a	(cm ² /kG)				
E_i	(kG/cm ²)				

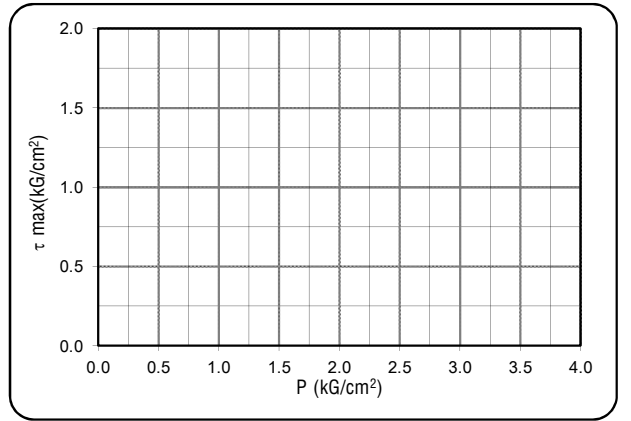
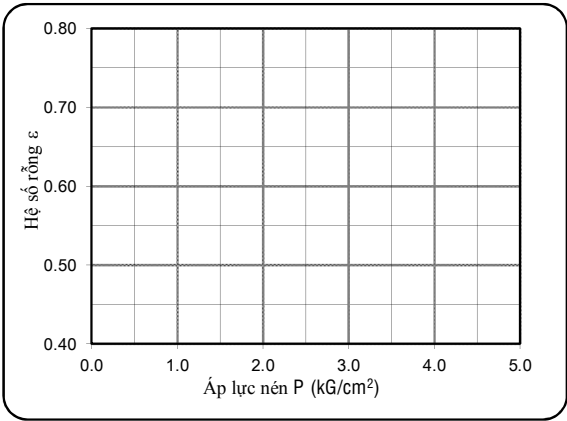
KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến

-Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước

-Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi =$
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
			$\phi =$
			C = (kG/cm ²)

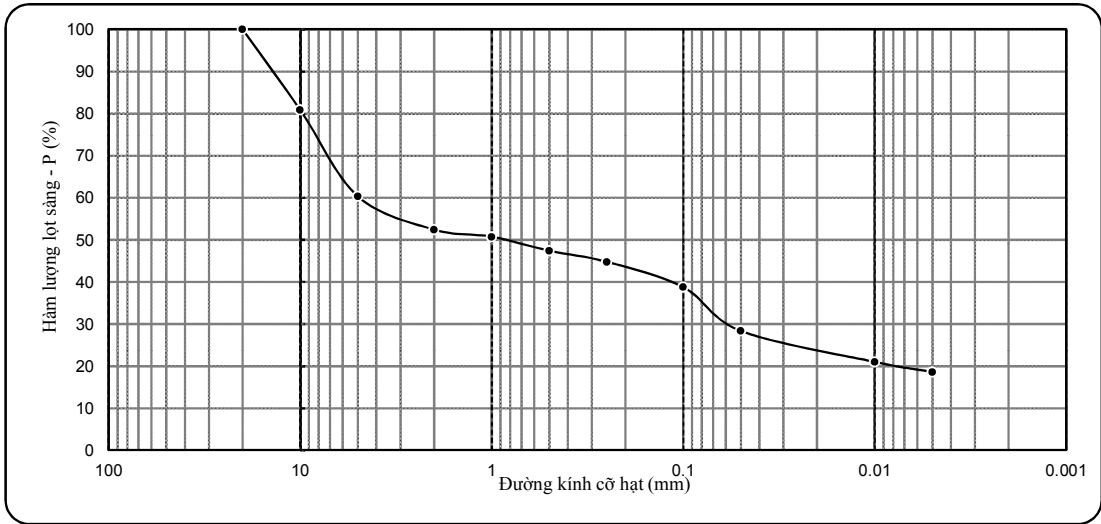


KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 65.9 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1
-Khối lượng trên từng sàng (g)		12.6	13.5	5.2	1.1	2.2	1.7	4.0

Cấp hạt	SỎI SẠN				CÁT				BỤI		SÉT
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)	19.1	20.5	7.9	1.7	3.3	2.6	6.0	10.4	7.4	2.4	18.5
P hạt tích lũy lọt sàng (%)	100	80.9	60.3	52.4	50.7	47.4	44.7	38.7	28.3	21.0	18.5



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK8-3 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 5.8 - 6.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét lẫn sạn Laterite, màu xám trắng - nâu đỏ, trạng thái dẻo cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	20.93	1.95	1.61	82	2.73	32.4	16.3	16.1	0.29

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

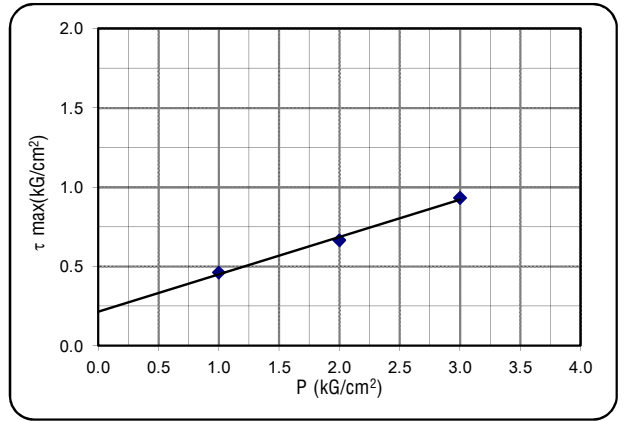
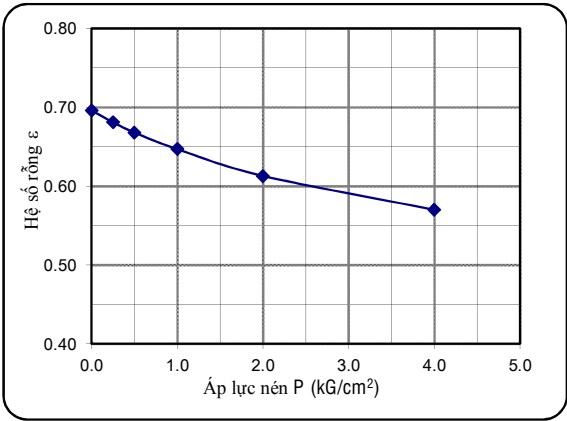
-Số hiệu máy: 3 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.012
 -Số đọc sau 24h: 167

P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	23.0	40.0	66.0	110.0	165.0
Δh_m (0.01mm)	5.5	7.0	8.5	13.0	18.0
Δe_n	0.015	0.028	0.049	0.083	0.126
e_n	0.696	0.681	0.668	0.647	0.570
a (cm ² /kG)	0.060	0.052	0.042	0.034	0.022
E_i (kG/cm ²)	28.3	32.3	39.7	48.4	75.0

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

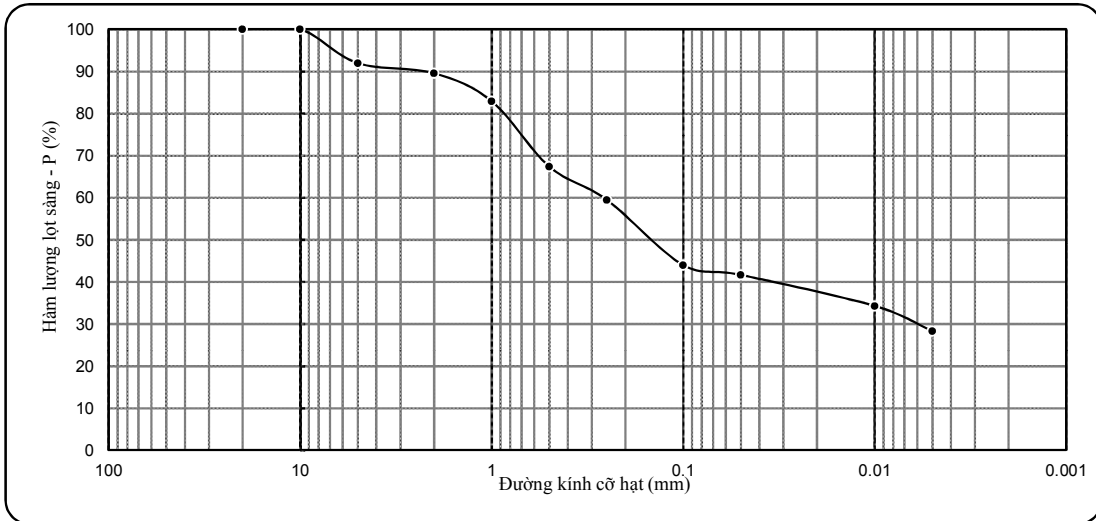
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.235$ $\phi = 13\text{ o }13'$ $C = 0.215$ (kG/cm ²)
1.00	29.5	0.461	
2.00	42.5	0.664	
3.00	59.6	0.932	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 40.5 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)		3.3	1.0	2.7	6.3	3.2	6.3			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT				BỤI			SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)		8.1	2.4	6.6	15.5	7.9	15.5	2.3	7.4	5.9	28.3
P hạt tích lũy lọt sàng (%)		100.0	91.9	89.5	82.9	67.4	59.5	44.0	41.6	34.3	28.3



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK8-4 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 7.5 - 8.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét lẫn sạn Laterite, màu xám trắng - nâu đỏ, trạng thái dẻo cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	19.62	1.96	1.64	82	2.71	26.2	15.5	10.7	0.39

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

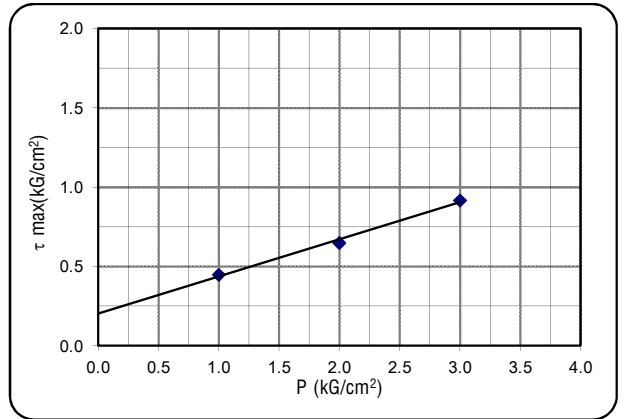
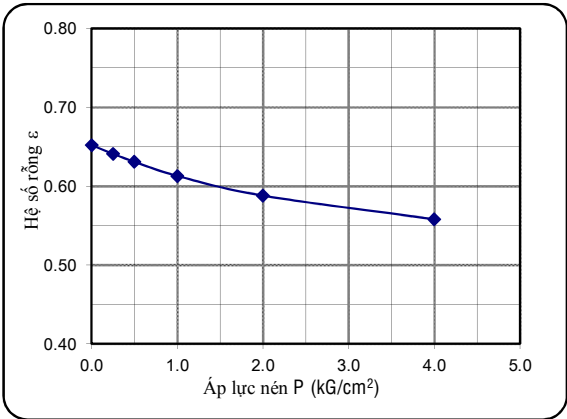
-Số hiệu máy: 4 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.008
 -Số đọc sau 24h: 131

P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	18.0	32.0	55.0	89.0	130.0
Δh_m (0.01mm)	5.0	6.5	8.5	12.5	17.0
Δe_n	0.011	0.021	0.039	0.064	0.094
e_n	0.652	0.641	0.631	0.613	0.588
a (cm ² /kG)	0.044	0.040	0.036	0.025	0.015
E_i (kG/cm ²)	37.5	41.0	45.3	64.5	105.9

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

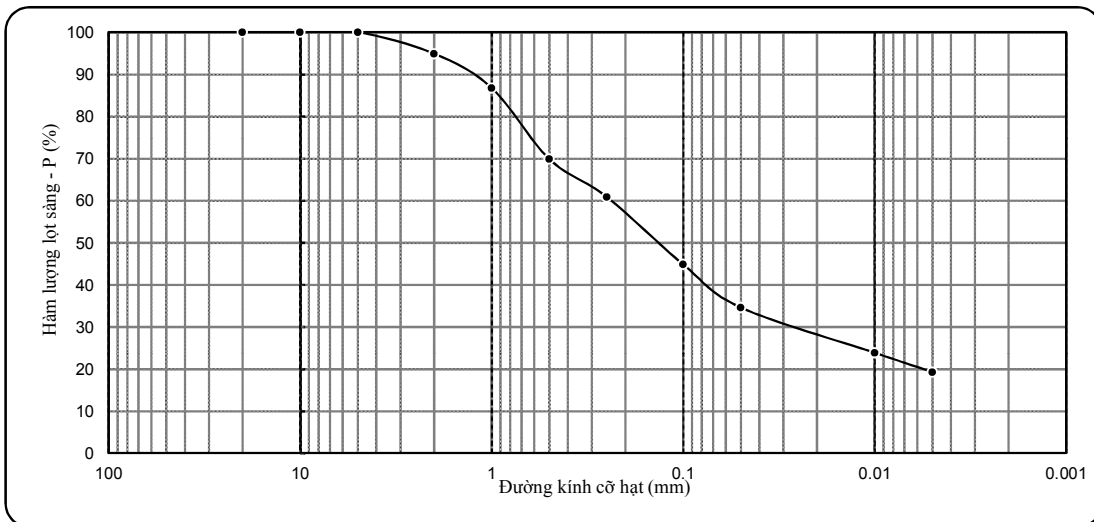
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.234$ $\phi = 13\text{ o }10'$ $C = 0.202$ (kG/cm ²)
1.00	28.6	0.447	
2.00	41.5	0.649	
3.00	58.6	0.916	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 44.9 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)				2.3	3.7	7.6	4.1	7.2			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)			5.1	8.1	16.9	9.0	16.0	10.2	10.7	4.6	19.3
P hạt tích lũy lọt sàng(%)			100.0	94.9	86.8	69.9	60.9	44.8	34.6	23.8	19.3



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK8-5 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 9.8 - 10.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám nâu

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	20.16	1.97	1.64	86	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 5 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 143

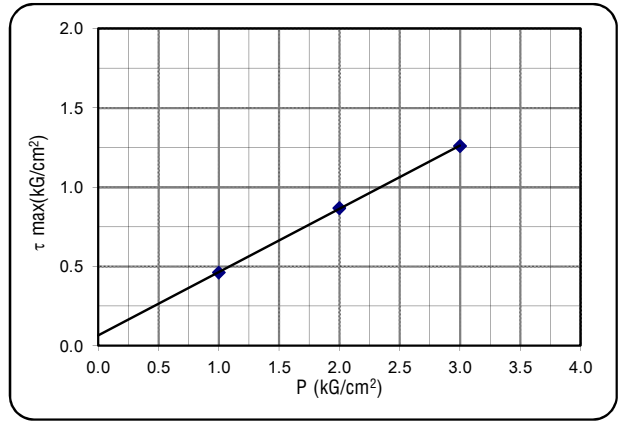
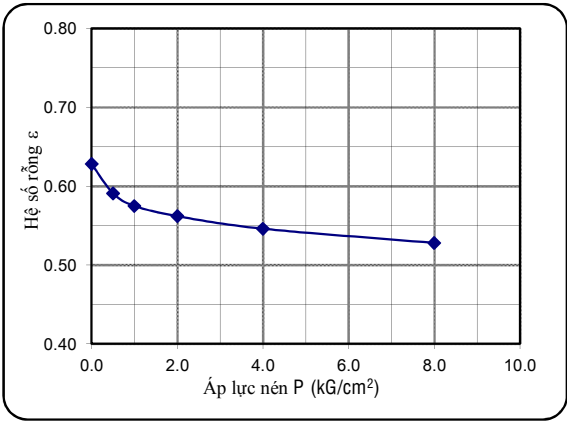
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	71.2	91.2	115.0	142.0
Δh_m	(0.01mm)	6.0	6.0	10.5	15.0	20.0
Δe_n	-	0.037	0.053	0.066	0.082	0.100
e_n	0.628	0.591	0.575	0.562	0.546	0.528
a	(cm ² /kG)	0.074	0.032	0.013	0.008	0.005
E_o	(kG/cm ²)	22.0	49.7	121.2	195.3	343.6

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc ($vạch$)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)
1.00	29.5	0.461	
2.00	55.5	0.867	
3.00	80.5	1.258	

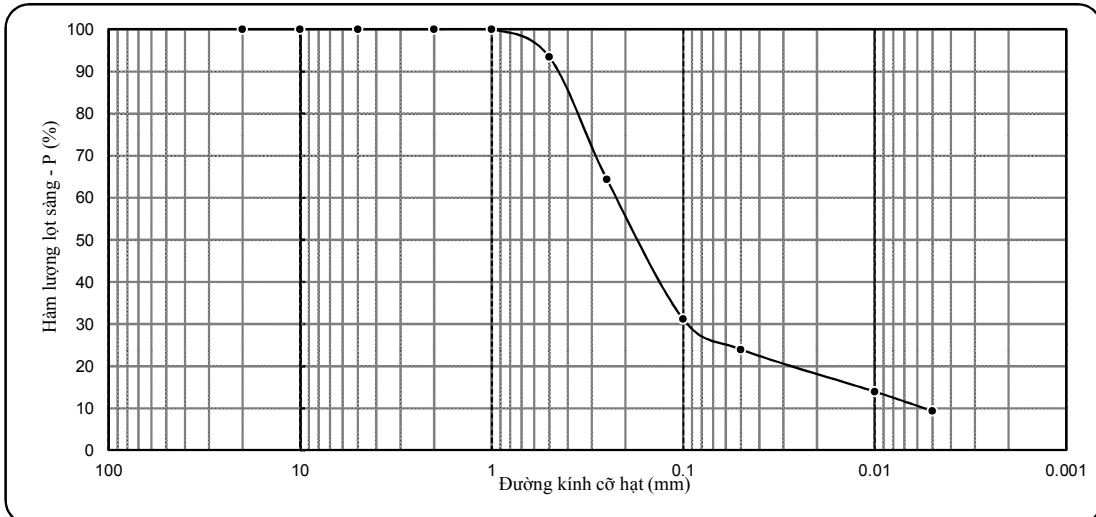
$\tan \phi = 0.399$
 $\phi = 21o45'$
 $C = 0.065$ (kG/cm²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 109.6 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)					7.2	31.8	36.3			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT				BỤI			SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)					6.6	29.1	33.2	7.3	10.0	4.6	9.3
P hạt tích lũy lọt sàng(%)					100.0	93.4	64.3	31.2	23.9	13.9	9.3



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK8-6

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 11.8 - 12.0 m

- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á cát, màu xám nâu

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	18.66	2.02	1.70	87	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: **6** -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: **149**

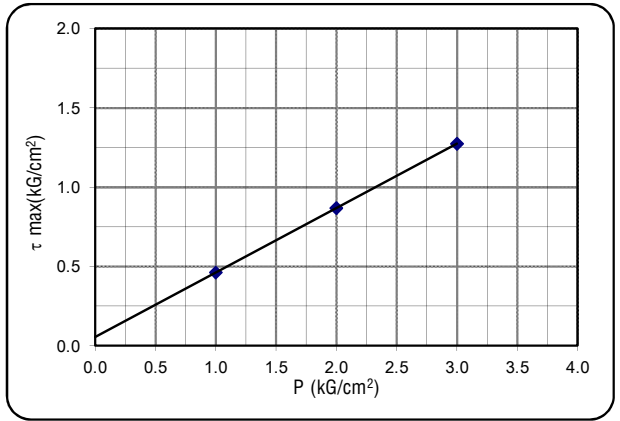
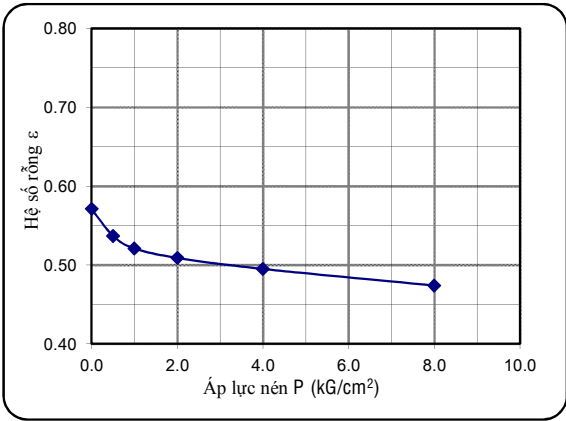
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.1	72.2	92.5	116.0	148.0
Δh_m	(0.01mm)	7.0	9.5	14.5	20.0	25.0
Δe_n	-	0.034	0.050	0.062	0.076	0.097
e_n		0.571	0.537	0.521	0.509	0.495
a	(cm ² /kG)	0.068	0.032	0.012	0.007	0.005
E_o	(kG/cm ²)	23.1	48.0	126.8	215.6	284.8

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc (vạch)	ƯS cắt t_{max}	(kG/cm ²)
1.00	29.5	0.461	
2.00	55.5	0.867	
3.00	81.5	1.274	

$\tan \phi = 0.406$
 $\phi = 22o06'$
 $C = 0.055$ (kG/cm²)

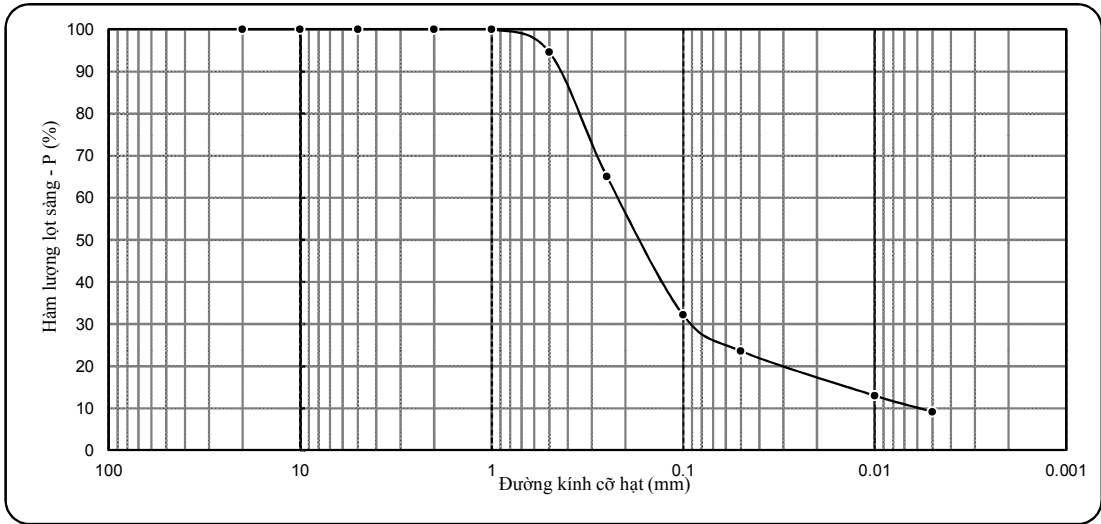


KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 111.3 (g)

- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	Đường kính mắt sàng(mm)										
	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1				
-Khối lượng trên từng sàng (g)					6.1	32.8	36.6				
Cấp hạt	SỎI SẠN			CÁT				BỤI	SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)					5.4	29.5	32.9	8.6	10.6	3.8	9.2
P hạt tích lũy lọt sàng(%)					100.0	94.6	65.1	32.2	23.6	13.0	9.2



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK8-7

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 13.8 - 14.0 m

- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á cát, màu xám nâu

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	21.60	1.98	1.63	91	2.66				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

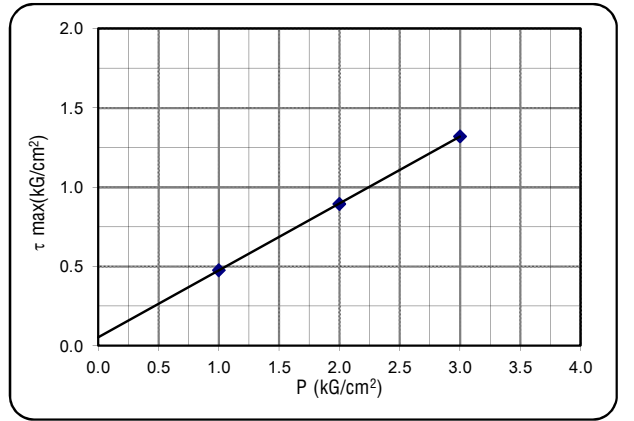
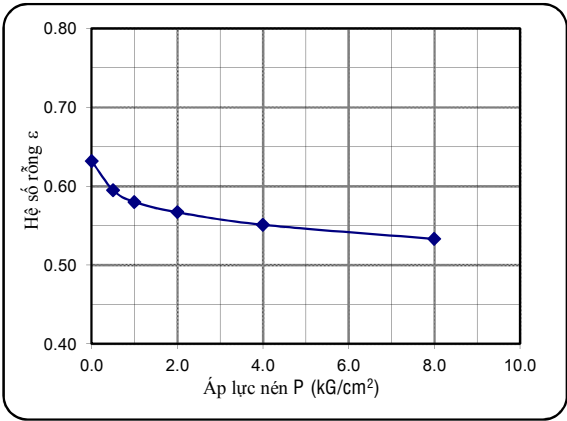
-Số hiệu máy: **7** -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: **143**

P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	71.2	91.2	115.0	142.0
Δh_m	(0.01mm)	6.0	8.0	12.0	17.0	22.0
Δe_n	-	0.037	0.052	0.065	0.081	0.099
e_n	0.632	0.595	0.580	0.567	0.551	0.533
a	(cm ² /kG)	0.074	0.030	0.013	0.008	0.005
E_o	(kG/cm ²)	22.1	53.2	121.5	195.9	344.7

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi = 0.422$ $\phi = 22^{\circ}53'$ $C = 0.053$ (kG/cm ²)
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
1.00	30.5	0.477	
2.00	57.2	0.894	
3.00	84.5	1.321	

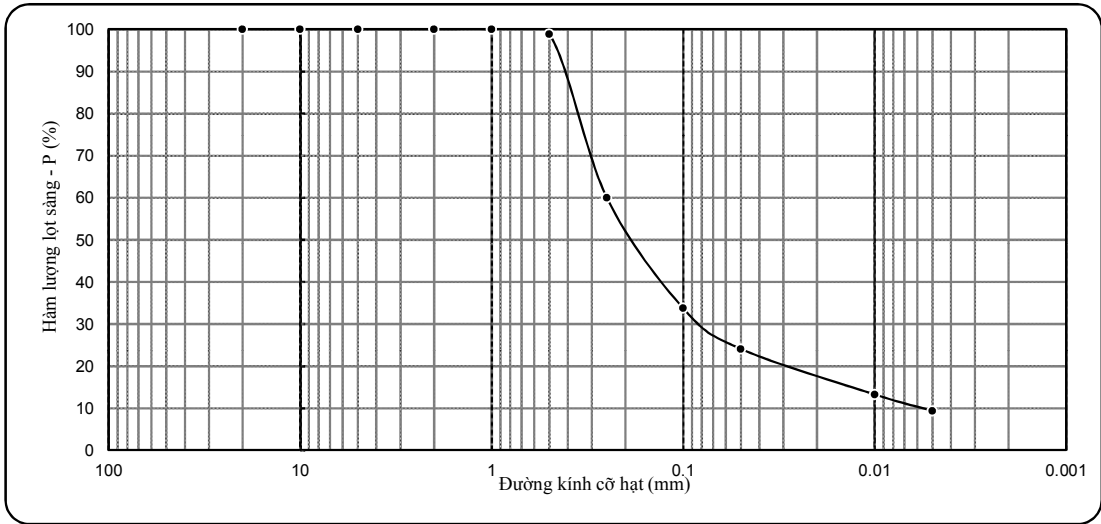


KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 109.1 (g)

- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)							-Khối lượng trên từng sàng (g)			
	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1	1.3	42.4	28.6	
Cấp hạt	SỎI SẠN			CÁT				BỤI		SÉT	
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)					1.2	38.9	26.2	9.7	10.8	3.9	9.3
P hạt tích lũy lọt sàng(%)					100.0	98.8	60.0	33.7	24.1	13.2	9.3



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK8-8 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 15.8 - 16.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám nâu

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	20.28	1.98	1.65	88	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

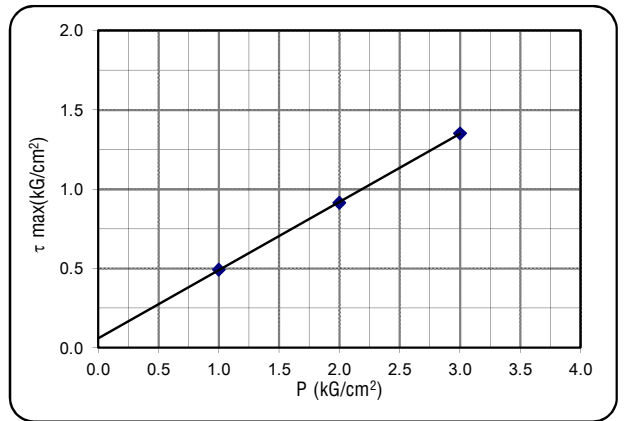
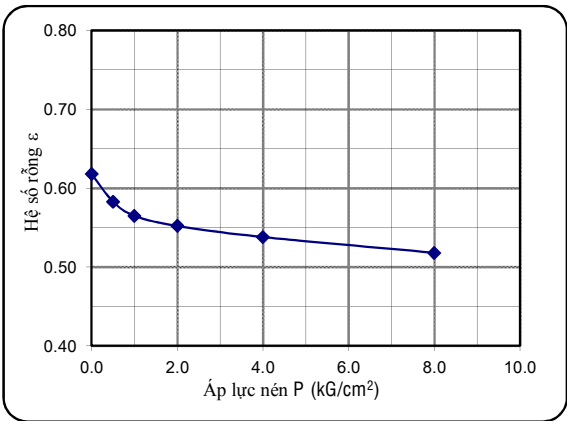
-Số hiệu máy: 8 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.014
 -Số đọc sau 24h: 147

P_n (kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n (0.01mm)	50.1	72.2	93.5	116.0	145.0
Δh_m (0.01mm)	7.5	8.0	12.5	18.0	23.5
Δe_n	0.035	0.053	0.066	0.080	0.100
e_n	0.618	0.583	0.565	0.552	0.538
a (cm ² /kG)	0.070	0.036	0.013	0.007	0.005
E_o (kG/cm ²)	23.1	44.0	120.4	221.7	307.6

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

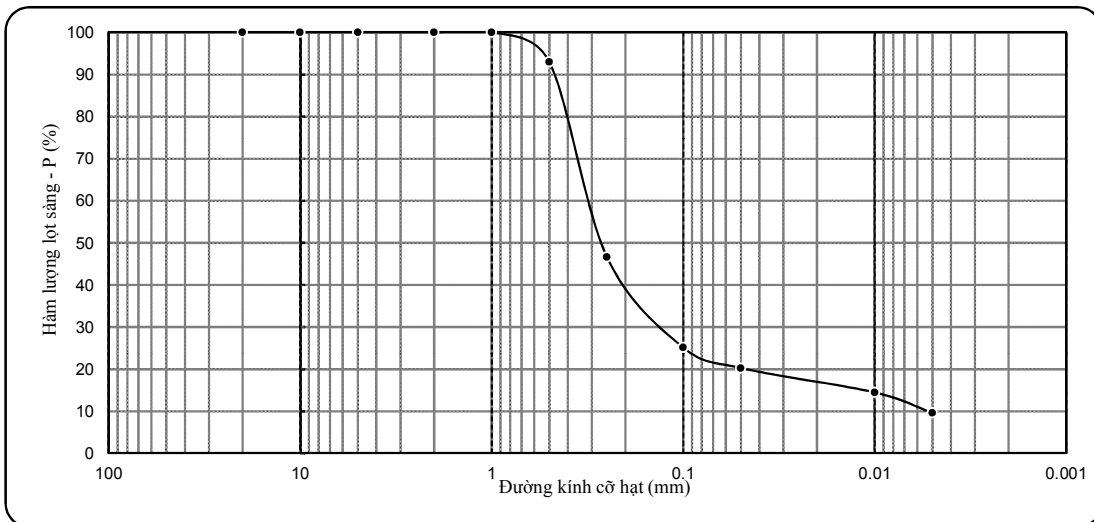
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.43$ $\phi = 23^{\circ}16'$ $C = 0.060$ (kG/cm ²)
1.00	31.5	0.492	
2.00	58.5	0.914	
3.00	86.5	1.352	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 111.3 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)					7.8	51.6	23.9			
Cấp hạt	SÔI SẠN			CÁT				BỤI		SÉT	
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)					7.0	46.3	21.5	4.9	5.8	4.8	9.6
P hạt tích lũy lọt sàng(%)					100.0	93.0	46.6	25.1	20.2	14.4	9.6



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK8-10

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 19.8 - 20.0 m

- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	16.03	2.04	1.76	83	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 10 -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 147

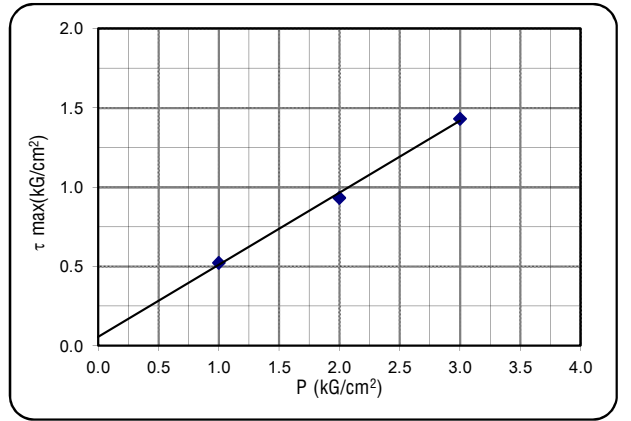
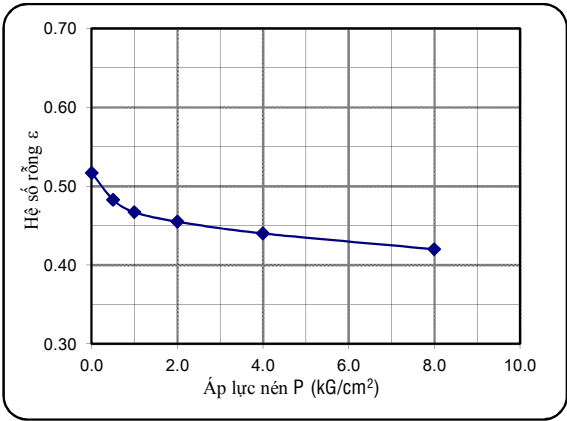
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.1	72.2	92.5	116.0	146.0
Δh_m	(0.01mm)	6.0	7.0	11.0	15.0	19.5
Δe_n	-	0.034	0.050	0.062	0.077	0.097
e_n		0.517	0.483	0.467	0.455	0.440
a	(cm ² /kG)	0.068	0.032	0.012	0.008	0.005
E_o	(kG/cm ²)	22.3	46.3	122.3	194.0	288.0

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)
1.00	33.5	0.524	
2.00	59.6	0.932	
3.00	91.6	1.432	

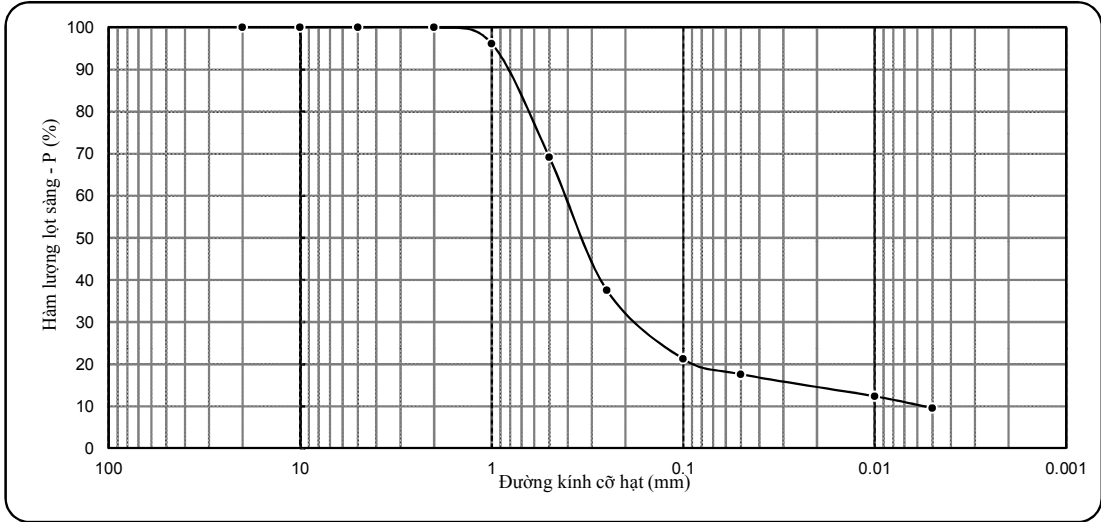
$\tan \phi = 0.454$
 $\phi = 24^{\circ}25'$
 $C = 0.054$ (kG/cm²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 117.1 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)				4.5	31.6	37.1	19.1			
Cấp hạt	SÔI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				3.9	27.0	31.7	16.3	3.7	5.2	2.8	9.5
P hạt tích lũy lọt sàng(%)				100.0	96.1	69.2	37.5	21.2	17.6	12.3	9.5



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK8-11 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 21.8 - 22.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát lẫn sạn TA, màu xám vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	17.57	2.05	1.74	89	2.65				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

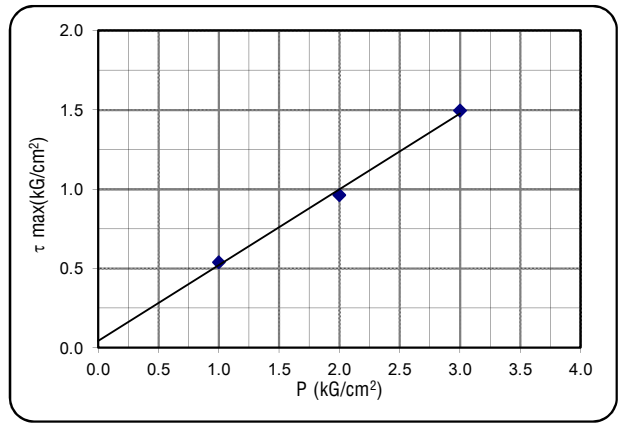
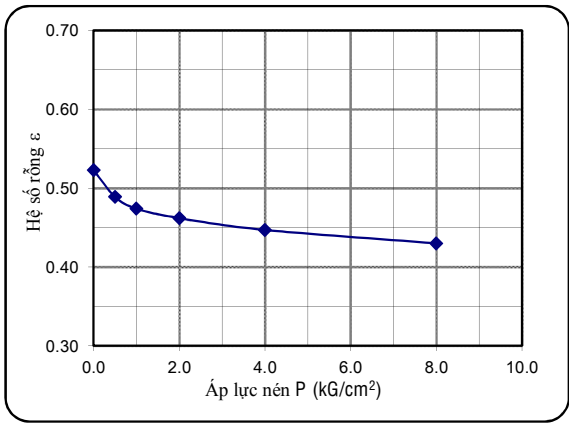
-Số hiệu máy: **11** - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: **143**

P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	71.2	91.2	115.0	142.0
Δh_m	(0.01mm)	6.5	7.0	12.0	16.0	21.0
Δe_n	-	0.034	0.049	0.061	0.076	0.093
e_n	-	0.523	0.489	0.474	0.462	0.430
a	(cm ² /kG)	0.068	0.030	0.012	0.008	0.004
E_o	(kG/cm ²)	22.4	49.6	122.8	194.9	340.5

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

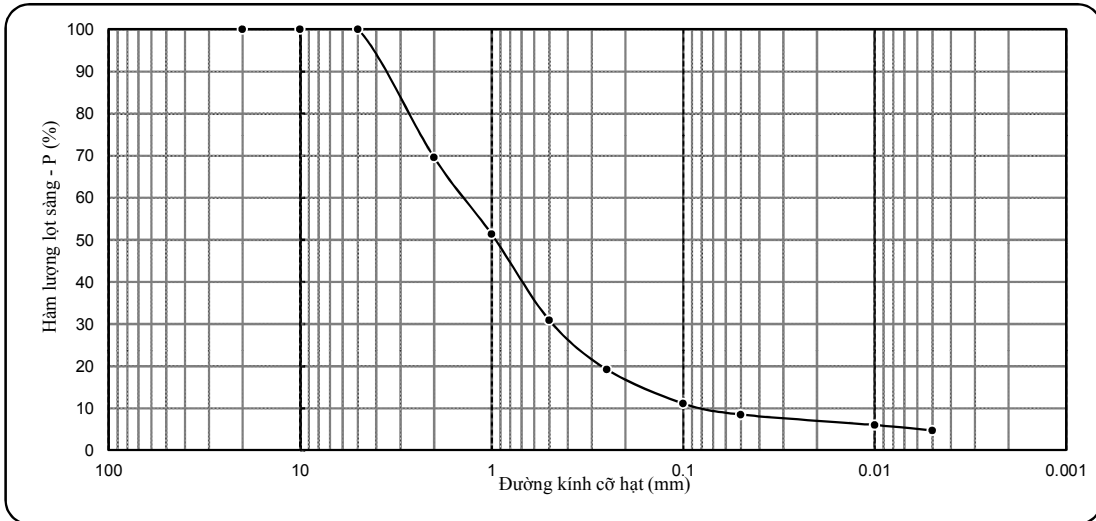
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi = 0.477$ $\phi = 25^{\circ}30'$ $C = 0.044$ (kG/cm ²)
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
1.00	34.5	0.539	
2.00	61.6	0.963	
3.00	95.6	1.494	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 126.8 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)			38.6	23.1	25.9	14.9	10.2			
Cấp hạt	SÔI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)			30.4	18.2	20.4	11.7	8.1	2.6	2.5	1.3	4.7
P hạt tích lũy lọt sàng(%)			100.0	69.6	51.3	30.9	19.2	11.1	8.5	6.0	4.7



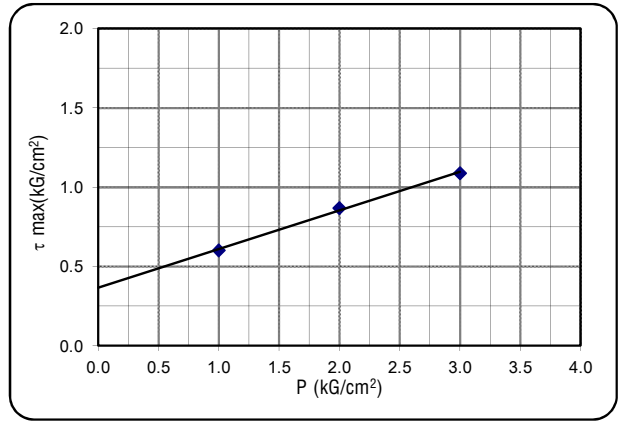
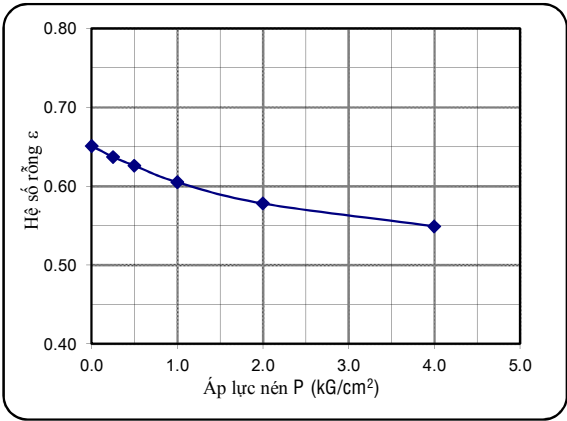
KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
- Tên mẫu: HK8-12
- Độ sâu: 24.8 - 25.0 m
- Mô tả đất: Sét, màu xám nâu - xám tro, trạng thái nửa cứng
- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

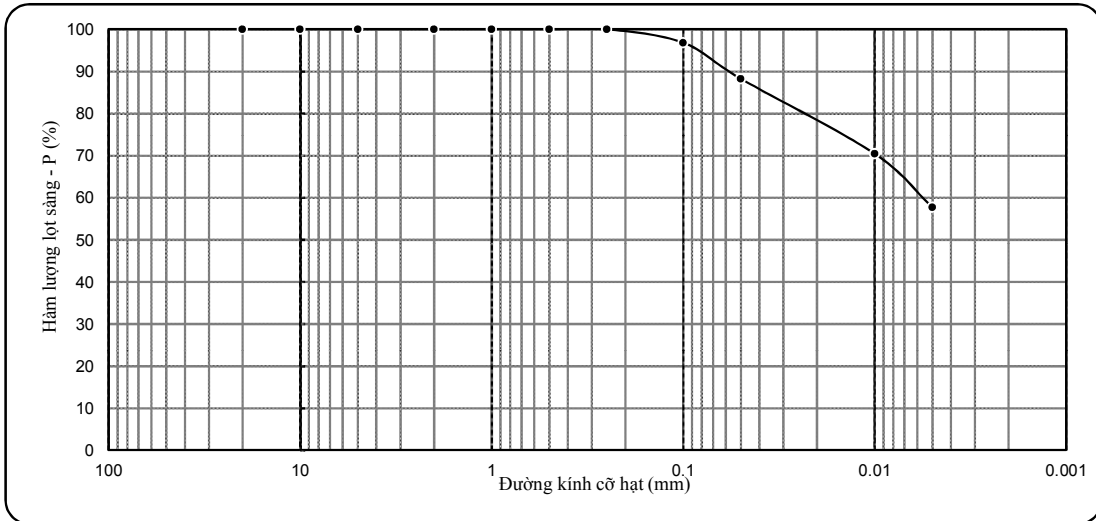
Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	20.74	2.01	1.66	87	2.74	44.0	20.1	23.9	0.03

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN						
-Số hiệu máy: 12		-Chiều cao mẫu h_0 : 20mm				
-Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa		-Hệ số hiệu chỉnh: 1.015				
		-Số đọc sau 24h: 137				
P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00	
Δh_n (0.01mm)	20.0	35.0	61.0	96.0	135.0	
Δh_m (0.01mm)	3.5	5.0	5.5	9.0	13.5	
Δe_n	0.014	0.025	0.046	0.073	0.102	
e_n	0.651	0.637	0.626	0.605	0.578	
a (cm ² /kG)	0.056	0.044	0.042	0.027	0.015	
E_i (kG/cm ²)	29.5	37.2	38.7	59.4	108.8	

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG			
-Kiểu cắt: Ứng biến			
-Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước			
-Hệ số vòng ứng biến: 0.01563			
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	
1.00	38.5	0.602	$\tan \phi = 0.243$ $\phi = 13o39'$ $C = 0.366$ (kG/cm ²)
2.00	55.5	0.867	
3.00	69.6	1.088	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT		- Khối lượng đất dùng TN: 34.1 (g)		- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)							
* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)		-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1		
		-Khối lượng trên từng sàng (g)								1.1	
Cấp hạt	SỎI SẠN			CÁT			BỤI		SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)						3.2	8.6	17.8	12.7		57.7
P hạt tích lũy lọt sàng(%)						100.0	96.8	88.2	70.4		57.7



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK9-1 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 1.8 - 2.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu xám vàng, trạng thái dẻo mềm

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	18.31	2.08	1.76	93	2.70	23.0	12.7	10.3	0.54

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

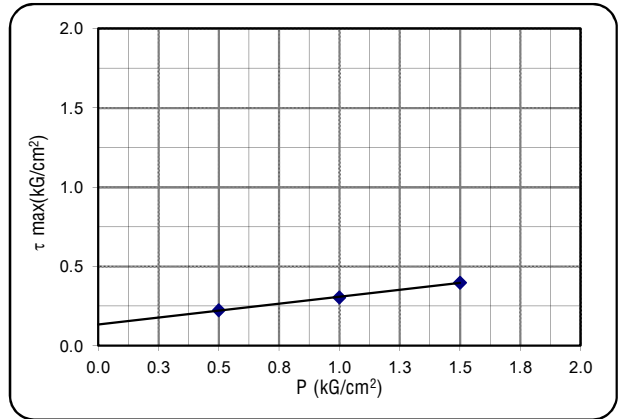
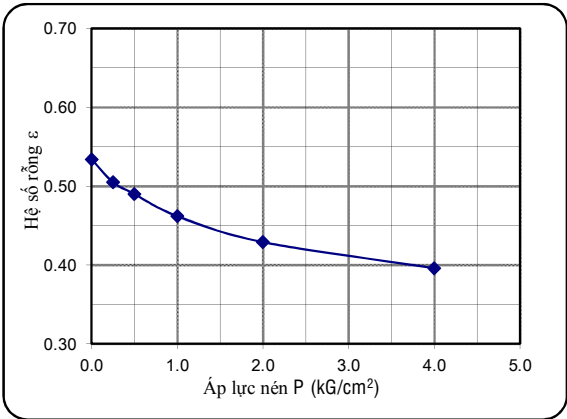
-Số hiệu máy: 1 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.010
 -Số đọc sau 24h: 197

P_n	(kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n	(0.01mm)	43.0	64.0	102.0	147.0	195.0
Δh_m	(0.01mm)	5.5	7.0	8.5	12.0	17.0
Δe_n	-	0.029	0.044	0.072	0.105	0.138
e_n	-	0.534	0.505	0.490	0.462	0.396
a	(cm ² /kG)	0.116	0.060	0.056	0.033	0.017
E_o	(kG/cm ²)	13.2	25.1	26.6	44.3	86.6

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh, bão hòa nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

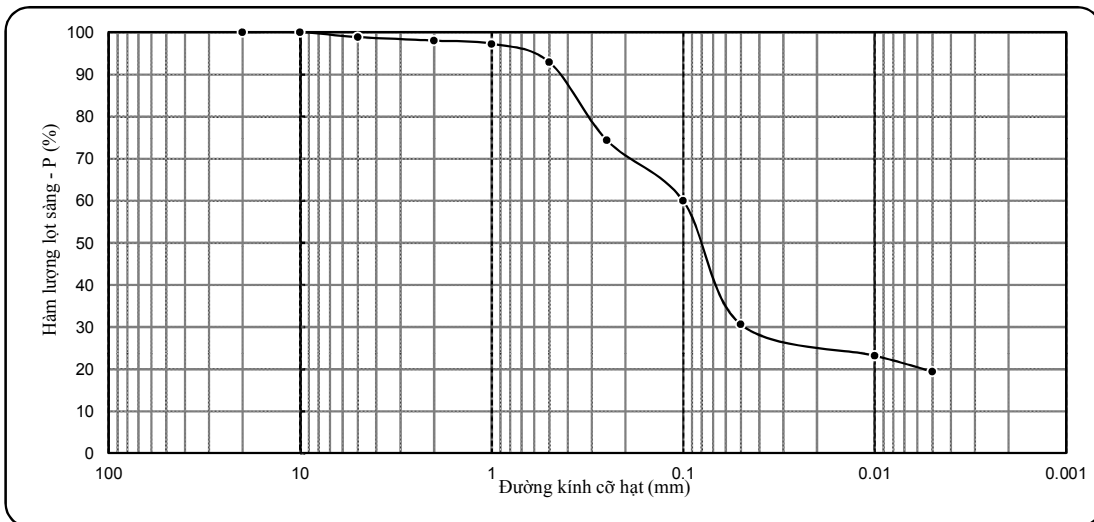
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi = 0.175$ $\phi = 9^{\circ}56'$ $C = 0.134$ (kG/cm ²)
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
0.50	14.3	0.224	
1.00	19.5	0.305	
1.50	25.5	0.399	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 42.9 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)		0.5	0.4	0.3	1.9	8.0	6.2			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT				BỤI			SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)		1.2	0.8	0.8	4.3	18.6	14.4	29.4	7.4	3.7	19.4
P hạt tích lũy lọt sàng(%)		100.0	98.8	98.0	97.2	92.9	74.3	59.9	30.6	23.1	19.4



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK9-2 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 3.8 - 4.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu xám vàng, trạng thái dẻo mềm

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	17.64	2.12	1.80	96	2.69	22.3	12.1	10.2	0.54

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

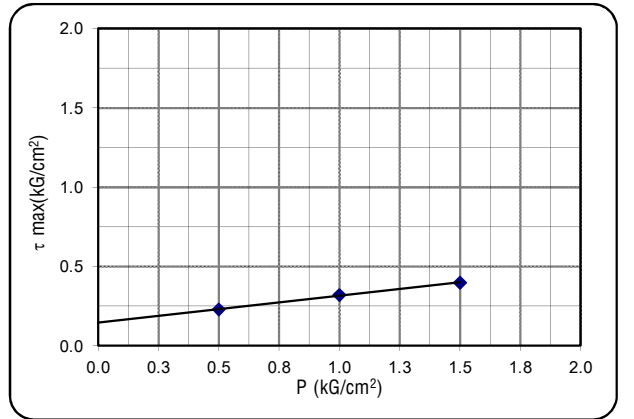
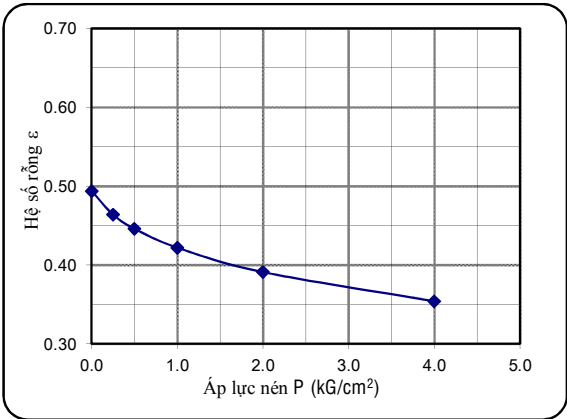
-Số hiệu máy: 2 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.010
 -Số đọc sau 24h: 207

P_n	(kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n	(0.01mm)	45.5	71.2	105.0	150.0	205.0
Δh_m	(0.01mm)	6.0	7.5	9.5	14.0	19.0
Δe_n	-	0.030	0.048	0.072	0.103	0.140
e_n	-	0.494	0.464	0.446	0.422	0.391
a	(cm ² /kG)	0.120	0.072	0.048	0.031	0.019
E_o	(kG/cm ²)	12.5	20.3	30.1	45.9	75.2

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh, bão hòa nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

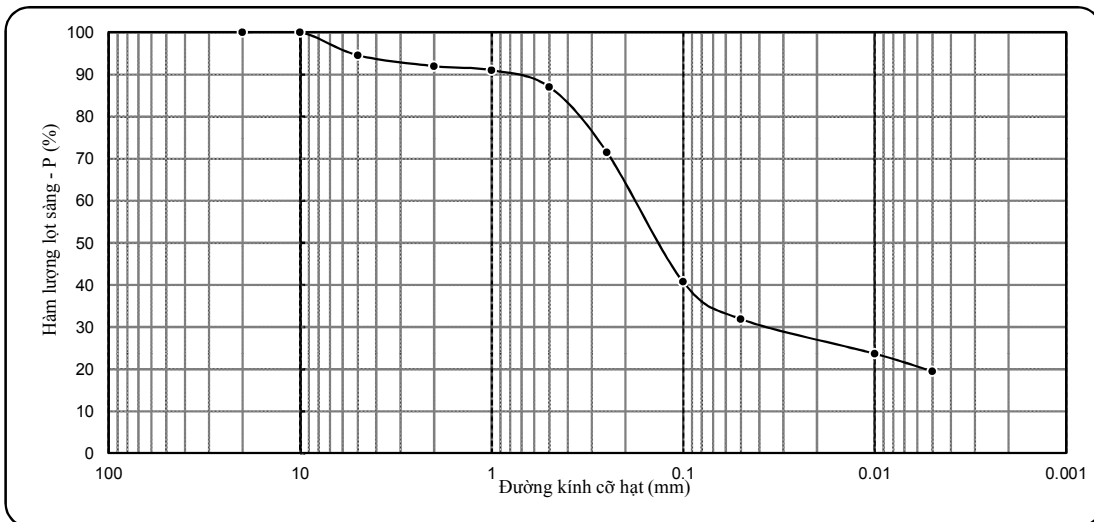
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi = 0.17$ $\phi = 9^{\circ}39'$ $C = 0.145$ (kG/cm ²)
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
0.50	14.6	0.228	
1.00	20.5	0.320	
1.50	25.5	0.399	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 38.7 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)		2.1	1.0	0.4	1.5	6.0	11.9			
Cấp hạt	SÔI SẠN	CÁT				BỤI		SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)		5.5	2.6	1.0	4.0	15.5	30.8	8.9	8.2	4.2	19.5
P hạt tích lũy lọt sàng(%)		100.0	94.5	91.9	91.0	87.0	71.5	40.7	31.8	23.6	19.5



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK9-3 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 5.8 - 6.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu nâu đỏ - xám tro, trạng thái nửa cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	18.89	2.05	1.72	86	2.76	32.1	17.1	15.0	0.12

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

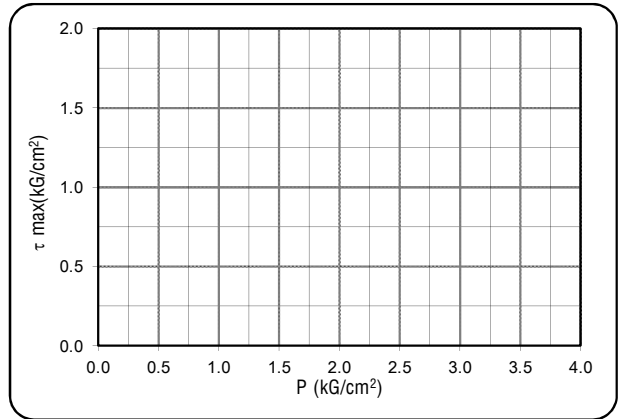
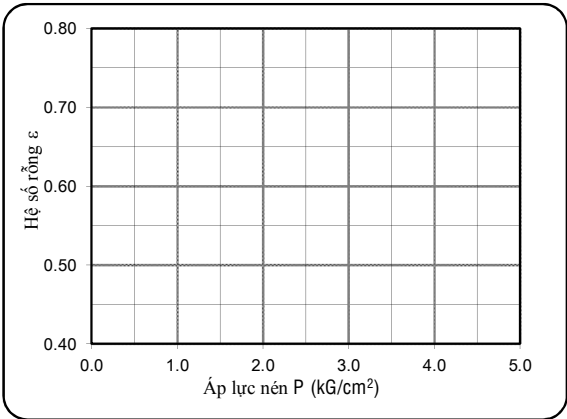
-Số hiệu máy: -Chiều cao mẫu h_0 :
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh:
 -Số đọc sau 24h:

P_n	(kG/cm ²)				
Δh_n	(0.01mm)				
Δh_m	(0.01mm)				
Δe_n	-				
e_n					
a	(cm ² /kG)				
E_i	(kG/cm ²)				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

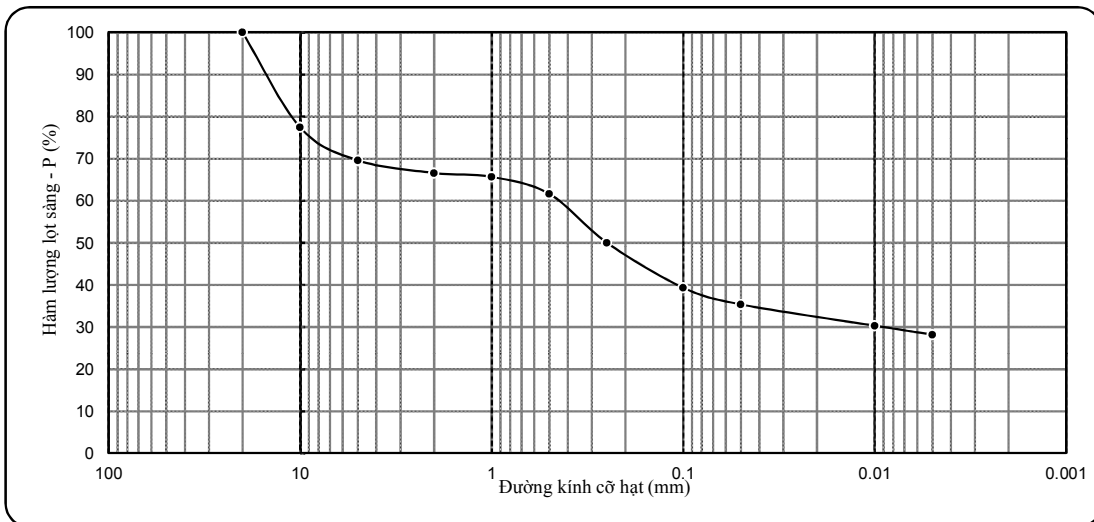
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi =$
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
			$\phi =$
			C = (kG/cm ²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 74.5 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)		16.8	5.8	2.2	0.7	3.0	8.6	8.0			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI		SÉT				
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)	22.6	7.8	3.0	0.9	4.0	11.6	10.7	4.0	5.1	2.1	28.1
P hạt tích lũy lọt sàng(%)	100	77.4	69.6	66.6	65.6	61.6	50.0	39.3	35.3	30.3	28.1



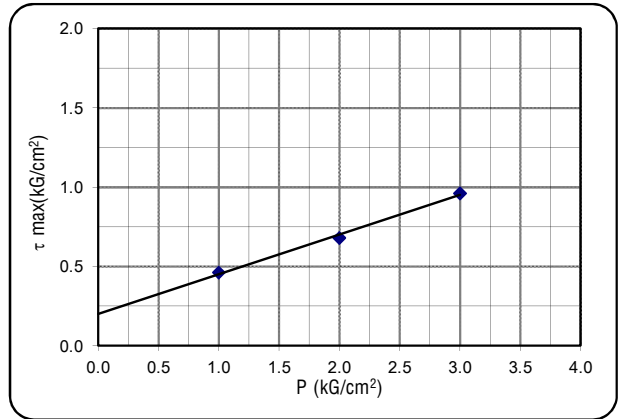
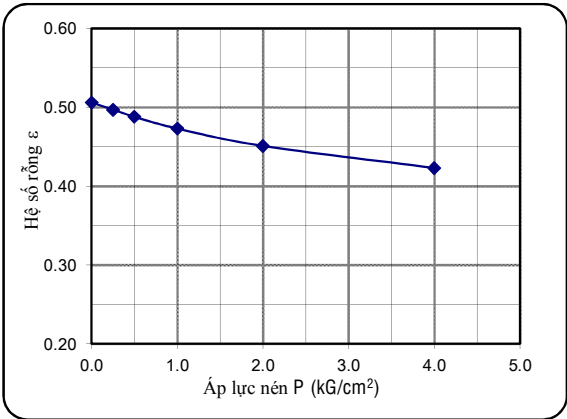
KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK9-4 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 7.8 - 8.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu nâu đỏ - xám trắng, trạng thái dẻo cứng

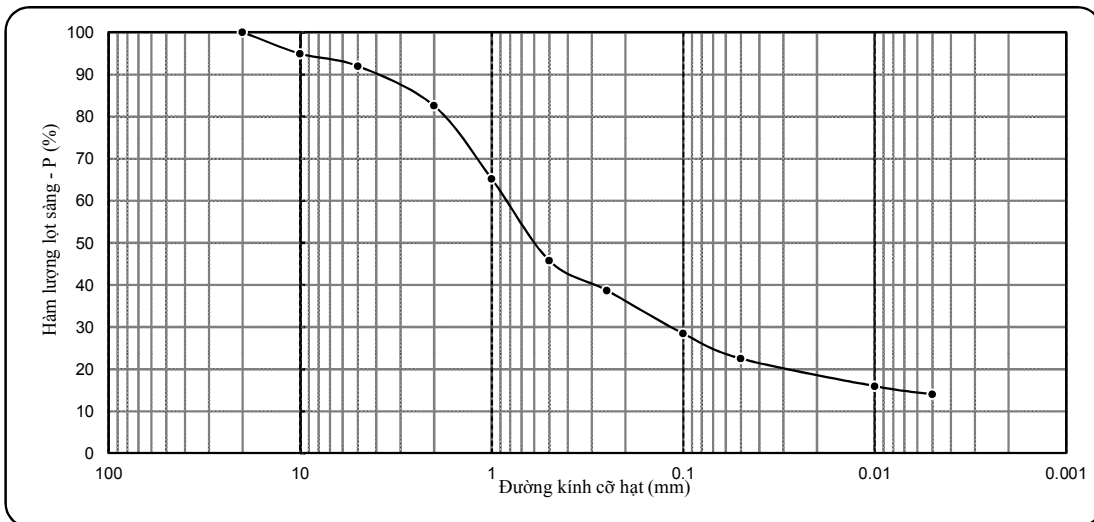
Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	16.41	2.10	1.80	88	2.71	25.1	13.2	11.9	0.27

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN						
-Số hiệu máy: 4		-Chiều cao mẫu h_0 : 20mm				
-Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa		-Hệ số hiệu chỉnh: 1.016				
		-Số đọc sau 24h: 127				
P_n	(kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n	(0.01mm)	17.0	30.0	52.0	84.0	125.0
Δh_m	(0.01mm)	5.0	6.5	8.5	12.5	17.0
Δe_n	-	0.009	0.018	0.033	0.055	0.083
e_n	-	0.506	0.497	0.488	0.473	0.451
a	(cm ² /kG)	0.036	0.036	0.030	0.022	0.014
E_i	(kG/cm ²)	41.8	41.6	49.6	67.0	103.6

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG			
-Kiểu cắt: Ứng biến			
-Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước			
-Hệ số vòng ứng biến: 0.01563			
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi = 0.25$ $\phi = 14^{\circ}02'$ $C = 0.201$ (kG/cm ²)
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
1.00	29.5	0.461	
2.00	43.5	0.680	
3.00	61.5	0.961	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT		- Khối lượng đất dùng TN: 82.5 (g)	- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)								
* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)	4.2	2.4	7.8	14.3	16.0	5.9	8.4			
Cấp hạt	SỎI SẠN			CÁT				BỤI	SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)	5.1	2.9	9.4	17.3	19.4	7.1	10.2	6.0	6.6	1.9	14.0
P hạt tích lũy lọt sàng (%)	100	94.9	92.0	82.5	65.2	45.8	38.6	28.4	22.5	15.9	14.0



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK9-5

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 9.8 - 10.0 m

- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á cát, màu nâu vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	13.76	2.12	1.86	84	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 5
 -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa
 -Hệ số hiệu chỉnh: 1.014
 -Số đọc sau 24h: 147

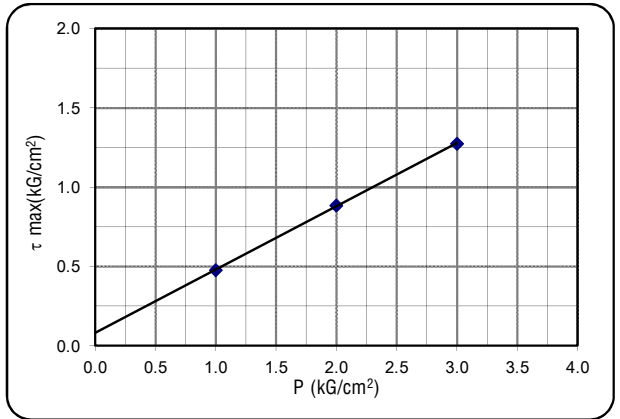
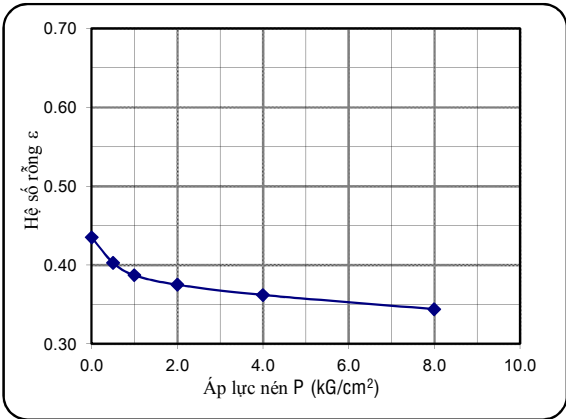
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.1	72.2	92.5	116.0	145.0
Δh_m	(0.01mm)	6.0	6.0	10.5	15.0	20.0
Δe_n	-	0.032	0.048	0.060	0.073	0.091
e_n		0.435	0.403	0.387	0.375	0.362
a	(cm ² /kG)	0.064	0.032	0.012	0.007	0.005
E_o	(kG/cm ²)	22.4	43.8	115.6	211.5	302.7

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	(kG/cm ²) (vạch) (kG/cm ²)
1.00	30.5	0.477	
2.00	56.6	0.885	
3.00	81.5	1.274	

$\tan \phi = 0.399$
 $\phi = 21^{\circ}45'$
 $C = 0.081$ (kG/cm²)

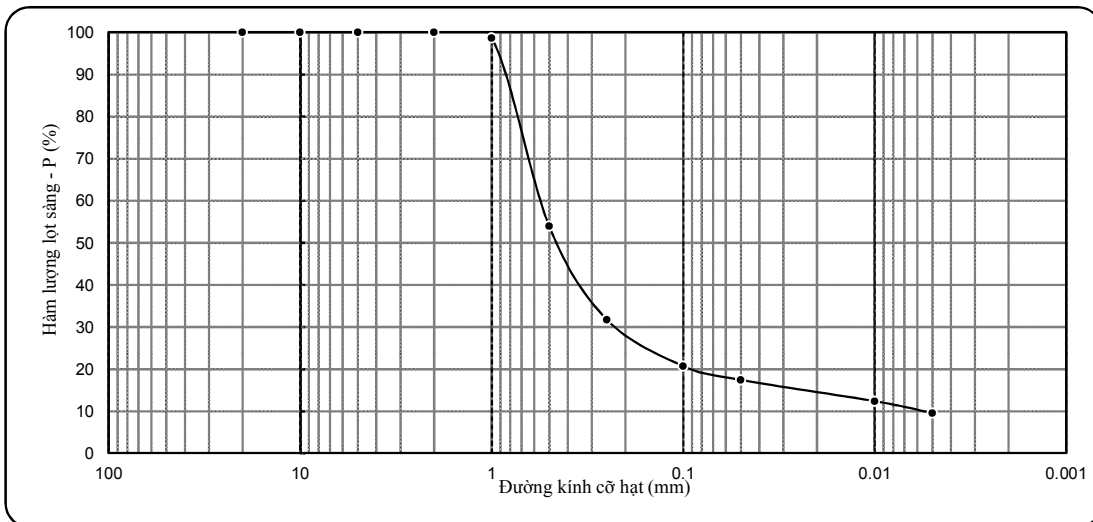


KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 116.7 (g)

- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)				1.6	52.1	25.9	12.9			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT				BỤI			SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				1.4	44.7	22.2	11.0	3.3	5.0	2.8	9.5
P hạt tích lũy lọt sàng(%)				100.0	98.6	53.9	31.7	20.7	17.4	12.4	9.5



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK9-6 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 11.8 - 12.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát lẫn sỏi sạn TA, màu nâu đỏ

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	13.08	2.16	1.91	88	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 6 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 143

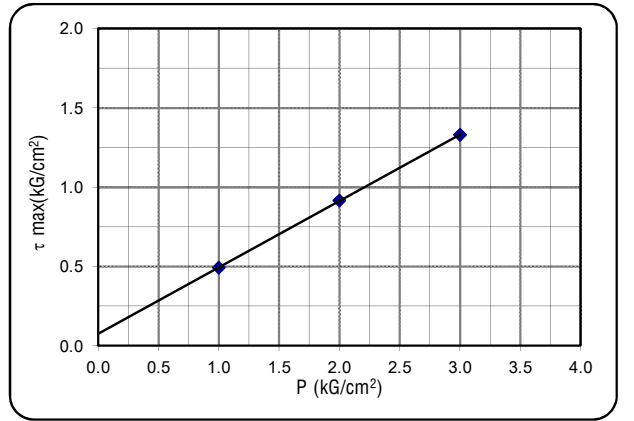
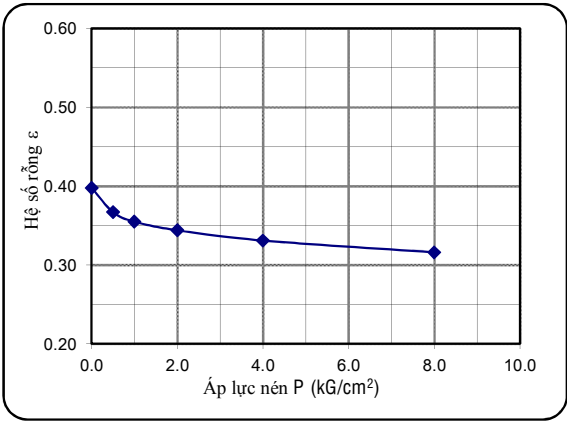
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	71.2	91.2	115.0	142.0
Δh_m	(0.01mm)	7.0	9.5	14.5	20.0	25.0
Δe_n	-	0.031	0.043	0.054	0.067	0.082
e_n		0.398	0.367	0.355	0.344	0.331
a	(cm ² /kG)	0.062	0.024	0.011	0.006	0.004
E_o	(kG/cm ²)	22.5	57.0	123.2	206.8	354.9

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc ($vạch$)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)
1.00	31.5	0.492	
2.00	58.6	0.916	
3.00	85.0	1.329	

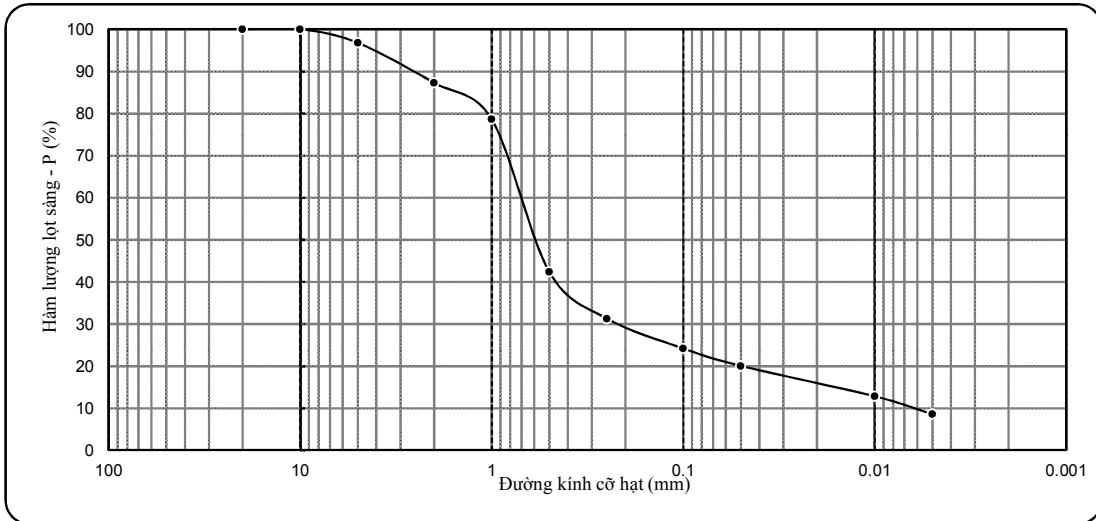
$\tan \phi = 0.418$
 $\phi = 22^{\circ}41'$
 $C = 0.076$ (kG/cm²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 119.1 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)		3.9	11.3	10.3	43.2	13.3	8.5			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)		3.2	9.5	8.6	36.2	11.1	7.1	4.1	7.2	4.2	8.5
P hạt tích lũy lọt sàng(%)		100.0	96.8	87.3	78.6	42.4	31.3	24.2	20.0	12.8	8.5



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
- Tên mẫu: HK9-7 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
- Độ sâu: 13.8 - 14.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
- Mô tả đất: Á cát, màu xám nâu - nâu đỏ

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	24.19	1.92	1.55	89	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 7 -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm

-Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh: 1.014

-Số đọc sau 24h: 147

P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.1	72.2	92.6	116.0	145.0
Δh_m	(0.01mm)	6.0	8.0	12.0	17.0	22.0
Δe_n	-	0.039	0.056	0.070	0.086	0.107
e_n	-	0.723	0.684	0.667	0.653	0.616
a	(cm ² /kG)	0.078	0.034	0.014	0.008	0.005
E_o	(kG/cm ²)	22.1	49.5	119.1	206.6	311.8

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

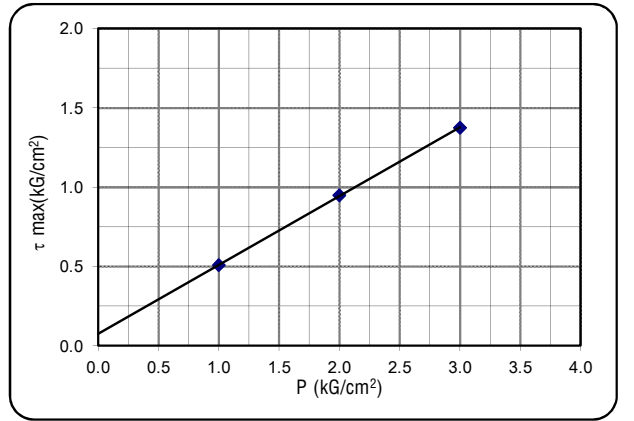
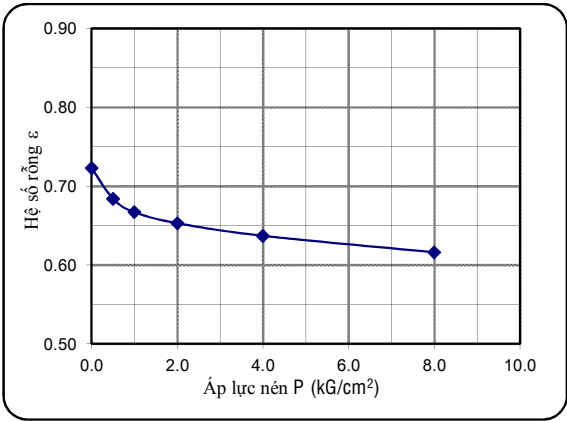
-Kiểu cắt: Ứng biến

-Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước

-Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc ($vạch$)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)
1.00	32.5	0.508	
2.00	60.6	0.947	
3.00	88.0	1.375	

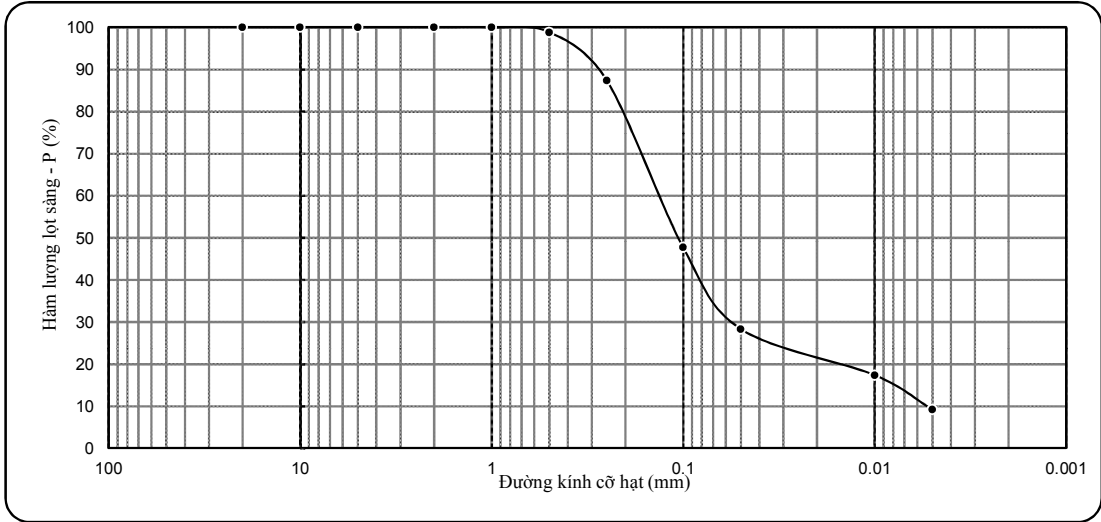
$\tan \phi = 0.434$
 $\phi = 23^{\circ}28'$
 $C = 0.076 \text{ (kG/cm}^2\text{)}$



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 92.6 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)					1.1	10.6	36.7			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)					1.2	11.5	39.6	19.4	11.0	8.2	9.2
P hạt tích lũy lọt sàng(%)					100.0	98.8	87.3	47.7	28.3	17.3	9.2



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK9-8

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 15.8 - 16.0 m

- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á cát, màu xám nâu - nâu đỏ

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	17.87	2.01	1.71	85	2.66				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

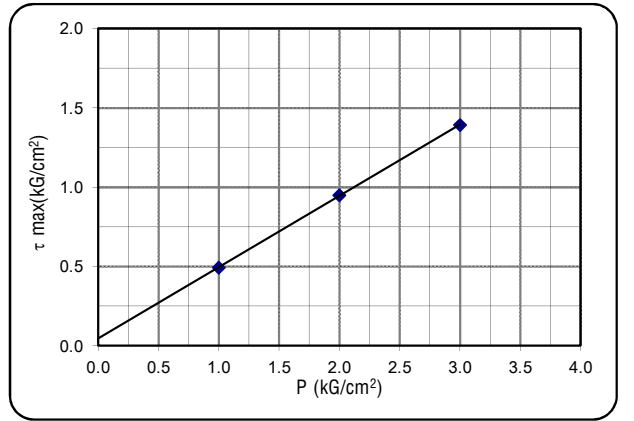
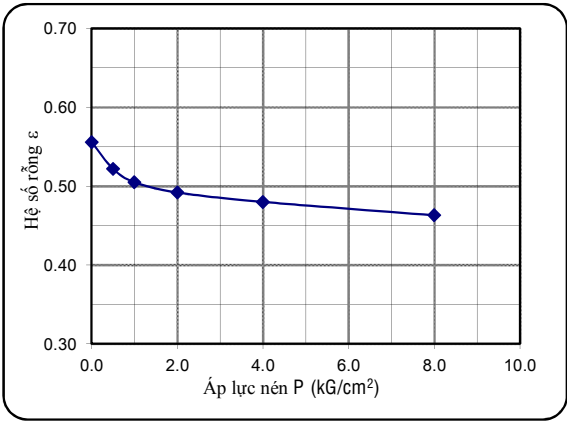
-Số hiệu máy: **8** -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: **143**

P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	72.5	93.6	115.0	142.0
Δh_m	(0.01mm)	7.5	8.0	12.5	18.0	23.5
Δe_n	-	0.034	0.051	0.064	0.076	0.093
e_n	-	0.556	0.522	0.505	0.492	0.480
a	(cm ² /kG)	0.068	0.034	0.013	0.006	0.004
E_o	(kG/cm ²)	22.9	44.8	115.8	248.7	348.2

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

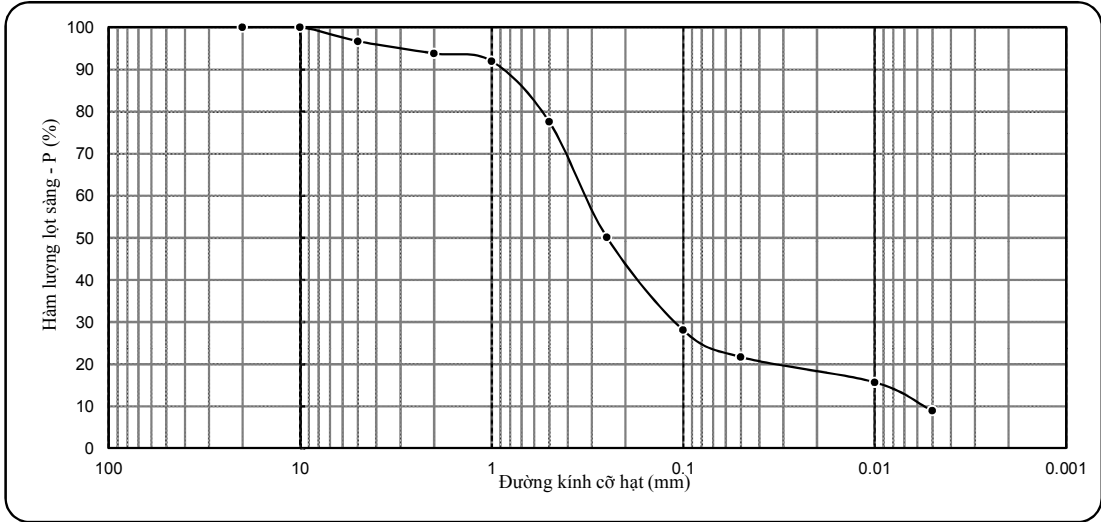
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi = 0.449$ $\phi = 24^{\circ}11'$ $C = 0.045$ (kG/cm ²)
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
1.00	31.5	0.492	
2.00	60.6	0.947	
3.00	89.0	1.391	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 102.8 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)										
	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1				
-Khối lượng trên từng sàng (g)		3.4	3.0	1.9	14.8	28.2	22.7				
Cấp hạt	SỎI SẠN			CÁT				BỤI		SÉT	
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)		3.3	2.9	1.8	14.4	27.4	22.0	6.4	6.0	6.7	8.9
P hạt tích lũy lọt sàng(%)		100.0	96.7	93.8	91.9	77.5	50.1	28.0	21.6	15.6	8.9



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK9-9

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 17.8 - 18.0 m

- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á cát, màu xám nâu - nâu đỏ

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	17.01	2.07	1.77	89	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

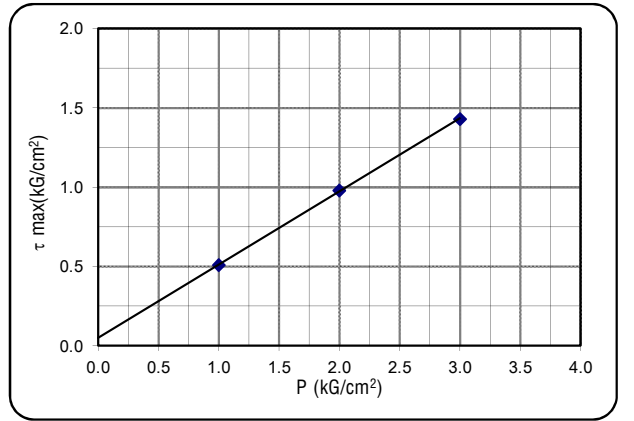
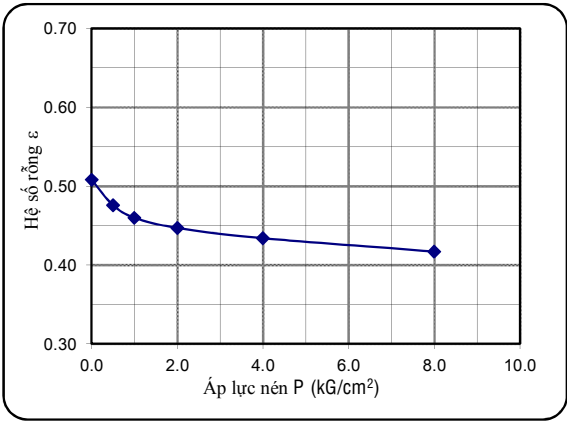
-Số hiệu máy: 9 -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 141

P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.1	71.2	91.2	113.0	140.0
Δh_m	(0.01mm)	7.5	7.5	11.0	15.5	20.0
Δe_n	-	0.032	0.048	0.061	0.074	0.091
e_n	0.508	0.476	0.460	0.447	0.434	0.417
a	(cm ² /kG)	0.064	0.032	0.013	0.007	0.004
E_o	(kG/cm ²)	23.6	46.1	112.3	222.6	337.4

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

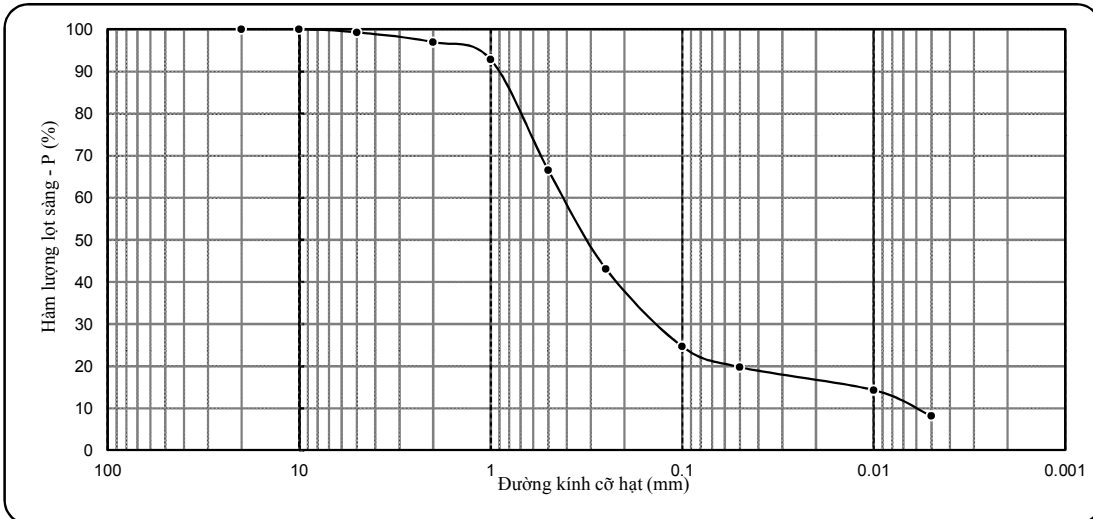
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi = 0.461$ $\phi = 24^{\circ}45'$ $C = 0.050$ (kG/cm ²)
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
1.00	32.5	0.508	
2.00	62.6	0.978	
3.00	91.5	1.430	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 112.6 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)										
	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1				
-Khối lượng trên từng sàng (g)		0.8	2.6	4.6	29.6	26.5	20.8				
Cấp hạt	SÔI SẠN			CÁT				BỤI		SÉT	
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)		0.7	2.3	4.1	26.2	23.5	18.4	4.9	5.5	6.1	8.2
P hạt tích lũy lọt sàng(%)		100.0	99.3	96.9	92.8	66.6	43.1	24.7	19.7	14.3	8.2



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
- Tên mẫu: HK9-10
- Độ sâu: 19.8 - 20.0 m
- Mô tả đất: Á cát, màu xám nâu - nâu đỏ
- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	20.00	2.03	1.69	92	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

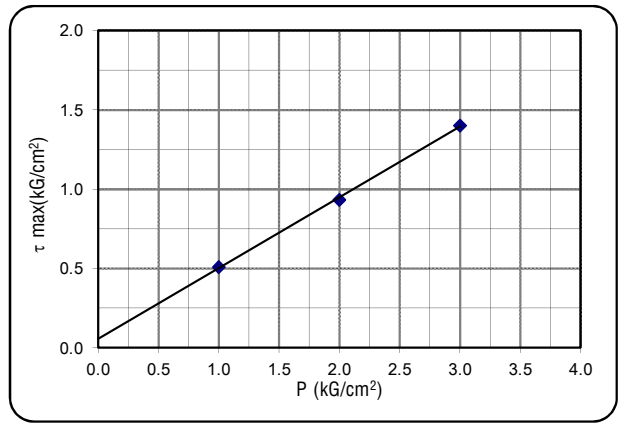
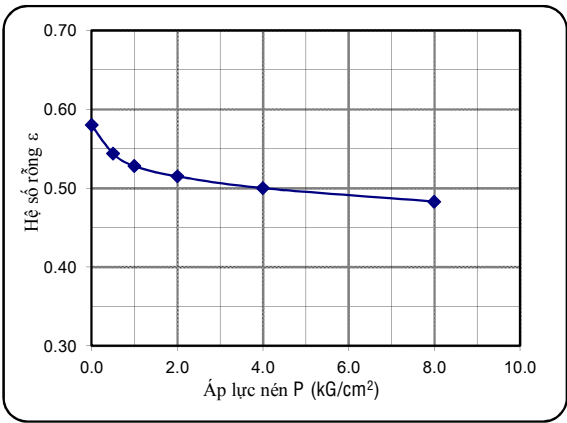
-Số hiệu máy: 10 -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 143

P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	72.2	92.6	115.0	142.0
Δh_m	(0.01mm)	6.0	7.0	11.0	15.0	19.5
Δe_n	-	0.036	0.052	0.065	0.080	0.097
e_n		0.580	0.544	0.528	0.515	0.500
a	(cm ² /kG)	0.072	0.032	0.013	0.008	0.004
E_o	(kG/cm ²)	21.9	48.3	117.5	202.0	352.9

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

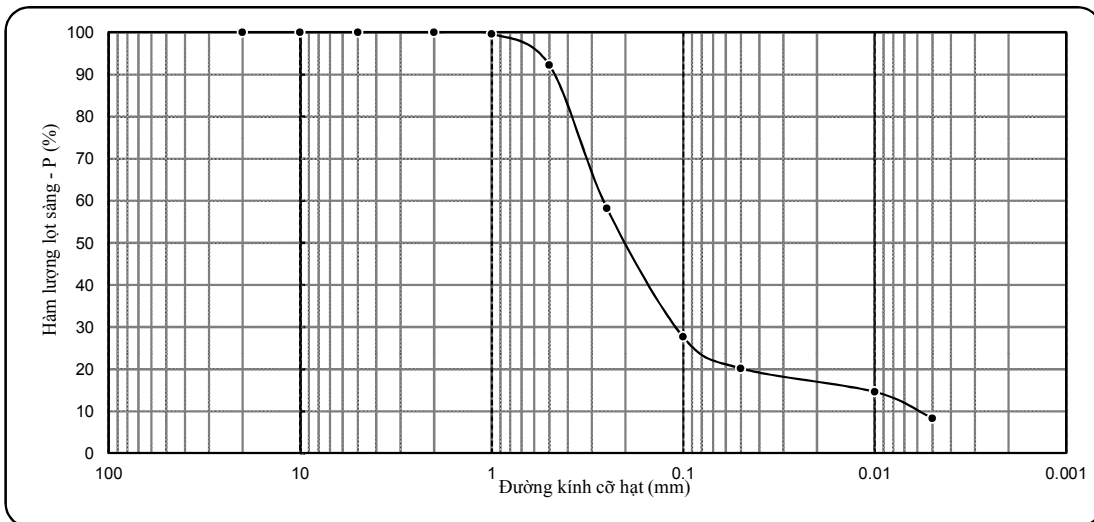
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi = 0.446$ $\phi = 24^{\circ}02'$ $C = 0.054$ (kG/cm ²)
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
1.00	32.5	0.508	
2.00	59.6	0.932	
3.00	89.6	1.400	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 110.3 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)				0.5	8.1	37.5	33.7			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				0.4	7.4	34.0	30.6	7.5	5.6	6.2	8.3
P hạt tích lũy lọt sàng(%)				100.0	99.6	92.2	58.2	27.6	20.1	14.6	8.3



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
- Tên mẫu: HK9-11
- Độ sâu: 21.8 - 22.0 m
- Mô tả đất: Á cát, màu xám nâu - nâu đỏ
- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	21.16	1.98	1.63	89	2.66				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: **11** -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: **142**

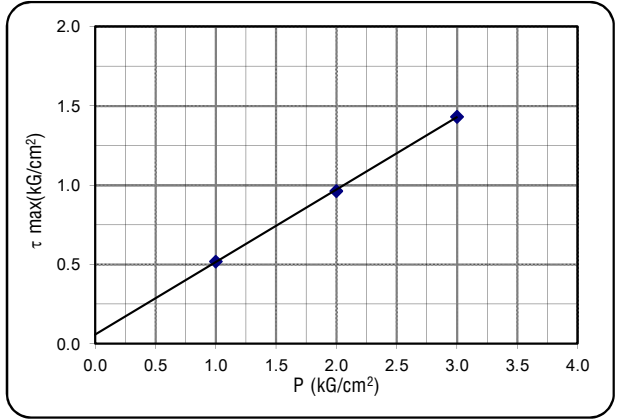
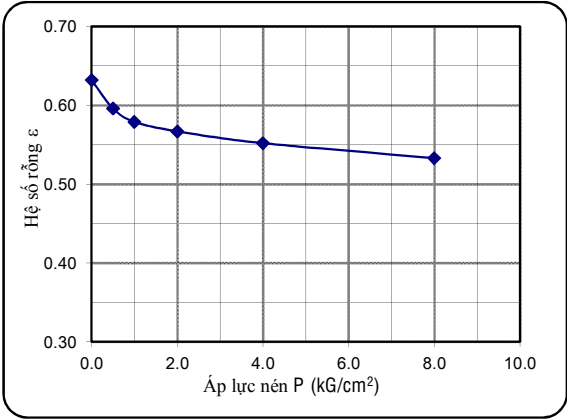
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.1	71.2	91.2	113.0	141.0
Δh_m	(0.01mm)	6.5	7.0	12.0	16.0	21.0
Δe_n	-	0.036	0.053	0.065	0.080	0.099
e_n		0.632	0.596	0.579	0.567	0.533
a	(cm ² /kG)	0.072	0.034	0.012	0.007	0.005
E_o	(kG/cm ²)	22.7	46.9	131.6	208.9	326.7

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc ($vạch$)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)
1.00	33.1	0.517	
2.00	61.6	0.963	
3.00	91.6	1.432	

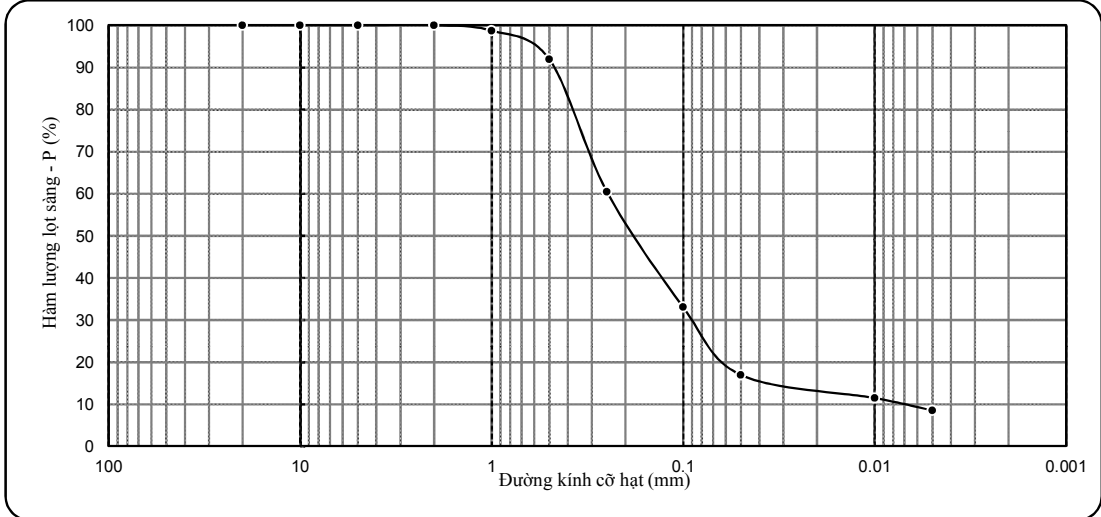
$\tan \phi = 0.457$
 $\phi = 24^{\circ}34'$
 $C = 0.056 \text{ (kG/cm}^2\text{)}$



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 111.9 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)				1.5	7.6	35.2	30.7			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				1.3	6.8	31.4	27.4	16.1	5.5	2.9	8.5
P hạt tích lũy lọt sàng(%)				100.0	98.7	91.9	60.5	33.1	16.9	11.4	8.5



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK9-12 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 22.8 - 23.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Sét, màu xám nâu, trạng thái nửa cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W _L	W _p	I _p	B
Mẫu nguyên dạng	23.28	2.05	1.66	98	2.74	49.1	22.4	26.7	0.03

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

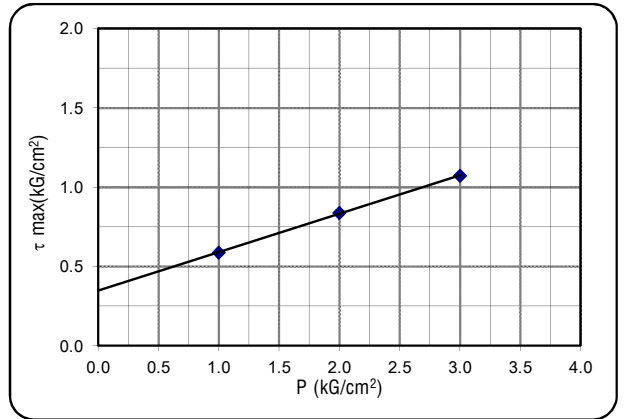
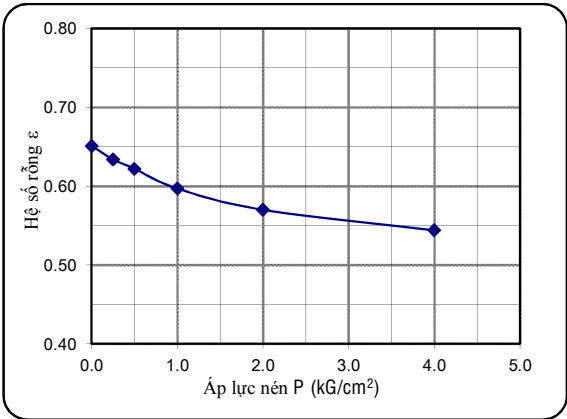
-Số hiệu máy: 12 - Chiều cao mẫu h₀: 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 143

P _n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	23.5	40.0	70.0	106.0	142.0
Δh_m (0.01mm)	3.5	5.0	5.5	9.0	13.5
Δe_n	0.017	0.029	0.054	0.081	0.107
e _n	0.651	0.634	0.622	0.597	0.570
a (cm ² /kG)	0.068	0.048	0.050	0.027	0.013
E _i (kG/cm ²)	24.3	34.0	32.4	59.1	120.8

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

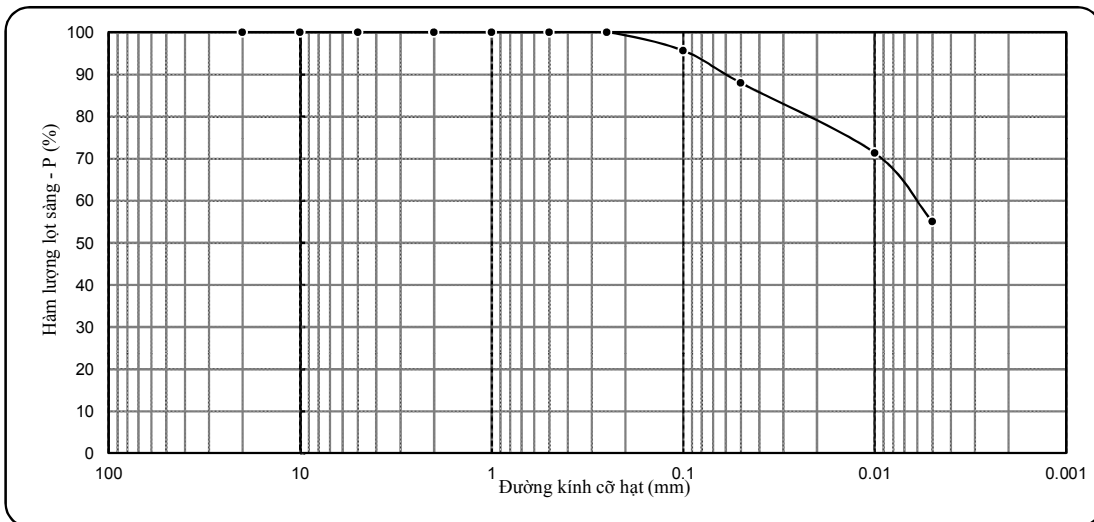
Áp lực nén, P _n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t _{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.242$ $\phi = 13^{\circ}36'$ $C = 0.347 \text{ (kG/cm}^2\text{)}$
1.00	37.5	0.586	
2.00	53.6	0.838	
3.00	68.5	1.071	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 33.7 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)								1.5			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT				BỤI		SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)						4.4	7.7	16.7	16.3		55.0
P hạt tích lũy lọt sàng(%)						100.0	95.6	88.0	71.3		55.0



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK9-13 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 24.8 - 25.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Sét, màu xám nâu - xám xanh, trạng thái nửa cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	20.67	2.08	1.72	96	2.74	42.5	19.7	22.8	0.04

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

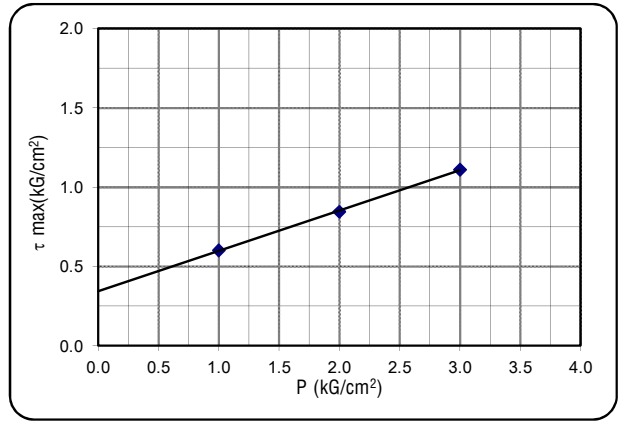
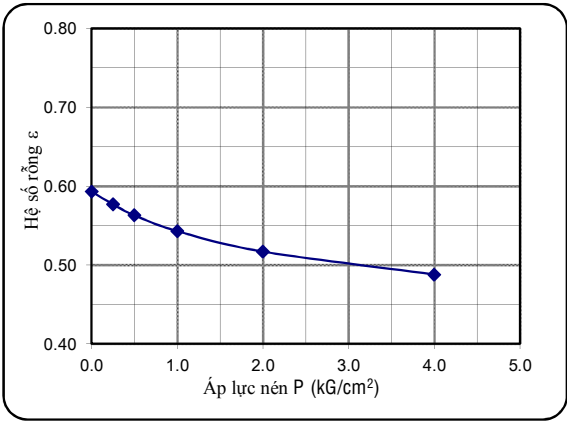
-Số hiệu máy: 13 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 146

P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	24.5	42.5	68.5	105.0	145.0
Δh_m (0.01mm)	4.0	5.5	6.5	10.5	14.5
Δe_n	0.016	0.030	0.050	0.076	0.105
e_n	0.593	0.577	0.563	0.543	0.517
a (cm ² /kG)	0.064	0.056	0.040	0.026	0.015
E_i (kG/cm ²)	24.9	28.2	39.1	59.3	104.6

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

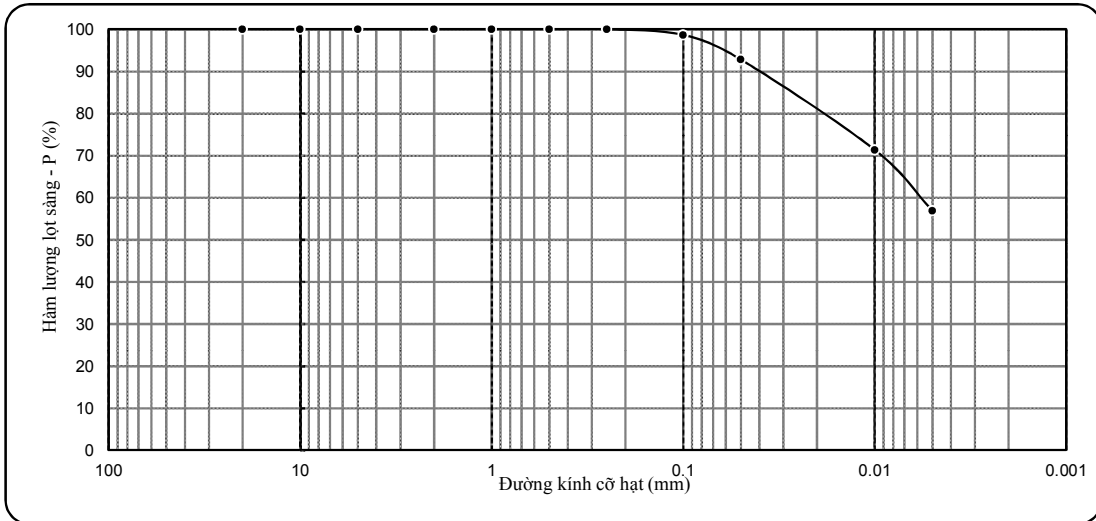
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.254$ $\phi = 14o15'$ $C = 0.344$ (kG/cm ²)
1.00	38.5	0.602	
2.00	54.0	0.844	
3.00	71.0	1.110	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 33.7 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)							0.5			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT				BỤI		SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)						1.4	5.8	21.4	14.5		56.9
P hạt tích lũy lọt sàng(%)						100.0	98.6	92.8	71.4		56.9



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK10-1 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 1.8 - 2.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu xám vàng, trạng thái dẻo mềm

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	19.49	2.07	1.73	94	2.69	25.5	13.2	12.3	0.51

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

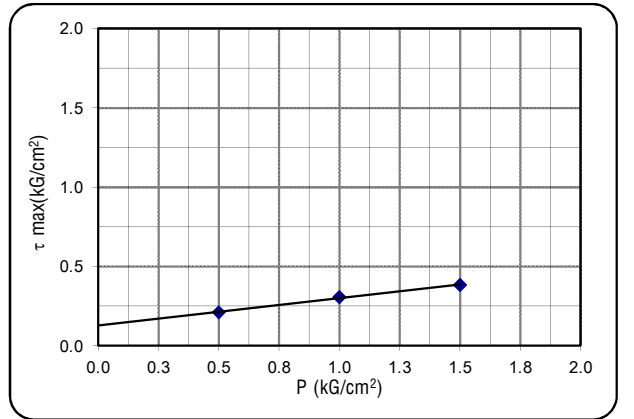
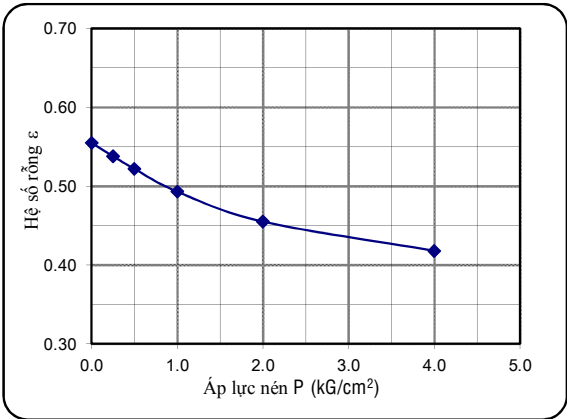
-Số hiệu máy: 1 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.010
 -Số đọc sau 24h: 194

P_n	(kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n	(0.01mm)	27.0	49.0	87.0	139.0	192.0
Δh_m	(0.01mm)	5.5	7.0	8.5	12.0	17.0
Δe_n	-	0.017	0.033	0.062	0.100	0.137
e_n	-	0.555	0.538	0.522	0.493	0.455
a	(cm ² /kG)	0.068	0.064	0.058	0.038	0.019
E_o	(kG/cm ²)	22.9	24.0	26.2	39.3	78.6

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh, bão hòa nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

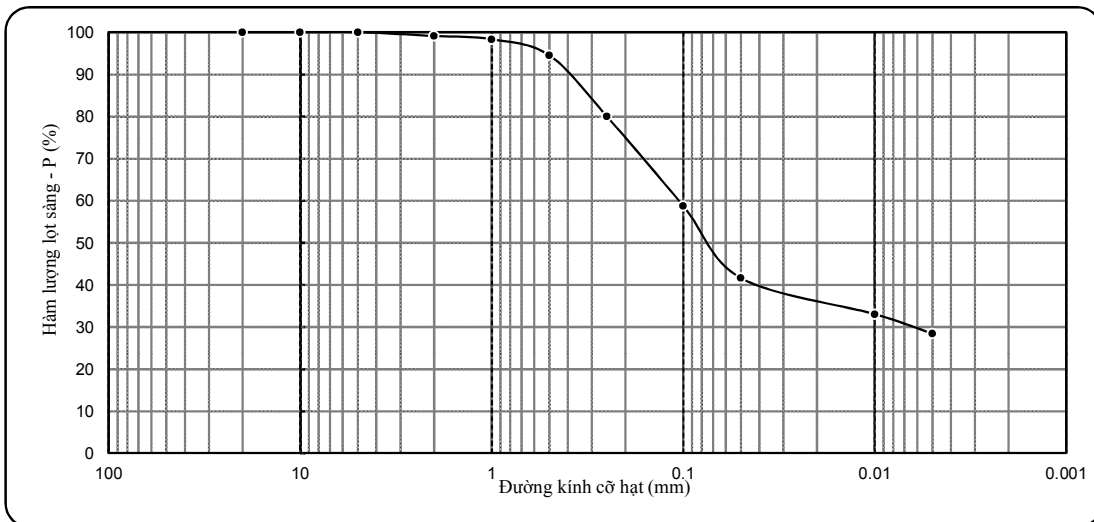
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi = 0.172$ $\phi = 9^{\circ}46'$ $C = 0.128$ (kG/cm ²)
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
0.50	13.5	0.211	
1.00	19.6	0.306	
1.50	24.5	0.383	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 35.0 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)			0.3	0.3	1.3	5.1	7.4			
Cấp hạt	SÔI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)			0.9	0.8	3.8	14.5	21.2	17.1	8.6	4.6	28.4
P hạt tích lũy lọt sàng(%)			100.0	99.1	98.3	94.5	80.0	58.8	41.6	33.0	28.4



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK10-2 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 3.8 - 4.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu xám trắng - nâu đỏ, trạng thái nửa cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	21.20	2.03	1.67	90	2.76	36.6	20.2	16.4	0.06

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

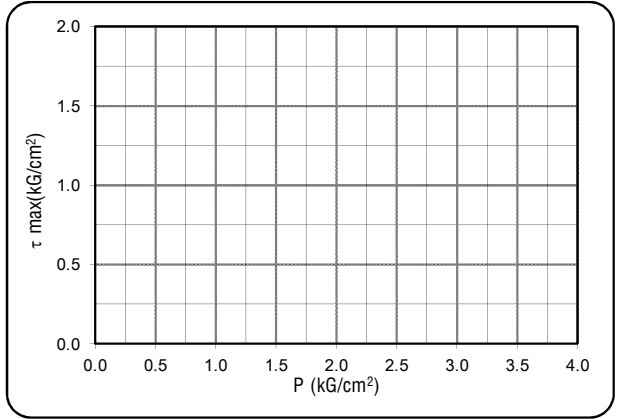
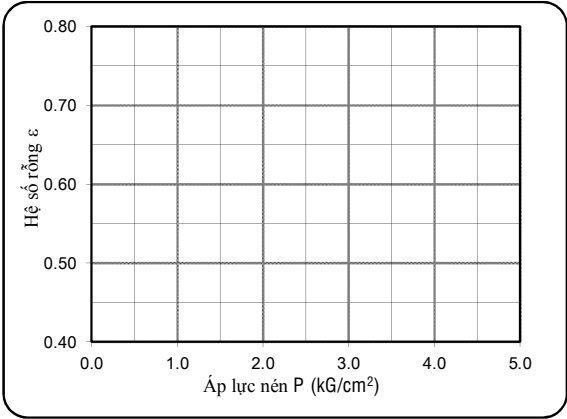
-Số hiệu máy: -Chiều cao mẫu h_0 :
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh:
 -Số đọc sau 24h:

P_n	(kG/cm ²)				
Δh_n	(0.01mm)				
Δh_m	(0.01mm)				
Δe_n	-				
e_n					
a	(cm ² /kG)				
E_i	(kG/cm ²)				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

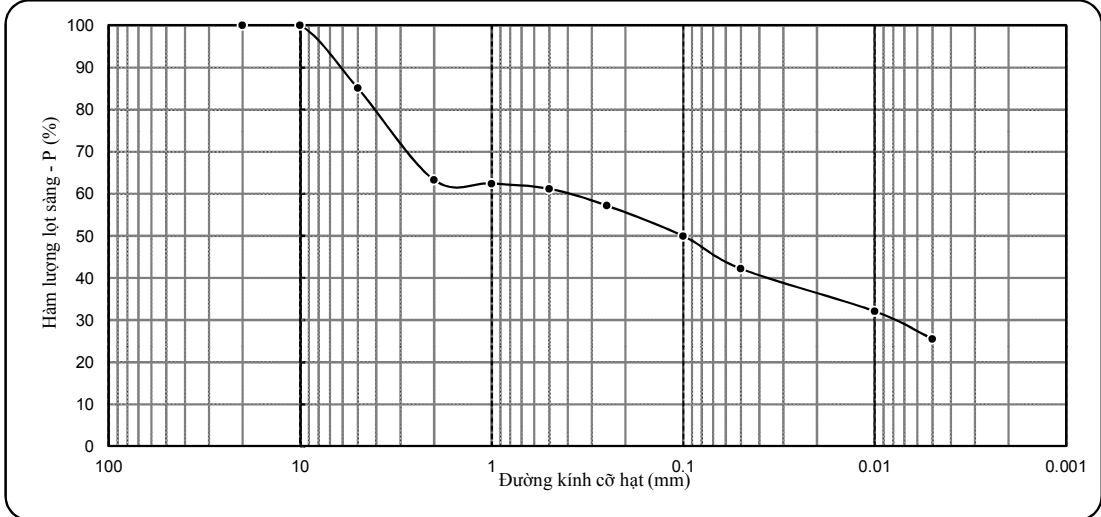
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi =$
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
			$\phi =$
			C = (kG/cm ²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 59.6 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)		8.9	13.0	0.5	0.8	2.4	4.3			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI		SÉT				
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)		14.9	21.8	0.9	1.3	4.0	7.2	7.7	10.1	6.5	25.5
P hạt tích lũy lọt sàng(%)		100.0	85.1	63.3	62.4	61.1	57.1	49.9	42.2	32.0	25.5



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK10-3 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 5.8 - 6.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu xám trắng - xám nâu, trạng thái nửa cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	16.29	2.16	1.86	94	2.74	28.9	15.2	13.7	0.08

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

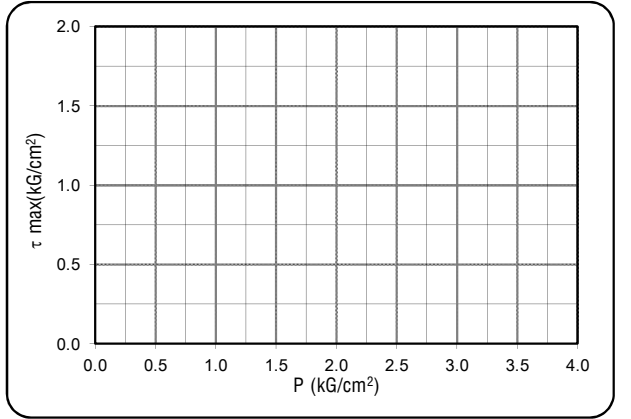
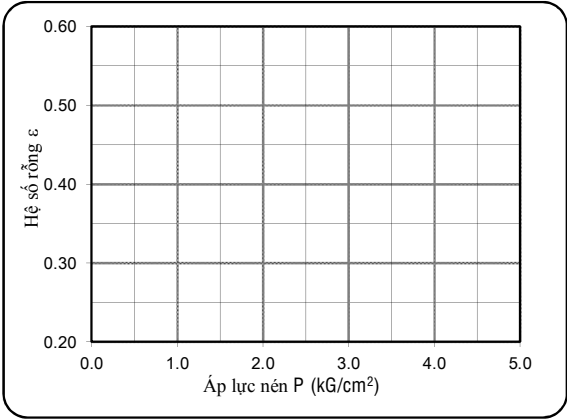
-Số hiệu máy: -Chiều cao mẫu h_0 :
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh:
 -Số đọc sau 24h:

P_n	(kG/cm ²)				
Δh_n	(0.01mm)				
Δh_m	(0.01mm)				
Δe_n	-				
e_n					
a	(cm ² /kG)				
E_i	(kG/cm ²)				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)	$\tan \phi =$
				$\phi =$
				C = (kG/cm ²)

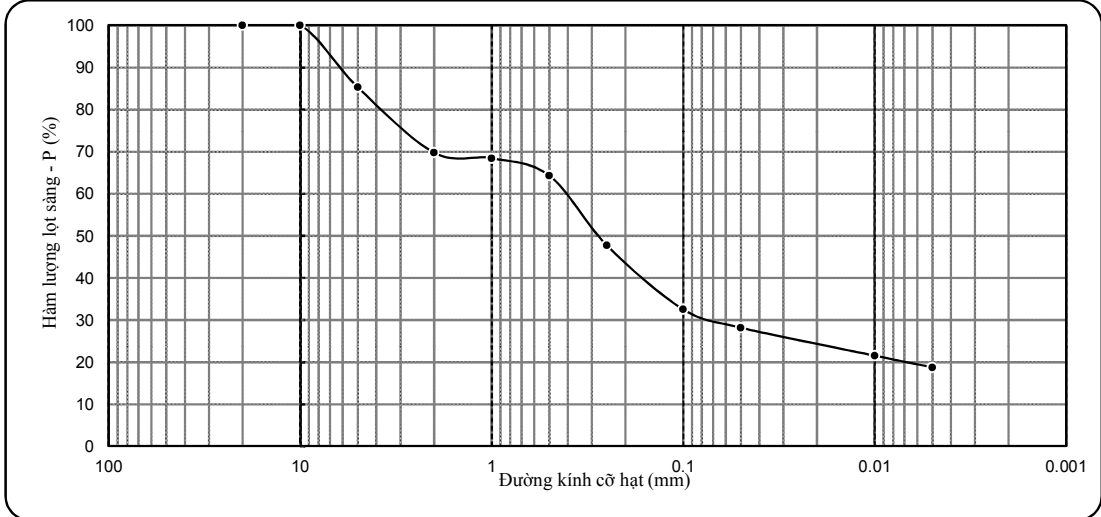


KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 74.0 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1
-Khối lượng trên từng sàng (g)			10.9	11.5	1.0	3.0	12.3	11.3

Cấp hạt	SỎI SẠN				CÁT				BỤI		SÉT
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)		14.7	15.5	1.4	4.1	16.6	15.2	4.4	6.6	2.8	18.7
P hạt tích lũy lọt sàng(%)		100.0	85.3	69.7	68.4	64.3	47.7	32.5	28.1	21.5	18.7



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK10-4 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 7.8 - 8.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu xám trắng - xám nâu, trạng thái nửa cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	15.05	2.06	1.79	78	2.74	26.3	14.9	11.4	0.01

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

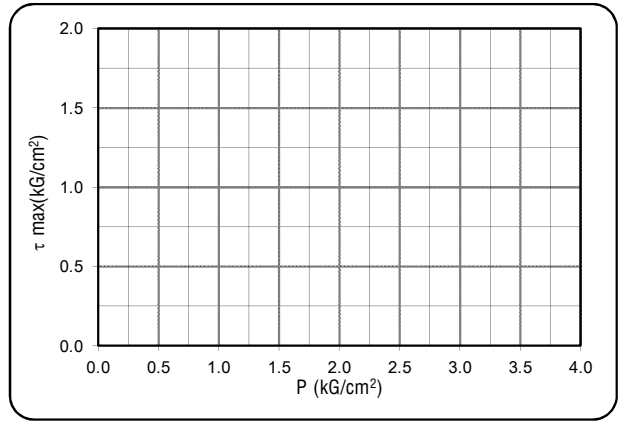
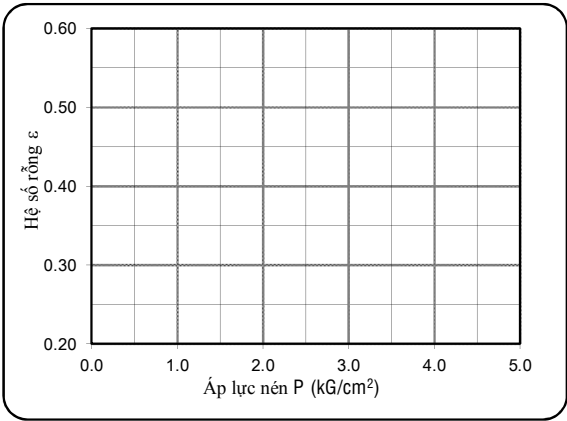
-Số hiệu máy: -Chiều cao mẫu h_0 :
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh:
 -Số đọc sau 24h:

P_n	(kG/cm ²)				
Δh_n	(0.01mm)				
Δh_m	(0.01mm)				
Δe_n	-				
e_n					
a	(cm ² /kG)				
E_i	(kG/cm ²)				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

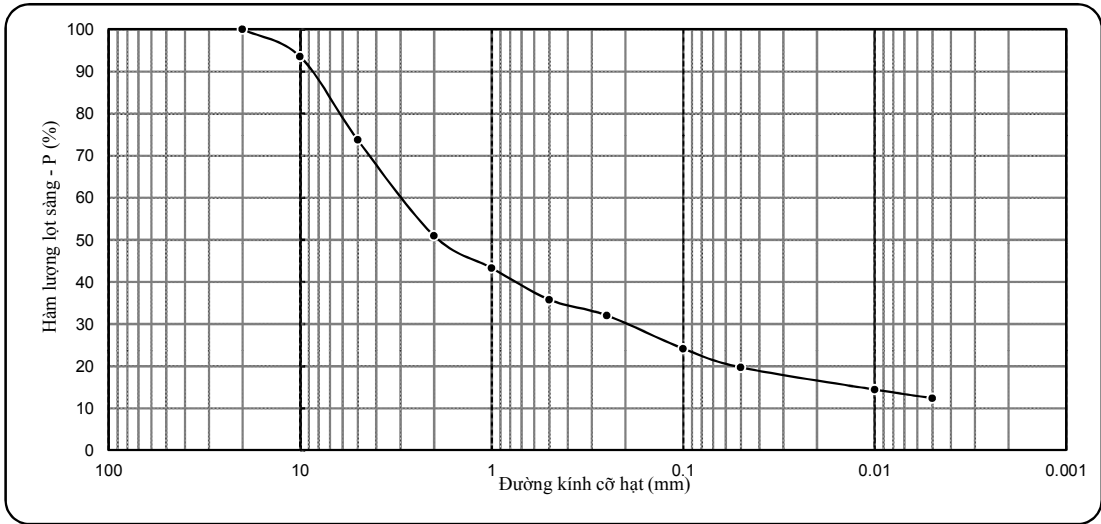
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi =$
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
			$\phi =$
			C = (kG/cm ²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 99.3 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)		6.5	19.7	22.6	7.6	7.5	3.8	7.8			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)	6.5	19.8	22.7	7.7	7.5	3.8	7.9	4.5	5.3	2.0	12.3
P hạt tích lũy lọt sàng (%)	100	93.5	73.7	51.0	43.3	35.8	32.0	24.1	19.7	14.4	12.3



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK10-5 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 9.8 - 10.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	16.67	2.01	1.72	81	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

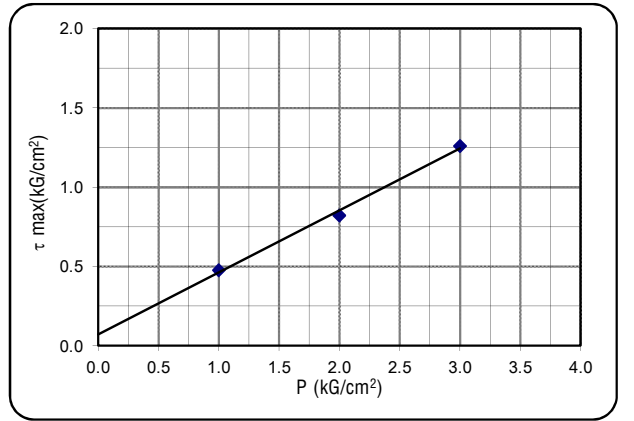
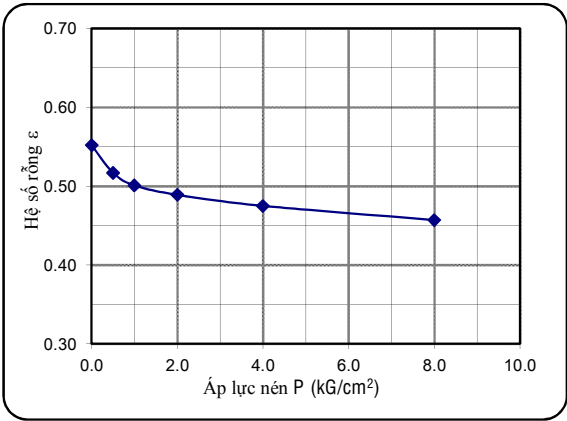
-Số hiệu máy: 5 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 143

P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	71.2	91.2	113.0	142.0
Δh_m	(0.01mm)	6.0	6.0	10.5	15.0	20.0
Δe_n	-	0.035	0.051	0.063	0.077	0.095
e_n	-	0.552	0.517	0.501	0.489	0.475
a	(cm ² /kG)	0.070	0.032	0.012	0.007	0.004
E_o	(kG/cm ²)	22.2	47.4	125.1	212.7	327.8

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

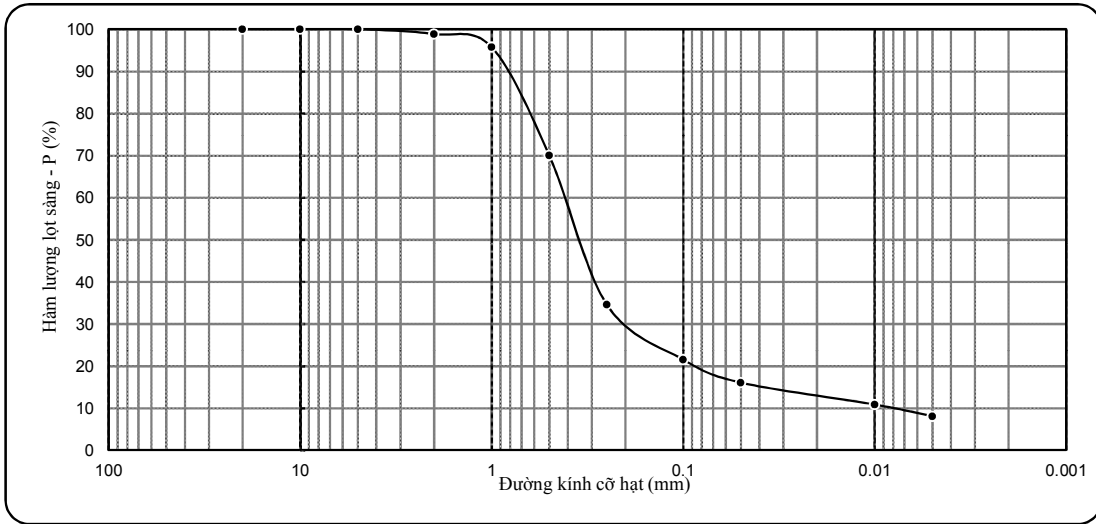
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi = 0.391$ $\phi = 21o21'$ $C = 0.070$ (kG/cm ²)
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
1.00	30.5	0.477	
2.00	52.5	0.821	
3.00	80.5	1.258	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 117.9 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)			1.3	3.7	30.3	41.8	15.4			
Cấp hạt	SỎI SẠN			CÁT				BỤI		SÉT	
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)			1.1	3.1	25.7	35.5	13.0	5.5	5.2	2.8	8.1
P hạt tích lũy lọt sàng(%)			100.0	98.9	95.7	70.0	34.5	21.5	16.0	10.8	8.1



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
- Tên mẫu: HK10-6
- Độ sâu: 11.8 - 12.0 m
- Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng
- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	18.81	2.05	1.73	92	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: **6** -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: **146**

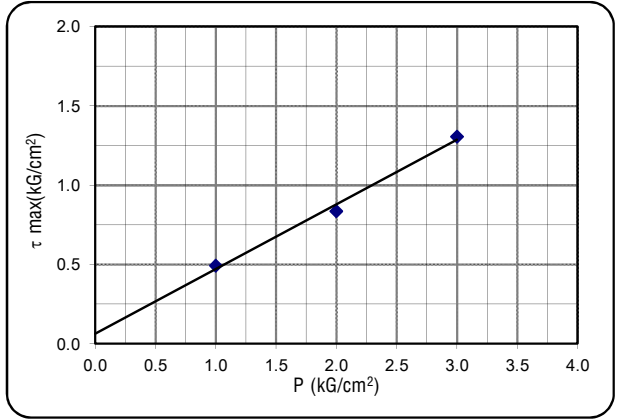
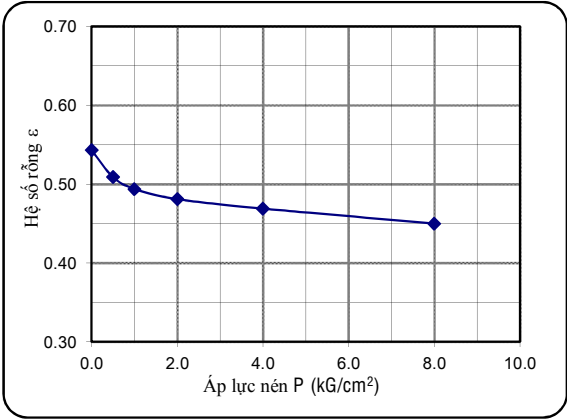
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.2	72.5	94.5	115.0	145.0
Δh_m	(0.01mm)	7.0	9.5	14.5	20.0	25.0
Δe_n	-	0.034	0.049	0.062	0.074	0.093
e_n	0.543	0.509	0.494	0.481	0.469	0.450
a	(cm ² /kG)	0.068	0.030	0.013	0.006	0.005
E_o	(kG/cm ²)	22.7	50.3	114.9	246.8	309.3

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)
1.00	31.5	0.492	
2.00	53.5	0.836	
3.00	83.6	1.307	

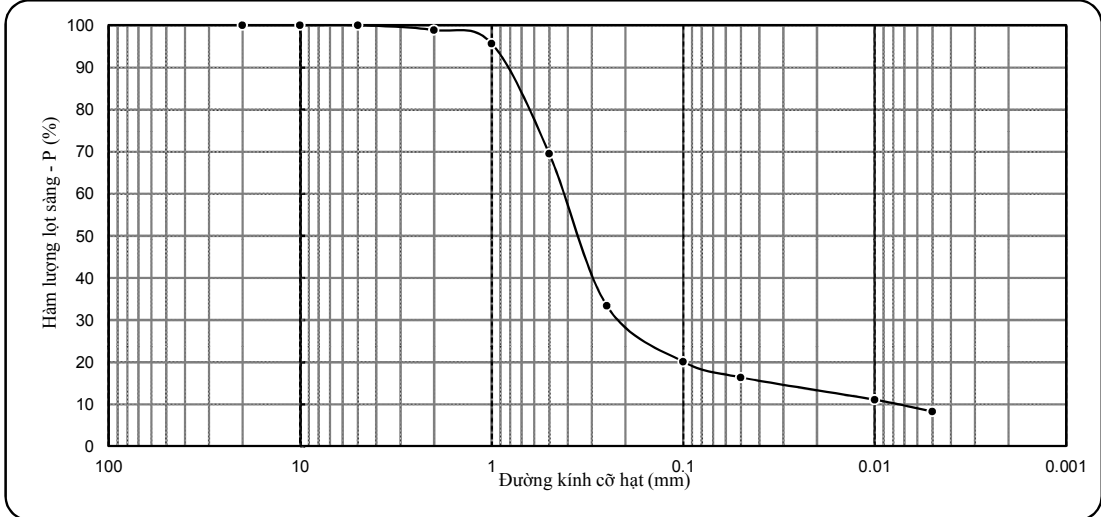
$\tan \phi = 0.407$
 $\phi = 22^{\circ}09'$
 $C = 0.064$ (kG/cm²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 115.8 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)			1.3	3.7	30.3	41.8	15.4			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)			1.2	3.2	26.2	36.1	13.3	3.7	5.3	2.8	8.2
P hạt tích lũy lọt sàng(%)			100.0	98.8	95.7	69.5	33.3	20.1	16.3	11.0	8.2



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK10-7 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 13.8 - 14.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	18.26	2.05	1.73	90	2.66				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

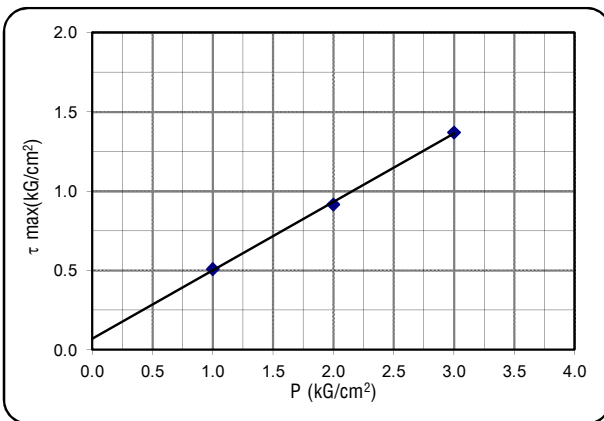
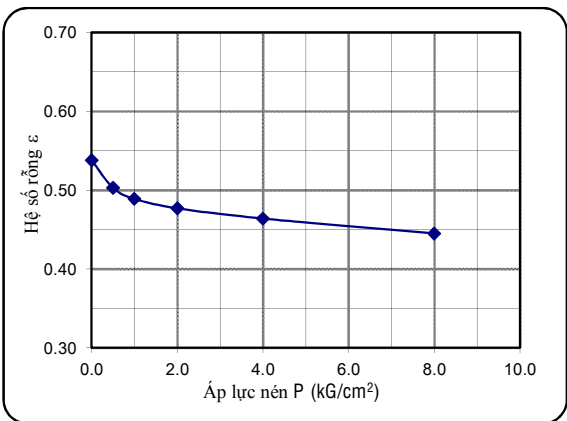
-Số hiệu máy: 7 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 143

P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	71.2	91.2	113.0	142.0
Δh_m	(0.01mm)	6.0	8.0	12.0	17.0	22.0
Δe_n	-	0.035	0.049	0.061	0.074	0.093
e_n	-	0.538	0.503	0.489	0.477	0.445
a	(cm ² /kG)	0.070	0.028	0.012	0.006	0.005
E_o	(kG/cm ²)	22.0	53.7	124.1	227.2	308.2

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

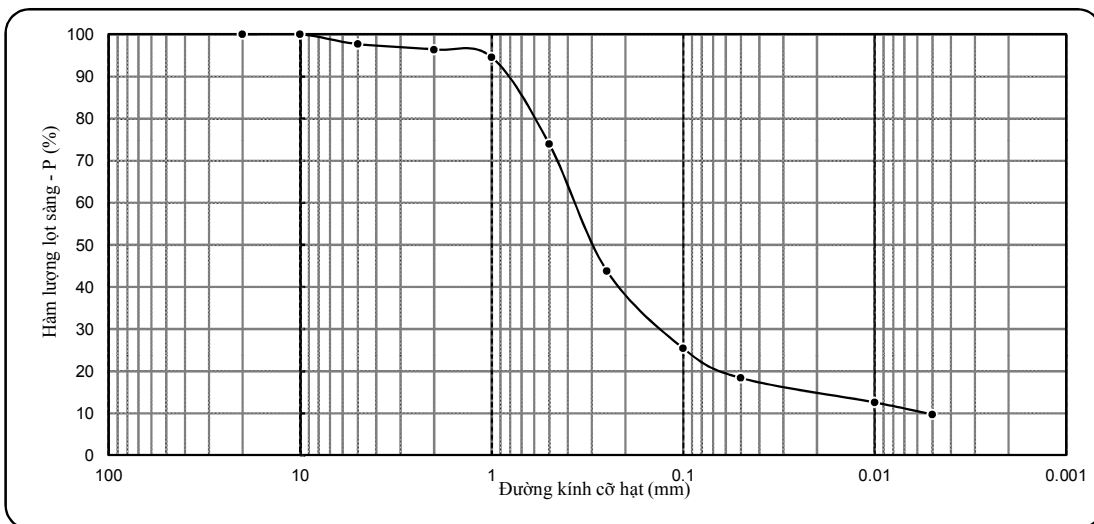
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
1.00	32.5	0.508	$\tan \phi = 0.431$ $\phi = 23^{\circ}19'$ $C = 0.070$ (kG/cm ²)
2.00	58.6	0.916	
3.00	87.6	1.369	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 115.3 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)		2.7	1.5	2.1	23.8	34.8	21.2			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)		2.3	1.3	1.8	20.7	30.2	18.4	7.1	5.8	2.9	9.7
P hạt tích lũy lọt sàng(%)		100.0	97.7	96.3	94.6	73.9	43.8	25.4	18.3	12.5	9.7



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK10-8 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 15.8 - 16.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám hồng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	21.45	1.98	1.63	90	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 8 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 147

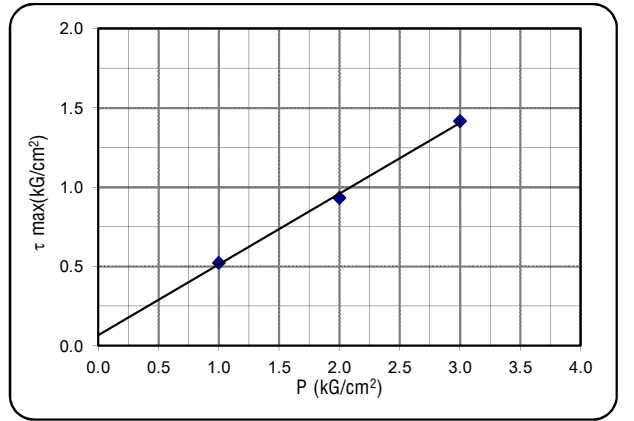
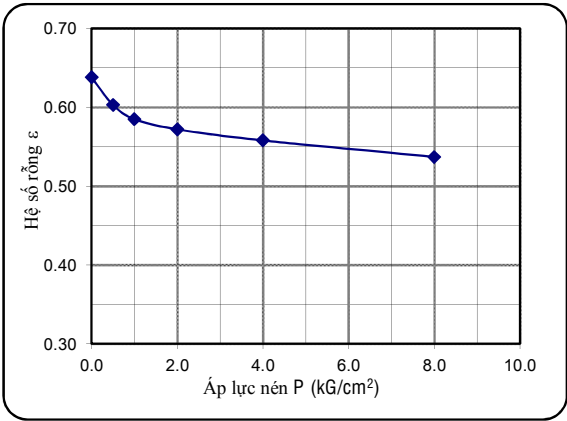
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.2	72.5	92.6	115.0	146.0
Δh_m	(0.01mm)	7.5	8.0	12.5	18.0	23.5
Δe_n	-	0.035	0.053	0.066	0.080	0.101
e_n	-	0.638	0.603	0.585	0.572	0.558
a	(cm ² /kG)	0.070	0.036	0.013	0.007	0.005
E_o	(kG/cm ²)	23.4	44.5	121.9	224.6	296.8

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)
1.00	33.5	0.524	
2.00	59.6	0.932	
3.00	90.6	1.416	

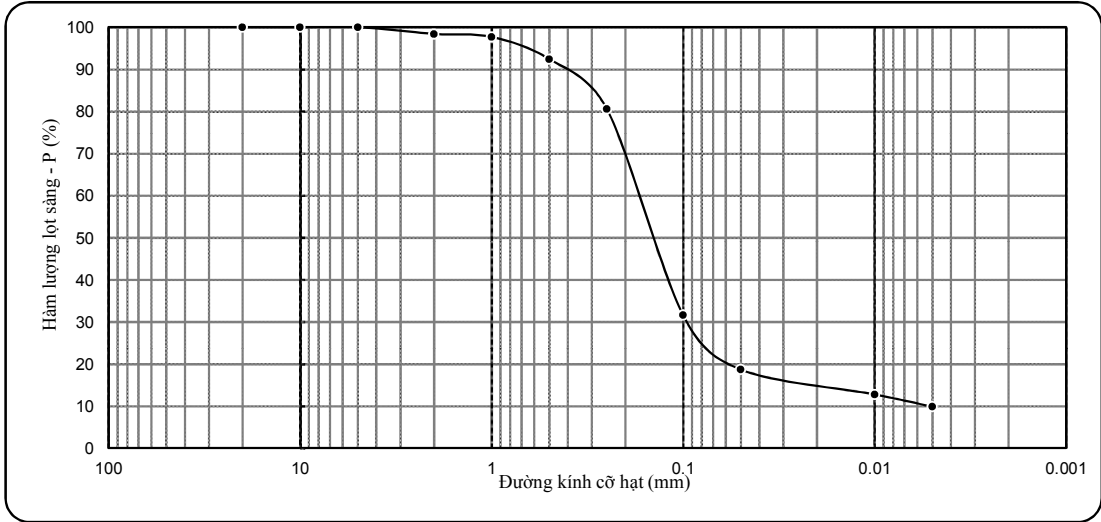
$\tan \phi = 0.446$
 $\phi = 24^{\circ}02'$
 $C = 0.065$ (kG/cm²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 113.1 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)			1.8	0.8	5.9	13.4	55.3			
Cấp hạt	SÔI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)			1.6	0.7	5.3	11.8	48.9	13.0	5.9	2.9	9.8
P hạt tích lũy lọt sàng(%)			100.0	98.4	97.7	92.4	80.6	31.6	18.7	12.7	9.8



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK10-9 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 17.8 - 18.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám hồng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	20.23	2.01	1.67	90	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 9 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 143

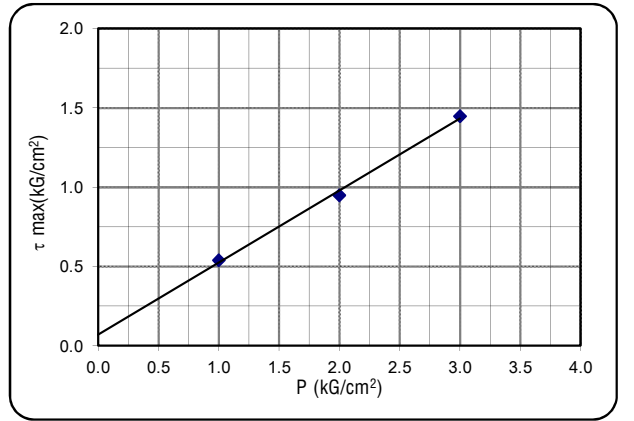
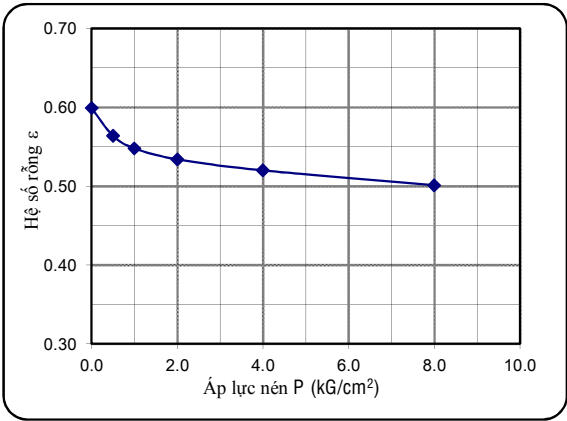
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	71.2	91.2	113.0	142.0
Δh_m	(0.01mm)	7.5	7.5	11.0	15.5	20.0
Δe_n	-	0.035	0.051	0.065	0.079	0.098
e_n		0.599	0.564	0.548	0.534	0.520
a	(cm ² /kG)	0.070	0.032	0.014	0.007	0.005
E_o	(kG/cm ²)	22.8	48.9	110.6	219.1	320.0

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)
1.00	34.5	0.539	
2.00	60.6	0.947	
3.00	92.6	1.447	

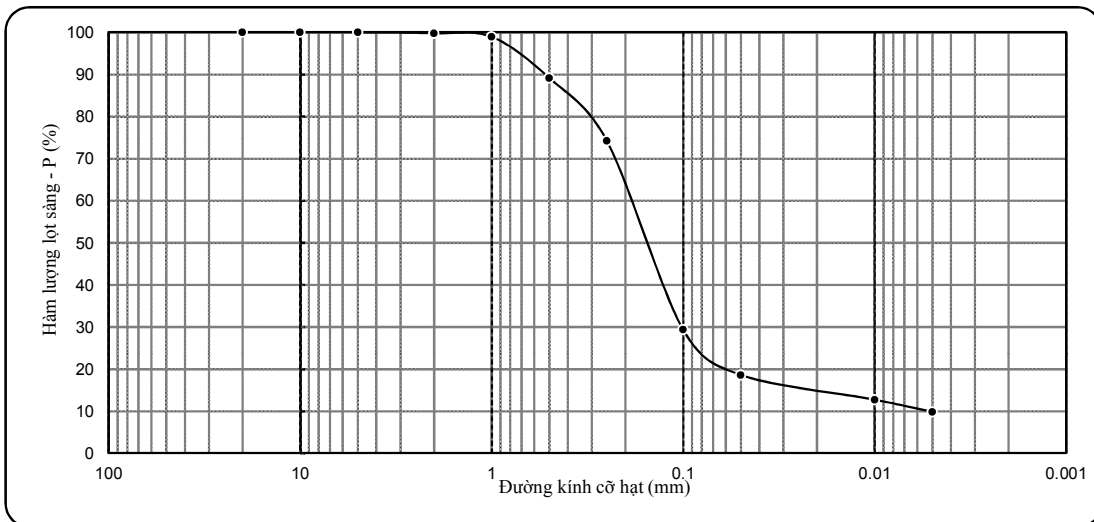
$\tan \phi = 0.454$
 $\phi = 24^{\circ}25'$
 $C = 0.070$ (kG/cm²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 113.6 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)			0.3	0.9	11.1	17.0	50.9			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)			0.3	0.8	9.8	14.9	44.8	10.8	5.9	2.9	9.8
P hạt tích lũy lọt sàng(%)			100.0	99.7	98.9	89.1	74.2	29.4	18.6	12.7	9.8



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK10-10 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 19.8 - 20.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám vàng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	18.13	2.05	1.74	91	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 10 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 149

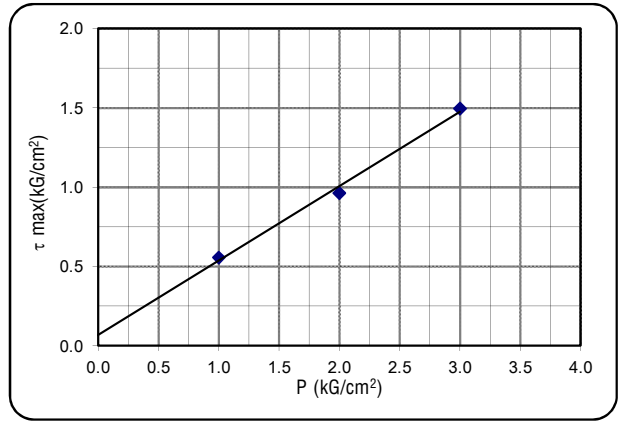
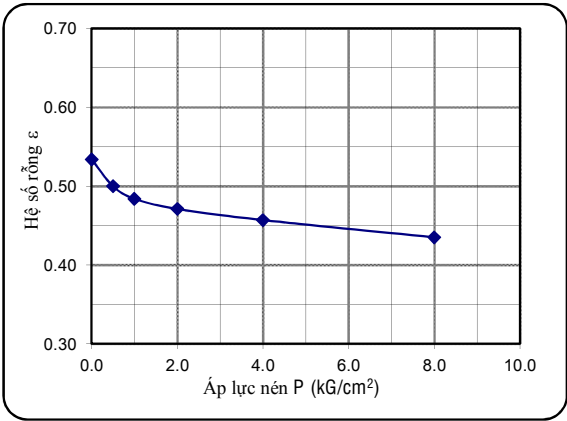
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	50.2	72.2	92.5	115.0	148.0
Δh_m	(0.01mm)	6.0	7.0	11.0	15.0	19.5
Δe_n	-	0.034	0.050	0.063	0.077	0.099
e_n	0.534	0.500	0.484	0.471	0.457	0.435
a	(cm ² /kG)	0.068	0.032	0.013	0.007	0.006
E_o	(kG/cm ²)	22.6	46.9	114.2	210.1	264.9

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)
1.00	35.6	0.556	
2.00	61.6	0.963	
3.00	95.6	1.494	

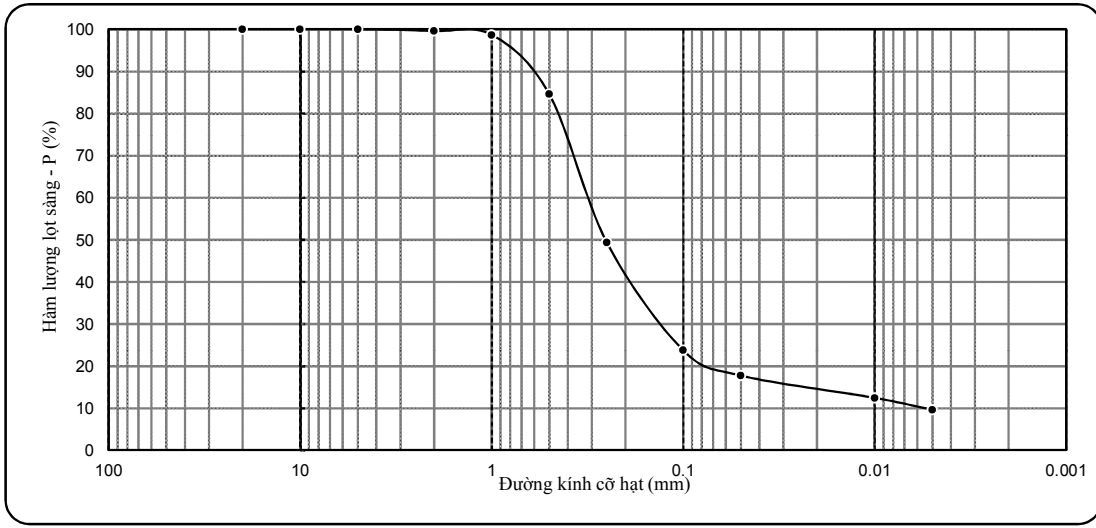
$\tan \phi = 0.469$
 $\phi = 25^{\circ}08'$
 $C = 0.067$ (kG/cm²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 116.1 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)				0.5	1.0	16.4	40.9	29.7			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)			0.4	0.9	14.1	35.2	25.6	6.1	5.3	2.8	9.6
P hạt tích lũy lọt sàng(%)			100.0	99.6	98.7	84.6	49.3	23.8	17.7	12.4	9.6



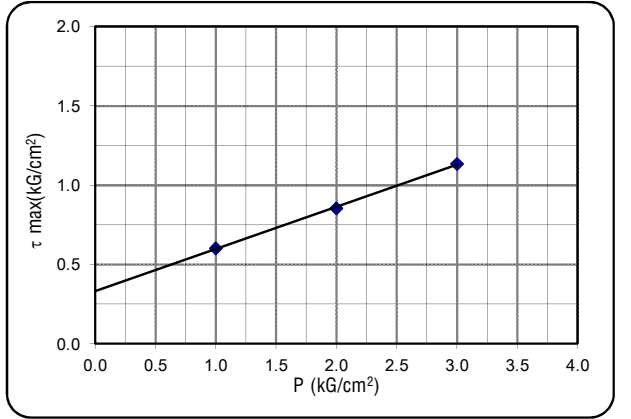
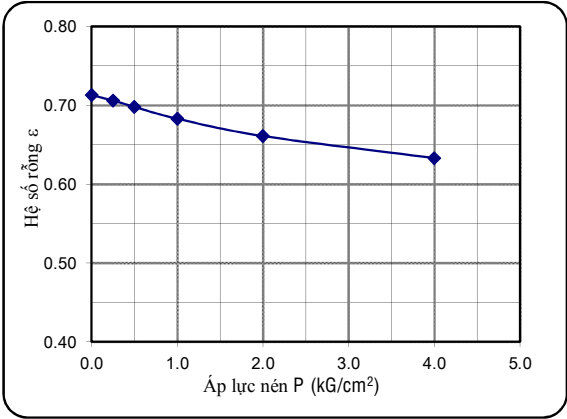
KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
- Tên mẫu: HK10-11
- Độ sâu: 22.8 - 23.0 m
- Mô tả đất: Sét, màu xám nâu - xám tro, trạng thái nửa cứng
- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

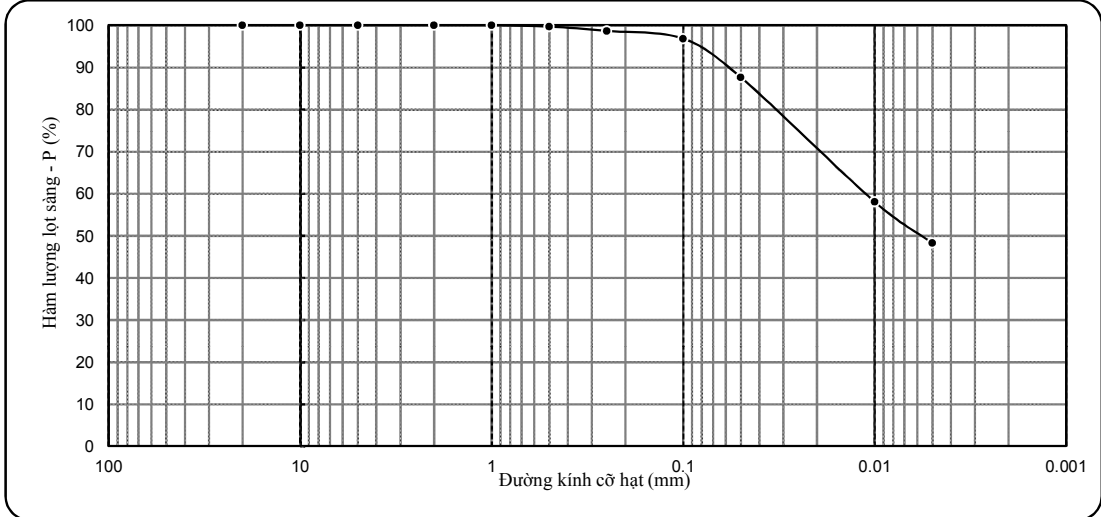
Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	25.13	2.00	1.60	97	2.74	46.5	24.1	22.4	0.05

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN						
-Số hiệu máy: 11		-Chiều cao mẫu h_0 : 20mm				
-Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa		-Hệ số hiệu chỉnh: 1.009				
		-Số đọc sau 24h: 110				
P_n	(kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n	(0.01mm)	13.0	24.0	42.0	72.0	109.0
Δh_m	(0.01mm)	5.0	6.5	7.0	12.0	16.0
Δe_n	-	0.007	0.015	0.030	0.052	0.080
e_n	-	0.713	0.706	0.698	0.683	0.661
a	(cm ² /kG)	0.028	0.032	0.030	0.022	0.014
E_i	(kG/cm ²)	61.2	53.3	56.6	76.5	118.6

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG			
-Kiểu cắt: Ứng biến			
-Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước			
-Hệ số vòng ứng biến: 0.01563			
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi = 0.266$ $\phi = 14^{\circ}54'$ $C = 0.331$ (kG/cm ²)
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
1.00	38.5	0.602	
2.00	54.6	0.853	
3.00	72.5	1.133	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT		- Khối lượng đất dùng TN: 33.0 (g)							- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)		
* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)		-Đường kính mặt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1		
		-Khối lượng trên từng sàng (g)					0.1	0.3	0.6		
Cấp hạt	SỎI SẠN			CÁT				BỤI		SÉT	
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)					0.3	1.0	1.8	9.2	29.6	9.8	48.2
P hạt tích lũy lọt sàng (%)					100.0	99.7	98.6	96.8	87.6	58.1	48.2



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK10-12 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 24.8 - 25.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Sét, màu xám nâu - xám tro, trạng thái nửa cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	18.33	2.07	1.75	89	2.74	40.3	17.6	22.7	0.03

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

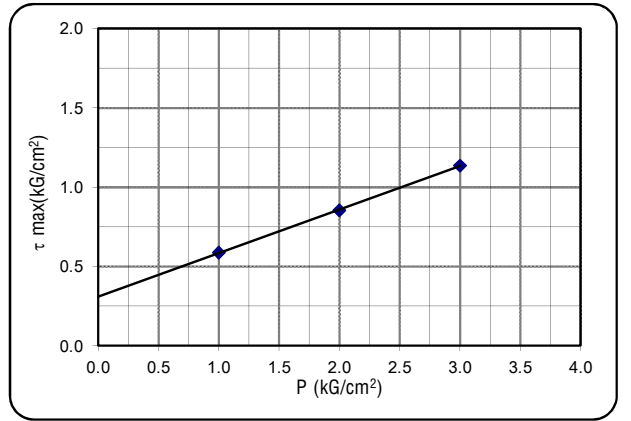
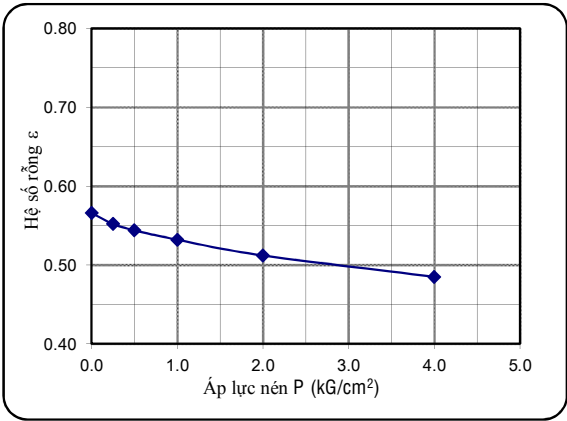
-Số hiệu máy: 12 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.017
 -Số đọc sau 24h: 117

P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	20.5	32.5	48.5	76.5	115.0
Δh_m (0.01mm)	3.5	5.0	5.5	9.0	13.5
Δe_n	0.014	0.022	0.034	0.054	0.081
e_n	0.566	0.552	0.544	0.532	0.485
a (cm ² /kG)	0.056	0.032	0.024	0.020	0.014
E_i (kG/cm ²)	28.0	48.5	64.3	76.6	112.0

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

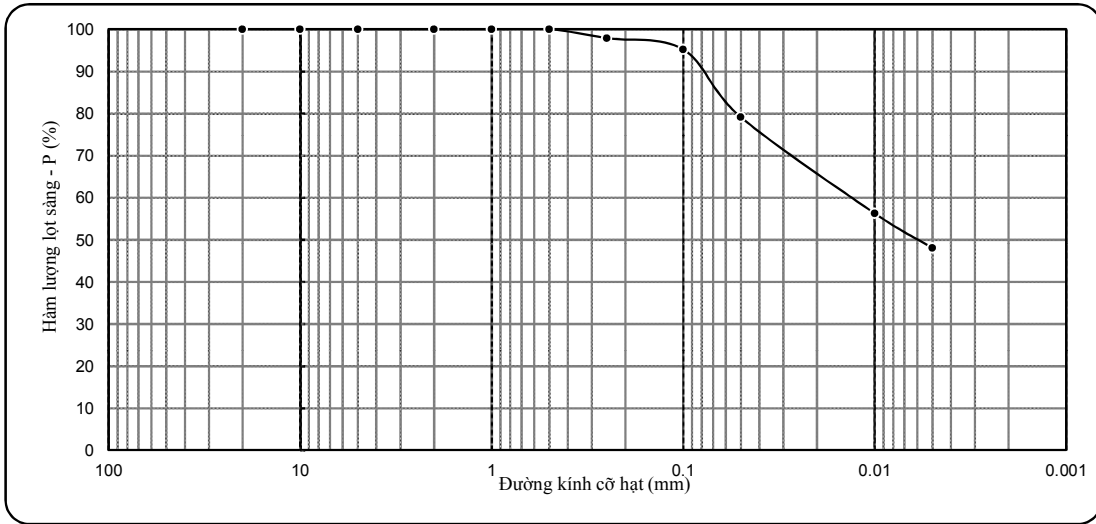
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.274$ $\phi = 15\text{ }019'$ $C = 0.309$ (kG/cm ²)
1.00	37.5	0.586	
2.00	54.6	0.853	
3.00	72.6	1.135	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 35.5 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)						0.8	0.9			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT				BỤI		SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)						2.1	2.6	16.1	22.9	8.2	48.0
P hạt tích lũy lọt sàng (%)						100.0	97.9	95.2	79.1	56.3	48.0



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK11-1 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 1.8 - 2.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu xám nâu, trạng thái dẻo mềm

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	20.96	1.96	1.62	85	2.69	26.3	14.9	11.4	0.53

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

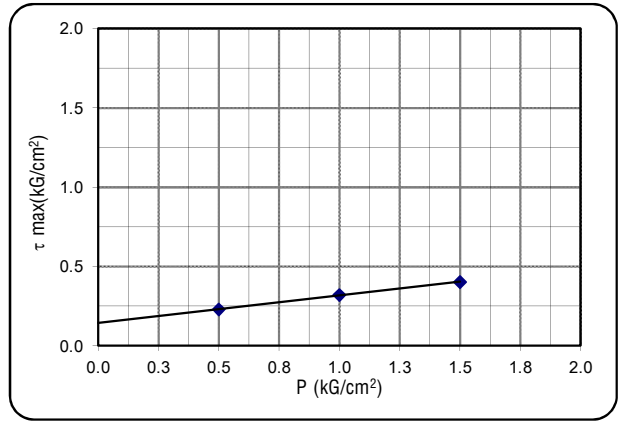
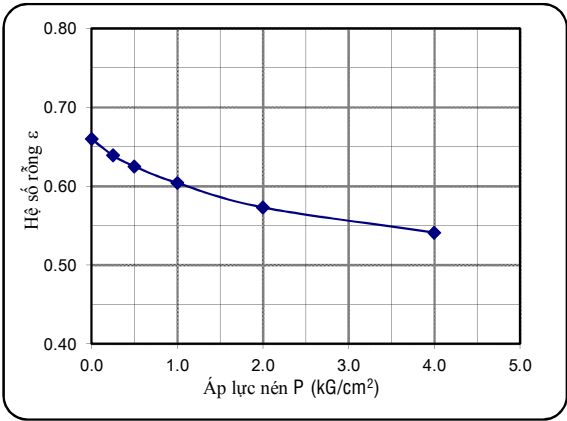
-Số hiệu máy: 1 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.013
 -Số đọc sau 24h: 160

P_n	(kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n	(0.01mm)	30.0	48.6	75.5	115.0	158.0
Δh_m	(0.01mm)	5.5	7.0	8.5	12.0	17.0
Δe_n	-	0.021	0.035	0.056	0.087	0.119
e_n	-	0.660	0.639	0.625	0.604	0.573
a	(cm ² /kG)	0.084	0.056	0.042	0.031	0.016
E_o	(kG/cm ²)	19.8	29.3	38.7	51.7	98.3

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh, bão hòa nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

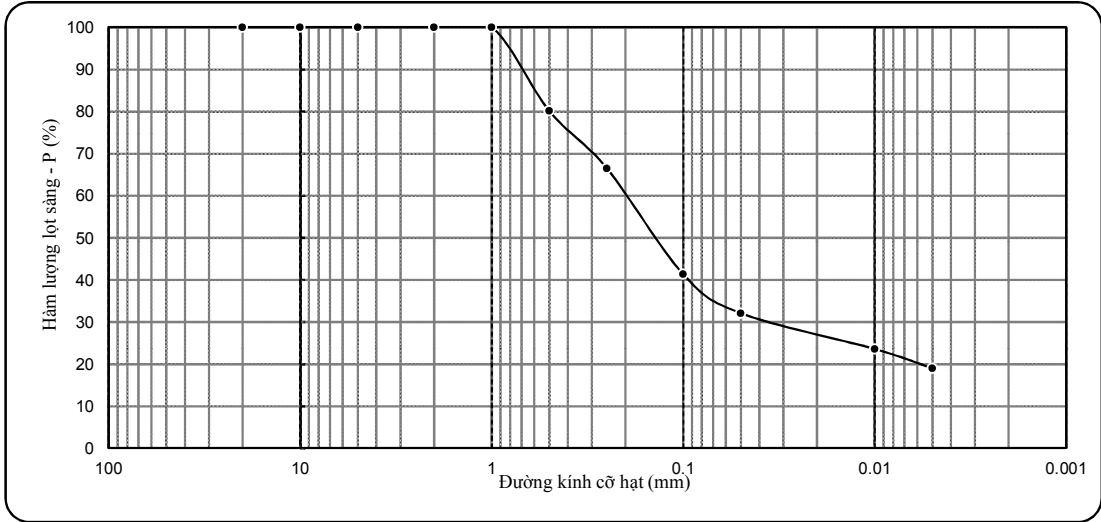
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi = 0.174$ $\phi = 9^{\circ}52'$ $C = 0.143$ (kG/cm ²)
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
0.50	14.6	0.228	
1.00	20.5	0.320	
1.50	25.7	0.402	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 35.4 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)					7.0	4.8	8.9			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT				BỤI			SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)					19.9	13.7	25.1	9.3	8.5	4.6	19.0
P hạt tích lũy lọt sàng(%)					100.0	80.1	66.5	41.3	32.1	23.6	19.0



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK11-2 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 3.8 - 4.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu nâu đỏ - xám trắng, trạng thái nửa cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	20.96	1.96	1.62	82	2.76	38.2	18.8	19.4	0.11

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

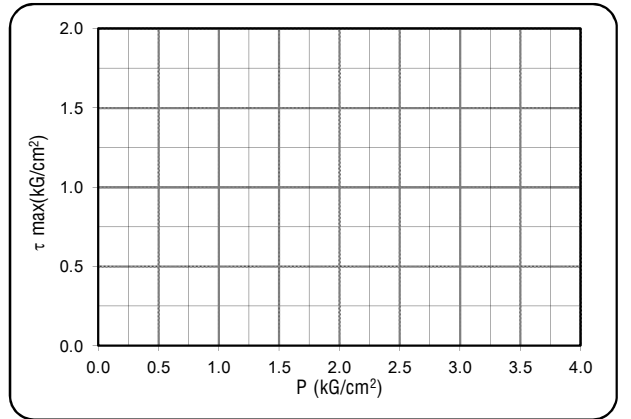
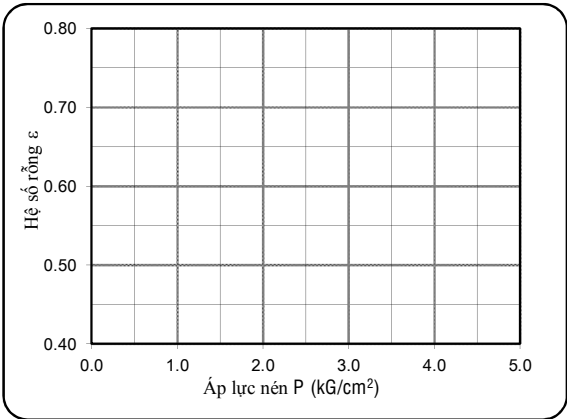
-Số hiệu máy: -Chiều cao mẫu h_0 :
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh:
 -Số đọc sau 24h:

P_n	(kG/cm ²)				
Δh_n	(0.01mm)				
Δh_m	(0.01mm)				
Δe_n	-				
e_n					
a	(cm ² /kG)				
E_i	(kG/cm ²)				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

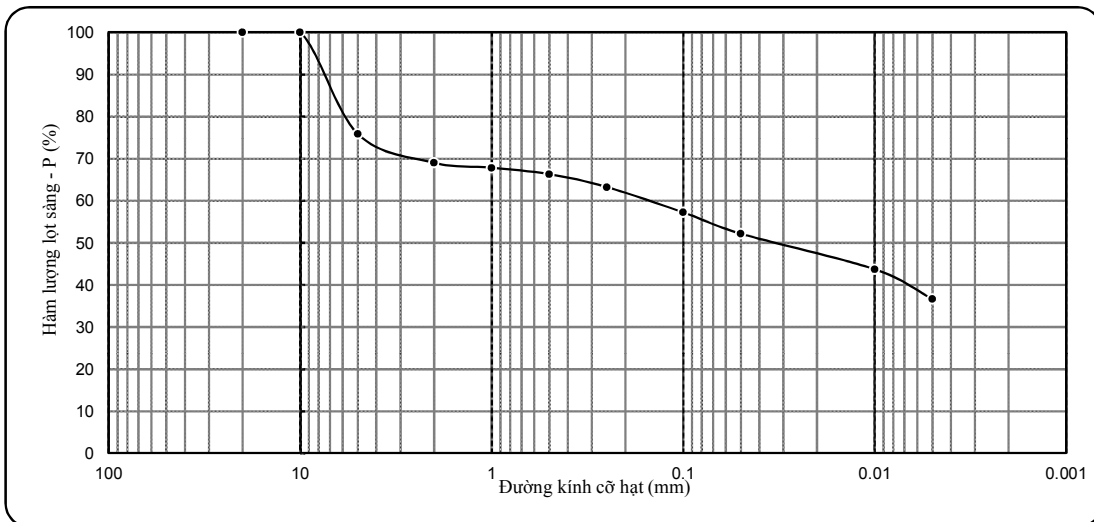
Áp lực nén, P_n	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)	$\tan \phi =$
				$\phi =$
				C = (kG/cm ²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 38.9 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)		9.4	2.7	0.5	0.6	1.2	2.3			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)		24.2	6.9	1.2	1.5	3.1	6.0	5.1	8.5	7.0	36.7
P hạt tích lũy lọt sàng(%)		100.0	75.8	69.0	67.8	66.3	63.2	57.2	52.1	43.7	36.7



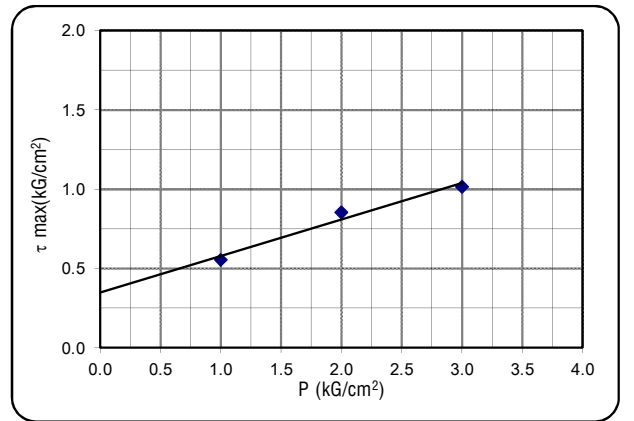
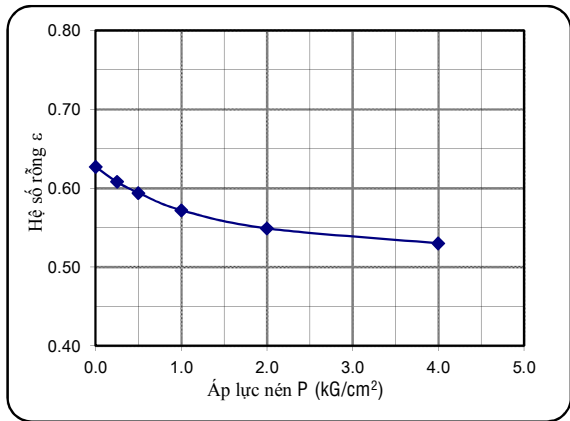
KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK11-3 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 5.8 - 6.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu nâu đỏ - xám trang, trạng thái nửa cứng

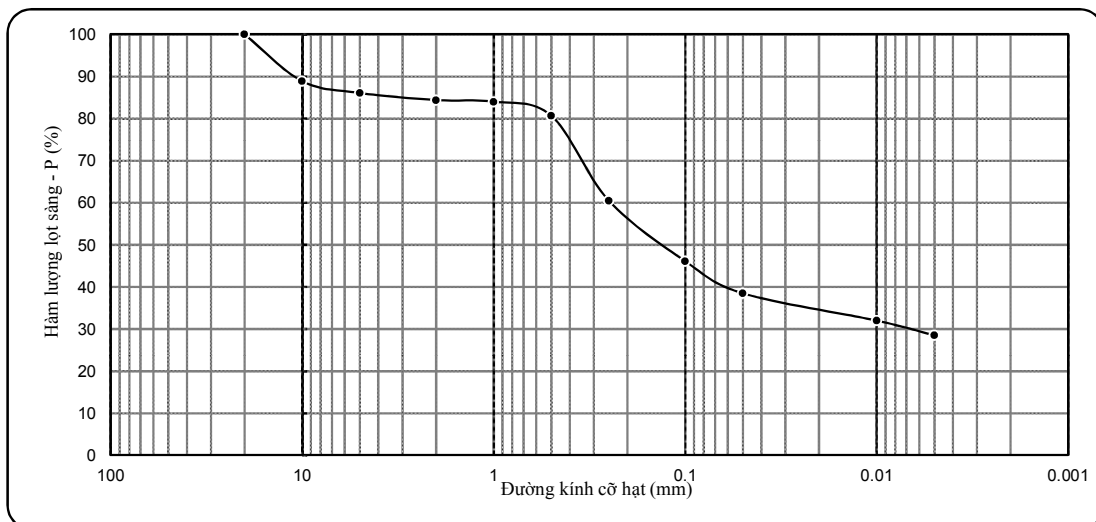
Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	18.60	2.01	1.69	82	2.75	32.4	17.2	15.2	0.09

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN						
-Số hiệu máy: 3		-Chiều cao mẫu h_0 : 20mm				
-Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa		-Hệ số hiệu chỉnh: 1.015				
		-Số đọc sau 24h: 138				
P_n	(kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n	(0.01mm)	28.5	47.5	75.6	108.0	136.0
Δh_m	(0.01mm)	5.5	7.0	8.5	13.0	18.0
Δe_n	-	0.019	0.033	0.055	0.078	0.097
e_n	-	0.627	0.608	0.594	0.572	0.549
a	(cm ² /kG)	0.076	0.056	0.044	0.023	0.010
E_i	(kG/cm ²)	21.4	28.7	36.2	68.3	163.1

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG			
-Kiểu cắt: Ứng biến			
-Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước			
-Hệ số vòng ứng biến: 0.01563			
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi = 0.231$ $\phi = 13^{\circ}00'$ $C = 0.347$ (kG/cm ²)
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
1.00	35.5	0.555	
2.00	54.6	0.853	
3.00	65.0	1.016	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT		- Khối lượng đất dùng TN: 45.8 (g)		- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)							
* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)		-Đường kính mặt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1		
		-Khối lượng trên từng sàng (g)	5.1	1.3	0.8	0.2	1.5	9.3	6.6		
Cấp hạt	SỎI SẠN			CÁT			BỤI		SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)	11.2	2.8	1.7	0.4	3.3	20.2	14.4	7.6	6.5	3.5	28.5
P hạt tích lũy lọt sàng (%)	100	88.8	86.0	84.3	83.9	80.7	60.5	46.1	38.5	32.0	28.5



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK11-4 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 7.8 - 8.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét lẫn sạn Laterite, màu xám vàng - nâu đỏ, trạng thái dẻo cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	20.45	2.06	1.71	95	2.71	30.0	15.9	14.1	0.32

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

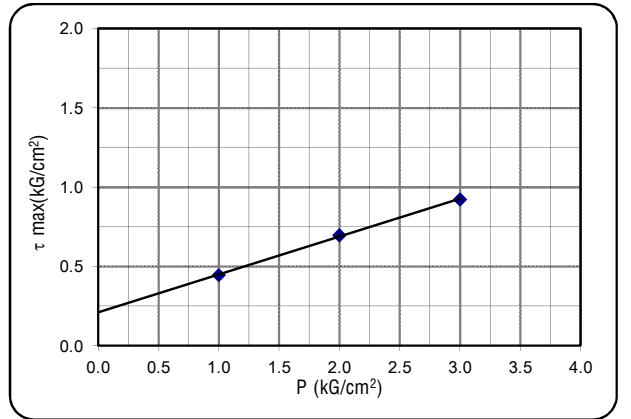
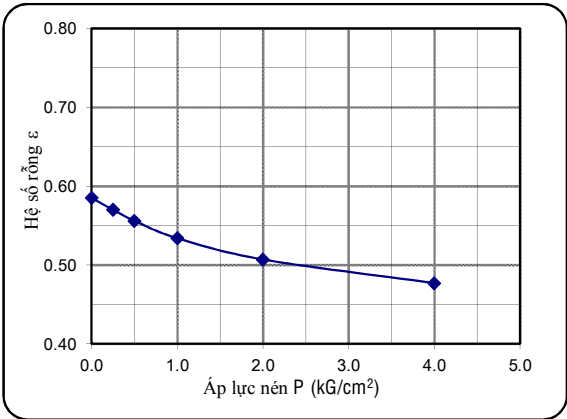
-Số hiệu máy: 4 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.013
 -Số đọc sau 24h: 154

P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	24.0	43.0	72.0	110.0	152.0
Δh_m (0.01mm)	5.0	6.5	8.5	12.5	17.0
Δe_n	0.015	0.029	0.051	0.078	0.108
e_n	0.585	0.570	0.556	0.534	0.507
a (cm ² /kG)	0.060	0.056	0.044	0.027	0.015
E_i (kG/cm ²)	26.4	28.0	35.4	56.8	100.5

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

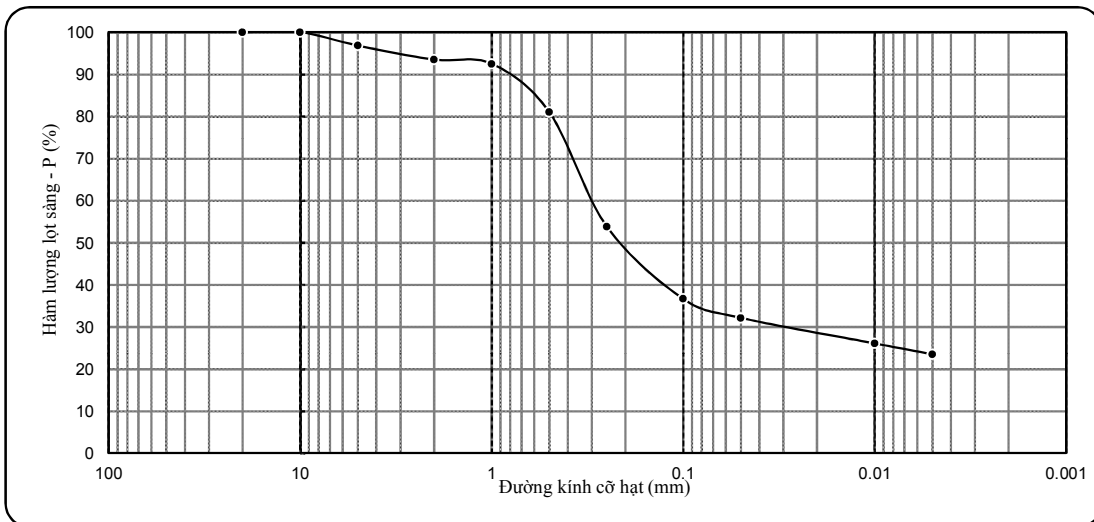
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.238$ $\phi = 13^{\circ}23'$ $C = 0.211$ (kG/cm ²)
1.00	28.5	0.445	
2.00	44.5	0.696	
3.00	59.0	0.922	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 62.7 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mặt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)		2.0	2.1	0.6	7.2	17.1	10.7			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)		3.2	3.3	1.0	11.5	27.2	17.1	4.5	6.1	2.6	23.5
P hạt tích lũy lọt sàng (%)		100.0	96.8	93.5	92.5	81.0	53.8	36.7	32.1	26.1	23.5



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK11-5 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 11.8 - 12.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu xám vàng, trạng thái dẻo cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W _L	W _p	I _p	B
Mẫu nguyên dạng	17.60	2.04	1.73	85	2.69	25.0	14.8	10.2	0.27

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

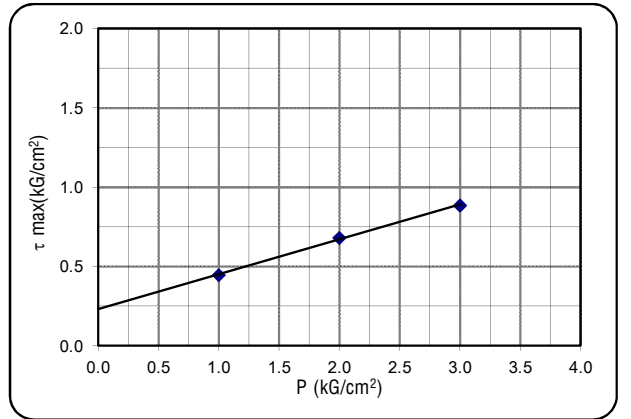
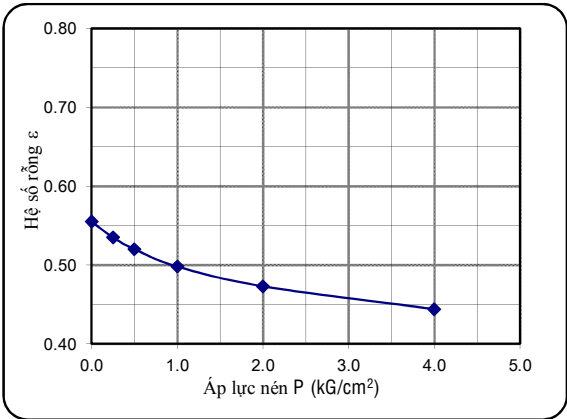
-Số hiệu máy: 5 - Chiều cao mẫu h₀: 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.013
 -Số đọc sau 24h: 158

P _n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	30.0	50.0	79.0	114.0	156.0
Δh_m (0.01mm)	4.5	6.0	6.0	10.5	15.0
Δe_n	0.020	0.035	0.057	0.082	0.111
e _n	0.555	0.535	0.520	0.498	0.473
a (cm ² /kG)	0.080	0.060	0.044	0.025	0.015
E _i (kG/cm ²)	19.4	25.6	34.5	59.9	101.6

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

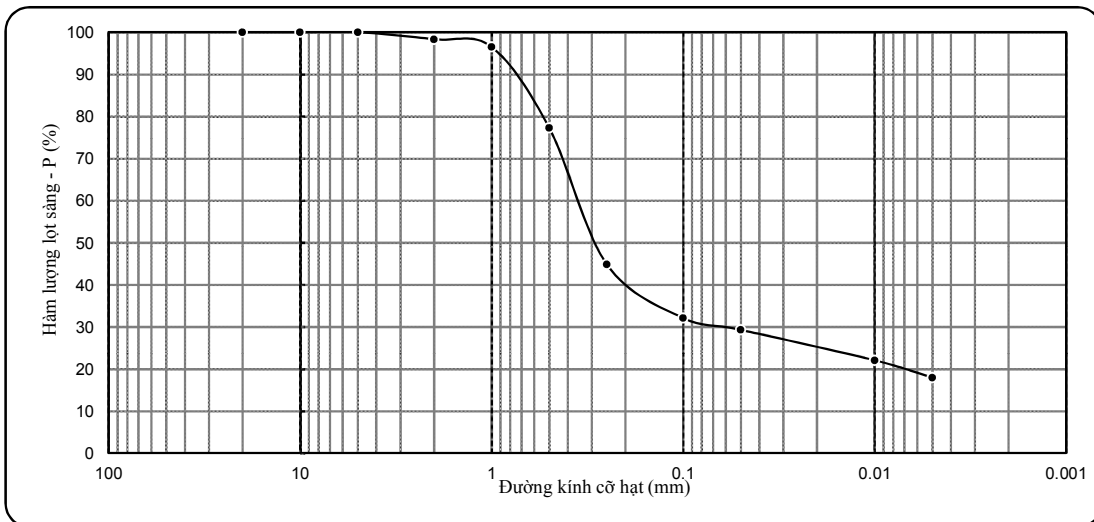
Áp lực nén, P _n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	U _S cắt t _{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.22$ $\phi = 12\text{o}24'$ $C = 0.231 \text{ (kG/cm}^2\text{)}$
1.00	28.5	0.445	
2.00	43.5	0.680	
3.00	56.6	0.885	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 80.1 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)				1.4	1.5	15.4	26.0	10.2			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)			1.7	1.8	19.2	32.4	12.7	2.8	7.2	4.1	18.0
P hạt tích lũy lọt sàng (%)			100.0	98.3	96.5	77.3	44.8	32.1	29.3	22.1	18.0



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK11-6 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 11.8 - 12.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu xám vàng, trạng thái dẻo cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	23.67	1.99	1.61	95	2.69	29.6	18.4	11.2	0.47

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

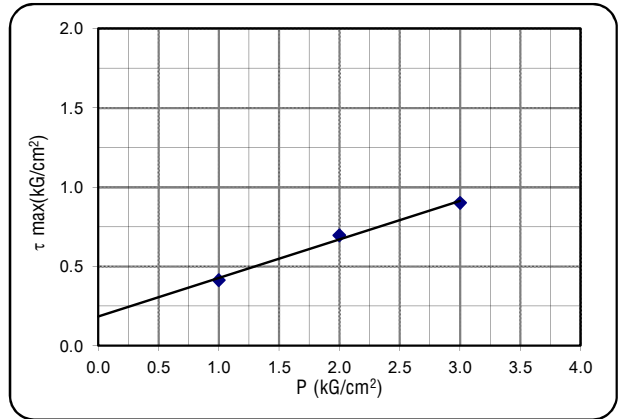
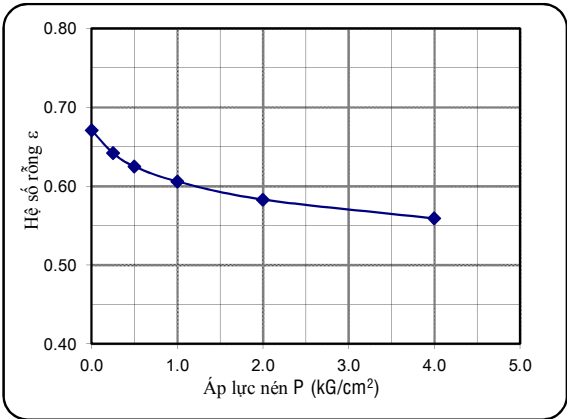
-Số hiệu máy: 6 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.013
 -Số đọc sau 24h: 154

P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	40.0	61.0	86.5	118.0	152.0
Δh_m (0.01mm)	5.5	7.0	9.5	14.5	20.0
Δe_n	0.029	0.046	0.065	0.088	0.112
e_n	0.671	0.642	0.625	0.606	0.559
a (cm ² /kG)	0.116	0.068	0.038	0.023	0.012
E_i (kG/cm ²)	14.4	24.1	42.8	69.8	131.9

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

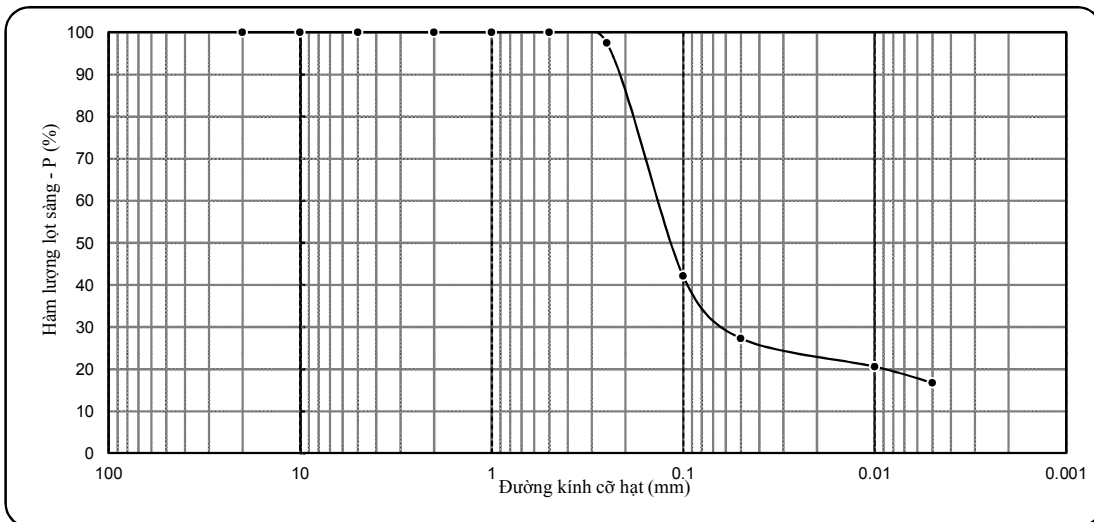
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.243$ $\phi = 13^{\circ}39'$ $C = 0.184$ (kG/cm ²)
1.00	26.5	0.414	
2.00	44.5	0.696	
3.00	57.6	0.900	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 86.0 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)							2.2	47.6			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT				BỤI		SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)						2.5	55.4	14.8	6.7	3.8	16.7
P hạt tích lũy lọt sàng (%)						100.0	97.5	42.1	27.3	20.5	16.7



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK11-7 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 13.8 - 14.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu xám vàng, trạng thái dẻo cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	24.33	1.99	1.60	96	2.69	31.2	18.5	12.7	0.46

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

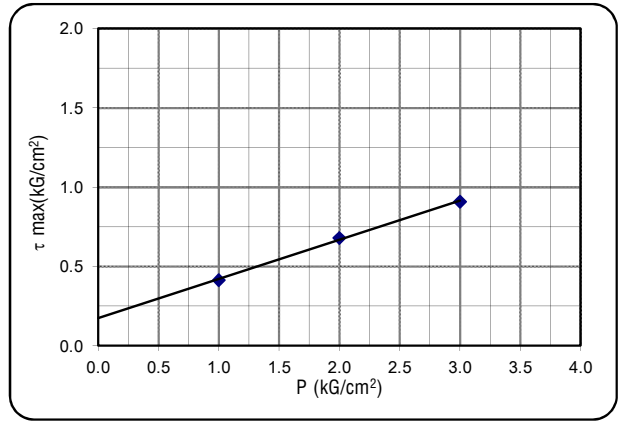
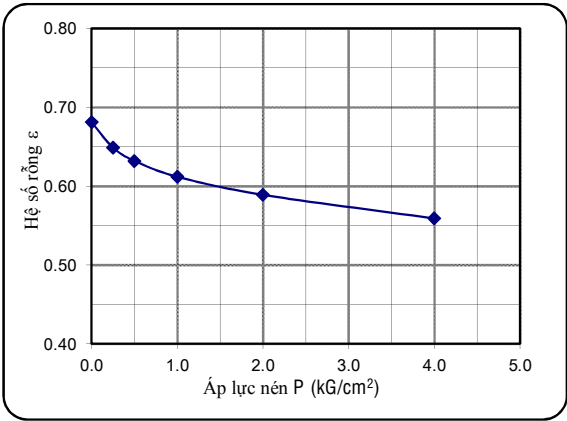
-Số hiệu máy: 7 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.013
 -Số đọc sau 24h: 162

P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	42.5	63.5	88.5	120.0	160.0
Δh_m (0.01mm)	4.5	6.0	8.0	12.0	17.0
Δe_n	0.032	0.049	0.069	0.092	0.122
e_n	0.681	0.649	0.632	0.612	0.589
a (cm ² /kG)	0.128	0.068	0.040	0.023	0.015
E_i (kG/cm ²)	13.1	24.3	40.8	70.1	105.9

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

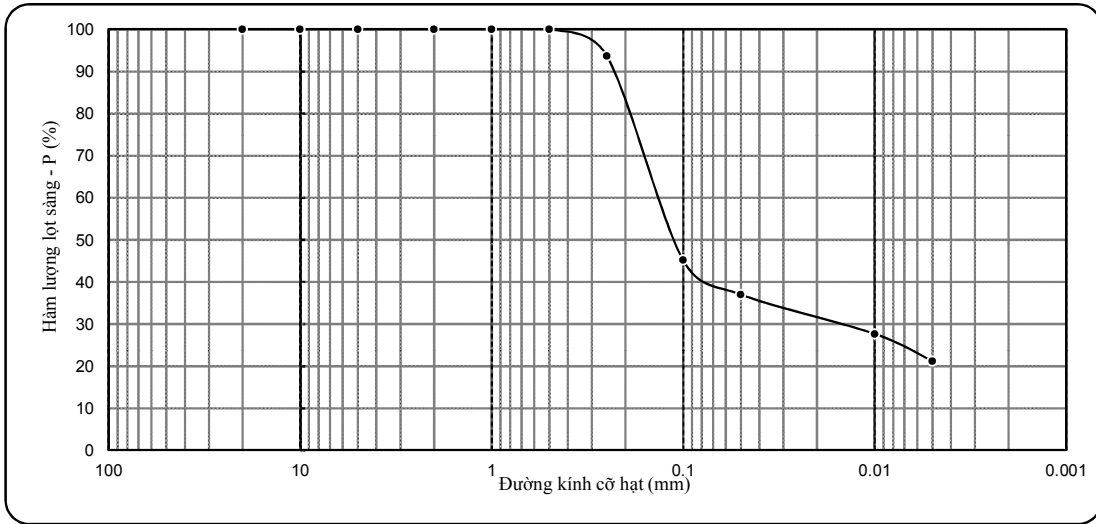
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.247$ $\phi = 13^{\circ}52'$ $C = 0.173$ (kG/cm ²)
1.00	26.5	0.414	
2.00	43.5	0.680	
3.00	58.1	0.908	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 77.6 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mặt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)							4.9	37.6			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT				BỤI		SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)						6.4	48.5	8.2	9.3	6.4	21.2
P hạt tích lũy lọt sàng (%)						100.0	93.6	45.2	37.0	27.6	21.2



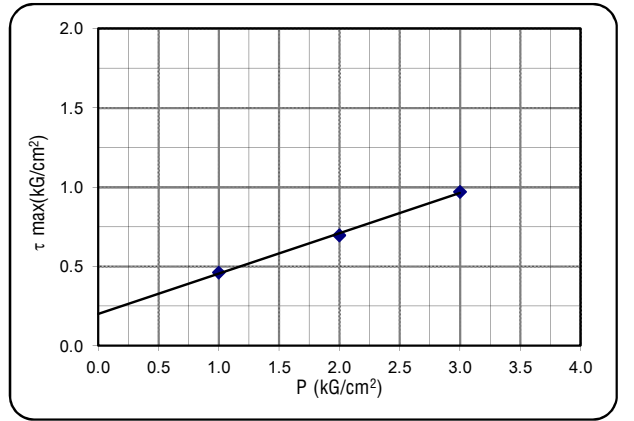
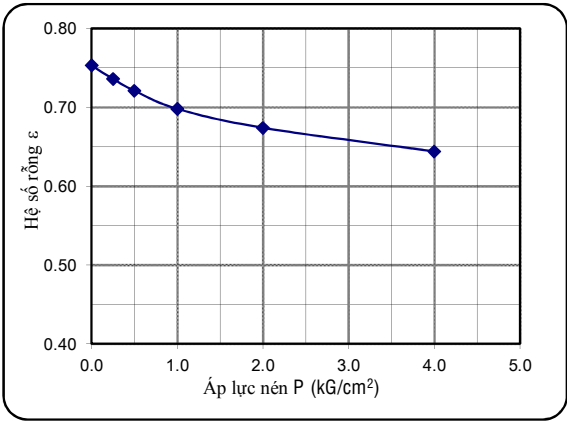
KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK11-8 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 15.8 - 16.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu xám vàng, trạng thái dẻo cứng

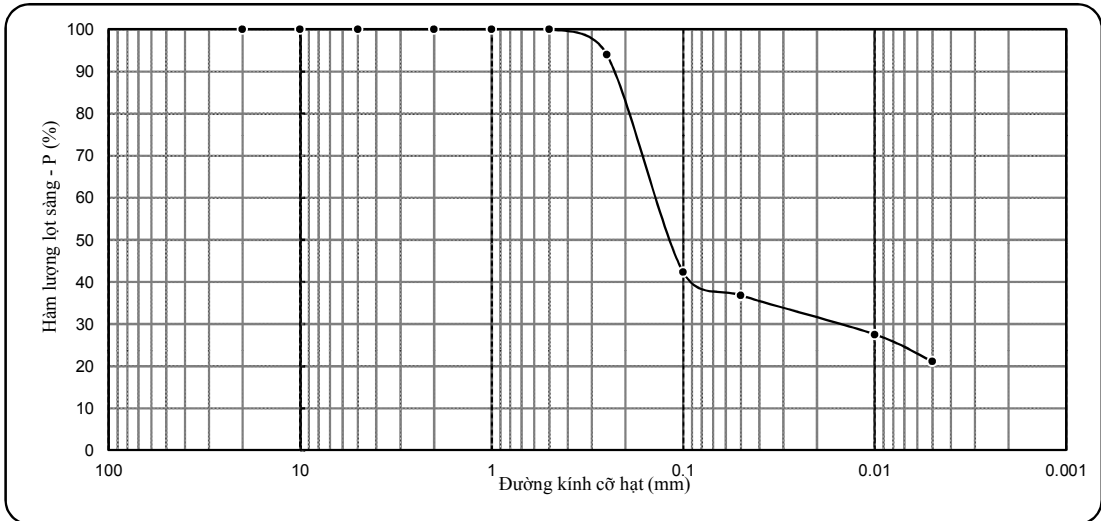
Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	24.57	1.92	1.54	88	2.70	33.2	19.7	13.5	0.36

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN						
-Số hiệu máy: 8		-Chiều cao mẫu h_0 : 20mm				
-Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa		-Hệ số hiệu chỉnh: 1.007				
		-Số đọc sau 24h: 143				
P_n	(kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n	(0.01mm)	25.0	44.0	70.0	102.0	142.0
Δh_m	(0.01mm)	6.0	7.5	8.0	12.5	18.0
Δe_n	-	0.017	0.032	0.055	0.079	0.109
e_n	-	0.753	0.736	0.721	0.698	0.674
a	(cm ² /kG)	0.068	0.060	0.046	0.024	0.015
E_i	(kG/cm ²)	25.8	28.9	37.4	70.8	111.6

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG			
-Kiểu cắt: Ứng biến			
-Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước			
-Hệ số vòng ứng biến: 0.01563			
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi = 0.254$ $\phi = 14^{\circ}15'$ $C = 0.201 \text{ (kG/cm}^2\text{)}$
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
1.00	29.5	0.461	
2.00	44.5	0.696	
3.00	62.0	0.969	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT		- Khối lượng đất dùng TN: 77.9 (g)	- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)
* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)		-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0 5.0 2.0 1.0 0.5 0.25 0.1
		-Khối lượng trên từng sàng (g)	4.7 40.2
Cấp hạt	SỎI SẠCH		CÁT
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2
P cỡ hạt trên sàng (%)		2-1	1-0.5
P hạt tích lũy lọt sàng (%)		0.5-0.25	0.25-0.1
		0.1-0.05	0.05-0.01
		0.01-0.005	<0.005
			6.0 51.6 5.5 9.3 6.4 21.1
			100.0 94.0 42.3 36.8 27.5 21.1



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK11-9 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 17.8 - 18.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám nâu

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	18.00	2.04	1.73	89	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

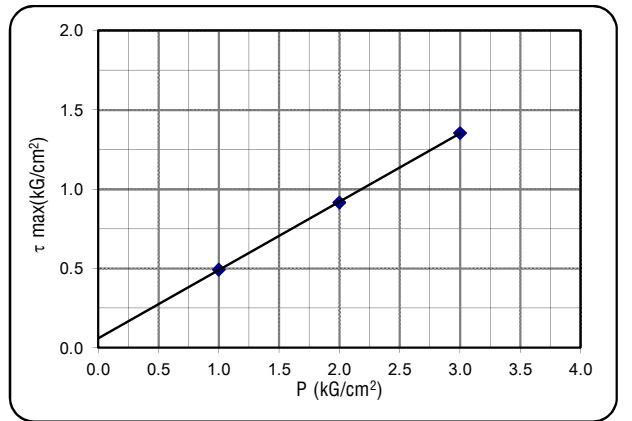
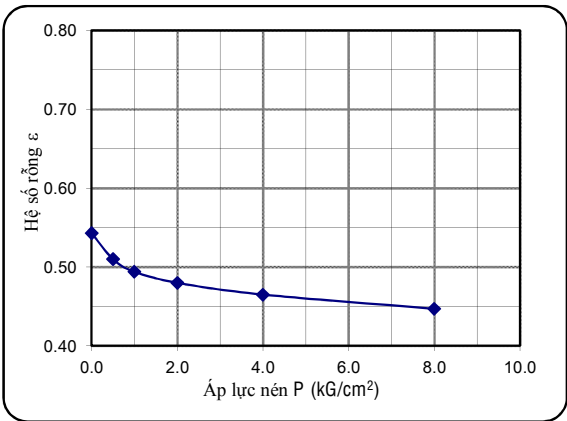
-Số hiệu máy: 9 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 144

P_n (kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n (0.01mm)	50.1	71.2	92.5	116.0	143.0
Δh_m (0.01mm)	7.5	7.5	11.0	15.5	20.0
Δe_n	0.033	0.049	0.063	0.078	0.096
e_n	0.543	0.510	0.494	0.480	0.447
a (cm ² /kG)	0.066	0.032	0.014	0.007	0.005
E_o (kG/cm ²)	23.4	47.2	106.7	197.3	325.6

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

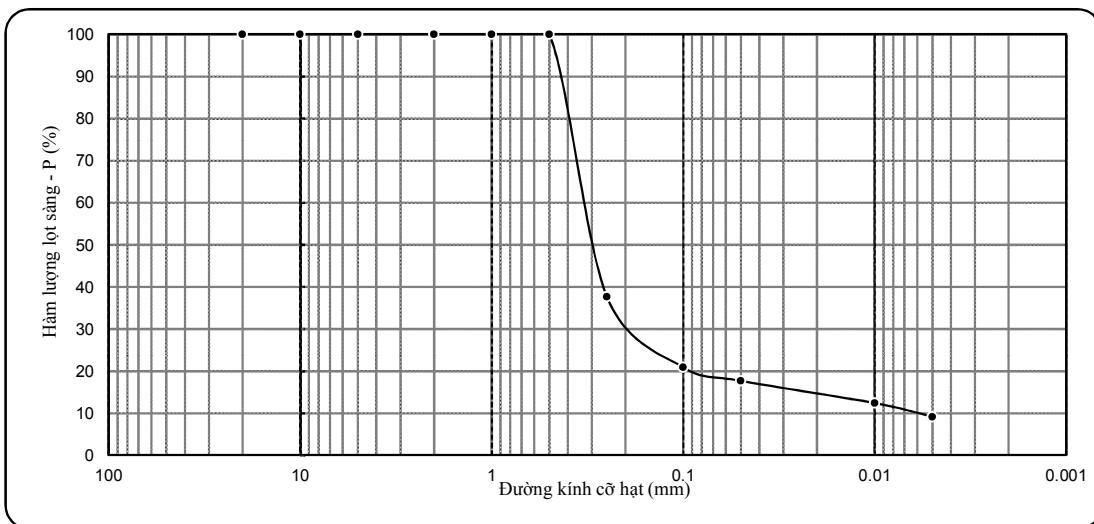
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.431$ $\phi = 23^{\circ}19'$ $C = 0.059$ (kG/cm ²)
1.00	31.5	0.492	
2.00	58.6	0.916	
3.00	86.6	1.354	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 116.5 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)						72.6	19.6			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT				BỤI			SÉT		
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)						62.3	16.8	3.2	5.3	3.2	9.2
P hạt tích lũy lọt sàng(%)						100.0	37.7	20.9	17.6	12.4	9.2



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK11-10

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 19.8 - 20.0 m

- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á cát, màu xám nâu

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	18.66	2.02	1.70	87	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

-Số hiệu máy: 10 -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 143

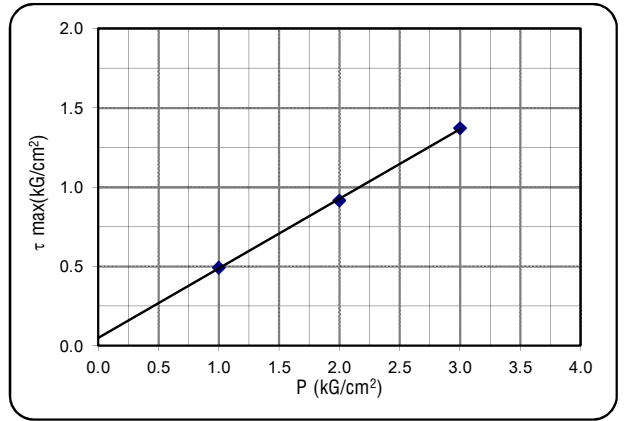
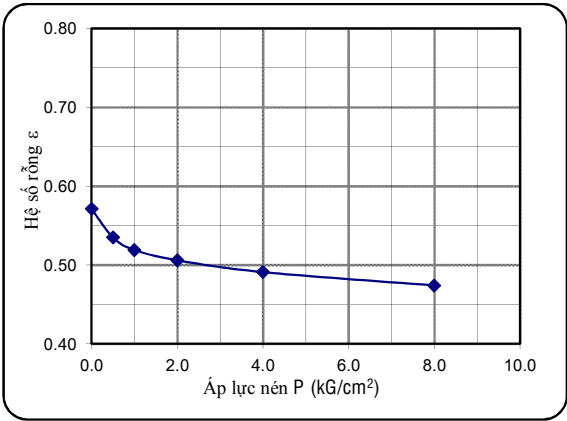
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	72.2	93.5	116.0	142.0
Δh_m	(0.01mm)	6.0	7.0	11.0	15.0	19.5
Δe_n	-	0.036	0.052	0.065	0.080	0.097
e_n		0.571	0.535	0.519	0.506	0.491
a	(cm ² /kG)	0.072	0.032	0.013	0.008	0.004
E_o	(kG/cm ²)	21.8	48.0	116.8	200.8	350.8

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P_n	Số đọc ($vạch$)	US cắt t_{max}	(kG/cm ²)
1.00	31.5	0.492	
2.00	58.6	0.916	
3.00	87.7	1.371	

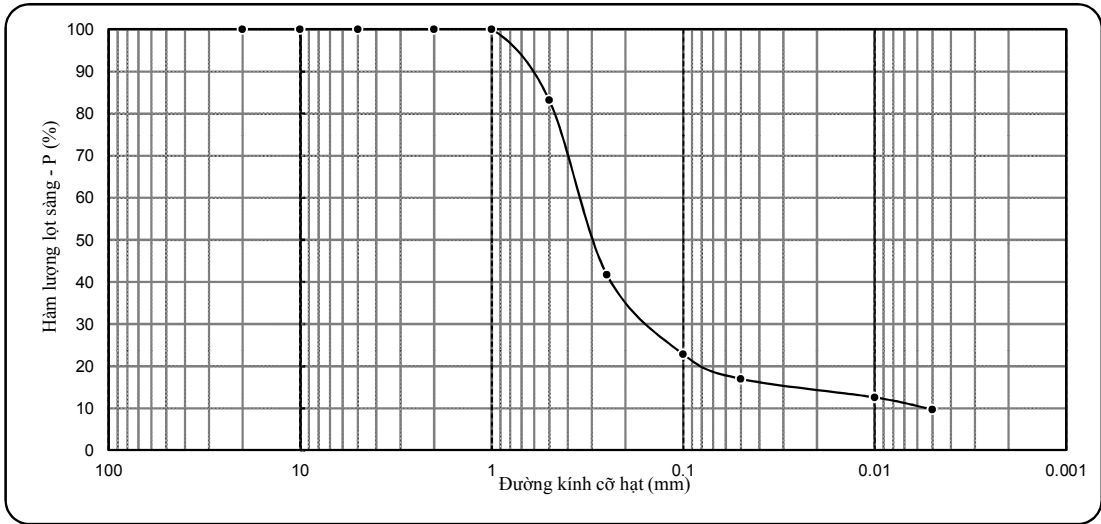
$\tan \phi = 0.439$
 $\phi = 23^{\circ}42'$
 $C = 0.048 \text{ (kG/cm}^2\text{)}$



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 115.0 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)					19.4	47.7	21.7			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)					16.8	41.5	18.9	5.9	4.4	2.9	9.7
P hạt tích lũy lọt sàng(%)					100.0	83.2	41.7	22.8	16.9	12.5	9.7



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK11-11 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 21.8 - 22.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám nâu

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	19.52	2.02	1.69	90	2.66				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

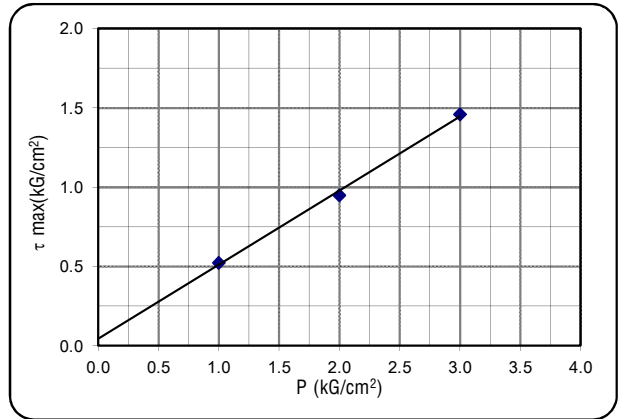
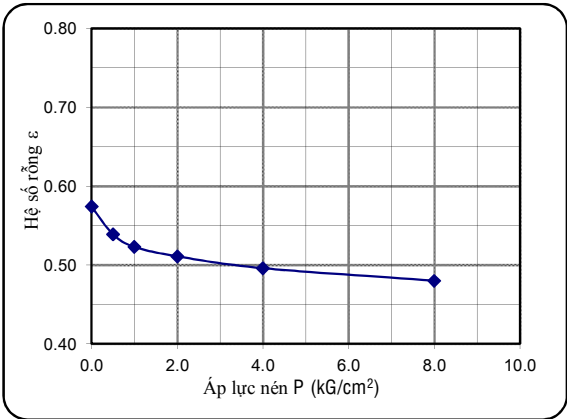
-Số hiệu máy: 11 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 141

P_n (kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n (0.01mm)	50.1	71.2	91.2	115.0	140.0
Δh_m (0.01mm)	6.5	7.0	12.0	16.0	21.0
Δe_n	0.035	0.051	0.063	0.078	0.094
e_n	0.574	0.539	0.523	0.511	0.496
a (cm ² /kG)	0.070	0.032	0.012	0.008	0.004
E_o (kG/cm ²)	22.5	48.1	126.9	201.5	374.0

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

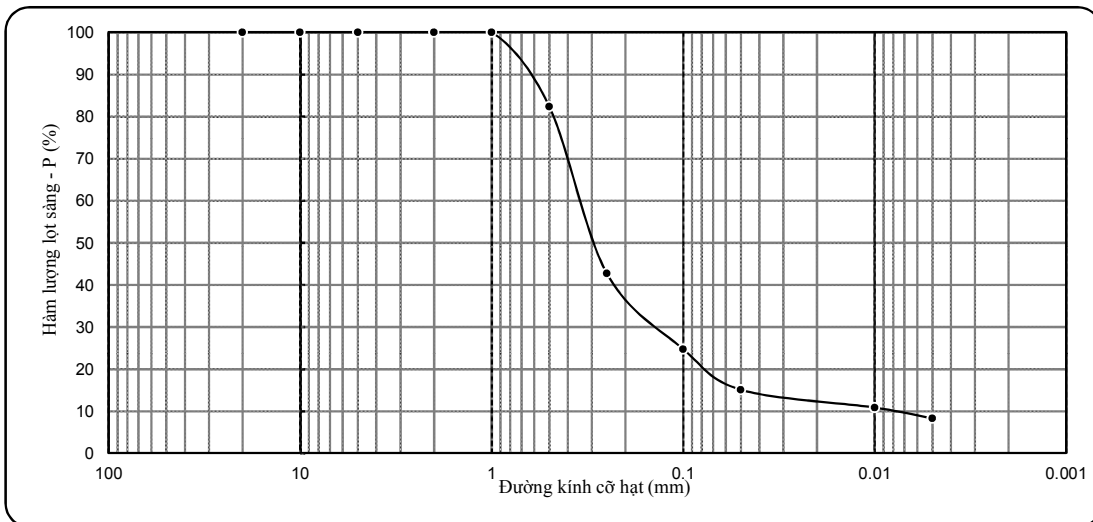
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.467$ $\phi = 25^{\circ}02'$ $C = 0.042$ (kG/cm ²)
1.00	33.5	0.524	
2.00	60.6	0.947	
3.00	93.3	1.457	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 114.8 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)					20.3	45.6	20.6			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)					17.6	39.7	18.0	9.7	4.2	2.5	8.3
P hạt tích lũy lọt sàng(%)					100.0	82.4	42.7	24.7	15.1	10.8	8.3



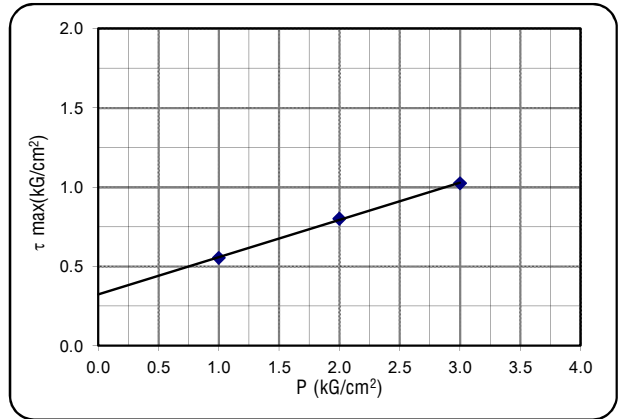
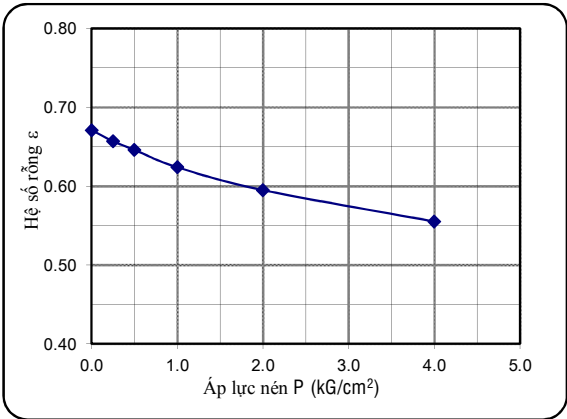
KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
- Tên mẫu: HK11-12
- Độ sâu: 22.8 - 23.0 m
- Mô tả đất: Sét, màu xám nâu, trạng thái nửa cứng
- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

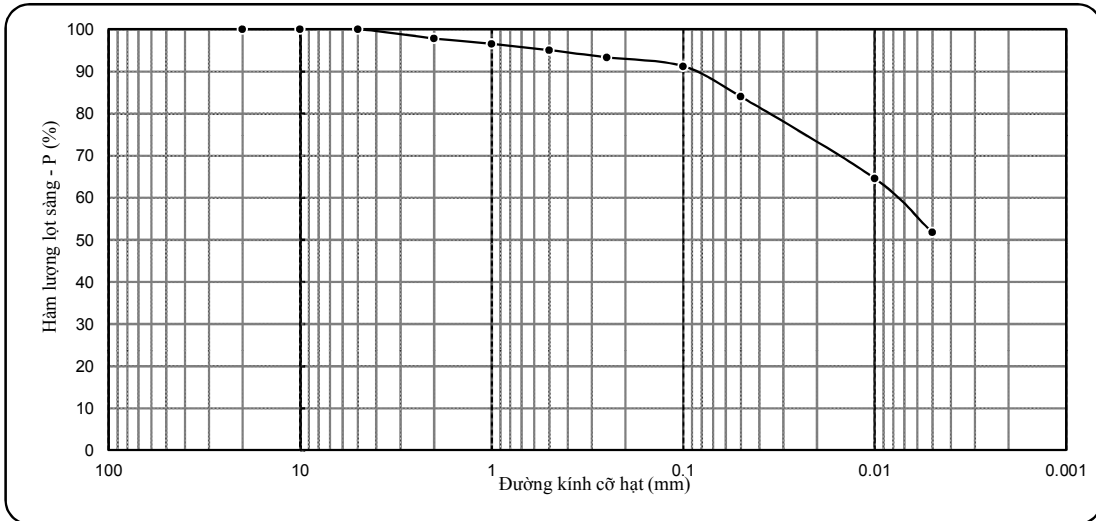
Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	22.17	2.00	1.64	91	2.74	44.1	21.5	22.6	0.03

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN						
-Số hiệu máy: 12		-Chiều cao mẫu h_0 : 20mm				
-Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa		-Hệ số hiệu chỉnh: 1.007				
		-Số đọc sau 24h: 152				
P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00	
Δh_n (0.01mm)	20.0	35.0	61.0	99.0	151.0	
Δh_m (0.01mm)	3.5	5.0	5.5	9.0	13.5	
Δe_n	0.014	0.025	0.047	0.076	0.116	
e_n	0.671	0.657	0.646	0.624	0.595	
a (cm ² /kG)	0.056	0.044	0.044	0.029	0.020	
E_i (kG/cm ²)	29.8	37.7	37.4	56.0	79.8	

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG			
-Kiểu cắt: Ứng biến			
-Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước			
-Hệ số vòng ứng biến: 0.01563			
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	
1.00	35.5	0.555	$\tan \phi = 0.234$ $\phi = 13\text{ o }10'$ $C = 0.324 \text{ (kG/cm}^2\text{)}$
2.00	51.2	0.800	
3.00	65.5	1.024	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT		- Khối lượng đất dùng TN: 33.9 (g)								- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)		
* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)		-Đường kính mặt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
		-Khối lượng trên từng sàng (g)			0.8	0.4	0.5	0.6	0.7			
Cấp hạt		SỎI SẠN	CÁT				BỤI		SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)		> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)			2.2	1.3	1.5	1.7	2.1	7.2	19.4	12.8	51.7	
P hạt tích lũy lọt sàng (%)			100.0	97.8	96.5	95.0	93.3	91.2	84.0	64.6	51.7	



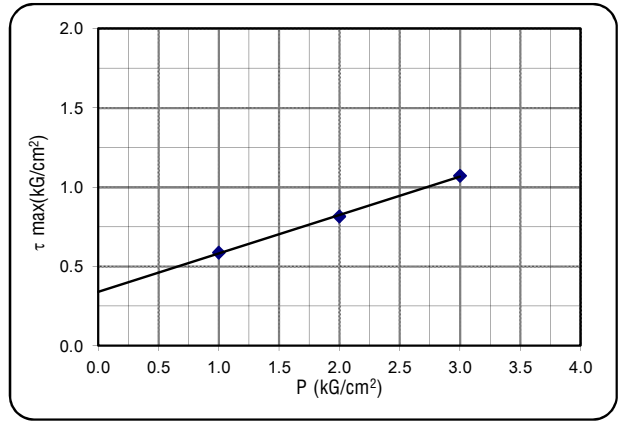
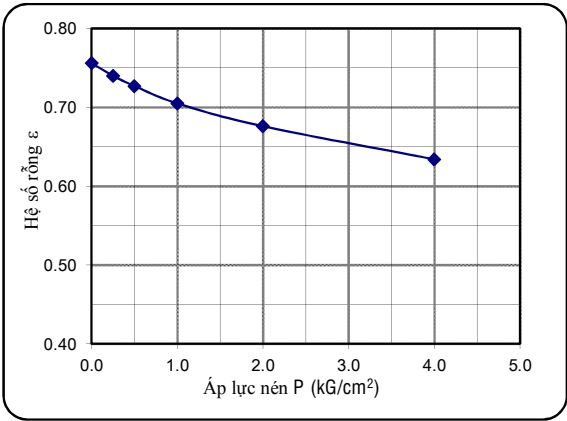
KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
- Tên mẫu: HK11-13 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
- Độ sâu: 24.8 - 25.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
- Mô tả đất: Sét, màu xám nâu, trạng thái nửa cứng

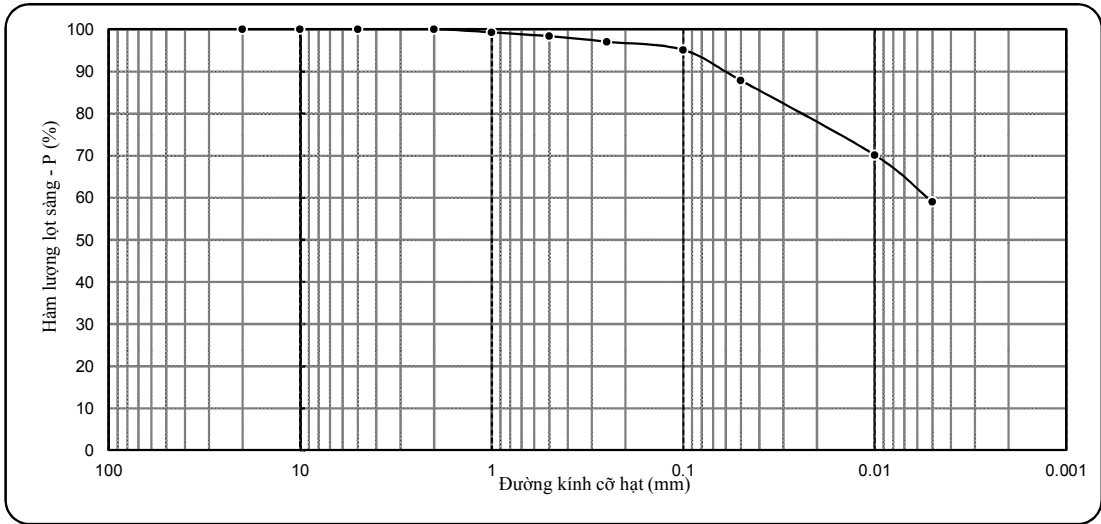
Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	23.80	1.93	1.56	86	2.74	46.7	22.9	23.8	0.04

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN						
-Số hiệu máy: 13		-Chiều cao mẫu h_0 : 20mm				
-Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa		-Hệ số hiệu chỉnh: 1.013				
		-Số đọc sau 24h: 154				
P_n	(kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n	(0.01mm)	21.5	38.5	63.3	100.0	152.0
Δh_m	(0.01mm)	4.0	5.5	6.5	10.5	14.5
Δe_n	-	0.016	0.029	0.051	0.080	0.122
e_n	-	0.756	0.740	0.727	0.705	0.676
a	(cm ² /kG)	0.064	0.052	0.044	0.029	0.021
E_i	(kG/cm ²)	27.4	33.5	39.3	58.8	79.8

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG			
-Kiểu cắt: Ứng biến			
-Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước			
-Hệ số vòng ứng biến: 0.01563			
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi = 0.242$ $\phi = 13^{\circ}36'$ $C = 0.340$ (kG/cm ²)
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
1.00	37.5	0.586	
2.00	52.2	0.816	
3.00	68.5	1.071	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT		- Khối lượng đất dùng TN: 34.2 (g)							- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)		
* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)		-Đường kính mặt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1		
		-Khối lượng trên từng sàng (g)				0.3	0.3	0.5	0.7		
Cấp hạt	SỎI SẠN			CÁT				BỤI		SÉT	
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				0.8	0.9	1.3	1.9	7.2	17.7	11.1	59.0
P hạt tích lũy lọt sàng (%)				100.0	99.2	98.3	97.0	95.1	87.8	70.1	59.0



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK12-1 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 1.8 - 2.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu xám nâu, trạng thái dẻo mềm

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	19.50	2.01	1.68	87	2.70	24.5	13.5	11.0	0.55

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

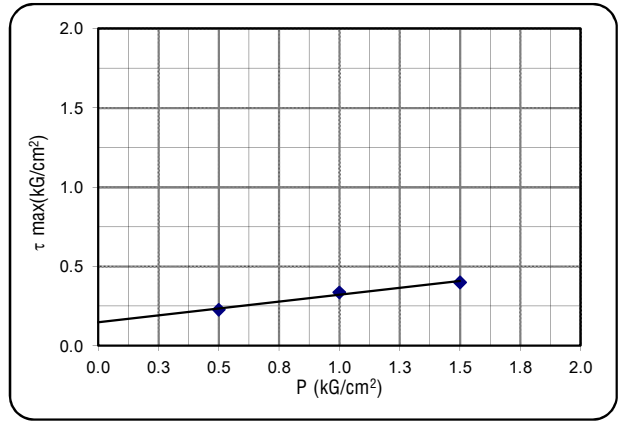
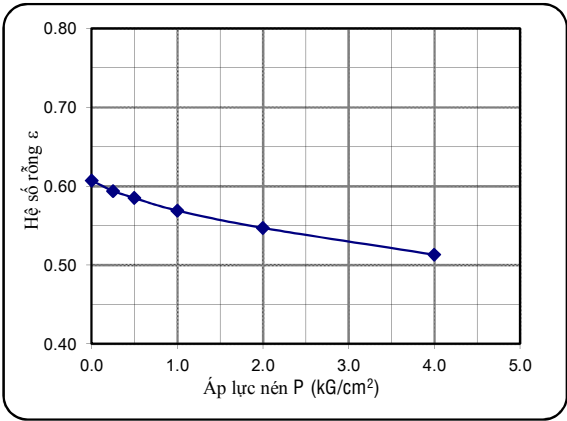
-Số hiệu máy: 1 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.015
 -Số đọc sau 24h: 134

P_n	(kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n	(0.01mm)	22.0	34.5	55.0	85.0	132.0
Δh_m	(0.01mm)	5.5	7.0	8.5	12.0	17.0
Δe_n	-	0.013	0.022	0.038	0.060	0.094
e_n	-	0.607	0.594	0.585	0.569	0.513
a	(cm ² /kG)	0.052	0.036	0.032	0.022	0.017
E_o	(kG/cm ²)	30.9	44.3	49.5	71.3	91.0

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh, bão hòa nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

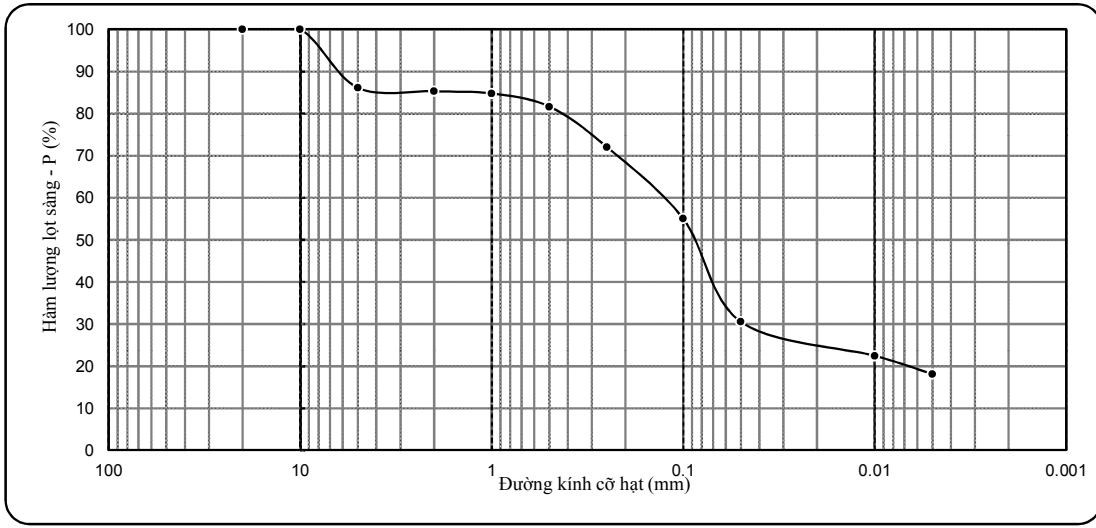
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi = 0.173$ $\phi = 9^{\circ}49'$ $C = 0.147$ (kG/cm ²)
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
0.50	14.5	0.227	
1.00	21.5	0.336	
1.50	25.6	0.400	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 37.1 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)		5.2	0.3	0.2	1.2	3.6	6.3			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT				BỤI		SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)		13.9	0.8	0.5	3.1	9.6	17.0	24.5	8.1	4.3	18.1
P hạt tích lũy lọt sàng(%)		100.0	86.1	85.3	84.7	81.6	72.0	55.0	30.5	22.4	18.1



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK12-2 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 3.8 - 4.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét lẫn sỏi sạn Laterite, màu nâu đỏ - xám trang, trạng thái nửa cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	17.15	2.03	1.73	80	2.76	31.6	16.4	15.2	0.05

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

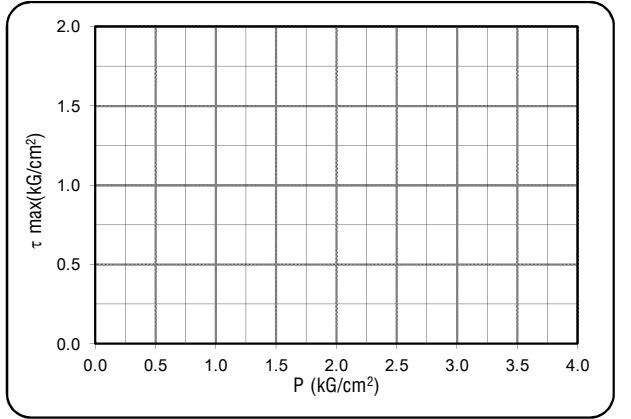
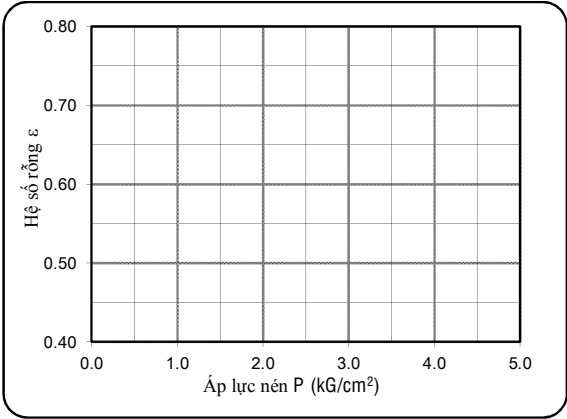
-Số hiệu máy: -Chiều cao mẫu h_0 :
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh:
 -Số đọc sau 24h:

P_n	(kG/cm ²)				
Δh_n	(0.01mm)				
Δh_m	(0.01mm)				
Δe_n	-				
e_n					
a	(cm ² /kG)				
E_i	(kG/cm ²)				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

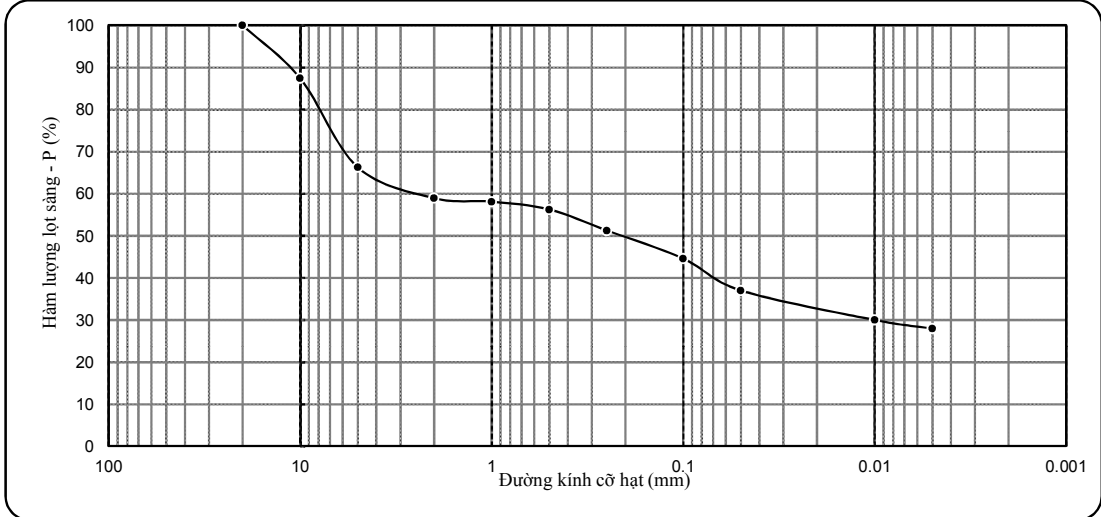
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi =$
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
			$\phi =$
			C = (kG/cm ²)



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 77.9 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)		9.8	16.5	5.7	0.7	1.5	3.9	5.2			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI		SÉT				
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)	12.6	21.2	7.3	0.8	1.9	5.0	6.7	7.6	7.0	2.0	27.9
P hạt tích lũy lọt sàng (%)	100	87.4	66.2	58.9	58.1	56.2	51.2	44.6	37.0	30.0	27.9



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK12-3 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 5.8 - 6.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu nâu đỏ - xám trắng, trạng thái nửa cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	17.03	2.03	1.73	80	2.74	32.1	16.5	15.6	0.03

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

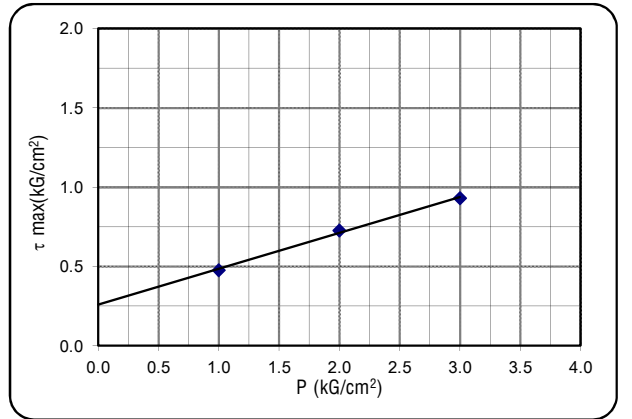
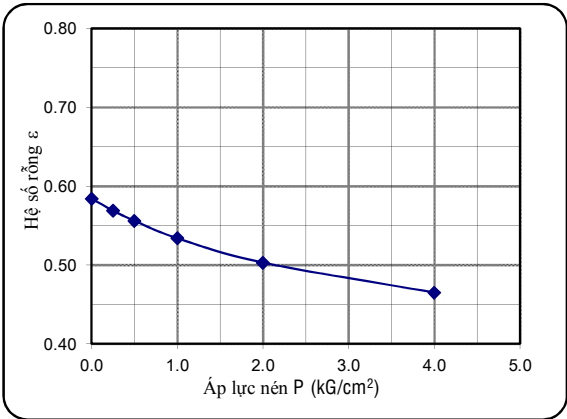
-Số hiệu máy: 3 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.012
 -Số đọc sau 24h: 168

P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	24.5	42.5	71.0	114.0	166.0
Δh_m (0.01mm)	5.5	7.0	8.5	13.0	18.0
Δe_n	0.015	0.028	0.050	0.081	0.119
e_n	0.584	0.569	0.556	0.534	0.503
a (cm ² /kG)	0.060	0.052	0.044	0.031	0.019
E_i (kG/cm ²)	26.4	30.2	35.4	49.5	79.1

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

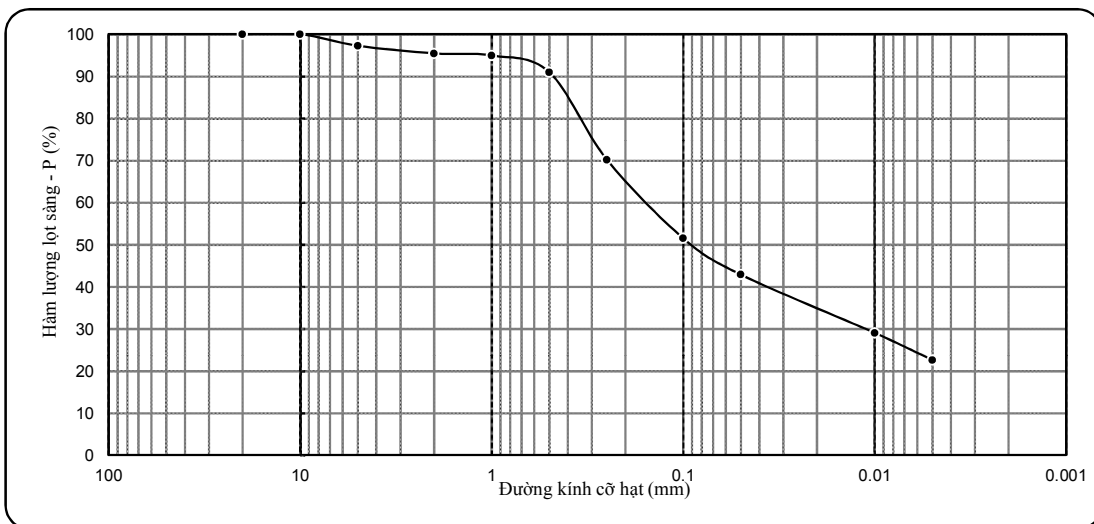
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.227$ $\phi = 12^\circ 47'$ $C = 0.258$ (kG/cm ²)
1.00	30.5	0.477	
2.00	46.5	0.727	
3.00	59.5	0.930	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 43.6 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)			1.2	0.8	0.2	1.7	9.1	8.1			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI		SÉT				
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)		2.7	1.8	0.5	4.0	20.8	18.6	8.6	13.9	6.4	22.6
P hạt tích lũy lọt sàng (%)		100.0	97.3	95.4	94.9	91.0	70.2	51.5	42.9	29.0	22.6



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK12-4

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 7.8 - 8.0 m

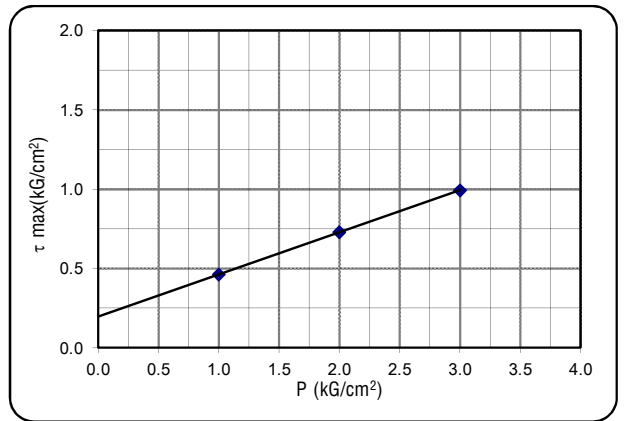
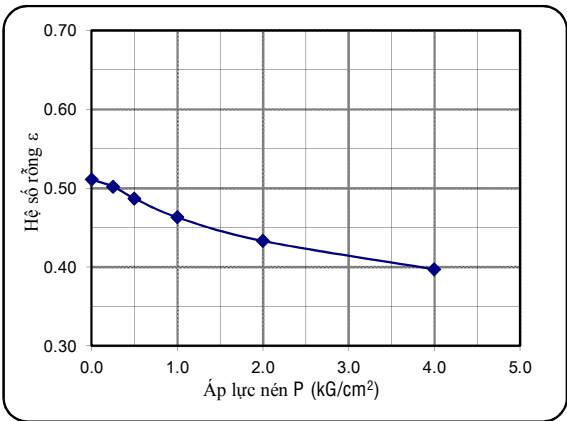
- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á Sét, màu nâu đỏ - xám trắng, trạng thái dẻo cứng

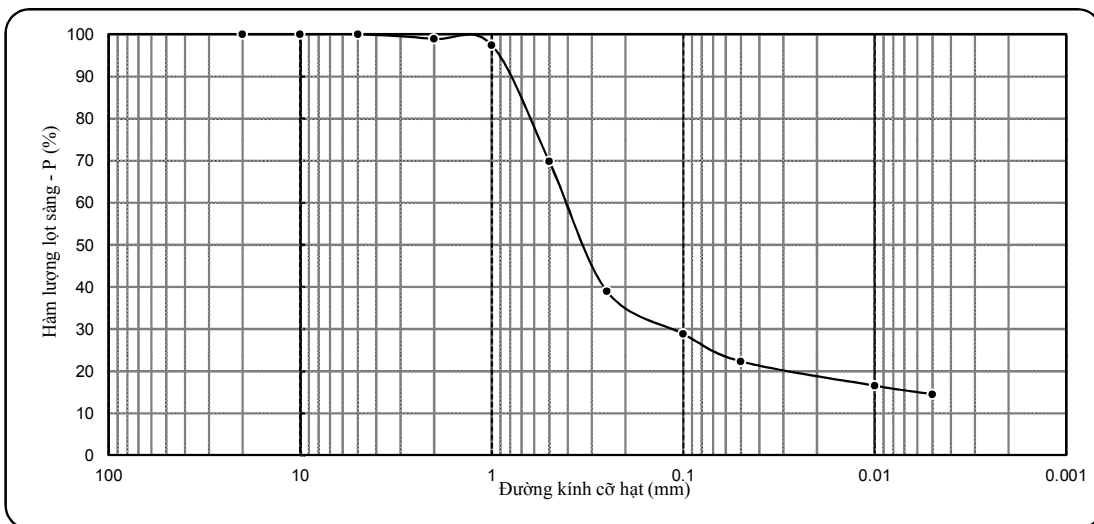
Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	16.70	2.08	1.78	88	2.69	22.1	14.3	7.8	0.31

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN						
-Số hiệu máy: 4		-Chiều cao mẫu h_0 : 20mm				
-Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa		-Hệ số hiệu chỉnh: 1.012				
		-Số đọc sau 24h: 168				
P_n	(kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n	(0.01mm)	16.5	38.0	71.0	114.0	166.0
Δh_m	(0.01mm)	5.0	6.5	8.5	12.5	17.0
Δe_n	-	0.009	0.024	0.048	0.078	0.114
e_n	-	0.511	0.502	0.487	0.463	0.397
a	(cm ² /kG)	0.036	0.060	0.048	0.030	0.018
E_i	(kG/cm ²)	42.0	25.0	31.0	48.8	79.6

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG			
-Kiểu cắt: Ứng biến			
-Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước			
-Hệ số vòng ứng biến: 0.01563			
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi = 0.266$ $\phi = 14^{\circ}54'$ $C = 0.196 \text{ (kG/cm}^2\text{)}$
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
1.00	29.5	0.461	
2.00	46.6	0.728	
3.00	63.5	0.993	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT		- Khối lượng đất dùng TN: 99.4 (g)						- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)				
* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)		-Đường kính mặt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
		-Khối lượng trên từng sàng (g)			1.1	1.5	27.4	30.6	10.1			
Cấp hạt		SỎI SẠN	CÁT				BỤI		SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)		> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				1.1	1.5	27.6	30.8	10.2	6.5	5.8	2.0	14.5
P hạt tích lũy lọt sàng (%)				100.0	98.9	97.4	69.8	39.0	28.8	22.3	16.5	14.5



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK12-5

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 9.8 - 10.0 m

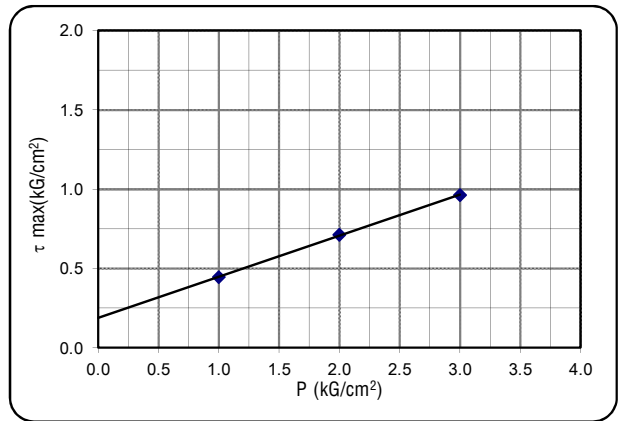
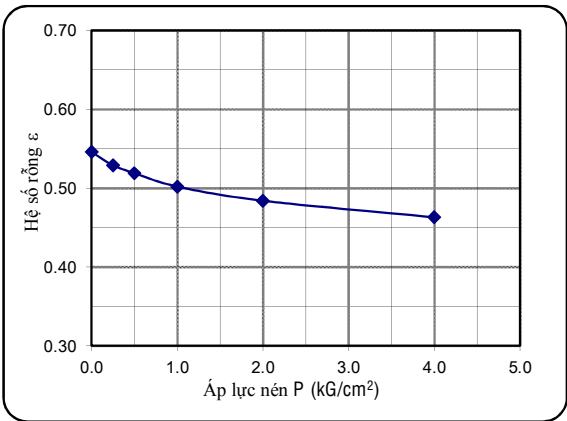
- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á Sét, màu xám vàng, trạng thái dẻo cứng

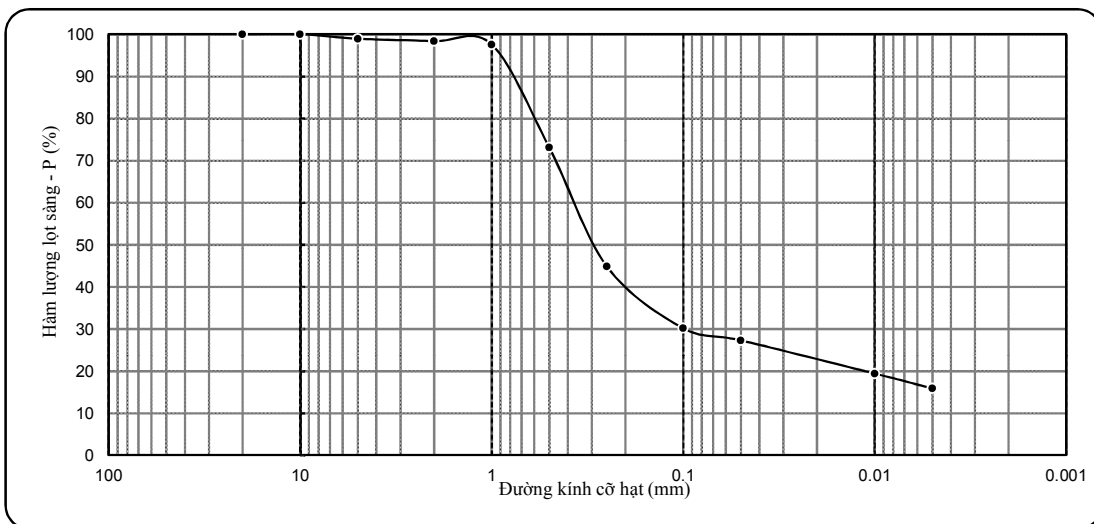
Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	17.46	2.04	1.74	86	2.69	22.1	14.3	7.8	0.41

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN						
-Số hiệu máy: 5		-Chiều cao mẫu h_0 : 20mm				
-Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa		-Hệ số hiệu chỉnh: 1.008				
		-Số đọc sau 24h: 122				
P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00	
Δh_n (0.01mm)	26.0	41.0	63.0	90.0	121.0	
Δh_m (0.01mm)	4.5	6.0	6.0	10.5	15.0	
Δe_n	0.017	0.027	0.044	0.062	0.083	
e_n	0.546	0.529	0.519	0.502	0.484	
a (cm ² /kG)	0.068	0.040	0.034	0.018	0.011	
E_i (kG/cm ²)	22.7	38.2	44.7	83.4	141.3	

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG			
-Kiểu cắt: Ứng biến			
-Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước			
-Hệ số vòng ứng biến: 0.01563			
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	
1.00	28.5	0.445	$\tan \phi = 0.259$ $\phi = 14o31'$ $C = 0.189$ (kG/cm ²)
2.00	45.5	0.711	
3.00	61.6	0.963	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT		- Khối lượng đất dùng TN: 103.7 (g)							- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)			
* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)		-Đường kính mặt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
		-Khối lượng trên từng sàng (g)		1.1	0.6	0.8	25.3	29.3	15.2			
Cấp hạt		SỎI SẠN	CÁT				BỤI		SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)		> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)			1.1	0.6	0.8	24.4	28.3	14.7	2.9	7.9	3.5	15.9
P hạt tích lũy lọt sàng (%)			100.0	98.9	98.3	97.6	73.1	44.8	30.2	27.3	19.4	15.9



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK12-6 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 11.8 - 12.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu xám vàng, trạng thái dẻo cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	28.50	1.92	1.49	95	2.69	36.6	21.5	15.1	0.46

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

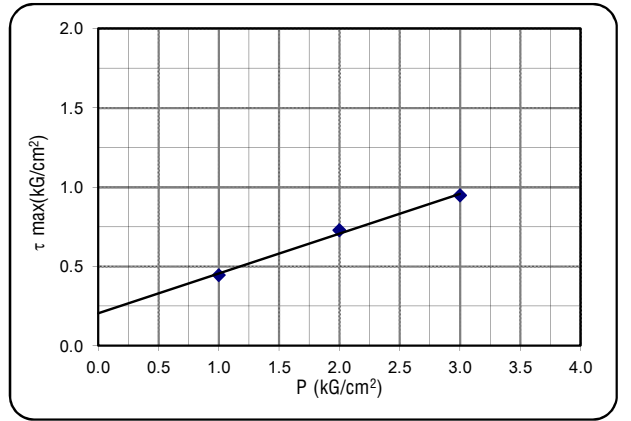
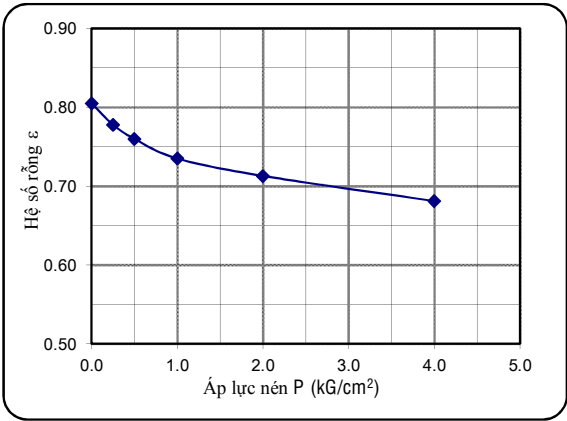
-Số hiệu máy: 6 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.013
 -Số đọc sau 24h: 158

P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	34.5	56.6	85.6	115.0	156.0
Δh_m (0.01mm)	5.5	7.0	9.5	14.5	20.0
Δe_n	0.027	0.045	0.070	0.092	0.124
e_n	0.805	0.778	0.760	0.735	0.713
a (cm ² /kG)	0.108	0.072	0.050	0.022	0.016
E_i (kG/cm ²)	16.7	24.7	35.2	78.9	107.1

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

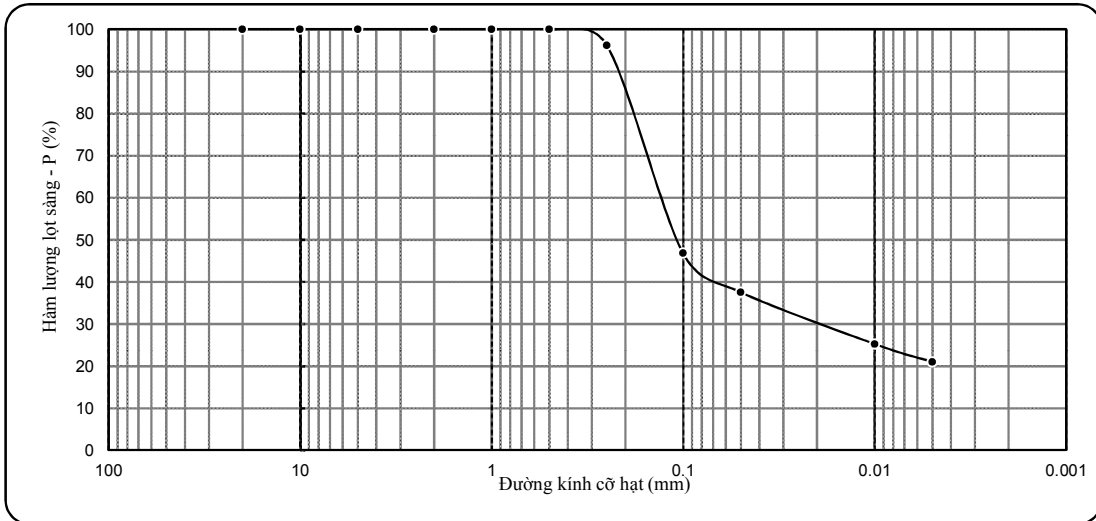
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.251$ $\phi = 14^{\circ}05'$ $C = 0.205$ (kG/cm ²)
1.00	28.5	0.445	
2.00	46.6	0.728	
3.00	60.6	0.947	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 76.5 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
-Khối lượng trên từng sàng (g)							2.9	37.8			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT				BỤI		SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)						3.8	49.4	9.3	12.3	4.3	20.9
P hạt tích lũy lọt sàng (%)						100.0	96.2	46.8	37.5	25.2	20.9



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK12-7 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 13.8 - 14.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á Sét, màu xám vàng, trạng thái dẻo cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	24.16	1.95	1.57	91	2.69	30.6	18.8	11.8	0.45

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

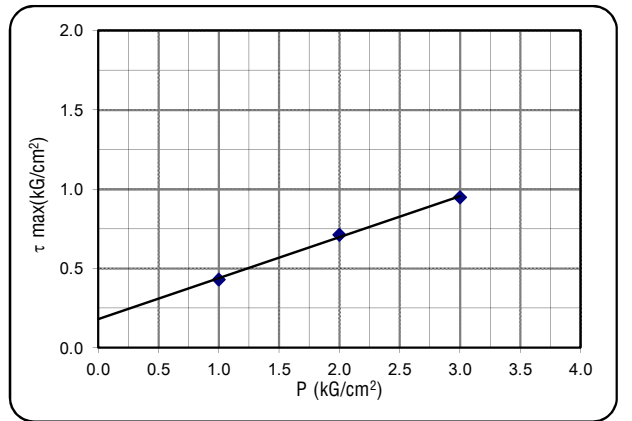
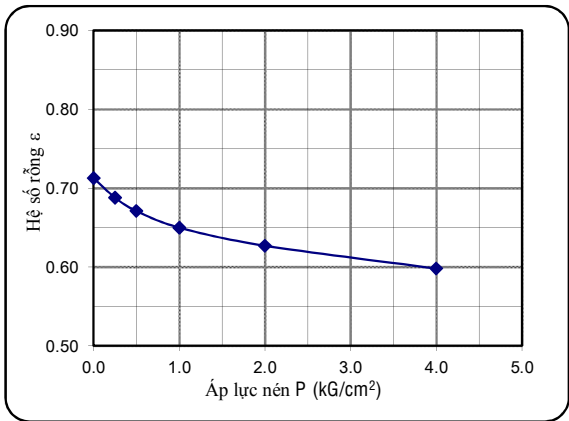
-Số hiệu máy: 7 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.013
 -Số đọc sau 24h: 152

P_n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	33.0	54.0	81.0	111.0	150.0
Δh_m (0.01mm)	4.5	6.0	8.0	12.0	17.0
Δe_n	0.025	0.042	0.063	0.086	0.115
e_n	0.713	0.688	0.671	0.650	0.627
a (cm ² /kG)	0.100	0.068	0.042	0.023	0.015
E_i (kG/cm ²)	17.1	24.8	39.8	71.7	112.2

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

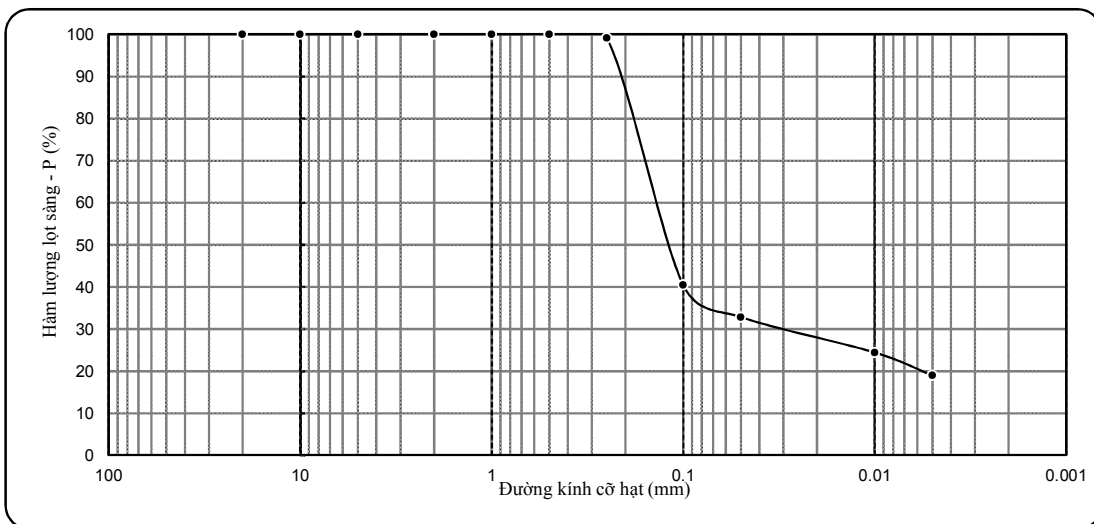
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.259$ $\phi = 14^{\circ}31'$ $C = 0.179$ (kG/cm ²)
1.00	27.5	0.430	
2.00	45.6	0.713	
3.00	60.6	0.947	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 82.5 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)						0.7	48.3			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT				BỤI		SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)						0.9	58.6	7.7	8.4	5.4	19.0
P hạt tích lũy lọt sàng (%)						100.0	99.1	40.5	32.8	24.4	19.0



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK12-8

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 15.8 - 16.0 m

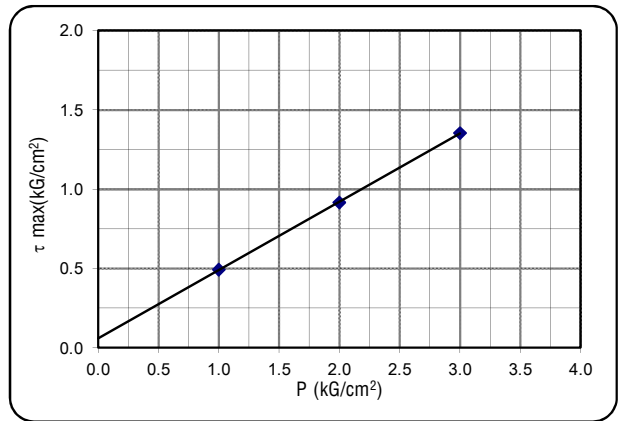
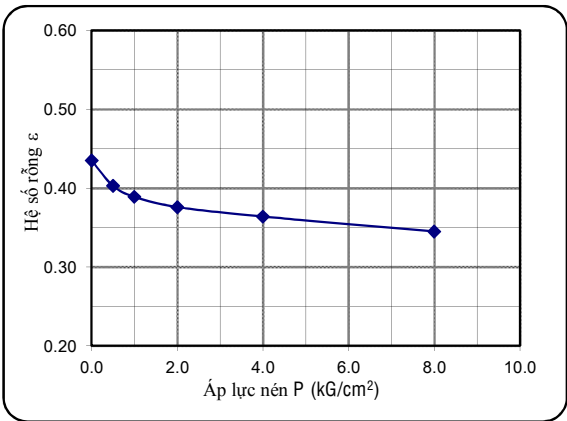
- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á cát, màu xám hồng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	14.48	2.13	1.86	89	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN						
-Số hiệu máy:		8		-Chiều cao mẫu h_0 : 20mm		
-Kiểu nén:		Nén mẫu bão hòa		-Hệ số hiệu chỉnh: 1.007		
				-Số đọc sau 24h: 149		
P_n	(kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n	(0.01mm)	51.2	72.2	93.5	116.0	148.0
Δh_m	(0.01mm)	7.5	8.0	12.5	18.0	23.5
Δe_n	-	0.032	0.046	0.059	0.071	0.090
e_n	-	0.435	0.403	0.389	0.376	0.345
a	(cm ² /kG)	0.064	0.028	0.013	0.006	0.005
E_o	(kG/cm ²)	22.4	50.1	106.8	229.3	287.2

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG			
-Kiểu cắt: Ứng biến			
-Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước			
-Hệ số vòng ứng biến:		0.01563	
Áp lực nén, P_n	Số đọc	US cắt t_{max}	$\tan \phi = 0.431$ $\phi = 23^{\circ}19'$ $C = 0.059 \text{ (kG/cm}^2\text{)}$
(kG/cm ²)	(vạch)	(kG/cm ²)	
1.00	31.5	0.492	
2.00	58.6	0.916	
3.00	86.6	1.354	

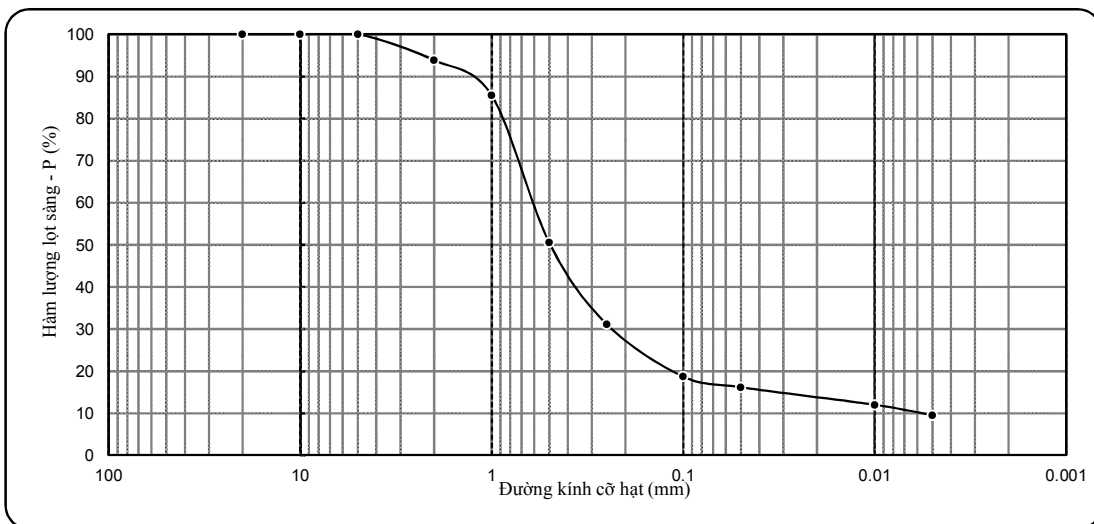


KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 117.2 (g)

- Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)		10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1		
	-Khối lượng trên từng sàng (g)				7.2	9.8	41.0	22.8	14.5		
Cấp hạt	SỎI SẠC			CÁT				BỤI		SÉT	
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)			6.1	8.4	35.0	19.4	12.4	2.5	4.2	2.5	9.5
P hạt tích lũy lọt sàng(%)			100.0	93.9	85.5	50.5	31.1	18.7	16.1	12.0	9.5



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK12-9 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 17.8 - 18.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Á cát, màu xám hồng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	17.50	2.01	1.71	83	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

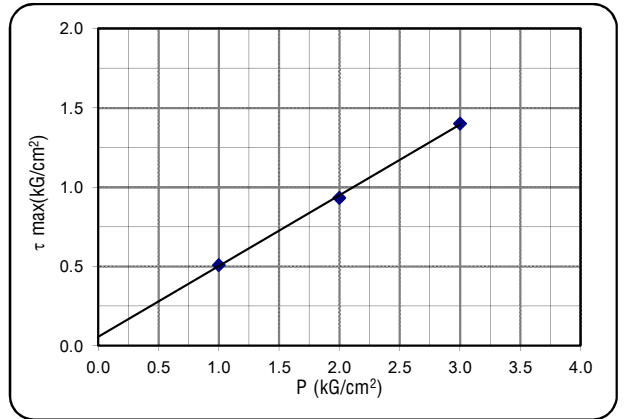
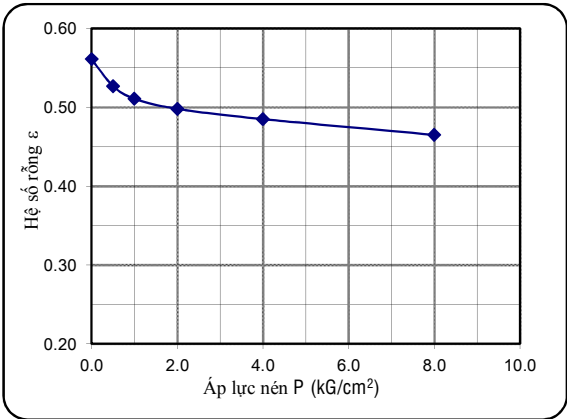
-Số hiệu máy: 9 - Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 143

P_n (kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n (0.01mm)	50.2	71.2	91.5	112.0	142.0
Δh_m (0.01mm)	7.5	7.5	11.0	15.5	20.0
Δe_n	0.034	0.050	0.063	0.076	0.096
e_n	0.561	0.527	0.511	0.498	0.485
a (cm ² /kG)	0.068	0.032	0.013	0.007	0.005
E_o (kG/cm ²)	23.0	47.7	116.2	230.5	297.0

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

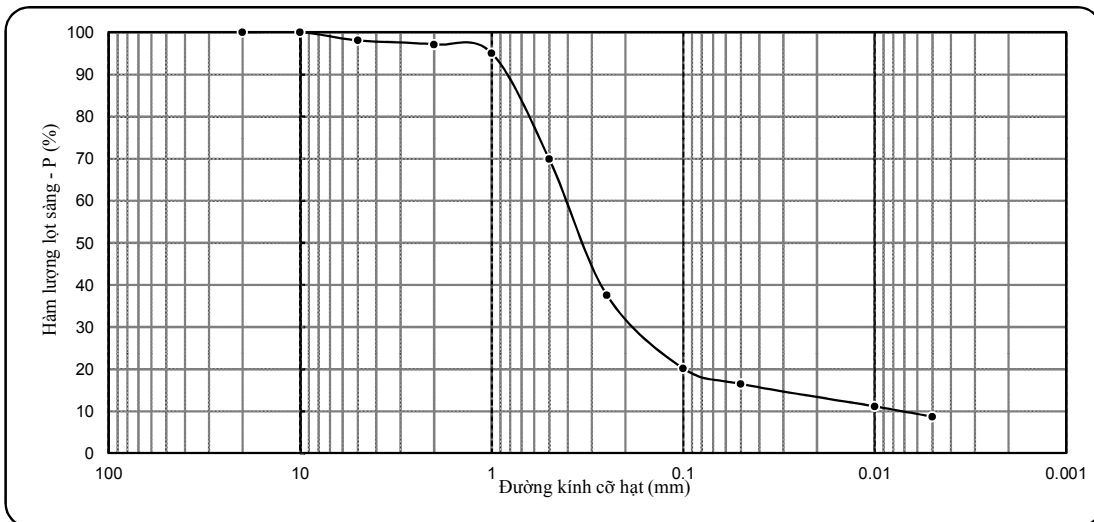
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.446$ $\phi = 24^{\circ}02'$ $C = 0.054$ (kG/cm ²)
1.00	32.5	0.508	
2.00	59.6	0.932	
3.00	89.6	1.400	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 115.1 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)		2.2	1.1	2.4	28.9	37.2	20.0			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)		1.9	1.0	2.1	25.2	32.3	17.4	3.7	5.3	2.4	8.7
P hạt tích lũy lọt sàng(%)		100.0	98.1	97.1	95.0	69.9	37.5	20.2	16.4	11.1	8.7



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)

- Tên mẫu: HK12-10

- Người TN: Giang + Hạnh + Huệ

- Độ sâu: 19.8 - 20.0 m

- Người Tính + Vẽ: Phóng Vành

- Mô tả đất: Á cát, màu xám hồng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W_L	W_p	I_p	B
Mẫu nguyên dạng	16.12	2.09	1.80	89	2.67				

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

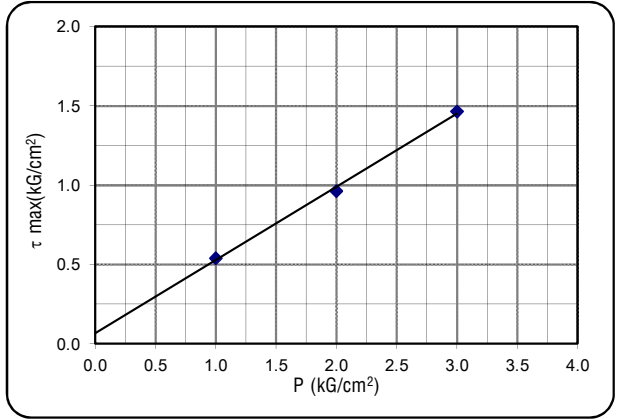
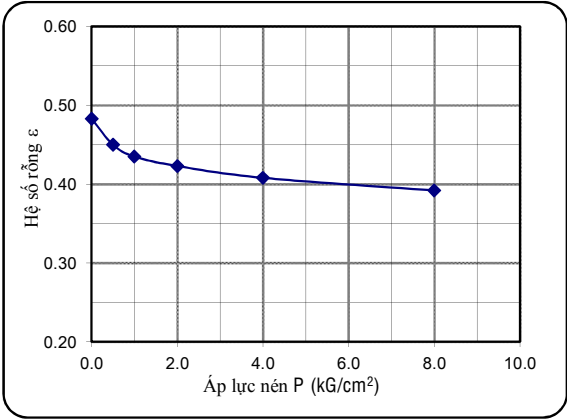
-Số hiệu máy: 10 -Chiều cao mẫu h_0 : 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa -Hệ số hiệu chỉnh: 1.007
 -Số đọc sau 24h: 143

P_n (kG/cm ²)	0.50	1.00	2.00	4.00	8.00
Δh_n (0.01mm)	50.1	71.2	91.2	115.0	142.0
Δh_m (0.01mm)	6.0	7.0	11.0	15.0	19.5
Δe_n	0.033	0.048	0.060	0.075	0.091
e_n	0.483	0.450	0.435	0.423	0.408
a (cm ² /kG)	0.066	0.030	0.012	0.008	0.004
E_o (kG/cm ²)	22.5	48.3	119.6	189.7	352.0

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

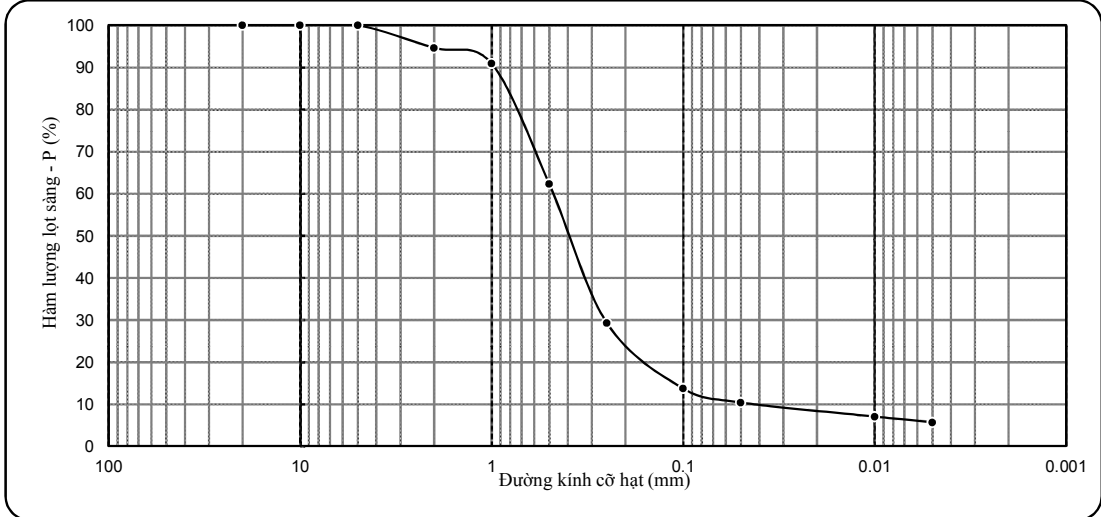
Áp lực nén, P_n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t_{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.462$ $\phi = 24^{\circ}48'$ $C = 0.065$ (kG/cm ²)
1.00	34.5	0.539	
2.00	61.6	0.963	
3.00	93.6	1.463	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 118.9 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)			6.4	4.5	34.0	39.3	18.5			
Cấp hạt	SÔI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)			5.4	3.7	28.5	33.1	15.5	3.3	3.4	1.4	5.7
P hạt tích lũy lọt sàng(%)			100.0	94.6	90.9	62.3	29.3	13.7	10.4	7.0	5.7



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK12-11 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 22.8 - 23.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Sét, màu xám nâu - xám xanh, trạng thái nửa cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W _L	W _p	I _p	B
Mẫu nguyên dạng	21.04	2.06	1.70	94	2.74	42.7	20.2	22.5	0.04

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

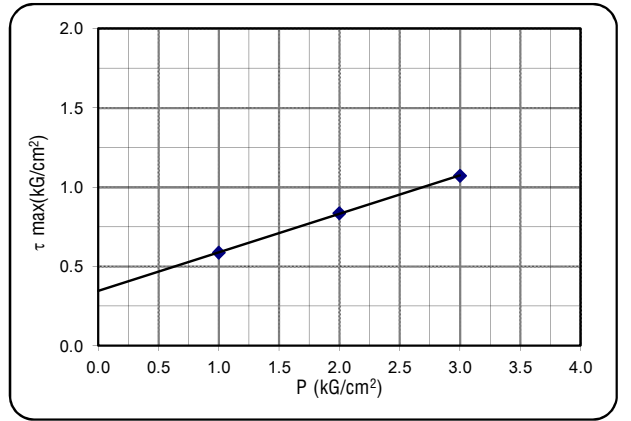
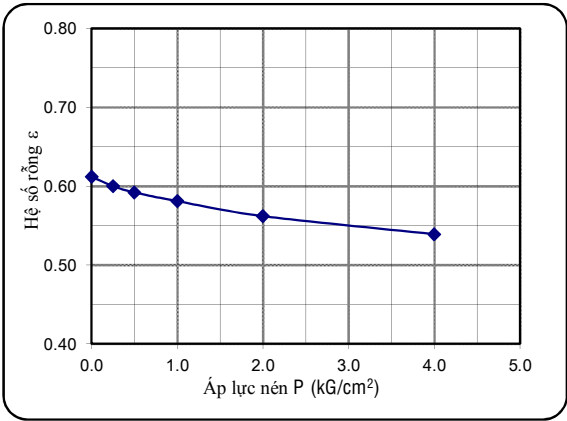
-Số hiệu máy: 11 - Chiều cao mẫu h₀: 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.019
 -Số đọc sau 24h: 107

P _n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	20.0	30.5	45.0	73.0	105.0
Δh_m (0.01mm)	5.0	6.5	7.0	12.0	16.0
Δe_n	0.012	0.020	0.031	0.050	0.073
e _n	0.612	0.600	0.592	0.581	0.562
a (cm ² /kG)	0.048	0.032	0.022	0.019	0.012
E _i (kG/cm ²)	33.6	50.0	72.4	83.2	135.8

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

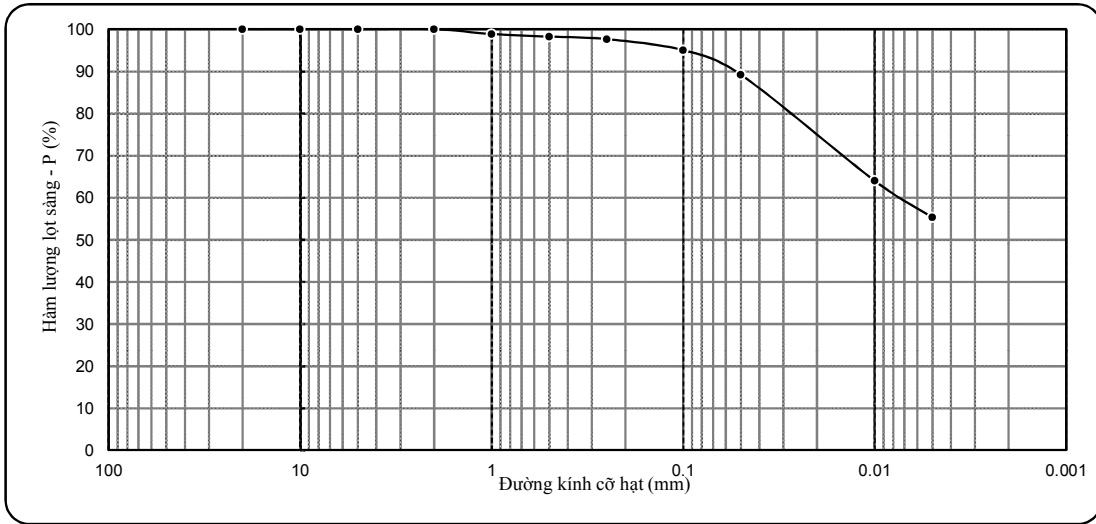
Áp lực nén, P _n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	US cắt t _{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.243$ $\phi = 13^{\circ}39'$ $C = 0.345 \text{ (kG/cm}^2\text{)}$
1.00	37.5	0.586	
2.00	53.5	0.836	
3.00	68.6	1.072	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 33.7 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)				0.4	0.2	0.2	0.9			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT			BỤI			SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)				1.2	0.6	0.6	2.6	5.8	25.2	8.7	55.3
P hạt tích lũy lọt sàng (%)				100.0	98.8	98.2	97.6	95.0	89.2	64.0	55.3



KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM ĐẤT

- Công trình: DỰ ÁN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NEW MOTION (ĐỊA ĐIỂM 3+4)
 - Tên mẫu: HK12-12 - Người TN: Giang + Hạnh + Huệ
 - Độ sâu: 24.8 - 25.0 m - Người Tính + Vẽ: Phóng Vành
 - Mô tả đất: Sét, màu xám nâu - xám xanh, trạng thái nửa cứng

Tính chất cơ lý	W	γ	γ_k	G	Δ	W _L	W _p	I _p	B
Mẫu nguyên dạng	14.78	2.09	1.82	80	2.74	38.0	14.3	23.7	0.02

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM NÉN LÚN

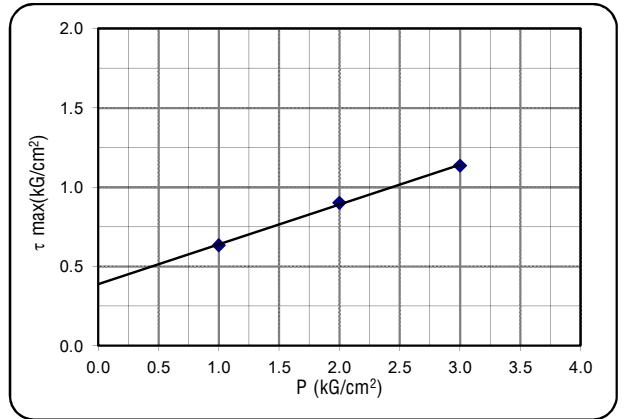
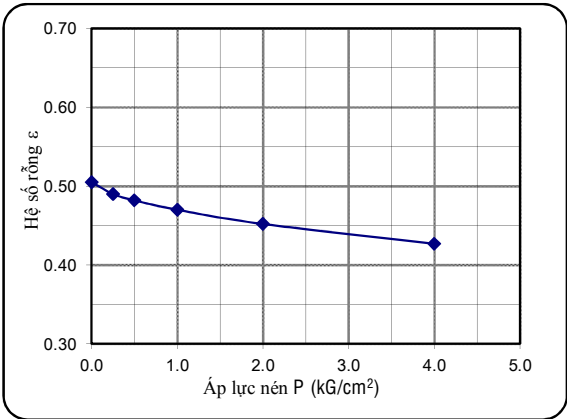
-Số hiệu máy: 12 - Chiều cao mẫu h₀: 20mm
 -Kiểu nén: Nén mẫu bão hòa - Hệ số hiệu chỉnh: 1.017
 -Số đọc sau 24h: 118

P _n (kG/cm ²)	0.25	0.50	1.00	2.00	4.00
Δh_n (0.01mm)	22.5	34.5	51.5	78.5	116.0
Δh_m (0.01mm)	3.5	5.0	5.5	9.0	13.5
Δe_n	0.015	0.023	0.035	0.053	0.078
e _n	0.505	0.490	0.482	0.470	0.452
a (cm ² /kG)	0.060	0.032	0.024	0.018	0.013
E _i (kG/cm ²)	25.1	46.6	61.7	81.7	116.2

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CẮT PHẪNG

-Kiểu cắt: Ứng biến
 -Phương pháp cắt: Cắt nhanh không thoát nước
 -Hệ số vòng ứng biến: 0.01563

Áp lực nén, P _n (kG/cm ²)	Số đọc (vạch)	U _S cắt t _{max} (kG/cm ²)	$\tan \phi = 0.251$ $\phi = 14^{\circ}05'$ $C = 0.388 \text{ (kG/cm}^2\text{)}$
1.00	40.5	0.633	
2.00	57.6	0.900	
3.00	72.6	1.135	



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THÀNH PHẦN HẠT

- Khối lượng đất dùng TN: 35.4 (g) - Nhiệt độ TN: 30.0 (oC)

* Phân phân tích bằng rây (>0.5mm)	-Đường kính mắt sàng(mm)	10.0	5.0	2.0	1.0	0.5	0.25	0.1			
	-Khối lượng trên từng sàng (g)							0.3			
Cấp hạt	SỎI SẠN	CÁT				BỤI		SÉT			
Đ/k cỡ hạt (mm)	> 10	10-5	5-2	2-1	1-0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1-0.05	0.05-0.01	0.01-0.005	<0.005
P cỡ hạt trên sàng (%)						0.8	30.3	19.4	9.1	40.4	
P hạt tích lũy lọt sàng(%)						100.0	99.2	69.0	49.6	40.4	

